

TÀI LIỆU MÔ TẢ ĐẦU HÀM TÍCH HỢP HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Phiên bản tài liệu	1.1
--------------------	-----

Mục Lục

1. QUY ĐỊNH VÀ CHUẨN CHUNG	8
1.1. Chuẩn định dạng dữ liệu trả về.....	8
1.2. Base64 format.....	8
1.3. Errors.....	8
2. Danh sách các hàm tích hợp	9
2.1. Nhóm các hàm webservice tạo lập và phát hành hóa đơn (PublishService)	9
2.1.1. Phát hành hóa đơn.....	9
2.1.2. Phát hành hóa đơn theo số hóa đơn truyền vào.....	14
2.1.3. Phát hành hóa đơn theo danh sách fkey truyền vào	18
2.1.4. Phát hành hóa đơn theo khoảng thời gian (publishdate).....	19
2.1.5. Lấy giá trị Hash cho phát hành hóa đơn token (bước 1)	21
2.1.6. Phát hành hóa đơn sử dụng token (bước 2).....	23
2.1.7. Thay thế, điều chỉnh hóa đơn sử dụng token	24
2.1.8. Thêm mới hóa đơn theo mẫu số, ký hiệu	27
2.1.9. Cập nhật dữ liệu khách hàng	31
2.1.10. Xóa hóa đơn chưa phát hành theo danh sách fkey	32
2.1.11. Thêm mới hóa đơn.....	33
2.1.12. Gửi lại email thông báo hóa đơn phát hành	36
2.1.13. Lấy thông tin chứng thư số hiện tại của đơn vị	38
2.1.14. Cập nhật loại hình ký số và chứng thư số	38
2.1.15. Xóa chứng thư số	39
2.1.16. Danh sách chứng thư số của đơn vị.....	40
2.1.17. Thay đổi mật khẩu.....	41
2.2. Nhóm các hàm webservice liên quan đến tra cứu hóa đơn (PortalService)	41
2.2.1. Download hóa đơn	41
2.2.2. Download hóa đơn với cả các hóa đơn chưa thanh toán.....	42
2.2.3. Download hóa đơn theo Fkey.....	43
2.2.4. Download hóa đơn theo fkey, không kiểm tra trạng thái thanh toán.....	44
2.2.5. Download hóa đơn mới tạo theo Fkey định dạng Pdf.....	45
2.2.6. Download hóa đơn định dạng Pdf	46
2.2.7. Download hóa đơn định dạng Pdf, không kiểm tra trạng thái thanh toán.....	47
2.2.8. Lấy danh sách hóa đơn từ số, đến số	48

2.2.9.	Tìm kiếm hóa đơn theo khách hàng	49
2.2.10.	Tìm kiếm hóa đơn theo fkey	50
2.2.11.	Lấy thông tin chi tiết hóa đơn	52
2.2.12.	Lấy thông tin chi tiết hóa đơn, không kiểm tra trạng thái thanh toán	53
2.2.13.	Lấy thông tin chi tiết hóa đơn theo fkey.....	54
2.2.14.	Lấy thông tin chi tiết hóa đơn tạo mới theo fkey	54
2.2.15.	Lấy thông tin chi tiết của hóa đơn theo fkey, không kiểm tra trạng thái thanh toán.....	55
2.2.16.	Chuyển đổi hóa đơn chứng minh nguồn gốc, xuất xứ.....	56
2.2.17.	Chuyển đổi hóa đơn chứng minh nguồn gốc, xuất xứ theo fkey.....	57
2.2.18.	Chuyển đổi lưu trữ hóa đơn	58
2.2.19.	Lấy thông tin khách hàng	59
2.2.20.	Chuyển đổi lưu trữ hóa đơn theo Fkey.....	60
2.2.21.	Download hóa đơn lỗi gửi thuế theo Fkey	61
2.2.22.	Download hóa đơn lỗi gửi cơ quan thuế định dạng Pdf theo token	61
2.2.23.	Download hóa đơn lỗi gửi cơ quan thuế định dạng HTML.....	62
2.2.24.	Download hóa đơn lỗi gửi thuế định dạng Pdf theo Fkey	63
2.2.25.	Download hóa đơn lỗi gửi cơ quan thuế theo invtoken.....	64
2.2.26.	Download hóa đơn lỗi gửi cơ quan thuế với cả các hóa đơn chưa thanh toán theo invtoken	65
2.2.27.	Download hóa đơn lỗi gửi thuế định dạng Pdf, không kiểm tra trạng thái thanh toán theo fkey	66
2.2.28.	Download hóa đơn lỗi gửi thuế định dạng Pdf, không kiểm tra trạng thái thanh toán theo Token	66
2.2.29.	Lấy danh sách hóa đơn từ ngày đến ngày theo mẫu số, ký hiệu.....	67
2.2.30.	Download file .zip hóa đơn theo Fkey	68
2.2.31.	Download file .zip hóa đơn theo Token.....	69
2.3.	Nhóm các hàm webservice xử lý hóa đơn (BussinessService).....	70
2.3.1.	Gạch nợ hóa đơn theo fkey	70
2.3.2.	Gạch nợ hóa đơn.....	71
2.3.3.	Bỏ gạch nợ hóa đơn theo fkey.....	72
2.3.4.	Bỏ gạch nợ hóa đơn	73
2.3.5.	Điều chỉnh hóa đơn.....	73
2.3.6.	Điều chỉnh hóa đơn theo số hóa đơn truyền vào	77
2.3.7.	Html xem trước khi điều chỉnh hóa đơn.....	81
2.3.8.	Hủy hóa đơn theo fkey.....	86
2.3.9.	Thay thế hóa đơn	86

2.3.10.	Thay thế hóa đơn theo số hóa đơn truyền vào	90
2.3.11.	Html xem trước khi thay thế hóa đơn	94
2.3.12.	Hủy hóa đơn theo fkey.....	97
2.3.13.	Hủy hóa đơn không check trạng thái thanh toán	98
2.3.14.	Gạch nợ hóa đơn theo fkey	99
2.3.15.	Phân phối hóa đơn.....	100
2.3.16.	Đính kèm file bảng kê cho hóa đơn theo số hóa đơn.....	100
2.3.17.	Download file bảng kê của hóa đơn theo Fkey.....	101
2.3.18.	Điều chỉnh nhiều hóa đơn.....	102
2.3.19.	Khôi phục hóa đơn đã hủy Fkey.....	103
2.3.20.	Khôi phục hóa đơn đã hủy Token	104
2.3.21.	Khôi phục hóa đơn bị thay thế bằng FKey	105
2.3.22.	Khôi phục hóa đơn bị thay thế bằng Token.....	106
3.	Danh sách các hàm tích hợp thông tư 78	108
3.1.	Nhóm các hàm webservice tạo lập và phát hành hóa đơn (PublishService).....	108
3.1.1.	Phát hành hóa đơn.....	108
3.1.2.	Phát hành hóa đơn theo số hóa đơn truyền vào.....	112
3.1.3.	Thêm mới hóa đơn.....	116
3.1.4.	Thêm mới hóa đơn theo mẫu số, ký hiệu	120
3.1.5.	Lấy nội dung XMLData Hóa đơn có mã CQT trả về	124
3.1.6.	Lấy trạng thái và XMLData hóa đơn có mã, trạng thái của hóa đơn không mã gửi CQT trả về theo danh sách invToken	125
3.1.7.	Lấy trạng thái và XMLData hóa đơn có mã, trạng thái của hóa đơn không mã gửi CQT trả về theo danh sách Fkey.....	126
3.1.8.	Lấy trạng thái hóa đơn có mã, hóa đơn không mã gửi CQT trả về theo danh sách invToken 128	
3.1.9.	Lấy trạng thái hóa đơn có mã, hóa đơn không mã gửi CQT trả về theo danh sách Fkey .	129
3.1.10.	Gửi thông điệp hóa đơn điện tử có sai sót.	130
3.1.11.	Lấy giá trị Hash cho gửi thông điệp hóa đơn có sai sót bằng token (bước 1).....	132
3.1.12.	Gửi thông điệp hóa đơn điện tử có sai sót sử dụng token (bước 2)	134
3.1.13.	Lấy giá trị Hash cho gửi thông điệp hóa đơn có sai sót bằng SmartCA (bước 1).....	136
3.1.14.	Gửi thông điệp hóa đơn điện tử có sai sót sử dụng SmartCA (bước 2)	138
3.1.15.	Nhận kết quả thông điệp hóa đơn sai sót.....	139
3.1.16.	Xử lý kết quả thông điệp hóa đơn sai sót	140
3.1.17.	Lấy danh sách lịch sử truyền nhận CQT theo tham số truyền vào và phân trang	141
3.1.18.	Xem chi tiết bản ghi trong lịch sử truyền nhận.....	144

3.1.19.	Xem chi tiết step CQT trả về	144
3.1.20.	Nhận kết quả lịch sự truyền nhận.....	145
3.1.21.	Đăng ký tờ khai DK01	146
3.1.22.	Lấy kết quả tờ khai DK01	146
3.1.23.	Đăng ký dải số	147
3.1.24.	Hủy dải số.....	148
3.1.25.	Lấy giá trị Hash cho phát hành hóa đơn SmartCa (bước 1)	148
3.1.26.	Phát hành hóa đơn sử dụng SmartCA (bước 2)	150
3.1.27.	In thông báo hóa đơn sai sót	152
3.1.28.	Xóa thông báo phát hành.....	153
3.2.	Nhóm các hàm webservice xử lý hóa đơn (BussinessService).....	153
3.2.1.	Điều chỉnh hóa đơn theo số hóa đơn truyền vào	153
3.2.2.	Html xem trước khi điều chỉnh hóa đơn.....	157
3.2.3.	Thay thế hóa đơn theo số hóa đơn truyền vào	161
3.2.4.	Html xem trước khi thay thế hóa đơn	165
3.2.5.	Thay thế hóa đơn giữ số khác mẫu số	168
3.2.6.	Thay thế hóa đơn theo fkey, pattern, serial truyền vào	172
3.2.7.	Điều chỉnh hóa đơn theo fkey, pattern, serial truyền vào.....	176
3.2.8.	Điều chỉnh hóa đơn cũ (hóa đơn không tồn tại trên hệ thống).....	180
3.2.9.	Thay thế hóa đơn cũ (hóa đơn không tồn tại trên hệ thống)	184
3.2.10.	Điều chỉnh hóa đơn không phát sinh hóa đơn mới	188
3.2.11.	lấy giá trị Hash cho điều chỉnh thay thế hóa đơn cũ token Smart CA(Bước 1).....	189
3.2.12.	Gửi điều chỉnh, thay thế hóa đơn cũ sử dụng token smart CA (Bước 2).....	191
3.2.13.	Lấy giá trị Hash cho điều chỉnh thay thế không tồn tại hóa đơn cũ với Smart CA(Bước 1) 193	
3.2.14.	Gửi điều chỉnh, thay thế không tồn tại hóa đơn cũ với smart CA (Bước 2).....	195
3.2.15.	Lấy giá trị Hash cho điều chỉnh thay thế không tồn tại hóa đơn cũ với Token(Bước 1) ..	197
3.2.16.	Gửi điều chỉnh, thay thế không tồn tại hóa đơn cũ với Token (Bước 2)	199
3.2.17.	Thay thế, điều chỉnh hóa đơn sử dụng SmartCa (bước 2)	201
3.2.18.	Lấy thông tin config.....	203
4.	Danh sách các hàm tích chứng từ khấu trừ thu nhập cá nhân	205
4.1.	Nhóm các hàm webservice tạo lập và phát hành chứng từ(PublishServe)	205
4.1.1.	Phát hành chứng từ (HSM)	205
4.1.2.	Lấy giá trị Hash cho phát hành chứng từ sử dụng token(bước 1)	208
4.1.3.	Gửi phát hành chứng từ sử dụng token(bước 2).....	210

4.1.4.	Lấy giá trị Hash cho phát hành chứng từ sử dụng smartCA(bước 1).....	211
4.1.5.	Gửi phát hành chứng từ sử dụng smartCA(bước 2)	213
4.1.6.	Đăng ký tờ khai DK01 chứng từ	215
4.1.7.	Thêm mới chứng từ theo mẫu số, ký hiệu.....	217
4.2.	Nhóm các hàm webserive phát hành thay thế chứng từ(BusinessService)	220
4.2.1.	Thay thế chứng từ (HSM).....	220
4.2.2.	Lấy giá trị Hash thay thế chứng từ sử dụng token(buoc 1).....	222
4.2.3.	Gửi thay thế chứng từ sử dụng token(bước 2).....	224
4.2.4.	Lấy giá trị Hash thay thế chứng từ sử dụng smartCA(bước 1).....	226
4.2.5.	Gửi thay thế chứng từ sử dụng smartCA(bước 2)	228
4.3.	Hủy chứng từ	230
4.4.	Download chứng từ	241
4.4.1.	Download chứng từ token	241
4.4.2.	Download chứng từ Fkey	242
5.	Máy tính tiền.....	243
5.1.	Nhóm các hàm webservice tạo lập và phát hành hóa đơn máy tính tiền(publishService.asmx) 252	
5.1.1.	Tạo mới và phát hành hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền	252
5.1.2.	Gửi hóa đơn sai sót đối với máy tính tiền.....	265
5.1.3.	Lấy giá trị hash cho NNT gửi thông điệp hóa đơn có sai sót bằng token (bước 1)	267
5.1.4.	Gửi thông báo sai sót bằng token (bước 2)	268
5.1.5.	Lấy giá trị cho NNT gửi thông điệp hóa đơn có sai sót bằng SmartCA (bước 1).....	269
5.1.6.	Gửi thông báo sai sót bằng smartCA (bước 2).....	271
5.2.	Nhóm các hàm webservice xử lý hóa đơn máy tính tiền điều chỉnh thay thế (businessService.asmx)	272
5.2.1.	Gửi hóa đơn máy tính tiền theo fkey bằng chứng thư P12 & HSM.....	272
5.2.2.	Điều chỉnh hóa đơn máy tính tiền	274
5.2.3.	Thay thế hóa đơn máy tính tiền.....	279
5.2.4.	Điều chỉnh hóa đơn máy tính tiền không tồn tại trên hệ thống(hóa đơn không tồn tại trên hệ thống)284	
5.2.5.	Thay thế hóa đơn máy tính tiền cũ (không xác định hóa đơn gốc)	290
5.3.	Gửi hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền đến cơ quan thuế (businessService.asmx)	296
5.3.1.	Lấy giá trị hash cho NNT gửi hóa đơn lên CQT sử dụng token(bước 1).....	296
5.3.2.	Gửi hóa đơn máy tính tiền theo danh sách fkey sử dụng token (bước 2).....	297
5.3.3.	Lấy giá trị hash hóa đơn máy tính tiền theo danh sách fkey sử dụng smartCA (bước 1) 298	
5.3.4.	Gửi hóa đơn máy tính tiền theo danh sách fkey sử dụng smartCA (bước 2)	300

5.3.5.	Gửi hóa đơn máy tính tiền theo danh sách từ số đến số	301
5.3.6.	Lấy giá trị hash hóa đơn máy tính tiền theo danh sách từ số đến số sử dụng token (bước 1)	302
5.3.7.	Gửi hóa đơn máy tính tiền theo danh sách từ số đến số sử dụng token (bước 2)	303
5.3.8.	Lấy giá trị hash hóa đơn máy tính tiền theo danh sách từ số đến số sử dụng smartCA (bước 1)	304
5.3.9.	Gửi hóa đơn máy tính tiền theo danh sách từ số đến số sử dụng smartCA (bước 2)	305
5.3.10.	Gửi hóa đơn máy tính tiền theo danh sách invtoken sử dụng HSM & P12	306
5.3.11.	Lấy giá trị hash hóa đơn máy tính tiền theo danh sách invtoken sử dụng token(bước 1)	308
5.3.12.	Gửi hóa đơn máy tính tiền theo danh sách invtoken sử dụng token (bước 2)	309
5.3.13.	Lấy giá trị hash hóa đơn máy tính tiền theo danh sách invtoken sử dụng smartCA (bước 1)	310
5.3.14.	Gửi hóa đơn máy tính tiền theo danh sách invtoken sử dụng smartCA (bước 2)	312
5.4.	Lấy kết quả mã cơ quan thuế	313
5.4.1.	Lấy trạng thái và XMLData hóa đơn có mã, trạng thái của hóa đơn không mã gửi CQT trả về từ số - đến số	313
5.4.2.	Lấy trạng thái và XMLData hóa đơn có mã, trạng thái của hóa đơn không mã gửi CQT trả về theo danh sách Fkey	314
5.4.3.	Lấy trạng thái hóa đơn có mã, hóa đơn không mã gửi CQT trả về theo danh sách invToken	316
5.4.4.	Lấy trạng thái hóa đơn có mã, hóa đơn không mã gửi CQT trả về theo danh sách Fkey.	317

1. QUY ĐỊNH VÀ CHUẨN CHUNG

1.1. Chuẩn định dạng dữ liệu trả về

Dữ liệu message được trao đổi qua Web Service theo định dạng XML.

1.2. Base64 format

Một dạng khác để truyền dữ liệu binary dưới dạng text là dạng Base64 Encoding.

<http://en.wikipedia.org/wiki/Base64>

1.3. Errors

Các lỗi trả về theo bảng mô tả mã lỗi tương ứng mỗi đầu hàm.

2. DANH SÁCH CÁC HÀM TÍCH HỢP

2.1. Nhóm các hàm webservice tạo lập và phát hành hóa đơn (*PublishService*)

Mô tả: các đầu hàm web service nằm trong PublishService.asmx, thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến tạo lập, phát hành và xử lý hóa đơn

2.1.1. Phát hành hóa đơn

URL

String **ImportAndPublishInv**(string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string password, string pattern = "", string serial = "", int convert = 0).

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép phát hành hóa đơn với dữ liệu XML của khách hàng, tối đa cho 5000 hóa đơn.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** Chuỗi XML dữ liệu hóa đơn (theo cấu trúc mô tả)
- **pattern:** Mẫu số hóa đơn
- **serial:** Ký hiệu hóa đơn
- **convert:** Mặc định là 0 (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode / 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm khách hàng	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	Hệ thống sẽ trả về lỗi nếu 1 hóa đơn trong chuỗi XML

		đầu vào không hợp lệ, cả lô hóa đơn sẽ không được phát hành.
ERR:7	Thông tin về Username/pass không hợp lệ	
ERR:20	Pattern và Serial không phù hợp, hoặc không tồn tại hóa đơn đã đăng kí có sử dụng Pattern và Serial truyền vào.	
ERR:5	Không phát hành được hóa đơn	Lỗi không xác định, kiểm tra exception trả về (DB roll back)
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng cho phép	
ERR:6	Dải hóa đơn không đủ số hóa đơn cho lô phát hành	
ERR:13	Lỗi trùng fkey	1 hoặc nhiều hóa đơn trong lô hóa đơn có Fkey trùng với Fkey của hóa đơn đã phát hành
ERR:21	Lỗi trùng số hóa đơn	
ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	
ERR:30	Danh sách hóa đơn tồn tại ngày hóa đơn nhỏ hơn ngày hóa đơn đã phát hành	
ERR:35	Công ty đăng ký DK01 cả có mã, không mã. Tạo cả ký hiệu cả 2 dải có mã và không mã sẽ yêu cầu bắt buộc truyền pattern, serial	
OK:pattern;serial1-key1_num1,key2_num12, ...)	OK → đã phát hành hóa đơn thành công Pattern → Mẫu số của các hóa đơn đã phát hành	Các hóa đơn có

(Ví dụ: OK:01GTKT3/001;AA/12E- key1_1,key2_2, key3_3,key4_4,key5_5)	Serial1 → serial của dãy các hóa đơn phát hành num1, num2... là các số hóa đơn key1,key2... là khóa để nhận biết hóa đơn phát hành cho khách hàng nào(lấy từ đầu vào)	serial khác nhau phân cách bởi dấu “;” Các số hóa đơn phân cách bởi “,”
--	--	---

Cấu trúc xmlInvData:

```

<Invoices>
  <Inv>
    <key>Giá trị khóa để phân biệt hóa đơn xuất cho khách hàng
    nào</key>
    <MCCQT>Mã cơ quan thuế tự sinh theo quy tắc</MCCQT>
    <Invoice>
      <CusCode>Mã khách hàng*</CusCode>
      <CusName>Tên khách hàng*</CusName>
      <CusAddress>Địa chỉ khách hàng*</CusAddress>
      <CusPhone>Điện thoại khách hàng</CusPhone>
      <CusTaxCode>Mã số thuế KH (Bắt buộc với KH là Doanh
      nghiệp)</CusTaxCode>
      <PaymentMethod>Phương thức thanh toán*</PaymentMethod>
      <KindOfService>Tháng hóa đơn</KindOfService>
      <Products>
        <Product>
          <ProdName>Tên sản phẩm*</ProdName>
          <ProdUnit>Đơn vị tính</ProdUnit>
          <ProdQuantity>Số lượng</ProdQuantity>
          <ProdPrice>Đơn giá</ProdPrice>
          <Amount>Tổng tiền sau thuế*</Amount>
          <Remark>Remark</Remark>
          <Total>Tổng tiền trước thuế*</Total>
          <VATRate>Thuế GTGT*</VATRate>
          <VATAmount>Tổng tiền thuế*</VATAmount>
          <Extra1>Mở rộng 1</Extra1>
          <Extra2>Mở rộng 2</Extra2>
          <Discount>Tỷ lệ chiết khấu</Discount>
          <DiscountAmount>Tổng tiền chiết
          khấu</DiscountAmount>
          <DiscountNonTax>Tổng tiền giảm trừ không chịu
          thuế</DiscountNonTax>
          <IsSum> Tính chất * (0-Hàng hóa, dịch vụ; 1-
          Khuyến mại; 2-Chiết khấu thương mại (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin
          chiết khấu theo dòng); 4-Ghi chú/diễn giải; 5- hàng hóa đặc trưng</IsSum>
          <LHHDTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận các
          giá trị: 1- Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ
          vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT</LHHDTrung>
          <SKhung>Số khung</SKhung>
          <SMay>Số máy</SMay>
          <BKSPTVChuyen>Biển kiểm soát phương tiện vận
          chuyển</BKSPTVChuyen>

```

```

<TNGHang> Tên người gửi hàng</TNGHang>
<DCNGHang>Địa chỉ người gửi</DCNGHang>
<MSTNGHang>MST người gửi hàng</MSTNGHang>
<MDDNGHang>Số định danh người gửi
hàng</MDDNGHang>
<Extra> thẻ mở rộng</Extra>
<TLTThue> Tỷ lệ tính thuế(Chỉ sử dụng cho hóa
đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc
hội)</TLTThue>
<STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa
đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc
hội)</STGThue>
</Product>
</Products>
<Total>Tổng tiền trước thuế*</Total>
<DiscountAmount>Tiền giảm trừ</DiscountAmount>
<VATRate>Thuế GTGT*</VATRate>
<VATAmount>Tiền thuế GTGT*</VATAmount>
<Amount>Tổng tiền*</Amount>
<AmountInWords>Số tiền viết bằng chữ*</AmountInWords>
<Extra>Trường mở rộng</Extra>
<ArisingDate>Ngày dịch vụ</ArisingDate>
<PaymentStatus>Trạng thái thanh toán</PaymentStatus>
<EmailDeliver>EmailDeliver</EmailDeliver>
<ComFax>Company Fax</ComFax>
<ResourceCode>ResourceCode</ResourceCode>
<GrossValue> GrossValue </GrossValue>
<GrossValue0> GrossValue0</GrossValue0>
<VatAmount0> VatAmount0</VatAmount0>
<GrossValue5> GrossValue5</GrossValue5>
<VatAmount5> VatAmount5</VatAmount5>
<GrossValue10> GrossValue10</GrossValue10>
<VatAmount10> VatAmount10</VatAmount10>
<Buyer>Tên đơn vị mua hàng</Buyer>
<ComPhone>Điện thoại công ty</ComPhone>
<ComBankName>Tên ngân hàng</ComBankName>
<ComBankNo>Số tài khoản ngân hàng</ComBankNo>
<DiscountRate>Chiết khấu</DiscountRate>
<GrossValue_NonTax/>
<CurrencyUnit>Đơn vị tiền tệ</CurrencyUnit>
<ExchangeRate>Tỷ giá</ExchangeRate>
<ConvertedAmount>Tổng tiền quy đổi</ConvertedAmount>
<Extra1>Extra1</Extra1>
<Extra2>Extra2</Extra2>
<SMSDeliver>SMSDeliver</SMSDeliver>
<LDDNBo>LDDNBO</LDDNBo>
<HDSO>HDSO</HDSO>
<HVTNXHang>HVTNXHANG</HVTNXHang>
<TNVChuyen>TNVCHUYEN</TNVChuyen>
<PTVChuyen>PTVCHUYEN</PTVChuyen>
<HDKTSO>HDKTSO</HDKTSO>
<HDKTNgay>HDKTNgay</HDKTNgay>
<DiscountNonTax>Giảm trừ không chịu thuế</DiscountNonTax>
<DiscountOther>Giảm trừ khác</DiscountOther>
<HDCTTChinh>Hoá đơn cho thuê tài chính (Hóa đơn đối với
hoạt động cho thuê tài chính) Số (1: Hóa đơn dành cho hoạt động

```

```

thuê tài chính, 0: Hóa đơn không dành cho hoạt động cho thuê tài
chính)</HDCTTChinh>
<HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe
ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng
số, TMĐT). Nếu không truyền mặc định là 0- hóa đơn thường </HDDThu>
<ComEmail>Email người bán</ComEmail>
<ComFax>Fax người bán</ComFax>
<ComWebsite>Website người bán</ComWebsite>
<MCHang>Mã của hàng người bán</MCHang>
<TCHang>Tên của hàng người bán</TCHang>
<MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người
mua</MDVQHNSach>
<SHChieu>Số hộ chiếu người mua</SHChieu>
<CCCDan>Căn cước công dân người mua</CCCDan>
<NCHChieu>Ngày cấp hộ chiếu người mua</NCHChieu>
<NHHHChieu>Ngày hết hạn hộ chiếu người mua</NHHHChieu>
<QTich>Quốc tịch người mua</QTich>
<TgTPhiSThuc>Tổng tiền phí </TgTPhiSThuc>
<TCHDon>Tính chất hóa đơn: Nhận giá trị = 5 đối với hóa đơn
chiết khấu thương mại</TCHDon>
<GiamThueGTGT> Giảm thuế GTGT (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán
hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội. Nhận giá trị
1/0) </GiamThueGTGT>
<SBKe>Số bảng kê (Bắt buộc đối với TCHDon = 5) </SBKe>
<NBKe>Ngày bảng kê (Bắt buộc đối với TCHDon = 5) </NBKe>
</Invoice>
</Inv>
</Invoices>

```

Quy tắc sinh mã cơ quan thuế:

- Mã của cơ quan thuế trên hóa đơn điện tử là một chuỗi 34 ký tự do hệ thống của cơ quan thuế hoặc hệ thống của đơn vị do cơ quan thuế ủy quyền tạo ra duy nhất cho từng hóa đơn điện tử.
- Mã của cơ quan thuế trên hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền là dài ký tự bao gồm 23 ký tự có cấu trúc như sau:

C₁C₂C₃C₄C₅C₆C₇C₈C₉C₁₀C₁₁C₁₂C₁₃C₁₄C₁₅C₁₆C₁₇C₁₈C₁₉C₂₀

Trong đó:

- + Một ký tự đầu C₁: là chữ cái M cố định để thể hiện dấu hiệu nhận biết hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 78/2021/TT-BTC.
- + Một ký tự C₂: là ký hiệu được gán cố định để thể hiện loại hóa đơn điện tử từ 1 đến 6 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 78/2021/TT-BTC.
- + Hai ký tự C₃C₄: là 02 số cuối của năm phát hành hóa đơn được sinh tự động từ phần mềm bán hàng của NNT.
- + Năm ký tự C₅C₆C₇C₈C₉: là một chuỗi 05 ký tự do CQT cấp theo hình thức tự sinh từ hệ thống HĐĐT của CQT đảm bảo tính duy nhất.
- + Mười một ký tự C₁₀C₁₁C₁₂C₁₃C₁₄C₁₅C₁₆C₁₇C₁₈C₁₉C₂₀: là chuỗi 11 số tăng liên tục được tự sinh từ phần mềm bán hàng.

+ **C₁₀ có giá trị là 9.(Quy định các phần mềm tự sinh mã tích hợp với HDDT VNPT)**

+ Dấu gạch ngang (-): là ký tự để phân tách các nhóm ký tự thể hiện loại hóa đơn, năm phát hành hóa đơn tự sinh từ phần mềm bán hàng, ký tự do CQT cấp, chuỗi số tăng liên tục tự sinh từ phần mềm bán hàng.

2.1.2. Phát hành hóa đơn theo số hóa đơn truyền vào

URL

String **ImportAndPublishAssignedNo**(string Account, string ACPass, string xmlInvData, string username, string password, string pattern = "", string serial = "", int convert = 0).

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép phát hành hóa đơn với dữ liệu XML của khách hàng cho phép truyền số hóa đơn khi phát hành, tối đa cho 5000 hóa đơn.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** Chuỗi XML dữ liệu hóa đơn (theo cấu trúc mô tả)
- **pattern:** Mẫu số hóa đơn
- **serial:** Ký hiệu hóa đơn
- **convert:** Mặc định là 0 (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode / 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm khách hàng	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	Hệ thống sẽ trả về lỗi nếu 1 hóa đơn trong

		chuỗi XML đầu vào không hợp lệ, cả lô hóa đơn sẽ không được phát hành.
ERR:7	Thông tin về Username/pass không hợp lệ	
ERR:20	Pattern và Serial không phù hợp, hoặc không tồn tại hóa đơn đã đăng kí có sử dụng Pattern và Serial truyền vào.	
ERR:5	Không phát hành được hóa đơn	Lỗi không xác định, kiểm tra exception trả về (DB roll back)
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng cho phép	
ERR:6	Dải hóa đơn không đủ số hóa đơn cho lô phát hành	
ERR:13	Lỗi trùng fkey	1 hoặc nhiều hóa đơn trong lô hóa đơn có Fkey trùng với Fkey của hóa đơn đã phát hành
ERR:21	Lỗi trùng số hóa đơn	
ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	
ERR:30	Danh sách hóa đơn tồn tại ngày hóa đơn nhỏ hơn ngày hóa đơn đã phát hành	
ERR:31	Số hóa đơn truyền vào không hợp lệ	
ERR:35	Công ty đăng ký DK01 cả có mã, không mã. Tạo cả ký hiệu cả 2 dải có mã và không mã sẽ yêu cầu bắt buộc truyền pattern, serial	

OK:pattern;serial1-key1_num1,key2_num12, ...) (Ví dụ: OK:01GTKT3/001;AA/12E-key1_1,key2_2, key3_3,key4_4,key5_5)	OK → đã phát hành hóa đơn thành công Pattern → Mẫu số của các hóa đơn đã phát hành Serial1 → serial của dãy các hóa đơn phát hành num1, num2... là các số hóa đơn key1,key2... là khóa để nhận biết hóa đơn phát hành cho khách hàng nào(lấy từ đầu vào)	Các hóa đơn có serial khác nhau phân cách bởi dấu “;” Các số hóa đơn phân cách bởi “,”
---	--	---

Cấu trúc xmlInvData

```

<Invoices>
  <Inv>
    <key>Giá trị khóa để phân biệt hóa đơn xuất cho khách hàng nào</key>
    <Invoice>
      <InvoiceNo>Số hóa đơn*</InvoiceNo>
      <CusCode>Mã khách hàng*</CusCode>
      <CusName>Tên khách hàng*</CusName>
      <CusAddress>Địa chỉ khách hàng*</CusAddress>
      <CusPhone>Điện thoại khách hàng</CusPhone>
      <CusTaxCode>Mã số thuế KH (Bắt buộc với KH là Doanh
      nghiệp)</CusTaxCode>
      <PaymentMethod>Phương thức thanh toán*</PaymentMethod>
      <KindOfService>Tháng hóa đơn</KindOfService>
      <Products>
        <Product>
          <ProdName>Tên sản phẩm*</ProdName>
          <ProdUnit>Đơn vị tính</ProdUnit>
          <ProdQuantity>Số lượng</ProdQuantity>
          <ProdPrice>Đơn giá</ProdPrice>
          <Amount>Tổng tiền sau thuế*</Amount>
          <Remark>Remark</Remark>
          <Total>Tổng tiền trước thuế*</Total>
          <VATRate>Thuế GTGT*</VATRate>
          <VATAmount>Tổng tiền thuế*</VATAmount>
          <Extra1>Mở rộng 1</Extra1>
          <Extra2>Mở rộng 2</Extra2>
          <Discount>Tỷ lệ chiết khấu</Discount>
          <DiscountAmount>Tổng tiền chiết khấu</DiscountAmount>
          <DiscountNonTax>Tổng tiền giảm trừ không chịu
          thuế</DiscountNonTax>
          <IsSum> Tính chất * (0-Hàng hóa, dịch vụ; 1-Khuyến mại; 2-Chiết
          khấu thương mại (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo
          dòng); 4-Ghi chú/diễn giải; 5- hàng hóa đặc trưng</IsSum>
          <LHHDTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận các giá trị: 1- Hàng hóa
          là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên
          nền tảng số, TMĐT) </LHHDTrung>
          <SKhung>Số khung</SKhung>
          <SMay>Số máy</SMay>
          <BKSPTVChuyen>Biển kiểm soát phương tiện vận
          chuyển</BKSPTVChuyen>

```

```

<TNGHang> Tên người gửi hàng</TNGHang>
<DCNGHang>Địa chỉ người gửi </DCNGHang>
<MSTNGHang>MST người gửi hàng </MSTNGHang>
<MDDNGHang> Số định danh người gửi hàng</MDDNGHang>
<Extra> thẻ mở rộng</Extra>
<TLTThue> Tỷ lệ tính thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ
của Quốc hội)</TLTThue>
<STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo
NQ của Quốc hội)</STGThue>
</Product>
</Products>
<Total>Tổng tiền trước thuế*</Total>
<DiscountAmount>Tiền giảm trừ</DiscountAmount>
<VATRate>Thuế GTGT*</VATRate>
<VATAmount>Tiền thuế GTGT*</VATAmount>
<Amount>Tổng tiền*</Amount>
<AmountInWords>Số tiền viết bằng chữ*</AmountInWords>
<Extra>Trường mở rộng</Extra>
<ArisingDate>Ngày dịch vụ</ArisingDate>
<PaymentStatus>Trạng thái thanh toán</PaymentStatus>
<EmailDeliver>EmailDeliver</EmailDeliver>
<ComFax>Company Fax</ComFax>
<ResourceCode>ResourceCode</ResourceCode>
<GrossValue> GrossValue </GrossValue>
<GrossValue0> GrossValue0</GrossValue0>
<VatAmount0> VatAmount0</VatAmount0>
<GrossValue5> GrossValue5</GrossValue5>
<VatAmount5> VatAmount5</VatAmount5>
<GrossValue10> GrossValue10</GrossValue10>
<VatAmount10> VatAmount10</VatAmount10>
<Buyer>Tên đơn vị mua hàng</Buyer>
<ComPhone>Điện thoại công ty</ComPhone>
<ComBankName>Tên ngân hàng</ComBankName>
<ComBankNo>Số tài khoản ngân hàng</ComBankNo>
<DiscountRate>Chiết khấu</DiscountRate>
<GrossValue_NonTax></GrossValue_NonTax>
<CurrencyUnit>Đơn vị tiền tệ</CurrencyUnit>
<ExchangeRate>Tỷ giá</ExchangeRate>
<ConvertedAmount>Tổng tiền quy đổi</ConvertedAmount>
<Extra1>Extra1</Extra1>
<Extra2>Extra2</Extra2>
<SMSDeliver>SMSDeliver</SMSDeliver>
<LDDNBo>LDDNBO</LDDNBo>
<HDSO>HDSO</HDSO>
<HVTNXHang>HVTNXHANG</HVTNXHang>
<TNVChuyen>TNVCHUYEN</TNVChuyen>
<PTVChuyen>PTVCHUYEN</PTVChuyen>
<HDKTSO>HDKTSO</HDKTSO>
<HDKTNgay>HDKTNgay</HDKTNgay>
<DiscountNonTax>Giảm trừ không chịu thuế</DiscountNonTax>
<DiscountOther>Giảm trừ khác</DiscountOther>
<HDCTTChinh>Hoá đơn cho thuê tài chính (Hóa đơn đối với hoạt động cho
thuê tài chính) Số (1: Hóa đơn dành cho hoạt động thuê tài chính, 0: Hóa đơn
không dành cho hoạt động cho thuê tài chính)</HDCTTChinh>

```

```

    <HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe ô tô, xe
    mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số,
    TMĐT). Nếu không truyền mặc định là 0- hóa đơn thường </HDDThu>
    <ComEmail>Email người bán</ComEmail>
    <ComFax>Fax người bán</ComFax>
    <ComWebsite>Website người bán</ComWebsite >
    <MCHang>Mã cửa hàng người bán</MCHang>
    <TCHang>Tên cửa hàng người bán</TCHang>
    <MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người mua</MDVQHNSach>
    <SHChieu>Số hộ chiếu người mua</SHChieu>
    <CCCDan>Căn cước công dân người mua</CCCDan>
    <NCHChieu>Ngày cấp hộ chiếu người mua</NCHChieu>
    <NHHHChieu>Ngày hết hạn hộ chiếu người mua</NHHHChieu>
    <QTich>Quốc tịch người mua</QTich>
    <TgTPhiSThue>Tổng tiền phí </TgTPhiSThue>
    <TCHDon>Tính chất hóa đơn: Nhận giá trị = 5 đối với hóa đơn chiết
    khấu thương mại</TCHDon>
    <SBKe>Số bảng kê (Bắt buộc đối với TCHDon = 5)</SBKe>
    <NBKe>Ngày bảng kê (Bắt buộc đối với TCHDon = 5)</NBKe>
    <GiamThueGTGT> Giảm thuế GTGT (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm
    thuế theo NQ của Quốc hội. Nhận giá trị 1/0)</GiamThueGTGT>

    <STGThue> Số tiền giảm thuế (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm
    thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>

  </Invoice>
</Inv>
</Invoices>

```

2.1.3. Phát hành hóa đơn theo danh sách fkey truyền vào

URL

string **PublishInvFkey**(string Account, string ACPass, string IsFkey, string username, string password, string pattern = "", string serial = "").

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép phát hành hóa đơn theo 1 danh sách fkey truyền vào, tối đa 200 fkey

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **IsFkey:** Danh sách Fkey truyền vào được ngăn cách bởi dấu “_”
- **pattern:** Mẫu số hóa đơn

- **serial:** Ký hiệu hóa đơn

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền phát hành hóa đơn	
ERR:6	Danh sách Fkey không tồn tại	
ERR:15	Danh sách Fkey đã phát hành	
ERR:20	Pattern và Serial không phù hợp, hoặc không tồn tại hóa đơn đã đăng kí có sử dụng Pattern và Serial truyền vào	Chỉ chấp nhận đồng thời nhập cả Pattern và Serial hoặc đồng thời để trống cả Pattern và Serial
ERR:5	Không phát hành được hóa đơn	Lỗi không xác định, kiểm tra exception trả về (DB roll back)
ERR:10	Danh sách Fkey truyền vào vượt quá 200 fkey	
ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	
ERR:30	Danh sách hóa đơn tồn tại ngày hóa đơn nhỏ hơn ngày hóa đơn đã phát hành	
OK:#Fkey1_No1, Fkey2_No2 (Ví dụ: OK:#Fkey1_1, Fkey2_2)	OK → đã phát hành hóa đơn thành công Fkey1: Fkey thứ nhất No1: Số hóa đơn thứ 1	

Cấu trúc của file XML (các trường * là bắt buộc):

```

<PublishInvFkey>
  <Account>Tài khoản *</Account>
  <ACpass>Mật khẩu *</ACpass>
  <lsFkey>fkey1_fkey2_fkey3 *</lsFkey>
  <username>Tài khoản role service *</username>
  <password>Mật khẩu tài khoản role service *</password>
  <pattern>Mẫu số</pattern>
  <serial>Ký hiệu</serial>
</PublishInvFkey>

```

2.1.4. Phát hành hóa đơn theo khoảng thời gian (publishdate)

URL

string PublishInvByDate(string Account, string ACPass, string username, string password, string FromDate, string ToDate)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép phát hành hóa đơn theo 1 khoảng thời gian truyền vào.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **FromDate:** Ngày bắt đầu (so sánh với trường publishdate)
- **ToDate:** Ngày kết thúc (so sánh với trường publishdate)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền phát hành hóa đơn	
ERR:23	Không tìm thấy thông tin công ty	
ERR:24#	Không tìm thấy hóa đơn cần phát hành của công ty ứng với từng mẫu số, ký hiệu	
ERR:14#	Không phát hành được hóa đơn của công ty ứng với từng mẫu số, ký hiệu	
ERR:20	Pattern và Serial không phù hợp, hoặc không tồn tại hóa đơn đã đăng ký có sử dụng Pattern và Serial truyền vào	Chỉ chấp nhận đồng thời nhập cả Pattern và serial hoặc đồng thời để trống cả pattern và serial
ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	
ERR:30	Danh sách hóa đơn tồn tại ngày hóa đơn nhỏ hơn ngày hóa đơn đã phát hành	
ERR:5	Không phát hành được hóa đơn	DB roll back
OK:#Fkey1_No1, Fkey2_No2 (Ví dụ: OK:#Fkey1_1, Fkey2_2)	- OK → đã phát hành hóa đơn thành công - Fkey1: Fkey thứ nhất - No1: Số hóa đơn thứ 1	

Cấu trúc của file XML (các trường * là bắt buộc):

```
<PublishInvByDate>
  <Account>Tài khoản *</Account>
  <ACpass>Mật khẩu *</ACpass>
  <username>Tài khoản role service *</username>
  <password>Mật khẩu tài khoản role service *</password>
  <FromDate>Ngày bắt đầu</FromDate >
  <ToDate>Ngày kết thúc</ToDate>
</PublishInvByDate >
```

2.1.5.Lấy giá trị Hash cho phát hành hóa đơn token (bước 1)

URL

string **getHashInvWithToken**(string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string password, string serialCert, int type, string invToken, string pattern = "", string serial = "", int convert = 0)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép phát hành hóa đơn với các hệ thống sử dụng token, thực hiện truyền dữ liệu hóa đơn và lấy giá trị hash value để ký số bằng token ở client.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** chuỗi xml hóa đơn (theo mẫu mô tả kèm theo)
- **serialCert:** Serial của chứng thư số công ty đã đăng ký trong hệ thống
- **type:** phát hành mới: 0, thay thế = 1, điều chỉnh tăng = 2, điều chỉnh giảm = 3, điều chỉnh thông tin = 4
- **invToken:** chuỗi token hóa đơn = mẫu số;ký hiệu;số hóa đơn (ví dụ: **01GKT0/001;AA/17E;1**) – chỉ cần khi thay thế/ điều chỉnh; phát hành thì để trống
- **pattern:** mẫu số hóa đơn
- **serial:** ký hiệu hóa đơn

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:20	Dãi hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và Serial không phù hợp	
ERR:6	Không còn đủ số lượng hóa đơn để phát hành	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
ERR:30	Tạo mới hóa đơn có lỗi	
ERR:35	Công ty đăng ký DK01 cả có mã, không mã. Tạo cả ký hiệu cả 2 dải có mã và không mã sẽ yêu cầu bắt buộc truyền pattern, serial	
Chuỗi xml trả về	Chuỗi trả về	

Cấu trúc chuỗi XML trả về:

```

<Invoices>
  <Inv>
    <key>123</key>
    <idInv>128668</idInv>
    <hashValue>rKdYgeYc7CYLOhj fNFDZ8nBaWjA=</hashValue>
    <pattern>01GTTK0/001</pattern>
    <serial>AA/17E</serial>
  </Inv>
  <Inv>
    <key>456</key>
    <idInv>128923</idInv>
    <hashValue>2p60p82YQhqjMHG9t/toIaLfENQ=</hashValue>
    <pattern>01GTTK0/001</pattern>
    <serial>AA/17E</serial>
  </Inv>
</Invoices>

```

Trong đó:

- tag **<key>**: fkey
- tag **<idInv>**: id hóa đơn trên hệ thống vnpt
- tag **<hashValue>**: chuỗi hash
- tag **<pattern>**: mẫu số
- tag **<serial>**: ký hiệu

2.1.6. Phát hành hóa đơn sử dụng token (bước 2)

URL

string **publishInvWithToken** (string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string password, string pattern = "", string serial = "").

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép phát hành hóa đơn với các hệ thống sử dụng token, sau khi thực hiện gọi hàm Lấy giá trị Hash ở bước 1 (2.1.4)

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** chuỗi xml dữ liệu ký hash hóa
- **pattern:** mẫu số hóa đơn
- **serial:** ký hiệu hóa đơn
- **convert:** Mặc định là 0 (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode / 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền phát hành hóa đơn	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	

ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:20	Không tìm thấy dải hóa đơn	Không tìm thấy dải hóa đơn hoặc tài khoản phát hành không có quyền phát hành hóa đơn trên dải hóa đơn truyền lên.
ERR:6	Không còn đủ số lượng hóa đơn để phát hành	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá max cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
ERR:30	Tạo mới hóa đơn có lỗi	
OK: pattern;serial;invNumber (Ví dụ: OK:01GTKT3/001;A A/12E;0000002)	- OK → đã phát hành hóa đơn thành công - Patter → Mẫu số của hóa đơn điều chỉnh - Serial → serial của hóa đơn điều chỉnh - invNumber: số hóa đơn điều chỉnh	

Cấu trúc chuỗi xmlData truyền lên:

```

<Invoices>
  <SerialCert>540171AA56FDB2F8476BBBD781251C83D</SerialCert>
  <Inv>
    <key>789</key>
    <idInv>10</idInv>
    <signValue>J2k7CsSN9Gb6PmsHD9yDJS1/j3s=</signValue>
  </Inv>
</Invoices>

```

Trong đó:

- tag **<SerialCert>**: serial chứng thư của công ty
- tag **<key>**: fkey
- tag **<idInv>**: id hóa đơn trên hệ thống vnpt
- tag **<signValue>**: chuỗi ký

2.1.7. Thay thế, điều chỉnh hóa đơn sử dụng token

URL

string **AdjustReplaceInvWithToken**(string Account, string ACpass, string xmlInvData,

string username, string password, int type, string pattern = "", string serial = "")

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép thay thế , điều chỉnh hóa đơn cho các khách hàng sử dụng token

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** chuỗi xml hóa đơn (theo mô tả)
- **type:** thay thế = 1, điều chỉnh tăng = 2, điều chỉnh giảm = 3, điều chỉnh thông tin = 4
- **pattern:** mẫu số hóa đơn
- **serial:** ký hiệu hóa đơn

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:20	Không tìm thấy dải hóa đơn	Không tìm thấy dải hóa đơn hoặc tài khoản phát hành không có quyền phát hành hóa đơn trên dải

		hóa đơn truyền lên.
ERR:6	Không còn đủ số lượng hóa đơn để phát hành	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá max cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
ERR:30	Tạo mới hóa đơn có lỗi	
ERR:35	Công ty đăng ký DK01 cả có mã, không mã. Tạo cả ký hiệu cả 2 dải có mã và không mã sẽ yêu cầu bắt buộc truyền pattern, serial	
ERR:60	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (Có mã / Không mã).	
ERR:61	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (HD GTGT / HD bán hàng...).	
ERR:62	Không được dùng không mã đăng ký gửi bảng tổng hợp thay thế, điều chỉnh các hóa đơn không mã gửi thông tin chi tiết.	
OK: pattern;serial;invNumber (Ví dụ: OK:01GTTKT3/001;A A/12E;0000002)	- OK → đã phát hành hóa đơn thành công - Patter→ Mẫu số của hóa đơn điều chỉnh - Serial → serial của hóa đơn điều chỉnh - invNumber: số hóa đơn điều chỉnh	

Cấu trúc xmlInvData:

```

<Invoices>
  <SerialCert> serial chứng thư của công ty </SerialCert>
  <PatternOld> mẫu số của hóa đơn bị điều chỉnh, thay thế </PatternOld>
  <SerialOld> ký hiệu của hóa đơn bị điều chỉnh, thay thế </SerialOld>
  <NoOlde> số hóa đơn của hóa đơn bị điều chỉnh, thay thế </NoOlde>
  <Inv>
    <key> fkey hóa đơn mới </key>
    <idInv> id hóa đơn mới trên hệ thống vnpt </idInv>
    <signValue> chuỗi ký </signValue>
  </Inv>
</Invoices>

```

Trong đó:

- tag **<SerialCert>**: serial chứng thư của công ty
- tag **<PatternOld>**: mẫu số của hóa đơn bị điều chỉnh, thay thế
- tag **<SerialOld>**: ký hiệu của hóa đơn bị điều chỉnh, thay thế
- tag **<NoOlde>**: số hóa đơn của hóa đơn bị điều chỉnh, thay thế

tag <key>: fkey hóa đơn mới
tag <idInv>: id hóa đơn mới trên hệ thống vnpt
tag <signValue>: giá trị ký số của hóa đơn mới

2.1.8. Thêm mới hóa đơn theo mẫu số, ký hiệu

URL

string **ImportInvByPattern**(string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string password, string pattern = "", string serial = "", int convert = 0)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép thêm mới hóa đơn từ dữ liệu XML gửi lên

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** chuỗi xml hóa đơn (theo mô tả)
- **pattern:** mẫu số hóa đơn
- **serial:** ký hiệu hóa đơn
- **convert:** Mặc định là 0, 0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm mới hóa đơn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:6	Không đủ số lượng hóa đơn cho lô thêm mới	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:13	Danh sách hóa đơn tồn tại hóa đơn trùng Fkey	

ERR:22	Trùng số hóa đơn	
ERR:7	Pattern và serial không phù hợp, hoặc không tồn tại hóa đơn đã đăng ký có sử dụng Pattern và Serial truyền vào	Chỉ chấp nhận đồng thời nhập cả Pattern và serial hoặc đồng thời để trống cả pattern và serial
ERR:5	Không phát hành được hóa đơn	Lỗi không xác định. DB roll back
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá max cho phép	Mặc định là 5000, hoặc được cấu hình theo từng app
ERR:35	Công ty đăng ký DK01 cả có mã, không mã. Tạo cả ký hiệu cả 2 dải có mã và không mã sẽ yêu cầu bắt buộc truyền pattern, serial	
OK: pattern;serial1-key1_num1,key2_num12,key3_num3... (Ví dụ: OK:01GTKT3/001;A A/12E- key1_1,key2_2,key3_3,key4_4,key5_5)	- OK → đã phát hành hóa đơn thành công - Pattern → Mẫu số của các hóa đơn đã phát hành - Serial1 → serial của dãy các hóa đơn phát hành - num1, num2... là các số hóa đơn - key1,key2... là khóa để nhận biết hóa đơn phát hành cho khách hàng nào(lấy từ đầu vào)	Cách hóa đơn có serial khác nhau phân cách bởi dấu “;” Các số hóa đơn phân cách bởi “,”

Ghi chú:

Kết quả trả về : Tiền tố ERR → có lỗi khi thực hiện hàm

Tiền tố OK → thực hiện phát hành hóa đơn thành công

Chỉ chấp nhận phát hành lô tối đa 5000 hóa đơn, hoặc cấu hình theo từng app.

Cấu trúc XMLData (các trường * là bắt buộc):

```

<Invoices>
  <Inv>
    <key>Giá trị khóa để phân biệt hóa đơn xuất cho khách hàng
    nào</key>
    <Invoice>
      <CusCode>Mã khách hàng*</CusCode>
      <CusName>Tên khách hàng*</CusName>
      <CusAddress>Địa chỉ khách hàng*</CusAddress>
      <CusPhone>Điện thoại khách hàng</CusPhone>
      <CusTaxCode>Mã số thuế KH (Bắt buộc với KH là Doanh
      nghiệp)</CusTaxCode>
      <PaymentMethod>Phương thức thanh toán*</PaymentMethod>
  
```

```

<KindOfService>Tháng hóa đơn</KindOfService>
<Products>
  <Product>
    <ProdName>Tên sản phẩm*</ProdName>
    <ProdUnit>Đơn vị tính</ProdUnit>
    <ProdQuantity>Số lượng</ProdQuantity>
    <ProdPrice>Đơn giá</ProdPrice>
    <Amount>Tổng tiền sau thuế*</Amount>
    <Remark>Remark</Remark>
    <Total>Tổng tiền trước thuế*</Total>
    <VATRate>Thuế GTGT*</VATRate>
    <VATAmount>Tổng tiền thuế*</VATAmount>
    <Extra1>Mở rộng 1</Extra1>
    <Extra2>Mở rộng 2</Extra2>
    <Discount>Chiết khấu</Discount>
    <DiscountAmount>Tổng tiền chiết
khấu</DiscountAmount>
    <DiscountNonTax>Tổng tiền giảm trừ không chịu
thuế</DiscountNonTax>
    <IsSum> Tính chất * (0-Hàng hóa, dịch vụ; 1-
Khuyến mại; 2-Chiết khấu thương mại (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin
chiết khấu theo dòng); 4-Ghi chú/điển giải; 5- hàng hóa đặc trưng) </IsSum>
    <LHHDTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận các
giá trị: 1- Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ
vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT) </LHHDTrung>
    <SKhung>Số khung</SKhung>
    <SMay>Số máy</SMay>
    <BKSPTVChuyen>Biên kiểm soát phương tiện vận
chuyển</BKSPTVChuyen>
    <TINGHang> Tên người gửi hàng</TINGHang>
    <DCNGHang>Địa chỉ người gửi </DCNGHang>
    <MSTNGHang>MST người gửi hàng </MSTNGHang>
    <MDDNGHang> Số định danh người gửi
hàng</MDDNGHang>
    <Extra> thẻ mở rộng</Extra>
    <TLTThue> Tỷ lệ tính thuế (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ
của Quốc hội)</TLTThue>
    <STGThue> Số tiền giảm thuế (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo
NQ của Quốc hội)</STGThue>
  </Product>
</Products>
<Total>Tổng tiền trước thuế*</Total>
<DiscountAmount>Tiền giảm trừ</DiscountAmount>
<VATRate>Thuế GTGT*</VATRate>
<VATAmount>Tiền thuế GTGT*</VATAmount>
<Amount>Tổng tiền*</Amount>
<AmountInWords>Số tiền viết bằng chữ*</AmountInWords>
<Extra>Trường mở rộng</Extra>
<ArisingDate>Ngày dịch vụ</ArisingDate>
<PaymentStatus>Trạng thái thanh toán</PaymentStatus>
<EmailDeliver>EmailDeliver</EmailDeliver>
<ComFax>Company Fax</ComFax>
<ResourceCode>ResourceCode</ResourceCode>
<GrossValue> GrossValue </GrossValue>
<GrossValue0> GrossValue0</GrossValue0>
<VatAmount0> VatAmount0</VatAmount0>
<GrossValue5> GrossValue5</GrossValue5>

```

```

<VatAmount5> VatAmount5</VatAmount5>
<GrossValue10> GrossValue10</GrossValue10>
<VatAmount10> VatAmount10</VatAmount10>
<Buyer>Tên đơn vị mua hàng</Buyer>
<ComPhone>Điện thoại công ty</ComPhone>
<ComBankName>Tên ngân hàng</ComBankName>
<ComBankNo>Số tài khoản ngân hàng</ComBankNo>
<DiscountRate>Chiết khấu</DiscountRate>
<GrossValue_NonTax/>
<CurrencyUnit>Đơn vị tiền tệ</CurrencyUnit>
<ExchangeRate>Tỷ giá</ExchangeRate>
<ConvertedAmount>Tổng tiền quy đổi</ConvertedAmount>
<Extra1>Extra1</Extra1>
<Extra2>Extra2</Extra2>
<SMSDeliver>SMSDeliver</SMSDeliver>
<LDDNBo>LDDNBO</LDDNBo>
<HDSO>HDSO</HDSO>
<HVTNXHang>HVTNXHANG</HVTNXHang>
<TNVChuyen>TNVCHUYEN</TNVChuyen>
<PTVChuyen>PTVCHUYEN</PTVChuyen>
<HDKTSO>HDKTSO</HDKTSO>
<HDKTNgay>HDKTNgay</HDKTNgay>
<DiscountNonTax>Giảm trừ không chịu thuế</DiscountNonTax>
<DiscountOther>Giảm trừ khác</DiscountOther>
<HDCTTChinh>Hoá đơn cho thuê tài chính (Hóa đơn đối với
hoạt động cho thuê tài chính) Số (1: Hóa đơn dành cho hoạt động
thuê tài chính, 0: Hóa đơn không dành cho hoạt động cho thuê tài
chính)</HDCTTChinh>
<HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe
ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng
số, TMĐT). Nếu không truyền mặc định là 0- hóa đơn thường </HDDThu>
<ComEmail>Email người bán</ComEmail>
<ComFax>Fax người bán</ComFax>
<ComWebsite>Website người bán</ComWebsite>
<MCHang>Mã của hàng người bán</MCHang>
<TCHang>Tên của hàng người bán</TCHang>
<MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người
mua</MDVQHNSach>
<SHChieu>Số hộ chiếu người mua</SHChieu>
<CCCDan>Căn cước công dân người mua</CCCDan>
<NCHChieu>Ngày cấp hộ chiếu người mua</NCHChieu>
<NHHHChieu>Ngày hết hạn hộ chiếu người mua</NHHHChieu>
<QTich>Quốc tịch người mua</QTich>
<TgTPhiSThue>Tổng tiền phí </TgTPhiSThue>
<TCHDon>Tính chất hóa đơn: Nhận giá trị = 5 đối với hóa đơn
chiết khấu thương mại</TCHDon>
<SBKe>Số bảng kê (Bắt buộc đối với TCHDon = 5)</SBKe>
<NBKe>Ngày bảng kê (Bắt buộc đối với TCHDon = 5)</NBKe>
<GiamThueGTGT> Giảm thuế GTGT (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán
hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội. Nhận giá trị
1/0)</GiamThueGTGT>
<STGThue> Số tiền giảm thuế (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán
hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>
</Invoice>
</Inv>
</Invoices>

```

2.1.9. Cập nhật dữ liệu khách hàng

URL

Int **UpdateCus** (string xmlCusData, string username, string pass, int? convert)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép cập nhật thông tin khách hàng

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlCusData:** chuỗi xml dữ liệu khách hàng (theo mô tả)
- **convert:** Mặc định là 0, 0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
-1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm khách hàng	
-2	Không import được khách hàng vào db	Có rollback db
-3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	Chỉ cần 1 customer trong chuỗi xml không hợp lệ, không thực hiện update trên tất cả dữ liệu đưa vào
N	Số lượng khách hàng đã import và update	N>0, N là kiểu integer

Cấu trúc của xmlCusData (các trường * là bắt buộc):

```
<Customers>
<Customer>
  <Name>Tên khách hàng*</Name>
  <Code>Mã khách hàng*</Code>
  <Account>Tài khoản đăng nhập</Account>
  <TaxCode>Mã số thuế (bắt buộc với khách hàng là doanh nghiệp)</TaxCode>
</Customer>
</Customers>
```

```

<Address>Địa chỉ thanh toán*</Address>
<BankAccountName>Tên tài khoản ngân hàng</BankAccountName>
<BankName>Tên ngân hàng</BankName>
<BankNumber>Số tài khoản</BankNumber>
<Email>Email</Email>
<Fax>Số fax</Fax>
<Phone>Điện thoại</Phone>
<ContactPerson>Liên hệ</ContactPerson>
<RepresentPerson>Người đại diện</RepresentPerson>
<CusType>Loại khách hàng (1: Doanh nghiệp/0: Cá nhân)*</CusType>
<IsEmail>Khách hàng nhận gửi mail khi phát hành hay không, 1: Có nhận/0:
không nhận (Nếu không có thể này mặc định có nhận mail)</IsEmail>
</Customer>
<Customer>...</Customer>
</Customers>

```

2.1.10. Xóa hóa đơn chưa phát hành theo danh sách fkey

URL

string **deleteInvoiceByFkey**(string lstFkey, string username, string password, string Account, string ACPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép xóa 1 hoặc nhiều hóa đơn chưa phát hành theo danh sách fkey truyền vào.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **lstFkey:** danh sách fkey cần xóa bỏ, các Fkey phân biệt nhau bằng “_”)
VD:012013_022013_032013

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai, hoặc không có quyền	

ERR:7	Không tìm thấy công ty	
ERR:10	Số hóa đơn truyền vào vượt quá số lượng cho phép	Mặc định 5000 hoặc theo cấu hình từng app
ERR:20	Pattern và Serial không hợp lệ	
ERR:5	Lỗi không xác định	
OK:fkey1,fkey2	Xóa hóa đơn thành công	Trả về danh sách fkey các hóa đơn xóa thành công

2.1.11. Thêm mới hóa đơn

URL

string string **ImportInv**(string xmlInvData, string username, string password, int convert = 0)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép tạo mới hóa đơn từ chuỗi xml đầu vào theo chuẩn mô tả

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** Chuỗi xml chứa thông tin hóa đơn

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:3	Định dạng xml của hóa đơn sai cấu trúc	
ERR:5	Không tìm thấy công ty	Mặc định 5000 hoặc theo cấu hình từng app
ERR:20	Pattern và serial không hợp lệ	

ERR:6	Không còn dư số hóa đơn để phát hành	
ERR:10	Vượt quá số lượng hóa đơn tạo cho phép (không được vượt quá 5000HD)	
ERR:5	Lỗi hệ thống	
ERR:35	Công ty đăng ký DK01 cả có mã, không mã. Tạo cả ký hiệu cả 2 dải có mã và không mã sẽ yêu cầu bắt buộc truyền pattern, serial	
"OK:" + pattern + ";" + serial + "-" + invKeyList	Tạo hóa đơn thành công	Trả về message OK kèm theo Pattern, Serial và danh sách fkey hóa đơn tạo mới thành công

Định dạng chuỗi xml đầu vào:

```

<Invoices>
  <Inv>
    <key>Giá trị khóa để phân biệt hóa đơn xuất cho khách hàng
    nào</key>
    <Invoice>
      <CusCode>Mã khách hàng*</CusCode>
      <CusName>Tên khách hàng*</CusName>
      <CusAddress>Địa chỉ khách hàng*</CusAddress>
      <CusPhone>Điện thoại khách hàng</CusPhone>
      <CusTaxCode>Mã số thuế KH (Bắt buộc với KH là Doanh
      nghiệp)</CusTaxCode>
      <PaymentMethod>Phương thức thanh toán</PaymentMethod>
      <KindOfService>Tháng hóa đơn</KindOfService>
      <Products>
        <Product>
          <ProdName>Tên sản phẩm*</ProdName>
          <ProdUnit>Đơn vị tính</ProdUnit>
          <ProdQuantity>Số lượng</ProdQuantity>
          <ProdPrice>Đơn giá</ProdPrice>
          <Amount>Tổng tiền sau thuế*</Amount>
          <Remark>Remark</Remark>
          <Total>Tổng tiền trước thuế*</Total>
          <VATRate>Thuế GTGT*</VATRate>
          <VATAmount>Tổng tiền thuế*</VATAmount>
          <Extra1>Mở rộng 1</Extra1>
          <Extra2>Mở rộng 2</Extra2>
          <Discount>Chiết khấu</Discount>
          <DiscountAmount>Tổng tiền chiết
          khấu</DiscountAmount>
          <DiscountNonTax>Tổng tiền giảm trừ không chịu
          thuế</DiscountNonTax>
          <IsSum> Tính chất * (0-Hàng hóa, dịch vụ; 1-
          Khuyến mại; 2-Chiết khấu thương mại (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin
          chiết khấu theo dòng); 4-Ghi chú/diễn giải; 5- hàng hóa đặc trưng)</IsSum>

```

<LHHDTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận các giá trị: 1- Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT)</LHHDTrung>

<SKhung>Số khung</SKhung>

<SMay>Số máy</SMay>

<BKSPTVChuyen>Biển kiểm soát phương tiện vận chuyển</BKSPTVChuyen>

<TNGHang>Tên người gửi hàng</TNGHang>

<DCNGHang>Địa chỉ người gửi </DCNGHang>

<MSTNGHang>MST người gửi hàng </MSTNGHang>

<MDDNGHang>Số định danh người gửi hàng</MDDNGHang>

<Extra>thẻ mở rộng</Extra>

<TLTThue> Tỷ lệ tính thuế (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</TLTThue>

<STGThue> Số tiền giảm thuế (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>

</Product>

</Products>

<Total>Tổng tiền trước thuế*</Total>

<DiscountAmount>Tiền giảm trừ</DiscountAmount>

<VATRate>Thuế GTGT*</VATRate>

<VATAmount>Tiền thuế GTGT*</VATAmount>

<Amount>Tổng tiền*</Amount>

<AmountInWords>Số tiền viết bằng chữ*</AmountInWords>

<Extra>Trường mở rộng</Extra>

<ArisingDate>Ngày dịch vụ</ArisingDate>

<PaymentStatus>Trạng thái thanh toán</PaymentStatus>

<EmailDeliver>EmailDeliver</EmailDeliver>

<ComFax>Company Fax</ComFax>

<ResourceCode>ResourceCode</ResourceCode>

<GrossValue> GrossValue </GrossValue>

<GrossValue0> GrossValue0</GrossValue0>

<VatAmount0> VatAmount0</VatAmount0>

<GrossValue5> GrossValue5</GrossValue5>

<VatAmount5> VatAmount5</VatAmount5>

<GrossValue10> GrossValue10</GrossValue10>

<VatAmount10> VatAmount10</VatAmount10>

<Buyer>Tên đơn vị mua hàng</Buyer>

<ComPhone>Điện thoại công ty</ComPhone>

<ComBankName>Tên ngân hàng</ComBankName>

<ComBankNo>Số tài khoản ngân hàng</ComBankNo>

<DiscountRate>Chiết khấu</DiscountRate>

<GrossValue_NonTax/>

<CurrencyUnit>Đơn vị tiền tệ</CurrencyUnit>

<ExchangeRate>Tỷ giá</ExchangeRate>

<ConvertedAmount>Tổng tiền quy đổi</ConvertedAmount>

<Extra1>Extra1</Extra1>

<Extra2>Extra2</Extra2>

<SMSDeliver>SMSDeliver</SMSDeliver>

<LDDNBo>LDDNBO</LDDNBo>

<HDSO>HDSO</HDSO>

<HVTNXHang>HVTNXHANG</HVTNXHang>

<TNVChuyen>TNVCHUYEN</TNVChuyen>

<PTVChuyen>PTVCHUYEN</PTVChuyen>

<HDKTSO>HDKTSO</HDKTSO>

```

        <HDKTNgay>HDKTNgay</HDKTNgay>
        <DiscountNonTax>Giảm trừ không chịu thuế</DiscountNonTax>
        <DiscountOther>Giảm trừ khác</DiscountOther>
        <HDCTTChinh>Hoá đơn cho thuê tài chính (Hóa đơn đối với
hoạt động cho thuê tài chính) Số (1: Hóa đơn dành cho hoạt động
thuê tài chính, 0: Hóa đơn không dành cho hoạt động cho thuê tài
chính)</HDCTTChinh>
        <HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe
ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng
số, TMĐT). Nếu không truyền mặc định là 0- hóa đơn thường </HDDThu>
        <ComEmail>Email người bán</ComEmail>
        <ComWebsite>Website người bán</ComWebsite>
        <MCHang>Mã của hàng người bán</MCHang>
        <TCHang>Tên của hàng người bán</TCHang>
        <MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người
mua</MDVQHNSach>
        <SHChieu>Số hộ chiếu người mua</SHChieu>
        <CCCDan>Căn cước công dân người mua</CCCDan>
        <NCHChieu>Ngày cấp hộ chiếu người mua</NCHChieu>
        <NHHHChieu>Ngày hết hạn hộ chiếu người mua</NHHHChieu>
        <QTich>Quốc tịch người mua</QTich>
        <TgTPhiSThue>Tổng tiền phí </TgTPhiSThue>
        <TCHDon>Tính chất hóa đơn: Nhận giá trị = 5 đối với hóa đơn
chiết khấu thương mại</TCHDon>
        <SBKe>Số bảng kê (Bắt buộc đối với TCHDon = 5)</SBKe>
        <NBKe>Ngày bảng kê (Bắt buộc đối với TCHDon = 5)</NBKe>
        <GiamThueGTGT> Giảm thuế GTGT (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán
hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội. Nhận giá trị
1/0)</GiamThueGTGT>
        <STGThue> Số tiền giảm thuế (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán
hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>
    </Invoice>
</Inv>
</Invoices>

```

2.1.12. Gửi lại email thông báo hóa đơn phát hành

URL

public string **SendAgainEmailServ**(string Account, string ACPass, string username, string password, string xmlDataInvoiceEmail, string hdPattern, string Serial)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi lại email thông báo phát hành hóa đơn tới khách hàng

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên có quyền gửi mail
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).

- **xmlDataInvoiceEmail:** Thông tin hóa đơn cho nội dung gửi mail
- **hdPattern:** Mẫu số hóa đơn
- **Serial:** Ký hiệu hóa đơn

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	Tài khoản đăng nhập sau hoặc không có quyền thực hiện tác vụ
ERR:21	Không tìm được công ty, tài khoản không tồn tại	
ERR:3	Dữ liệu Pattern để trống	
ERR:9	Dữ liệu Serial để trống	
ERR:8	Dữ liệu Fkey để trống trong chuỗi xml gửi lên	
ERR:10	Số lượng fkey truyền vào lớn hơn giới hạn tối đa cho phép	Mặc định là 5000 hoặc theo cấu hình cho từng app
ERR:20	Không tìm thấy thông báo phát hành hợp lệ	
ERR:4	Không tìm được hóa đơn để tạo và gửi lại mail	
ERR:6	Không tìm thấy câu hình IDeliver để tạo và gửi lại gửi mail	
ERR:7	Không gửi được email nào thành công	
ERR:5	Lỗi hệ thống	
OK	Gửi thành công	

Cấu trúc chuỗi xml gửi lên:

```
<Invoices>
  <Inv>
    <Fkey>Fkey1 (*) </Fkey><EmailDeliver>Email11 (*) </EmailDeliver>
    <Fkey>Fkey2 (*) </Fkey><EmailDeliver>Email12 (*) </EmailDeliver>
  </Inv>
</Invoices>
```

2.1.13. Lấy thông tin chứng thư số hiện tại của đơn vị

URL

String **GetCertInfo** (string userName, string password)

DESCRIPTION

Đây là web service lấy thông tin chứng thư số hiện tại của đơn vị.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName/password:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
Chuỗi base64	Chuỗi base64 trả về của chuỗi XML thông tin chứng thư	

Cấu trúc chuỗi XML trả về:

```
<Certificate>  
  <OwnCA><![CDATA[]]></OwnCA>  
  <SerialNumber></SerialNumber>  
  <ValidFrom>dd/MM/yyyy</ValidFrom>  
  <ValidTo>dd/MM/yyyy</ValidTo>  
  <OrganizationCA><![CDATA[]]></OrganizationCA>  
</Certificate>
```

Trong đó:

tag **<OwnCA>**: Tên tổ chức sở hữu
tag **<SerialNumber>**: Serial chứng thư
tag **<ValidFrom>**: Ngày hiệu lực của chứng thư
tag **<ValidTo>**: Ngày hết hạn của chứng thư
tag **<OrganizationCA>**: Nhà cung cấp chứng thư

2.1.14. Cập nhật loại hình ký số và chứng thư số

URL

String **UpdateCertificate**(string Account, string ACpass, string certinfo, string serialCert, int certType, int id = 0)

DESCRIPTION

Đây là web service đăng ký/cập nhật loại hình ký số và chứng thư số của đơn vị.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account / ACpass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống)._
- **Certinfo**: Chuỗi thông tin chứng thư số
- **serialCert**: Serial chứng thư số
- **certType**: loại hình ký số (4-token; 6-SmartCA)
- **id**: giá trị id chứng thư số (=0 nếu là thêm mới)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy thông tin công ty tương ứng cho user.	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:41	Đã tồn tại chứng thư này trong hệ thống	
ERR:42	Chứng thư đã đăng ký với thuế, không thể thay đổi. Hãy đăng ký tờ khai thay đổi thông tin.	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
int	Giá trị id chứng thư số trả về sau khi thực hiện thành công	

2.1.15. Xóa chứng thư số

URL

String **DeleteCertificate**(string Account, string ACpass, int id = 0)

DESCRIPTION

Đây là web service xóa thông tin chứng thư số của đơn vị.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account / ACpass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống)._
- **id**: giá trị id chứng thư số cần xóa.

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy thông tin công ty tương ứng cho user.	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:41	Đã tồn tại chứng thư này trong hệ thống	
ERR:42	Chứng thư đã đăng ký với thuế, không thể thay đổi. Hãy đăng ký tờ khai thay đổi thông tin.	
ERR:43	Chứng thư không phải của công ty	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
OK	Thực hiện xóa thành công	

2.1.16. Danh sách chứng thư số của đơn vị

URL

String **GetCertificates** (string userName, string password)

DESCRIPTION

Đây là web service lấy thông tin chứng thư số hiện tại của đơn vị.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName/password**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
Chuỗi base64	Chuỗi base64 trả về của chuỗi XML thông tin danh sách chứng thư	

Cấu trúc chuỗi XML trả về:

```
<Certificates>
  <Certificate>
    <OwnCA>
      <![CDATA[]]>
    </OwnCA>
    <SerialNumber></SerialNumber>
    <ValidFrom> dd/MM/yyyy </ValidFrom>
    <ValidTo> dd/MM/yyyy </ValidTo>
```

```

    <OrganizationCA>
      <![CDATA[]]>
    </OrganizationCA>
    <Status></Status>
    <CertType></CertType>
  </Certificate>
</Certificates>

```

Trong đó:

- tag **<OwnCA>**: Tên tổ chức sở hữu
- tag **<SerialNumber>**: Serial chứng thư
- tag **<ValidFrom>**: Ngày hiệu lực của chứng thư
- tag **<ValidTo>**: Ngày hết hạn của chứng thư
- tag **<OrganizationCA>**: Nhà cung cấp chứng thư
- tag **<Status>**: Trạng thái chứng thư (0-chưa sử dụng, 1-đang sử dụng)
- tag **<CertType>**: Loại chứng thư (1-token; 6-SmartCA)

2.1.17. Thay đổi mật khẩu

URL

String **resetPassword**(string Account, string oldPass, string newPass)

DESCRIPTION

Đây là web service thay đổi mật khẩu.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account**: Tên tài khoản được cấp phát cho khách hàng để đăng nhập vào hệ thống.
- **oldPass**: mật khẩu cũ.
- **newPass**: mật khẩu mới.

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
MSG_Update_006	Mật khẩu không được để trống.	
MSG_Update_001	Không tìm thấy thông tin tài khoản.	
MSG_Update_004	Mật khẩu cũ không chính xác.	
MSG_Update_003	Mật khẩu mới không được trùng với mật khẩu cũ.	
MSG_Update_005	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
MSG_Update_002	Thay đổi mật khẩu thành công.	

2.2. Nhóm các hàm webservice liên quan đến tra cứu hóa đơn (PortalService)

2.2.1.Download hóa đơn

URL

String **downloadInv**(string invToken, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép tải về chuỗi xml của hóa đơn

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **invToken** : Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền ServiceRole	
ERR:2	Chuỗi token không đúng định dạng	
ERR:4	Không tìm thấy Pattern	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy thông tin công ty tương ứng cho user.	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
ERR:12	Hoá đơn có mã chưa được thuế chấp nhận	
ERR:13	Hoá đơn không mã chưa được thuế chấp nhận	
chuỗi_Xml_trả_về	Trả về chuỗi Xml tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng string Xml

2.2.2. Download hóa đơn với cả các hóa đơn chưa thanh toán

URL

String **downloadInvNoPay** (string invToken, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép tải về chuỗi xml của hóa đơn, cho phép tải các hóa đơn chưa thanh toán.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **invToken** : Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền ServiceRole	
ERR:2	Chuỗi token không đúng định dạng	
ERR:4	Không tìm thấy Pattern	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy thông tin công ty tương ứng cho user.	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
ERR:12	Hoá đơn có mã chưa được thuế chấp nhận	
ERR:13	Hoá đơn không mã chưa được thuế chấp nhận	
chuỗi_Xml_trả_về	Trả về chuỗi Xml tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng string Xml

2.2.3.Download hóa đơn theo Fkey

URL

String **downloadInvFkey** (string fkey, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép tải về chuỗi xml của hóa đơn theo fkey truyền lên

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **fkey** : Chuỗi fkey xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền ServiceRole	
ERR:2	Chuỗi token không đúng định dạng	
ERR:4	Không tìm thấy dải thông báo phát hành	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy thông tin công ty tương ứng cho user.	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
ERR:12	Hoá đơn có mã chưa được thuế chấp nhận	
ERR:13	Hoá đơn không mã chưa được thuế chấp nhận	
chuỗi_Xml_trả_về	Trả về chuỗi Xml tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng string Xml

2.2.4.Download hóa đơn theo fkey, không kiểm tra trạng thái thanh toán

URL

String **downloadInvFkeyNoPay** (string fkey, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép tải về chuỗi xml của hóa đơn theo fkey truyền lên, cho phép tải cả hóa đơn chưa thanh toán.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).

- **fkey** : Chuỗi fkey xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền ServiceRole	
ERR:2	Chuỗi token không đúng định dạng	
ERR:4	Không tìm thấy dải thông báo phát hành	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy thông tin công ty tương ứng cho user.	
ERR:12	Hoá đơn có mã chưa được thuế chấp nhận	
ERR:13	Hoá đơn không mã chưa được thuế chấp nhận	
chuỗi_Xml_trả_về	Trả về chuỗi Xml tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng string Xml

2.2.5.Download hóa đơn mới tạo theo Fkey định dạng Pdf

URL

String **downloadNewInvPDFFkey**(string fkey, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép tải về dạng pdf của hóa đơn mới tạo theo Fkey truyền lên.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **fkey**: Chuỗi fkey xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền ServiceRole	
ERR:2	Fkey truyền lên rỗng	
ERR:4	Không tìm thấy dải thông báo phát hành	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy thông tin công ty tương ứng cho user.	
ERR:12	Hoá đơn có mã chưa được thuế chấp nhận	
ERR:13	Hoá đơn không mã chưa được thuế chấp nhận	
Chuỗi base64	Trả về chuỗi base64 tương ứng với hóa đơn. Lưu chuỗi này thành file .pdf để được file PDF	

2.2.6.Download hóa đơn định dạng Pdf

URL

String **downloadInvPDF**(string invToken, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép tải về dạng pdf của hóa đơn theo token truyền lên.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **invToken:** Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền ServiceRole	
ERR:2	Chuỗi token không đúng định dạng	

ERR:4	Không tìm thấy dải thông báo phát hành	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy thông tin công ty tương ứng cho user.	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
ERR:12	Hoá đơn có mã chưa được thuế chấp nhận	
ERR:13	Hoá đơn không mã chưa được thuế chấp nhận	
Chuỗi base64	Trả về chuỗi base64 tương ứng với hóa đơn. Lưu chuỗi này thành file .pdf để được file PDF	

2.2.7.Download hóa đơn định dạng Pdf, không kiểm tra trạng thái thanh toán

URL

String **downloadInvPDFFkeyNoPay** (string fkey, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép tải về dạng pdf của hóa đơn theo fkey truyền lên, cho phép tải cả hóa đơn chưa thanh toán.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **fkey:** Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền ServiceRole	
ERR:2	Chuỗi token không đúng định dạng	
ERR:4	Không tìm thấy dải thông báo phát hành	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	

ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy thông tin công ty tương ứng cho user.	
ERR:12	Hóa đơn có mã chưa được thuế chấp nhận	
ERR:13	Hóa đơn không mã chưa được thuế chấp nhận	
Chuỗi base64	Trả về chuỗi base64 tương ứng với hóa đơn. Lưu chuỗi này thành file .pdf để được file PDF	

2.2.8.Lấy danh sách hóa đơn từ số, đến số

URL

string **listInvFromNoToNo** (string invFromNo, string invToNo, string invPattern, string invSerial, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép trả về thông tin cơ bản của hóa đơn dạng chuỗi xml từ số hóa đơn đến số hóa đơn truyền vào.

Chú ý: tối đa lấy ra 100 hóa đơn hoặc theo cấu hình trên từng app

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **invFromNo:** Số bắt đầu
- **invToNo:** Số kết thúc
- **invPattern:** Mẫu số
- **invSerial:** Ký hiệu

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:7	Không tìm thấy thông tin công ty	
ERR:	Có lỗi xảy ra	

chuỗi_xml_trả_về	Trả về chuỗi xml theo cấu trúc	
------------------	--------------------------------	--

Cấu trúc của chuỗi xml trả về

```

<Data>
  <Item > //tương ứng với 1 hóa đơn
    <index>Tháng xuất hóa đơn </index>
    <invToken>Chuỗi token để xác định hóa đơn(pattern;Serial;Số hóa đơn)
  </invToken>
    <fkey>Fkey của hóa đơn</fkey>
    <name>Tên hóa đơn</name>
    <publishDate>Ngày phát hành hóa đơn</publishDate>
    <signStatus>Trạng thái kí khách hàng</signStatus>
    <total>Tổng tiền trước thuế</total>
    <amount>Tổng tiền của hóa đơn </amount>
    <pattern>Mẫu hóa đơn</pattern>
    <serial>Serial hóa đơn</serial>
    <invNum>Số hóa đơn</invNum>
    <status>Trạng thái hóa đơn</status>
    <cusname>Tên người mua hàng</cusname>
    <payment>Trạng thái thanh toán</payment >
  </Item >
  <Item >...</Item > //Hóa đơn khác
</Data>

```

2.2.9. Tìm kiếm hóa đơn theo khách hàng

URL

string **listInvByCus**(string cusCode, string fromDate, string toDate, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép trả về thông tin cơ bản của hóa đơn dạng chuỗi xml theo fkey truyền vào

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **cusCode***: Mã đơn vị cần lấy hóa đơn về
- **fromDate**: ngày bắt đầu tìm kiếm. String theo định dạng dd/MM/yyyy (20/05/2013). Nếu truyền vào null tìm kiếm theo tất cả các ngày
- **toDate**: ngày kết thúc tìm kiếm. String theo định dạng dd/MM/yyyy. Nếu truyền vào null tìm kiếm theo tất cả các ngày
- **userName/userPass***: account/password để gọi web services. Do Hệ thống HĐĐT cung cấp.

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:3	Không tồn tại khách hàng tương ứng với cusCode	
ERR:4	Công ty chưa được đăng kí mẫu hóa đơn nào	
ERR:7	Không tìm thấy thông tin công ty	
ERR:	Có lỗi xảy ra	
OK: chuỗi_xml_trả_về	Thông tin các hóa đơn đã phát hành, đã sửa đổi, đã thay thế, đã sử dụng của công ty, cấu trúc dưới dạng chuỗi xml. Mỗi thẻ <Inv> tương ứng với một hóa đơn Thẻ <status> chứa trạng thái hóa đơn: 1- hóa đơn đã phát hành, 3- hóa đơn bị thay thế, 4- hóa đơn bị điều chỉnh	

Cấu trúc của chuỗi xml trả về

```

<Data>
  <Item > //tương ứng với 1 hóa đơn
    <index>Tháng xuất hóa đơn </index>
    <invToken>Pattern;Serial;So hoa đơn </invToken >
    <fkey>Fkey để xác định hóa đơn </fkey >
    <name>Tên hóa đơn</name>
    <publishDate>Ngày phát hành hóa đơn</publishDate>
    <signStatus>Trạng thái kí khách hàng</signStatus>
    <total>Tổng tiền</total>
    <amount>Tổng tiền sau thuế của hóa đơn</amount>
    <pattern>Mẫu hóa đơn</pattern>
    <serial>Serial hóa đơn</serial>
    <invNum>Số hóa đơn</invNum>
    <status>Trạng thái hóa đơn(1,3,4)</status >
    <payment>Trạng thái thanh toán (0/1)</payment>
  </Item >
  <Item ></Item >....Hóa đơn khác
</Data>

```

2.2.10. Tìm kiếm hóa đơn theo fkey

URL

string **listInvByCusFkey**(string fkey, string fromDate, string toDate, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép trả về thông tin cơ bản của hóa đơn dạng chuỗi xml theo fkey

truyền vào

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **fromDate:** ngày bắt đầu tìm kiếm. String theo định dạng dd/MM/yyyy (20/05/2020). Nếu truyền vào null tìm kiếm theo tất cả các ngày
- **toDate:** ngày kết thúc tìm kiếm. String theo định dạng dd/MM/yyyy. Nếu truyền vào null tìm kiếm theo tất cả các ngày
- **fkey*:** Mã xác định hóa đơn

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:4	Công ty chưa được đăng kí mẫu hóa đơn nào	
ERR:7	Không tìm thấy thông tin công ty	
ERR:	Có lỗi xảy ra	
OK: chuỗi_xml_trả_về	Thông tin các hóa đơn đã phát hành, đã sửa đổi, đã thay thế, đã sử dụng của công ty, cấu trúc dưới dạng chuỗi xml. Mỗi thẻ <Inv> tương ứng với một hóa đơn Thẻ <status> chứa trạng thái hóa đơn: 1- hóa đơn đã phát hành, 3- hóa đơn bị thay thế, 4- hóa đơn bị điều chỉnh	

Cấu trúc của chuỗi xml trả về

```
<Data>
  <Item > //tương ứng với 1 hóa đơn
    <index>Tháng xuất hóa đơn </index>
    <cusCode>Mã khách hàng</cusCode>
    <month></month>
    <name>Tên hóa đơn</name>
    <publishDate>Ngày phát hành hóa đơn</publishDate>
    <signStatus>Trạng thái kí khách hàng</signStatus>
    <pattern>Mẫu hóa đơn</pattern>
    <serial>Serial hóa đơn</serial>
```

```

    <invNum>Số hóa đơn</invNum>
    <amount>Tổng tiền của hóa đơn </amount>
    <status>Trạng thái hóa đơn</status>
    <cusname>Tên người mua hàng</cusname>
    <payment>Trạng thái thanh toán</payment >
    <converted>1: đã chuyển đổi / 0: chưa chuyển đổi</payment >
  </Item >
  <Item ></Item >....Hóa đơn khác
</Data>

```

2.2.11. Lấy thông tin chi tiết hóa đơn

URL

string **getInvView**(string invToken, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép trả về định dạng html của hóa đơn theo chuỗi token truyền vào

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **invToken:** Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Chuỗi token không đúng định dạng	
ERR:4	Công ty chưa được đăng kí mẫu hóa đơn nào	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	Không tìm thấy thông tin công ty	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
ERR:12	Hoá đơn có mã chưa được thuế chấp nhận	
ERR:13	Hoá đơn không mã chưa được thuế chấp nhận	

chuỗi_hml_trả_về	Trả về chuỗi hml tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng html
------------------	--	-----------------------------------

2.2.12. Lấy thông tin chi tiết hóa đơn, không kiểm tra trạng thái thanh toán

URL

string **getInvViewNoPay** (string invToken, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép trả về định dạng html của hóa đơn theo chuỗi token truyền vào, không kiểm tra trạng thái thanh toán

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **invToken** : Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Chuỗi token không đúng định dạng	
ERR:4	Công ty chưa được đăng kí mẫu hóa đơn nào	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	Không tìm thấy thông tin công ty	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
ERR:12	Hoá đơn có mã chưa được thuế chấp nhận	
ERR:13	Hoá đơn không mã chưa được thuế chấp nhận	
chuỗi_hml_trả_về	Trả về chuỗi hml tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng html

2.2.13. Lấy thông tin chi tiết hóa đơn theo fkey

URL

string **getInvViewFkey** (string fkey, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép trả về định dạng html của hóa đơn theo fkey truyền vào

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **fkey** : Chuỗi key xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:4	Công ty chưa được đăng kí mẫu hóa đơn nào	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	Không tìm thấy thông tin công ty	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
ERR:12	Hoá đơn có mã chưa được thuế chấp nhận	
ERR:13	Hoá đơn không mã chưa được thuế chấp nhận	
chuỗi_hml_trả_về	Trả về chuỗi hml tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng html

2.2.14. Lấy thông tin chi tiết hóa đơn tạo mới theo fkey

URL

string **getNewInvViewFkey**(string fkey, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép trả về định dạng html của hóa đơn mới tạo theo fkey truyền

vào

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **fkey** : Chuỗi key xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Fkey truyền vào rỗng	
ERR:4	Công ty chưa được đăng kí mẫu hóa đơn nào	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	Không tìm thấy thông tin công ty	
ERR:12	Hoá đơn có mã chưa được thuế chấp nhận	
ERR:13	Hoá đơn không mã chưa được thuế chấp nhận	
chuỗi_html_trả_về	Trả về chuỗi html tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng html

2.2.15. Lấy thông tin chi tiết của hóa đơn theo fkey, không kiểm tra trạng thái thanh toán

URL

string **getInvViewFkeyNoPay** (string fkey, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép trả về định dạng html của hóa đơn theo fkey truyền vào, không kiểm tra trạng thái thanh toán.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **fkey** : Chuỗi key xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:4	Công ty chưa được đăng kí mẫu hóa đơn nào	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	Không tìm thấy thông tin công ty	
ERR:12	Hoá đơn có mã chưa được thuế chấp nhận	
ERR:13	Hoá đơn không mã chưa được thuế chấp nhận	
chuỗi_hml_trả_về	Trả về chuỗi hml tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng html

2.2.16. Chuyển đổi hóa đơn chứng minh nguồn gốc, xuất xứ

URL

string **convertForVerify** (string invToken, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện chuyển đổi với mục đích chứng minh nguồn gốc xuất xứ cho hóa đơn. Mỗi hóa đơn sẽ chỉ được chuyển đổi 1 lần duy nhất.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **invToken** : Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Chuỗi token không đúng định dạng	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn đã được chuyển đổi	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	
ERR:12	Hoá đơn có mã chưa được thuế chấp nhận	
ERR:13	Hoá đơn không mã chưa được thuế chấp nhận	
chuỗi_hml_trả_về	Trả về chuỗi hml tương ứng với hóa đơn đã chuyển đổi	Trả về một hóa đơn dưới dạng html

2.2.17. Chuyển đổi hóa đơn chứng minh nguồn gốc, xuất xứ theo fkey

URL

string **convertForVerifyFkey** (string fkey, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện chuyển đổi với mục đích chứng minh nguồn gốc xuất xứ cho hóa đơn. Mỗi hóa đơn sẽ chỉ được chuyển đổi 1 lần duy nhất.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống)
- **fkey** : Chuỗi key xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
---------	-------	---------

ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn đã được chuyển đổi	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	
ERR:12	Hoá đơn có mã chưa được thuế chấp nhận	
ERR:13	Hoá đơn không mã chưa được thuế chấp nhận	
chuỗi_hml_trả_về	Trả về chuỗi hml tương ứng với hóa đơn đã chuyển đổi	Trả về một hóa đơn dưới dạng html

2.2.18. Chuyển đổi lưu trữ hóa đơn

URL

string **convertForStore** (string invToken, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện chuyển đổi với mục đích lưu trữ, mỗi hóa đơn sẽ được chuyển đổi nhiều lần.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **invToken** : Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Chuỗi token không chính xác	

ERR:7	Không tìm thấy công ty	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:8	Hóa đơn đã chuyển đổi	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	
ERR:12	Hoá đơn có mã chưa được thuế chấp nhận	
ERR:13	Hoá đơn không mã chưa được thuế chấp nhận	
chuỗi_hml_trả_về	Trả về chuỗi hml tương ứng với hóa đơn đã chuyển đổi	Trả về một hóa đơn dưới dạng html

2.2.19. Lấy thông tin khách hàng

URL

string **getCus**(string cusCode, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện lấy thông tin khách hàng dựa vào mã khách hàng truyền vào

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **cusCode:** Mã khách hàng

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:7	Không tìm thấy khách hàng hoặc công ty tương ứng	Kiểu string
ERR:3	Không tìm thấy thông tin khách hàng	
ERR:	Lỗi không xác định	
Chuỗi xml trả về	Chuỗi xml thông tin khách hàng	Kiểu string

Cấu trúc chuỗi XML trả về:

```

<Data>
  <code>{0}</code>
  <name><![CDATA[{0}]]></name>
  <address><![CDATA[{0}]]></address>
  <phone>{0}</phone>
  <taxcode>{0}</taxcode>
  <email>{0}</email>
</Data>

```

2.2.20. Chuyển đổi lưu trữ hóa đơn theo Fkey

URL

string **convertForStoreFkey** (string fkey, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện chuyển đổi với mục đích lưu trữ PDF, mỗi hóa đơn sẽ được chuyển đổi nhiều lần.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **fkey:** Chuỗi fkey xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Chuỗi token không chính xác	
ERR:7	Không tìm thấy công ty	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:8	Hóa đơn đã chuyển đổi	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	
ERR:12	Hoá đơn có mã chưa được thuế chấp nhận	
ERR:13	Hoá đơn không mã chưa được thuế chấp nhận	
chuỗi_base64_trả_về	Trả về chuỗi base64 tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng string base64

2.2.21. Download hóa đơn lỗi gửi thuế theo Fkey

URL

String **downloadInvErrorFkey** (string fkey, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép tải về chuỗi xml của hóa đơn lỗi gửi cơ quan thuế theo fkey truyền lên

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **fkey** : Chuỗi fkey xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền ServiceRole	
ERR:2	Chuỗi token không đúng định dạng	
ERR:4	Không tìm thấy dải thông báo phát hành	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy thông tin công ty tương ứng cho user.	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
chuỗi_Xml_trả_về	Trả về chuỗi Xml tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng string Xml

2.2.22. Download hóa đơn lỗi gửi cơ quan thuế định dạng Pdf theo token

URL

String **downloadInvErrorPDF**(string token, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép tải về dạng pdf của hóa đơn lỗi gửi cơ quan thuế theo token

truyền lên.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **token:** Chuỗi fkey xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền ServiceRole	
ERR:2	Chuỗi token không đúng định dạng	
ERR:4	Không tìm thấy dải thông báo phát hành	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy thông tin công ty tương ứng cho user.	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
Chuỗi base64	Trả về chuỗi base64 tương ứng với hóa đơn. Lưu chuỗi này thành file .pdf để được file PDF	

2.2.23. Download hóa đơn lỗi gửi cơ quan thuế định dạng HTML

URL

String **GetInvErrorViewFkey** (string fkey, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép tải về dạng HTML của hóa đơn lỗi gửi cơ quan thuế theo token truyền lên.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).

- **fkey**: Chuỗi fkey xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền ServiceRole	
ERR:2	Chuỗi token không đúng định dạng	
ERR:4	Công ty chưa có mẫu hóa đơn nào	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy thông tin công ty tương ứng cho user.	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
Chuỗi base64	Trả về chuỗi base64 tương ứng với hóa đơn. Lưu chuỗi này thành file .html để được file HTML	

2.2.24. Download hóa đơn lỗi gửi thuế định dạng Pdf theo Fkey

URL

String **downloadInvPDFFkeyError** (string invToken, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép tải về dạng pdf của hóa đơn theo token truyền lên.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **invToken**: Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền ServiceRole	

ERR:2	Chuỗi token không đúng định dạng	
ERR:4	Không tìm thấy dải thông báo phát hành	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy thông tin công ty tương ứng cho user.	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
ERR:12	Hoá đơn có mã chưa được thuế chấp nhận	
ERR:13	Hoá đơn không mã chưa được thuế chấp nhận	
Chuỗi base64	Trả về chuỗi base64 tương ứng với hóa đơn. Lưu chuỗi này thành file .pdf để được file PDF	

2.2.25. Download hóa đơn lỗi gửi cơ quan thuế theo invtoken

URL

String **downloadInvError**(string invToken, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép tải về chuỗi xml của hóa đơn

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **invToken** : Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền ServiceRole	
ERR:2	Chuỗi token không đúng định dạng	
ERR:4	Không tìm thấy Pattern	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	

ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy thông tin công ty tương ứng cho user.	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
chuỗi_Xml_trả_về	Trả về chuỗi Xml tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng string Xml

2.2.26. Download hóa đơn lỗi gửi cơ quan thuế với cả các hóa đơn chưa thanh toán theo invtoken

URL

String **downloadInvNoPayError** (string invToken, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép tải về chuỗi xml của hóa đơn, cho phép tải các hóa đơn chưa thanh toán.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **invToken** : Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền ServiceRole	
ERR:2	Chuỗi token không đúng định dạng	
ERR:4	Không tìm thấy Pattern	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy thông tin công ty tương ứng cho user.	
chuỗi_Xml_trả_về	Trả về chuỗi Xml tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng string Xml

2.2.27. Download hóa đơn lỗi gửi thuế định dạng Pdf, không kiểm tra trạng thái thanh toán theo fkey

URL

String **downloadInvPDFFkeyNoPayError** (string fkey, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép tải về dạng pdf của hóa đơn theo fkey truyền lên, cho phép tải cả hóa đơn chưa thanh toán.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **fkey**: Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền ServiceRole	
ERR:2	Chuỗi token không đúng định dạng	
ERR:4	Không tìm thấy dải thông báo phát hành	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy thông tin công ty tương ứng cho user.	
Chuỗi base64	Trả về chuỗi base64 tương ứng với hóa đơn. Lưu chuỗi này thành file .pdf để được file PDF	

2.2.28. Download hóa đơn lỗi gửi thuế định dạng Pdf, không kiểm tra trạng thái thanh toán theo Token

URL

String **downloadInvPDFNoPayError** (string token, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép tải về dạng pdf của hóa đơn theo token truyền lên.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **token:** Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền ServiceRole	
ERR:2	Chuỗi token không đúng định dạng	
ERR:4	Không tìm thấy dải thông báo phát hành	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy thông tin công ty tương ứng cho user.	
Chuỗi base64	Trả về chuỗi base64 tương ứng với hóa đơn. Lưu chuỗi này thành file .pdf để được file PDF	

2.2.29. Lấy danh sách hóa đơn từ ngày đến ngày theo mẫu số, ký hiệu

URL

String **GetInvViewByDate**(string userName, string userPass, string pattern, string serial, string fromDate, string toDate)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép lấy danh sách hóa đơn từ ngày đến ngày theo mẫu số, ký hiệu.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **pattern:** mẫu số
- **serial:** ký hiệu

- **fromDate:** từ ngày
- **toDate:** đến ngày

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền ServiceRole	
ERR:2	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:3	Sai định dạng ngày tháng	
ERR:4	Không lấy được bảng hóa đơn (sai mẫu số)	
ERR:6	Vượt quá giới hạn số lượng hóa đơn được phép lấy (500 hóa đơn)	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	
ERR:7	Vượt quá giới hạn 7 ngày	
Chuỗi base64	Trả về chuỗi base64 của xml danh sách hóa đơn	

Cấu trúc xml trả về (được base64):

```
<DSHDon>
  <HDon>
    <DLieu>XML hóa đơn đã base64</DLieu>
    <Loai>Loại hóa đơn(0: hóa đơn gốc; 1: hóa đơn thay thế; 2,3,4,5: hóa đơn điều
chỉnh)</Loai>
    <TThai>Trạng thái hóa đơn(0: hóa đơn mới; 1: hóa đơn phát hành; 3: hóa đơn
thay thế; 4: hóa đơn điều chỉnh; 5: hóa đơn hủy)</TThai>
  </HDon>
</DSHDon>
```

2.2.30. Download file .zip hóa đơn theo Fkey

URL

String **downloadInvZipFkey**(string fkey, string userName, string userPass, bool checkPayment)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép tải về file .zip chứa 2 file .xml và .html của hóa đơn

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **fkey**: Chuỗi fkey xác định hóa đơn
- **checkPayment**: “true”: Chỉ cho tải hóa đơn có trạng thái là đã thanh toán; “false”: Tải hóa đơn không cần kiểm tra hóa đơn đã thanh toán hay chưa

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền ServiceRole	
ERR:4	Không tìm thấy dải thông báo phát hành	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy thông tin công ty tương ứng cho user.	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
ERR:12	Hoá đơn có mã chưa được thuế chấp nhận	
ERR:13	Hoá đơn không mã chưa được thuế chấp nhận	
Chuỗi Base64	Trả về chuỗi Base64. Lưu chuỗi Base64 này thành file .zip chứa 2 file .xml và .html của hóa đơn	

2.2.31. Download file .zip hóa đơn theo Token

URL

String **downloadInvZipToken**(string invToken, string userName, string userPass, bool checkPayment)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép tải về file .zip chứa 2 file .xml và .html của hóa đơn

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **invToken** : Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy (theo cấu trúc pattern;serial;số hóa đơn. VD: 1/001;K22TAA;1)
- **checkPayment**: “true”: Chỉ cho tải hóa đơn có trạng thái là đã thanh toán; “false”: Tải hóa đơn không cần kiểm tra hóa đơn đã thanh toán hay chưa

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền ServiceRole	
ERR:2	Chuỗi token không đúng định dạng	
ERR:4	Không tìm thấy Pattern	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy thông tin công ty tương ứng cho user.	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
ERR:12	Hoá đơn có mã chưa được thuế chấp nhận	
ERR:13	Hoá đơn không mã chưa được thuế chấp nhận	
Chuỗi Base64	Trả về chuỗi Base64. Lưu chuỗi Base64 này thành file .zip chứa 2 file .xml và .html của hóa đơn	

2.3. Nhóm các hàm webservice xử lý hóa đơn (BussinessService)

2.3.1. Gạch nợ hóa đơn theo fkey

URL

String **confirmPaymentFkey**(string lstFkey, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện gạch nợ hóa đơn theo danh sách fkey truyền vào.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **lstFkey:** Chuỗi Fkey xác định hóa đơn cần lấy (các Fkey phân biệt nhau bằng “_”)
VD: 012013_022013_032013

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn tương ứng chuỗi đưa vào	
ERR:7	Không tìm thấy thông tin công ty tương ứng, hoặc lỗi không xác định	
ERR:13	Hóa đơn đã được gạch nợ trước đó	
OK	Đánh dấu hóa đơn trong list đã được gạch nợ	

2.3.2. Gạch nợ hóa đơn

URL

String **confirmPayment** (string lstInvToken, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện gạch nợ hóa đơn theo danh sách chuỗi invtoken truyền vào.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **lstInvToken:** Chuỗi token xác định hóa đơn (theo cấu trúc patternt;serial;sốhóađơn)
VD: 01GTKT2/001;AA/13E;10_01GTKT2/001;AA/13E;11

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
---------	-------	---------

ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Chuỗi token không đúng định dạng	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn tương ứng chuỗi đưa vào	
ERR:7	Không tìm thấy thông tin công ty tương ứng, hoặc lỗi không xác định	
ERR:13	Hóa đơn đã được gạch nợ trước đó	
OK	Đánh dấu hóa đơn trong list đã được gạch nợ	

2.3.3. Bỏ gạch nợ hóa đơn theo fkey

URL

string **UnconfirmPaymentFkey**(string lstFkey, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện bỏ gạch nợ hóa đơn theo danh sách chuỗi fkey truyền vào.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **lstFkey:** Chuỗi Fkey xác định hóa đơn cần lấy (các Fkey phân biệt nhau bằng “_”)

VD: 012013_022013_032013

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Chuỗi token không đúng định dạng	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn tương ứng chuỗi đưa vào	
ERR:7	Không tìm thấy thông tin công ty tương ứng, hoặc lỗi không xác định	
ERR:13	Hóa đơn đã được bỏ gạch nợ trước đó	
OK	Đánh dấu hóa đơn trong list đã được bỏ gạch nợ	

2.3.4. Bỏ gạch nợ hóa đơn

URL

string **unConfirmPayment** (string lstInvToken, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện bỏ gạch nợ hóa đơn theo danh sách chuỗi invtoken truyền vào.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **lstInvToken:** Chuỗi token xác định hóa đơn (theo cấu trúc patternt;serial;sốhóađơn)
VD: 01GTKT2/001;AA/13E;10_01GTKT2/001;AA/13E;11

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Chuỗi token không đúng định dạng	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn tương ứng chuỗi đưa vào	
ERR:7	Không tìm thấy thông tin công ty tương ứng, hoặc lỗi không xác định	
ERR:13	Hóa đơn đã được bỏ gạch nợ trước đó	
OK	Đánh dấu hóa đơn trong list đã được bỏ gạch nợ	

2.3.5. Điều chỉnh hóa đơn

URL

string **AdjustInvoiceAction**(string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string pass, string fkey, string AttachFile, int? convert, string pattern = null, string serial = null).

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện điều chỉnh hóa đơn

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **xmlInvData:** String XML dữ liệu hóa đơn cũ và hóa đơn điều chỉnh
- **fkey:** Chuỗi xác định hóa đơn cần điều chỉnh
- **Convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)
- **Pattern:** Mẫu số
- **Serial:** Ký hiệu
- **AttachFile:** Đường dẫn file biên bản hoặc key để sinh biên bản tự động (=10: sinh biên bản tự động, =11: sinh và ký biên bản tự động, != 10 và !=11: Đường dẫn file biên bản)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Hóa đơn cần điều chỉnh không tồn tại	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:5	Không phát hành được hóa đơn	
ERR:6	Dãi hóa đơn cũ đã hết	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn cần điều chỉnh đã bị thay thế. Không thể điều chỉnh được nữa.	
ERR:9	Trạng thái hóa đơn không được điều chỉnh	
ERR:13	Lỗi trùng fkey	Fkey của hóa đơn mới đã tồn tại trên hệ thống
ERR:14	Lỗi trong quá trình thực hiện cấp số hóa đơn	
ERR:15	Lỗi khi thực hiện Deserialize chuỗi hóa đơn đầu vào	
ERR:19	Pattern truyền vào không giống với hóa đơn cần điều chỉnh	

ERR:20	Dãi hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
ERR:21	Trùng Fkey truyền vào	
ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	
ERR:30	Danh sách hóa đơn tồn tại ngày hóa đơn nhỏ hơn ngày hóa đơn đã phát hành	
ERR:60	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (Có mã / Không mã).	
ERR:61	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (HD GTGT / HD bán hàng...).	
ERR:62	Không được dùng không mã đăng ký gửi bảng tổng hợp thay thế, điều chỉnh các hóa đơn không mã gửi thông tin chi tiết.	
OK: pattern;serial; invNumber (Ví dụ: OK:01GTKT3/ 001;AA/12E;0 000002)	- OK → đã phát hành hóa đơn thành công - Patter → Mẫu số của hóa đơn điều chỉnh - Serial → serial của hóa đơn điều chỉnh - invNumber: số hóa đơn điều chỉnh	

Cấu trúc của xmlInvData (các trường * là bắt buộc):

```

<AdjustInv>
  <key> Giá trị khóa để phân biệt hóa đơn xuất cho khách hàng nào </key>
  <CusCode>Mã khách hàng*</CusCode>
  <CusName>Tên khách hàng*</CusName>
  <CusAddress>Địa chỉ khách hàng*</CusAddress>
  <CusPhone>Điện thoại khách hàng</CusPhone>
  <CusTaxCode>Mã số thuế KH (Bắt buộc với KH là Doanh nghiệp)</CusTaxCode>
  <PaymentMethod>Phương thức thanh toán* </PaymentMethod>
  <CusBankName>Tên ngân hàng</CusBankName>
  <KindOfService>Tháng hóa đơn</KindOfService>
  <CusBankNo>Số tài khoản</CusBankNo>
  <Products>
    <Product>
      <Code>Mã sản phẩm*</Code>
      <ProdName>Tên sản phẩm*</ProdName>
      <ProdUnit>Đơn vị tính</ProdUnit>
      <ProdQuantity>Số lượng</ProdQuantity>
      <ProdPrice>Đơn giá</ProdPrice>
      <Amount>Tổng tiền*</Amount>
      <Remark>Remark</Remark>
      <Total>Tổng tiền trước thuế*</Total>
      <VATRate>Thuế GTGT*</VATRate>
      <VATAmount>Tổng tiền thuế*</VATAmount>
    </Product>
  </Products>
</AdjustInv>

```

```

        <Extra1>Mở rộng 1</Extra1>
        <Extra2>Mở rộng 2</Extra2>
        <Discount>Chiết khấu</Discount>
        <DiscountAmount>Tổng tiền chiết khấu</DiscountAmount>
        <DiscountNonTax>Tổng tiền giảm trừ không chịu
thuế</DiscountNonTax>
        <IsSum> Tính chất * (0-Hàng hóa, dịch vụ; 1-Khuyến mại; 2-Chiết
khẩu thương mại (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo
dòng); 4-Ghi chú/diễn giải; 5- hàng hóa đặc trưng)</IsSum>
        <LHHDTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận các giá trị: 1- Hàng hóa là xe ô tô,
xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số,
TMĐT)</LHHDTrung>
        <SKhung>Số khung</SKhung>
        <SMay>Số máy</SMay>
        <BKSPTVChuyen>Biên kiểm soát phương tiện vận chuyển</BKSPTVChuyen >
        <TNGHang> Tên người gửi hàng</TNGHang>
        <DCNGHang>Địa chỉ người gửi </DCNGHang >
        <MSTNGHang>MST người gửi hàng </MSTNGHang >
        <MDDNGHang> Số định danh người gửi hàng</MDDNGHang >
        <Extra> thẻ mở rộng</Extra>
        <TLTThue> Tỷ lệ tính thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ
của Quốc hội)</TLTThue>
        <STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo
NQ của Quốc hội)</STGThue>
    </Product>
</Products>
<Total>Tổng tiền trước thuế</Total>
<DiscountAmount>Tiền giảm trừ</DiscountAmount>
<VATRate>Thuế GTGT*</VATRate>
<VATAmount>Tiền thuế GTGT*</VATAmount>
<Amount>Tổng tiền*</Amount>
<AmountInWords>Số tiền viết bằng chữ*</AmountInWords>
<Extra>Trường mở rộng</Extra>
<ArisingDate>Ngày dịch vụ</ArisingDate>
<PaymentStatus>Trạng thái thanh toán</PaymentStatus>
<EmailDeliver>EmailDeliver</EmailDeliver>
<ComFax>Company Fax</ComFax>
<ResourceCode>ResourceCode</ResourceCode>
<GrossValue> GrossValue </GrossValue>
<GrossValue0> GrossValue0</GrossValue0>
<VatAmount0> VatAmount0</VatAmount0>
<GrossValue5> GrossValue5</GrossValue5>
<VatAmount5> VatAmount5</VatAmount5>
<GrossValue10> GrossValue10</GrossValue10>
<VatAmount10> VatAmount10</VatAmount10>
<Buyer>Tên đơn vị mua hàng</Buyer>
<Name>Tên hóa đơn</Name>
<ComPhone>Điện thoại công ty</ComPhone>
<ComBankName>Tên ngân hàng</ComBankName>
<ComBankNo>Số tài khoản ngân hàng</ComBankNo>
<DiscountRate>Chiết khấu</DiscountRate>
<GrossValue_NonTax></GrossValue_NonTax>
<CurrencyUnit>Đơn vị tiền tệ</CurrencyUnit>
<ExchangeRate>Tỷ giá</ExchangeRate>
<ConvertedAmount>Tổng tiền quy đổi</ConvertedAmount>
<Extra1>Extra1</Extra1>
<Extra2>Extra2</Extra2>

```

```

<SMSDeliver>SMSDeliver</SMSDeliver>
<Type>Loại hóa đơn chỉnh sửa(int-mặc định lấy là 2) 2-Điều chỉnh tăng,
3-Điều chỉnh giảm, 4- Hóa đơn điều chỉnh thông tin, 6-Điều chỉnh tăng giảm
kết hợp</Type>
<LDDNBo>LDDNBO</LDDNBo>
<HDSO>HDSO</HDSO>
<HVTNXHang>HVTNXHANG</HVTNXHang>
<TNVChuyen>TNVCHUYEN</TNVChuyen>
<PTVChuyen>PTVCHUYEN</PTVChuyen>
<HDKTSO>HDKTSO</HDKTSO>
<HDKTNgay>HDKTNgay</HDKTNgay>
<HDCTTChinh>Hoá đơn cho thuê tài chính (Hóa đơn đối với hoạt động cho thuê
tài chính) Số (1: Hóa đơn dành cho hoạt động thuê tài chính, 0: Hóa đơn không
dành cho hoạt động cho thuê tài chính)</HDCTTChinh>
<HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe ô tô, xe mô
tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT). Nếu
không truyền mặc định là 0- hóa đơn thường </HDDThu>
<ComEmail>Email người bán</ComEmail>
<ComFax>Fax người bán</ComFax>
<ComWebsite>Website người bán</ComWebsite >
<MCHang>Mã cửa hàng người bán</MCHang>
<TCHang>Tên cửa hàng người bán</TCHang>
<MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người mua</MDVQHNSach>
<SHChieu>Số hộ chiếu người mua</SHChieu>
<CCCDan>Căn cước công dân người mua</CCCDan>
<NCHChieu>Ngày cấp hộ chiếu người mua</NCHChieu>
<NHHHChieu>Ngày hết hạn hộ chiếu người mua</NHHHChieu>
<QTich>Quốc tịch người mua</QTich>
<TgTPhiSThue>Tổng tiền phí</TgTPhiSThue>
<SBKe>Số bảng kê</SBKe>
<NBKe>Ngày bảng kê</NBKe>
<GiamThueGTGT> Giảm thuế GTGT(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế
theo NQ của Quốc hội. Nhận giá trị 1/0)</GiamThueGTGT>
<STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế
theo NQ của Quốc hội)</STGThue>
</AdjustInv>

```

2.3.6. Điều chỉnh hóa đơn theo số hóa đơn truyền vào

URL

string **AdjustActionAssignedNo**(string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string pass, string fkey, string AttachFile, int? convert, string pattern = null, string serial = null).

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện điều chỉnh hóa đơn cho phép truyền số hóa đơn

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).

- **Account/ACPass** : Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **xmlInvData**: String XML dữ liệu hóa đơn cũ và hóa đơn điều chỉnh
- **fkey**:Chuỗi xác định hóa đơn cần điều chỉnh
- **Convert**: Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)
- **Pattern**: Mẫu số
- **Serial**: Ký hiệu

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Hóa đơn cần điều chỉnh không tồn tại	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:5	Không phát hành được hóa đơn	
ERR:6	Dải hóa đơn cũ đã hết	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn cần điều chỉnh đã bị thay thế. Không thể điều chỉnh được nữa.	
ERR:9	Trạng thái hóa đơn không được điều chỉnh	
ERR:13	Lỗi trùng fkey	Fkey của hóa đơn mới đã tồn tại trên hệ thống
ERR:14	Lỗi trong quá trình thực hiện cấp số hóa đơn	
ERR:15	Lỗi khi thực hiện Deserialize chuỗi hóa đơn đầu vào	
ERR:19	Pattern truyền vào không giống với hóa đơn cần điều chỉnh	
ERR:20	Dải hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	
ERR:30	Danh sách hóa đơn tồn tại ngày hóa đơn nhỏ hơn ngày hóa đơn đã phát hành	

ERR:31	Số hóa đơn truyền vào không hợp lệ	
ERR:60	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (Có mã / Không mã).	
ERR:61	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (HD GTGT / HD bán hàng...).	
ERR:62	Không được dùng không mã đăng ký gửi bảng tổng hợp thay thế, điều chỉnh các hóa đơn không mã gửi thông tin chi tiết.	
OK: pattern;serial;invNumber (Ví dụ: OK:01GTTKT3/001;AA/12E;000002)	- OK → đã phát hành hóa đơn thành công - Patter → Mẫu số của hóa đơn điều chỉnh - Serial → serial của hóa đơn điều chỉnh - invNumber: số hóa đơn điều chỉnh	

Cấu trúc của xmlInvData trường hợp không có trường mở rộng (các trường * là bắt buộc):

```

<AdjustInv>
  <key> Giá trị khóa để phân biệt hóa đơn xuất cho khách hàng nào </key>
  <InvoiceNo>Số hóa đơn</InvoiceNo>
  <CusCode>Mã khách hàng*</CusCode>
  <CusName>Tên khách hàng*</CusName>
  <CusAddress>Địa chỉ khách hàng*</CusAddress>
  <CusPhone>Điện thoại khách hàng</CusPhone>
  <CusTaxCode>Mã số thuế KH (Bắt buộc với KH là Doanh nghiệp)</CusTaxCode>
  <PaymentMethod>Phương thức thanh toán* </PaymentMethod>
  <CusBankName>Tên ngân hàng</CusBankName>
  <KindOfService>Tháng hóa đơn đơn</KindOfService>
  <CusBankNo>Số tài khoản</CusBankNo>
  <Products>
    <Product>
      <Code>Mã sản phẩm*</Code>
      <ProdName>Tên sản phẩm*</ProdName>
      <ProdUnit>Đơn vị tính</ProdUnit>
      <ProdQuantity>Số lượng</ProdQuantity>
      <ProdPrice>Đơn giá</ProdPrice>
      <Amount>Tổng tiền*</Amount>
      <Remark>Remark</Remark>
      <Total>Tổng tiền trước thuế*</Total>
      <VATRate>Thuế GTGT*</VATRate>
      <VATAmount>Tổng tiền thuế*</VATAmount>
      <Extra1>Mở rộng 1</Extra1>
      <Extra2>Mở rộng 2</Extra2>
      <Discount>Tỷ lệ chiết khấu</Discount>
      <DiscountAmount>Tổng tiền chiết khấu</DiscountAmount>
      <DiscountNonTax>Tổng tiền giảm trừ không chịu
thuế</DiscountNonTax>
    </Product>
  </Products>
  <IsSum> Tính chất * (0-Hàng hóa, dịch vụ; 1-Khuyến mại; 2-Chiết
khấu thương mại (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo
dòng); 4-Ghi chú/diễn giải; 5- hàng hóa đặc trưng)</IsSum>

```

<LHHDTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận các giá trị: 1- Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT)</LHHDTrung>
 <SKhung>Số khung</SKhung>
 <SMay>Số máy</SMay>
 <BKSPTVChuyen>Biển kiểm soát phương tiện vận chuyển</BKSPTVChuyen >
 <TNGHang> Tên người gửi hàng</TNGHang>
 <DCNGHang>Địa chỉ người gửi </DCNGHang >
 <MSTNGHang>MST người gửi hàng </MSTNGHang >
 <MDDNGHang> Số định danh người gửi hàng</MDDNGHang >
 <Extra> thẻ mở rộng</Extra>
 <TLTThue> Tỷ lệ tính thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</TLTThue>
 <STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>
 </Product>
 </Products>
 <Total>Tổng tiền trước thuế*</Total>
 <DiscountAmount>Tiền giảm trừ</DiscountAmount>
 <VATRate>Thuế GTGT*</VATRate>
 <VATAmount>Tiền thuế GTGT*</VATAmount>
 <Amount>Tổng tiền*</Amount>
 <AmountInWords>Số tiền viết bằng chữ*</AmountInWords>
 <Extra>Trường mở rộng</Extra>
 <ArisingDate>Ngày dịch vụ</ArisingDate>
 <PaymentStatus>Trạng thái thanh toán</PaymentStatus>
 <EmailDeliver>EmailDeliver</EmailDeliver>
 <ComFax>Company Fax</ComFax>
 <ResourceCode>ResourceCode</ResourceCode>
 <GrossValue> GrossValue </GrossValue>
 <GrossValue0> GrossValue0</GrossValue0>
 <VatAmount0> VatAmount0</VatAmount0>
 <GrossValue5> GrossValue5</GrossValue5>
 <VatAmount5> VatAmount5</VatAmount5>
 <GrossValue10> GrossValue10</GrossValue10>
 <VatAmount10> VatAmount10</VatAmount10>
 <Buyer>Tên đơn vị mua hàng</Buyer>
 <Name>Tên hóa đơn</Name>
 <ComPhone>Điện thoại công ty</ComPhone>
 <ComBankName>Tên ngân hàng</ComBankName>
 <ComBankNo>Số tài khoản ngân hàng</ComBankNo>
 <DiscountRate>Chiết khấu</DiscountRate>
 <GrossValue_NonTax></GrossValue_NonTax>
 <CurrencyUnit>Đơn vị tiền tệ</CurrencyUnit>
 <ExchangeRate>Tỷ giá</ExchangeRate>
 <ConvertedAmount>Tổng tiền quy đổi</ConvertedAmount>
 <Extra1>Extra1</Extra1>
 <Extra2>Extra2</Extra2>
 <SMSDeliver>SMSDeliver</SMSDeliver>
 <Type>Loại hóa đơn chỉnh sửa(int-mặc định lấy là 2) 2-Điều chỉnh tăng, 3-Điều chỉnh giảm, 4- Hóa đơn điều chỉnh thông tin, 6-Điều chỉnh tăng giảm kết hợp </Type>
 <LDDNBo>LDDNBO</LDDNBo>
 <HDSO>HDSO</HDSO>
 <HVTNXHang>HVTNXHANG</HVTNXHang>
 <TNVChuyen>TNVCHUYEN</TNVChuyen>

```

<PTVChuyen>PTVCHUYEN</PTVChuyen>
<HDKTSO>HDKTSO</HDKTSO>
<HDKTNgay>HDKTNgay</HDKTNgay>
<HDCTTChinh>Hoá đơn cho thuê tài chính (Hóa đơn đối với hoạt động cho thuê
tài chính) Số (1: Hóa đơn dành cho hoạt động thuê tài chính, 0: Hóa đơn không
dành cho hoạt động cho thuê tài chính)</HDCTTChinh>

<HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe ô tô, xe mô
tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT). Nếu
không truyền mặc định là 0- hóa đơn thường </HDDThu>
<ComEmail>Email người bán</ComEmail>
<ComFax>Fax người bán</ComFax>
<ComWebsite>Website người bán</ComWebsite >
<MCHang>Mã của hàng người bán</MCHang>
<TCHang>Tên của hàng người bán</TCHang>
<MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người mua</MDVQHNSach>
<SHChieu>Số hộ chiếu người mua</SHChieu>
<CCCDan>Căn cước công dân người mua</CCCDan>
<NCHChieu>Ngày cấp hộ chiếu người mua</NCHChieu>
<NHHHChieu>Ngày hết hạn hộ chiếu người mua</NHHHChieu>
<QTich>Quốc tịch người mua</QTich>
<TgTPhiSThue>Tổng tiền phí</TgTPhiSThue>
<SBKe>Số bảng kê</SBKe>
<NBKe>Ngày bảng kê</NBKe>
<GiamThueGTGT> Giảm thuế GTGT (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế
theo NQ của Quốc hội. Nhận giá trị 1/0)</GiamThueGTGT>

<STGThue> Số tiền giảm thuế (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế
theo NQ của Quốc hội)</STGThue>

</AdjustInv>

```

2.3.7. Html xem trước khi điều chỉnh hóa đơn

URL

string **AdjustInvoiceNoPublish**(string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string pass, string fkey, int? convert, string pattern = null, string serial = null).

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện lấy dữ liệu html hóa đơn mới của điều chỉnh hóa đơn trước khi ký số phát hành

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **xmlInvData:** String XML dữ liệu hóa đơn cũ và hóa đơn điều chỉnh
- **fkey:** Chuỗi xác định hóa đơn cần điều chỉnh

- **Convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)
- **Pattern:** Mẫu số
- **Serial:** Ký hiệu

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Hóa đơn cần điều chỉnh không tồn tại	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:5	Có lỗi trong quá trình tạo mới hóa đơn điều chỉnh	
ERR:6	Dãi hóa đơn cũ đã hết	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn cần điều chỉnh đã bị thay thế. Không thể điều chỉnh được nữa.	
ERR:9	Trạng thái hóa đơn không được điều chỉnh	
ERR:15	Lỗi khi thực hiện Deserialize chuỗi hóa đơn đầu vào	
ERR:19	Pattern truyền vào không giống với hóa đơn cần điều chỉnh	
ERR:20	Dãi hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
chuỗi_hml_trả_về	Trả về chuỗi hml tương ứng với hóa đơn điều chỉnh nhưng chưa phát hành, ký số	Trả về một hóa đơn dưới dạng html

Cấu trúc của xmlInvData trường hợp **không có trường mở rộng (các trường * là bắt buộc):**

```

<AdjustInv>
  <key> Giá trị khóa để phân biệt hóa đơn xuất cho khách hàng nào </key>
  <CusCode>Mã khách hàng*</CusCode>
  <CusName>Tên khách hàng*</CusName>
  <CusAddress>Địa chỉ khách hàng*</CusAddress>
  <CusPhone>Điện thoại khách hàng*</CusPhone>
  <CusTaxCode>Mã số thuế KH (Bắt buộc với KH là Doanh nghiệp)</CusTaxCode>
  <PaymentMethod> Phương thức thanh toán </PaymentMethod>
  <CusBankName>Tên ngân hàng</CusBankName>
  <KindOfService>Tháng hóa đơn</KindOfService>

```

```

<CusBankNo>Số tài khoản</CusBankNo>
<Products>
  <Product>
    <Code>Mã sản phẩm*</Code>
    <ProdName>Tên sản phẩm*</ProdName>
    <ProdUnit>Đơn vị tính</ProdUnit>
    <ProdQuantity>Số lượng</ProdQuantity>
    <ProdPrice>Đơn giá</ProdPrice>
    <Amount>Tổng tiền*</Amount>
    <Remark>Remark</Remark>
    <Total>Tổng tiền trước thuế*</Total>
    <VATRate>Thuế GTGT*</VATRate>
    <VATAmount>Tổng tiền thuế*</VATAmount>
    <Extra1>Mở rộng 1</Extra1>
    <Extra2>Mở rộng 2</Extra2>
    <Discount>Chiết khấu</Discount>
    <DiscountAmount>Tổng tiền chiết khấu</DiscountAmount>
    <DiscountNonTax>Tổng tiền giảm trừ không chịu
    thuế</DiscountNonTax>
    <IsSum>Tính chất * (0-Hàng hóa, dịch vụ; 1-Khuyến mại; 2-Chiết
    khấu thương mại (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo
    dòng); 4-Ghi chú/diễn giải)</IsSum>
  </Product>
</Products>
<Total>Tổng tiền trước thuế*</Total>
<DiscountAmount>Tiền giảm trừ</DiscountAmount>
<VATRate>Thuế GTGT*</VATRate>
<VATAmount>Tiền thuế GTGT*</VATAmount>
<Amount>Tổng tiền*</Amount>
<AmountInWords>Số tiền viết bằng chữ*</AmountInWords>
<Extra>Trường mở rộng</Extra>
<ArisingDate>Ngày dịch vụ</ArisingDate>
<PaymentStatus>Trạng thái thanh toán</PaymentStatus>
<EmailDeliver>EmailDeliver</EmailDeliver>
<ComName>Tên công ty</ComName>
<ComAddress>Địa chỉ công ty</ComAddress>
<ComTaxCode>Mã số thuế</ComTaxCode>
<ComFax>Company Fax</ComFax>
<ResourceCode>ResourceCode</ResourceCode>
<GrossValue> GrossValue </GrossValue>
<GrossValue0> GrossValue0</GrossValue0>
<VatAmount0> VatAmount0</VatAmount0>
<GrossValue5> GrossValue5</GrossValue5>
<VatAmount5> VatAmount5</VatAmount5>
<GrossValue10> GrossValue10</GrossValue10>
<VatAmount10> VatAmount10</VatAmount10>
<Buyer>Tên đơn vị mua hàng</Buyer>
<Name>Tên hóa đơn</Name>
<ComPhone>Điện thoại công ty</ComPhone>
<ComBankName>Tên ngân hàng</ComBankName>
<ComBankNo>Số tài khoản ngân hàng</ComBankNo>
<CreateDate>CreateDate</CreateDate>
<DiscountRate>Chiết khấu</DiscountRate>
<CusSignStatus>1.1</CusSignStatus>
<CreateBy>CreateBy</CreateBy>
<PublishBy>PublishBy</PublishBy>
<Note>Note</Note>

```

```

<ProcessInvNote>ProcessInvNote</ProcessInvNote>
<Fkey>Fkey</Fkey>
<GrossValue_NonTax></GrossValue_NonTax>
<CurrencyUnit>Đơn vị tiền tệ</CurrencyUnit>
<ExchangeRate>Tỷ giá</ExchangeRate>
<ConvertedAmount>Tổng tiền quy đổi</ConvertedAmount>
<Extra1>Extra1</Extra1>
<Extra2>Extra2</Extra2>
<SMSDeliver>SMSDeliver</SMSDeliver>
<Type>Loại hóa đơn chỉnh sửa(int-mặc định lấy là 2) 2-Điều chỉnh tăng,
3-Điều chỉnh giảm, 4- Hóa đơn điều chỉnh thông tin</Type>
<LDDNBo>LDDNBO</LDDNBo>
<HDSO>HDSO</HDSO>
<HVTNXHang>HVTNXHANG</HVTNXHang>
<TNVChuyen>TNVCHUYEN</TNVChuyen>
<PTVChuyen>PTVCHUYEN</PTVChuyen>
<HDKTSO>HDKTSO</HDKTSO>
<HDKTNgay>HDKTNgay</HDKTNgay>
</AdjustInv>

```

Cấu trúc của xmlInvData trường hợp **Có trường mở rộng (các trường ***** là bắt buộc):**

```

<AdjustInv>
  <key> Giá trị khóa để phân biệt hóa đơn xuất cho khách hàng nào </key>
  <CusCode>Mã khách hàng*</CusCode>
  <CusName>Tên khách hàng*</CusName>
  <CusAddress>Địa chỉ khách hàng*</CusAddress>
  <CusPhone>Điện thoại khách hàng</CusPhone>
  <CusTaxCode>Mã số thuế KH (Bắt buộc với KH là Doanh nghiệp)</CusTaxCode>
  <PaymentMethod> Phương thức thanh toán </PaymentMethod>
  <CusBankName>Tên ngân hàng</CusBankName>
  <KindOfService>Tháng hóa đơn</KindOfService>
  <CusBankNo>Số tài khoản</CusBankNo>
  <Products>
    <Product>
      <Code>Mã sản phẩm*</Code>
      <ProdName>Tên sản phẩm*</ProdName>
      <ProdUnit>Đơn vị tính</ProdUnit>
      <ProdQuantity>Số lượng</ProdQuantity>
      <ProdPrice>Đơn giá</ProdPrice>
      <Amount>Tổng tiền*</Amount>
      <Remark>Remark</Remark>
      <Total>Tổng tiền trước thuế*</Total>
      <VATRate>Thuế GTGT*</VATRate>
      <VATAmount>Tổng tiền thuế*</VATAmount>
      <Extra1>Mở rộng 1</Extra1>
      <Extra2>Mở rộng 2</Extra2>
      <Discount>Chiết khấu</Discount>
      <DiscountAmount>Tổng tiền chiết khấu</DiscountAmount>
      <IsSum> Tính chất * (0-Hàng hóa, dịch vụ; 1-Khuyến mại; 2-Chiết
khấu thương mại (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo
dòng); 4-Ghi chú/diễn giải)</IsSum>
    </Product>
  </Products>
  <Extras>
    <Extra_item>
      <Extra_Name>Extra_Name</Extra_Name>

```

```

        <Extra_Value>Extra_Value</Extra_Value>
    </Extra_item>
</Extras>
<Total>Tổng tiền trước thuế*</Total>
<DiscountAmount>Tiền giảm trừ</DiscountAmount>
<VATRate>Thuế GTGT*</VATRate>
<VATAmount>Tiền thuế GTGT*</VATAmount>
<Amount>Tổng tiền*</Amount>
<AmountInWords>Số tiền viết bằng chữ*</AmountInWords>
<Extra>Trường mở rộng</Extra>
<ArisingDate>Ngày dịch vụ</ArisingDate>
<PaymentStatus>Trạng thái thanh toán</PaymentStatus>
<EmailDeliver>EmailDeliver</EmailDeliver>
<ComName>Tên công ty</ComName>
<ComAddress>Địa chỉ công ty</ComAddress>
<ComTaxCode>Mã số thuế</ComTaxCode>
<ComFax>Company Fax</ComFax>
<ResourceCode>ResourceCode</ResourceCode>
<GrossValue> GrossValue </GrossValue>
<GrossValue0> GrossValue0</GrossValue0>
<VatAmount0> VatAmount0</VatAmount0>
<GrossValue5> GrossValue5</GrossValue5>
<VatAmount5> VatAmount5</VatAmount5>
<GrossValue10> GrossValue10</GrossValue10>
<VatAmount10> VatAmount10</VatAmount10>
<Buyer>Tên đơn vị mua hàng</Buyer>
<Name>Tên hóa đơn</Name>
<ComPhone>Điện thoại công ty</ComPhone>
<ComBankName>Tên ngân hàng</ComBankName>
<ComBankNo>Số tài khoản ngân hàng</ComBankNo>
<CreateDate>CreateDate</CreateDate>
<DiscountRate>Chiết khấu</DiscountRate>
<CusSignStatus>1.1</CusSignStatus>
<CreateBy>CreateBy</CreateBy>
<PublishBy>PublishBy</PublishBy>
<Note>Note</Note>
<ProcessInvNote>ProcessInvNote</ProcessInvNote>
<Fkey>Fkey</Fkey>
<GrossValue_NonTax></GrossValue_NonTax>
<CurrencyUnit>Đơn vị tiền tệ</CurrencyUnit>
<ExchangeRate>Tỷ giá</ExchangeRate>
<ConvertedAmount>Tổng tiền quy đổi</ConvertedAmount>
<Extra1>Extra1</Extra1>
<Extra2>Extra2</Extra2>
<SMSDeliver>SMSDeliver</SMSDeliver>
<Type>Loại hóa đơn chỉnh sửa(int-mặc định lấy là 2) 2-Điều chỉnh tăng,
3-Điều chỉnh giảm, 4- Hóa đơn điều chỉnh thông tin</Type>
<LDDNBo>LDDNBO</LDDNBo>
<HDSO>HDSO</HDSO>
<HVTNXHang>HVTNXHANG</HVTNXHang>
<TNVChuyen>TNVCHUYEN</TNVChuyen>
<PTVChuyen>PTVCHUYEN</PTVChuyen>
<HDKTSO>HDKTSO</HDKTSO>
<HDKTNgay>HDKTNgay</HDKTNgay>
</AdjustInv>

```

2.3.8. Hủy hóa đơn theo fkey

URL

string **cancelInv**(string Account, string ACpass, string Fkey, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện hủy hóa đơn theo giá trị fkey truyền vào

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/ACPass** : Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **fkey**: Chuỗi xác định hóa đơn cần hủy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:6	Lỗi không xác định	
ERR:7	Không tìm thấy thông tin công ty tương ứng, hoặc lỗi không xác định	
ERR:8	Hóa đơn đã bị điều chỉnh / hủy / hóa đơn mới tạo không thể hủy được	
ERR:9	Hóa đơn đã thanh toán, không cho phép hủy	
ERR:20	Dải hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
OK:	Hủy hóa đơn thành công	

2.3.9. Thay thế hóa đơn

URL

string **ReplaceInvoiceAction**(string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string pass, string fkey, string Attachfile, int? convert, string pattern = null, string serial = null).

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện thay thế hóa đơn

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **xmlInvData:** String XML dữ liệu hóa đơn cũ và hóa đơn thay thế
- **fkey:** Chuỗi xác định hóa đơn cần thay thế
- **Convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)
- **Pattern:** Mẫu số
- **Serial:** Ký hiệu
- **AttachFile:** Đường dẫn file biên bản hoặc key để sinh biên bản tự động (=10: sinh biên bản tự động, =11: sinh và ký biên bản tự động, != 10 và !=11: Đường dẫn file biên bản)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tồn tại hóa đơn cần thay thế	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:5	Có lỗi trong quá trình thay thế hóa đơn	
ERR:6	Dải hóa đơn cũ đã hết	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn đã được thay thế rồi. Không thể thay thế nữa.	
ERR:9	Trạng thái hóa đơn không được thay thế	
ERR:13	Lỗi trùng fkey	Fkey của hóa đơn mới đã tồn tại trên hệ thống
ERR:14	Lỗi trong quá trình thực hiện cấp số hóa đơn	

ERR:15	Lỗi khi thực hiện Deserialize chuỗi hóa đơn đầu vào	
ERR:19	Pattern truyền vào không giống với hóa đơn cần điều chỉnh	
ERR:20	Dãi hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
ERR:21	Trùng Fkey truyền vào	
ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	
ERR:30	Danh sách hóa đơn tồn tại ngày hóa đơn nhỏ hơn ngày hóa đơn đã phát hành	
ERR:60	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (Có mã / Không mã).	
ERR:61	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (HD GTGT / HD bán hàng...).	
ERR:62	Không được dùng không mã đăng ký gửi bảng tổng hợp thay thế, điều chỉnh các hóa đơn không mã gửi thông tin chi tiết.	
OK: pattern;serial;invNumber (Ví dụ: OK:01GKT3/001;AA/12E;000002)	- OK → đã phát hành hóa đơn thay thế - Patter→ Mẫu số của hóa đơn thay thế - Serial → serial của hóa đơn thay thế - invNumber: số hóa đơn thay thế	

Cấu trúc của xmlInvData (các trường * là bắt buộc):

```

<ReplaceInv>
  <key>fkey hóa đơn*</key>
  <CusCode>Mã khách hàng*</CusCode>
  <CusName>Tên khách hàng*</CusName>
  <CusAddress>Địa chỉ khách hàng*</CusAddress>
  <CusPhone>Điện thoại khách hàng*</CusPhone>
  <CusTaxCode>Mã số thuế KH (Bắt buộc với KH là Doanh nghiệp)</CusTaxCode>
  <PaymentMethod>Phương thức thanh toán*</PaymentMethod>
  <CusBankName>Tên ngân hàng</CusBankName>
  <KindOfService>Tháng hóa đơn</KindOfService>
  <CusBankNo>Số tài khoản ngân hàng</CusBankNo>
  <Products>
    <Product>
      <Code>Mã sản phẩm*</Code>
      <ProdName>Tên sản phẩm*</ProdName>
      <ProdUnit>Đơn vị tính</ProdUnit>
      <ProdQuantity>Số lượng</ProdQuantity>
      <ProdPrice>Đơn giá</ProdPrice>
      <Amount>Tổng tiền*</Amount>
    </Product>
  </Products>
</ReplaceInv>

```

```

    <Remark>Remark</Remark>
    <Total>Tổng tiền trước thuế*</Total>
    <VATRate>Thuế GTGT*</VATRate>
    <VATAmount>Tổng tiền thuế*</VATAmount>
    <Extra1>Mở rộng 1</Extra1>
    <Extra2>Mở rộng 2</Extra2>
    <Discount>Tỷ lệ chiết khấu</Discount>
    <DiscountAmount>Tổng tiền chiết khấu</DiscountAmount>
    <DiscountNonTax>Tổng tiền giảm trừ không chịu
thuế</DiscountNonTax>
    <IsSum> Tính chất * (0-Hàng hóa, dịch vụ; 1-Khuyến mại; 2-Chiết
khấu thương mại (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo
dòng); 4-Ghi chú/diễn giải; 5- hàng hóa đặc trưng)</IsSum>
    <LHHDTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận các giá trị: 1- Hàng hóa
là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên
nền tảng số, TMĐT)</LHHDTrung>
    <SKhung>Số khung</SKhung>
    <SMay>Số máy</SMay>
    <BKSPTVChuyen>Biên kiểm soát phương tiện vận
chuyển</BKSPTVChuyen >
    <TNGHang> Tên người gửi hàng</TNGHang>
    <DCNGHang>Địa chỉ người gửi </DCNGHang >
    <MSTNGHang>MST người gửi hàng </MSTNGHang >
    <MDDNGHang> Số định danh người gửi hàng</MDDNGHang >
    <Extra> thẻ mở rộng</Extra>
    <TLTThue> Tỷ lệ tính thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm
thuế theo NQ của Quốc hội)</TLTThue>
    <STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm
thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>
  </Product>
</Products>
<Total>Tổng tiền trước thuế*</Total>
<DiscountAmount>Tiền giảm trừ</DiscountAmount>
<VATRate>Thuế GTGT*</VATRate>
<VATAmount>Tiền thuế GTGT*</VATAmount>
<Amount>Tổng tiền*</Amount>
<AmountInWords>Số tiền viết bằng chữ*</AmountInWords>
<Extra>Trường mở rộng</Extra>
<ArisingDate>Ngày dịch vụ</ArisingDate>
<PaymentStatus>Trạng thái thanh toán</PaymentStatus>
<EmailDeliver>EmailDeliver</EmailDeliver>
<ComFax>Company Fax</ComFax>
<ResourceCode>ResourceCode</ResourceCode>
<GrossValue>GrossValue</GrossValue>
<GrossValue0>GrossValue0</GrossValue0>
<VatAmount0>VatAmount0</VatAmount0>
<GrossValue5>GrossValue5</GrossValue5>
<VatAmount5>VatAmount5</VatAmount5>
<GrossValue10>GrossValue10</GrossValue10>
<VatAmount10>VatAmount10</VatAmount10>
<Buyer>Tên đơn vị mua hàng</Buyer>
<ComPhone>Điện thoại công ty</ComPhone>
<ComBankName>Tên ngân hàng</ComBankName>
<ComBankNo>Số tài khoản ngân hàng</ComBankNo>
<DiscountRate>Chiết khấu</DiscountRate>
<GrossValue_NonTax></GrossValue_NonTax>
<CurrencyUnit>Đơn vị tiền tệ</CurrencyUnit>

```

```

<ExchangeRate>Tỷ giá</ExchangeRate>
<ConvertedAmount>Tổng tiền quy đổi</ConvertedAmount>
<Extra1>Extra1</Extra1>
<Extra2>Extra2</Extra2>
<SMSDeliver>SMSDeliver</SMSDeliver>
<LDDNBo>LDDNBO</LDDNBo>
<HDSO>HDSO</HDSO>
<HVTNXHang>HVTNXHANG</HVTNXHang>
<TNVChuyen>TNVCHUYEN</TNVChuyen>
<PTVChuyen>PTVCHUYEN</PTVChuyen>
<HDKTSO>HDKTSO</HDKTSO>
<HDKTNgay>HDKTNgay</HDKTNgay>
<HDCTTChinh>Hóa đơn cho thuê tài chính (Hóa đơn đối với hoạt động cho thuê tài chính) Số (1: Hóa đơn dành cho hoạt động thuê tài chính, 0: Hóa đơn không dành cho hoạt động cho thuê tài chính)</HDCTTChinh>
<HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT). Nếu không truyền mặc định là 0- hóa đơn thường </HDDThu>
<ComEmail>Email người bán</ComEmail>
<ComFax>Fax người bán</ComFax>
<ComWebsite>Website người bán</ComWebsite>
<MCHang>Mã cửa hàng người bán</MCHang>
<TCHang>Tên cửa hàng người bán</TCHang>
<MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người mua</MDVQHNSach>
<SHChieu>Số hộ chiếu người mua</SHChieu>
<CCCDan>Căn cước công dân người mua</CCCDan>
<NCHChieu>Ngày cấp hộ chiếu người mua</NCHChieu>
<NHHHChieu>Ngày hết hạn hộ chiếu người mua</NHHHChieu>
<QTich>Quốc tịch người mua</QTich>
<TgTPhiSThue>Tổng tiền phí</TgTPhiSThue>
<SBKe>Số bảng kê</SBKe>
<NBKe>Ngày bảng kê</NBKe>
<GiamThueGTGT>Giảm thuế GTGT(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội. Nhận giá trị 1/0)</GiamThueGTGT>
<STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>
</ReplaceInv>

```

2.3.10. Thay thế hóa đơn theo số hóa đơn truyền vào

URL

string **ReplaceActionAssignedNo**(string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string pass, string fkey, string Attachfile, int? convert, string pattern = null, string serial = null).

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện thay thế hóa đơn cho phép truyền số hóa đơn

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **xmlInvData:** String XML dữ liệu hóa đơn cũ và hóa đơn thay thế
- **fkey:** Chuỗi xác định hóa đơn cần thay thế
- **Convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)
- **Pattern:** Mẫu số
- **Serial:** Ký hiệu

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tồn tại hóa đơn cần thay thế	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:5	Có lỗi trong quá trình thay thế hóa đơn	
ERR:6	Dải hóa đơn cũ đã hết	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn đã được thay thế rồi. Không thể thay thế nữa.	
ERR:9	Trạng thái hóa đơn không được thay thế	
ERR:13	Lỗi trùng fkey	Fkey của hóa đơn mới đã tồn tại trên hệ thống
ERR:14	Lỗi trong quá trình thực hiện cấp số hóa đơn	
ERR:15	Lỗi khi thực hiện Deserialize chuỗi hóa đơn đầu vào	
ERR:19	Pattern truyền vào không giống với hóa đơn cần điều chỉnh	
ERR:20	Dải hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	

ERR:30	Danh sách hóa đơn tồn tại ngày hóa đơn nhỏ hơn ngày hóa đơn đã phát hành	
ERR:31	Số hóa đơn truyền vào không hợp lệ	
ERR:60	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (Có mã / Không mã).	
ERR:61	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (HD GTGT / HD bán hàng...).	
ERR:62	Không được dùng không mã đăng ký gửi bảng tổng hợp thay thế, điều chỉnh các hóa đơn không mã gửi thông tin chi tiết.	
OK: pattern;serial;invNumber (Ví dụ: OK:01GKT3/001;AA/12E;000002)	- OK → đã phát hành hóa đơn thay thế - Patter → Mẫu số của hóa đơn thay thế - Serial → serial của hóa đơn thay thế - invNumber: số hóa đơn thay thế	

Cấu trúc của xmlInvData (các trường * là bắt buộc):

```

<ReplaceInv>
  <key>fkey hóa đơn*</key>
  <InvoiceNo>Số hóa đơn</InvoiceNo>
  <CusCode>Mã khách hàng*</CusCode>
  <CusName>Tên khách hàng*</CusName>
  <CusAddress>Địa chỉ khách hàng*</CusAddress>
  <CusPhone>Điện thoại khách hàng</CusPhone>
  <CusTaxCode>Mã số thuế KH (Bắt buộc với KH là Doanh nghiệp)</CusTaxCode>
  <PaymentMethod>Phương thức thanh toán*</PaymentMethod>
  <CusBankName>Tên ngân hàng</CusBankName>
  <KindOfService>Tháng hóa đơn</KindOfService>
  <CusBankNo>Số tài khoản ngân hàng</CusBankNo>
  <Products>
    <Product>
      <Code>Mã sản phẩm*</Code>
      <ProdName>Tên sản phẩm*</ProdName>
      <ProdUnit>Đơn vị tính</ProdUnit>
      <ProdQuantity>Số lượng</ProdQuantity>
      <ProdPrice>Đơn giá</ProdPrice>
      <Amount>Tổng tiền*</Amount>
      <Remark>Remark</Remark>
      <Total>Tổng tiền trước thuế*</Total>
      <VATRate>Thuế GTGT*</VATRate>
      <VATAmount>Tổng tiền thuế*</VATAmount>
      <Extra1>Mở rộng 1</Extra1>
      <Extra2>Mở rộng 2</Extra2>
    </Product>
  </Products>
</ReplaceInv>

```

```

        <Discount>Tỷ lệ chiết khấu</Discount>
        <DiscountAmount>Tổng tiền chiết khấu</DiscountAmount>
        <DiscountNonTax>Tổng tiền giảm trừ không chịu
thuế</DiscountNonTax>
        <IsSum> Tính chất * (0-Hàng hóa, dịch vụ; 1-Khuyến mại; 2-Chiết
khấu thương mại (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo
dòng); 4-Ghi chú/diễn giải; 5- hàng hóa đặc trưng)</IsSum>
        <LHHDTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận các giá trị: 1- Hàng hóa
là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên
nền tảng số, TMĐT)</LHHDTrung>
        <SKhung>Số khung</SKhung>
        <SMay>Số máy</SMay>
        <BKSPTVChuyen>Biển kiểm soát phương tiện vận
chuyển</BKSPTVChuyen >
        <TNGHang> Tên người gửi hàng</TNGHang>
        <DCNGHang>Địa chỉ người gửi </DCNGHang >
        <MSTNGHang>MST người gửi hàng </MSTNGHang >
        <MDDNGHang> Số định danh người gửi hàng</MDDNGHang >
        <Extra> thẻ mở rộng</Extra>
        <TLTThue> Tỷ lệ tính thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm
thuế theo NQ của Quốc hội)</TLTThue>
        <STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm
thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>
    </Product>
</Products>
<Total>Tổng tiền trước thuế</Total>
<DiscountAmount>Tiền giảm trừ</DiscountAmount>
<VATRate>Thuế GTGT*</VATRate>
<VATAmount>Tiền thuế GTGT*</VATAmount>
<Amount>Tổng tiền*</Amount>
<AmountInWords>Số tiền viết bằng chữ*</AmountInWords>
<Extra>Trường mở rộng</Extra>
<ArisingDate>Ngày dịch vụ</ArisingDate>
<PaymentStatus>Trạng thái thanh toán</PaymentStatus>
<EmailDeliver>EmailDeliver</EmailDeliver>
<ComFax>Company Fax</ComFax>
<ResourceCode>ResourceCode</ResourceCode>
<GrossValue>GrossValue</GrossValue>
<GrossValue0>GrossValue0</GrossValue0>
<VatAmount0>VatAmount0</VatAmount0>
<GrossValue5>GrossValue5</GrossValue5>
<VatAmount5>VatAmount5</VatAmount5>
<GrossValue10>GrossValue10</GrossValue10>
<VatAmount10>VatAmount10</VatAmount10>
<Buyer>Tên cá nhân mua hàng</Buyer>
<ComPhone>Điện thoại công ty</ComPhone>
<ComBankName>Tên ngân hàng</ComBankName>
<ComBankNo>Số tài khoản ngân hàng</ComBankNo>
<CreateDate>CreateDate</CreateDate>
<DiscountRate>Chiết khấu</DiscountRate>
<GrossValue_NonTax></GrossValue_NonTax>
<CurrencyUnit>Đơn vị tiền tệ</CurrencyUnit>
<ExchangeRate>Tỷ giá</ExchangeRate>
<ConvertedAmount>Tổng tiền quy đổi</ConvertedAmount>
<Extra1>Extra1</Extra1>
<Extra2>Extra2</Extra2>
<SMSDeliver>SMSDeliver</SMSDeliver>

```

```

<LDDNBo>LDDNBO</LDDNBo>
<HDSO>HDSO</HDSO>
<HVTNXHang>HVTNXHANG</HVTNXHang>
<TNVChuyen>TNVCHUYEN</TNVChuyen>
<PTVChuyen>PTVCHUYEN</PTVChuyen>
<HDKTSO>HDKTSO</HDKTSO>
<HDKTNgay>HDKTNgay</HDKTNgay>
<HDCTTChinh>Hoá đơn cho thuê tài chính (Hóa đơn đối với hoạt động cho
thuê tài chính) Số (1: Hóa đơn dành cho hoạt động thuê tài chính, 0: Hóa đơn
không dành cho hoạt động cho thuê tài chính)</HDCTTChinh>
<HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe ô tô, xe mô
tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT). Nếu
không truyền mặc định là 0- hóa đơn thường </HDDThu>
<ComEmail>Email người bán</ComEmail>
<ComFax>Fax người bán</ComFax>
<ComWebsite>Website người bán</ComWebsite >
<MCHang>Mã cửa hàng người bán</MCHang>
<TCHang>Tên cửa hàng người bán</TCHang>
<MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người mua</MDVQHNSach>
<SHChieu>Số hộ chiếu người mua</SHChieu>
<CCCDan>Căn cước công dân người mua</CCCDan>
<NCHChieu>Ngày cấp hộ chiếu người mua</NCHChieu>
<NHHHChieu>Ngày hết hạn hộ chiếu người mua</NHHHChieu>
<QTich>Quốc tịch người mua</QTich>
<TgTPhiSThue>Tổng tiền phí</TgTPhiSThue>
<SBKe>Số bảng kê</SBKe>
<NBKe>Ngày bảng kê</NBKe>
<GiamThueGTGT> Giảm thuế GTGT (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế
theo NQ của Quốc hội. Nhận giá trị 1/0)</GiamThueGTGT>
<STGThue> Số tiền giảm thuế (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế
theo NQ của Quốc hội)</STGThue>
</ReplaceInv>

```

2.3.11. Html xem trước khi thay thế hóa đơn

URL

string **ReplaceInvoiceNoPublish**(string Account, string ACPass, string xmlInvData, string username, string pass, string fkey, int? convert, string pattern = null, string serial = null).

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện lấy dữ liệu html hóa đơn mới của thay thế hóa đơn trước khi ký số phát hành

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn

- **xmlInvData:** String XML dữ liệu hóa đơn cũ và hóa đơn thay thế
- **fkey:** Chuỗi xác định hóa đơn cần thay thế
- **Convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)
- **Pattern:** Mẫu số
- **Serial:** Ký hiệu

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tồn tại hóa đơn cần thay thế	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:5	Có lỗi trong quá trình tạo mới hóa đơn thay thế	
ERR:6	Dải hóa đơn cũ đã hết	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn đã được thay thế rồi. Không thể thay thế nữa.	
ERR:9	Trạng thái hóa đơn không được thay thế	
ERR:15	Lỗi khi thực hiện Deserialize chuỗi hóa đơn đầu vào	
ERR:19	Pattern truyền vào không giống với hóa đơn cần điều chỉnh	
ERR:20	Dải hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
ERR:60	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (Có mã / Không mã).	
ERR:61	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (HD GTGT / HD bán hàng...).	
ERR:62	Không được dùng không mã đăng ký gửi bảng tổng hợp thay thế, điều chỉnh các hóa đơn không mã gửi thông tin chi tiết.	
chuỗi_hml_trả_về	Trả về chuỗi hml tương ứng với hóa đơn thay thế nhưng chưa phát hành, ký số	Trả về một hóa đơn dưới dạng html

Cấu trúc của xmlInvData (các trường * là bắt buộc):

```
<ReplaceInv>
  <key>fkey hóa đơn*</key>
  <CusCode>Mã khách hàng*</CusCode>
  <CusName>Tên khách hàng*</CusName>
  <CusAddress>Địa chỉ khách hàng*</CusAddress>
  <CusPhone>Điện thoại khách hàng</CusPhone>
  <CusTaxCode>Mã số thuế KH (Bắt buộc với KH là Doanh nghiệp)</CusTaxCode>
  <PaymentMethod>Phương thức thanh toán</PaymentMethod>
  <CusBankName>Tên ngân hàng</CusBankName>
  <KindOfService>Tháng hóa đơn</KindOfService>
  <CusBankNo>Số tài khoản ngân hàng</CusBankNo>
  <Products>
    <Product>
      <Code>Mã sản phẩm*</Code>
      <ProdName>Tên sản phẩm*</ProdName>
      <ProdUnit>Đơn vị tính</ProdUnit>
      <ProdQuantity>Số lượng</ProdQuantity>
      <ProdPrice>Đơn giá</ProdPrice>
      <Amount>Tổng tiền*</Amount>
      <Remark>Remark</Remark>
      <Total>Tổng tiền trước thuế*</Total>
      <VATRate>Thuế GTGT*</VATRate>
      <VATAmount>Tổng tiền thuế*</VATAmount>
      <Extra1>Mở rộng 1</Extra1>
      <Extra2>Mở rộng 2</Extra2>
      <Discount>Chiết khấu</Discount>
      <DiscountAmount>Tổng tiền chiết khấu</DiscountAmount>
      <IsSum>Tính chất * (0-Hàng hóa, dịch vụ; 1-Khuyến mại; 2-Chiết
khấu thương mại (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo
dòng); 4-Ghi chú/diễn giải)</IsSum>
    </Product>
  </Products>
  <Total>Tổng tiền trước thuế*</Total>
  <DiscountAmount>Tiền giảm trừ</DiscountAmount>
  <VATRate>Thuế GTGT*</VATRate>
  <VATAmount>Tiền thuế GTGT*</VATAmount>
  <Amount>Tổng tiền*</Amount>
  <AmountInWords>Số tiền viết bằng chữ*</AmountInWords>
  <Extra>Trường mở rộng</Extra>
  <ArisingDate>Ngày dịch vụ</ArisingDate>
  <PaymentStatus>Trạng thái thanh toán</PaymentStatus>
  <EmailDeliver>EmailDeliver</EmailDeliver>
  <ComName>Tên công ty</ComName>
  <ComAddress>Địa chỉ công ty</ComAddress>
  <ComTaxCode>Mã số thuế</ComTaxCode>
  <ComFax>Company Fax</ComFax>
  <ResourceCode>ResourceCode</ResourceCode>
  <GrossValue>GrossValue</GrossValue>
  <GrossValue0>GrossValue0</GrossValue0>
  <VatAmount0>VatAmount0</VatAmount0>
  <GrossValue5>GrossValue5</GrossValue5>
  <VatAmount5>VatAmount5</VatAmount5>
  <GrossValue10>GrossValue10</GrossValue10>
  <VatAmount10>VatAmount10</VatAmount10>
  <Buyer>Tên đơn vị mua hàng</Buyer>
```

```

<ComPhone>Điện thoại công ty</ComPhone>
<ComBankName>Tên ngân hàng</ComBankName>
<ComBankNo>Số tài khoản ngân hàng</ComBankNo>
<CreateDate>CreateDate</CreateDate>
<DiscountRate>Chiết khấu</DiscountRate>
<CusSignStatus></CusSignStatus>
<CreateBy>CreateBy</CreateBy>
<PublishBy>PublishBy</PublishBy>
<Note>Note</Note>
<ProcessInvNote>ProcessInvNote</ProcessInvNote>
<Fkey>Fkey</Fkey>
<GrossValue_NonTax></GrossValue_NonTax>
<CurrencyUnit>Đơn vị tiền tệ</CurrencyUnit>
<ExchangeRate>Tỷ giá</ExchangeRate>
<ConvertedAmount>Tổng tiền quy đổi</ConvertedAmount>
<Extra1>Extra1</Extra1>
<Extra2>Extra2</Extra2>
<SMSDeliver>SMSDeliver</SMSDeliver>
<LDDNBo>LDDNBO</LDDNBo>
<HDSO>HDSO</HDSO>
<HVTNXHang>HVTNXHANG</HVTNXHang>
<TNVChuyen>TNVCHUYEN</TNVChuyen>
<PTVChuyen>PTVCHUYEN</PTVChuyen>
<HDKTSO>HDKTSO</HDKTSO>
<HDKTNgay>HDKTNgay</HDKTNgay>

</ReplaceInv>

```

2.3.12. Hủy hóa đơn theo fkey

URL

string **cancelInv**(string Account, string ACpass, string Fkey, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện hủy hóa đơn theo giá trị fkey truyền vào

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/ACPass** : Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **fkey**: Chuỗi xác định hóa đơn cần hủy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:6	Lỗi không xác định	
ERR:7	Không tìm thấy thông tin công ty tương ứng, hoặc lỗi không xác định	
ERR:8	Hóa đơn đã bị điều chỉnh / hủy / hóa đơn mới tạo không thể hủy được	
ERR:9	Hóa đơn đã thanh toán, không cho phép hủy	
ERR:20	Dãi hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
OK:	Hủy hóa đơn thành công	

2.3.13. Hủy hóa đơn không check trạng thái thanh toán

URL

string **cancelInvNoPay**(string Account, string ACpass, string Fkey, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện hủy hóa đơn theo giá trị fkey truyền vào

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/ACPass** : Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **fkey**:Chuỗi xác định hóa đơn cần hủy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tìm thấy hóa đơn	

ERR:6	Lỗi không xác định	
ERR:7	Không tìm thấy thông tin công ty tương ứng, hoặc lỗi không xác định	
ERR:8	Hóa đơn đã bị điều chỉnh / hủy / hóa đơn mới tạo không thể hủy được	
ERR:20	Dãi hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
OK:	Hủy hóa đơn thành công	

2.3.14. Gạch nợ hóa đơn theo fkey

URL

string **confirmPaymentFkey**(string lstFkey, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện gạch nợ hóa đơn theo fkey truyền vào

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **lstFkey:** Chuỗi Fkey xác định hóa đơn cần lấy(các Fkey phân biệt nhau bằng “_”)

VD:012013_022013_032013

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn tương ứng chuỗi đưa vào	
ERR:7	Không thực hiện gạch nợ được hóa đơn	- Không tìm thấy thông tin công ty - Không thực hiện được các nghiệp vụ deliver - Lỗi không xác định
ERR:13	Hóa đơn đã thanh toán trước đó	
OK	Hóa đơn gạch nợ thành công	

2.3.15. Phân phối hóa đơn

URL

string **deliverInv**(string lstInvToken, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện tạo bản ghi deliver cho việc phân phối hóa đơn

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **lstInvToken:** Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy(theo cấu trúc patternt;serial;sốhóađơn)

VD: 01GTKT2/001;AA/13E;10_01GTKT2/001;AA/13E;11

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Chuỗi token không hợp lệ	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn tương ứng chuỗi đưa vào	
ERR:11	Chuỗi token đúng định dạng nhưng không tồn tại, hoặc là của hóa đơn đã bị hủy, bị thay thế	
ERR:	Có lỗi không xác định	
OK	Hóa đơn gạch nợ thành công	

2.3.16. Đính kèm file bảng kê cho hóa đơn theo số hóa đơn

URL

string **ImportAttachmentByNo** (string Account, string ACpass, string username, string pass, byte[] bytes, string pattern, string serial, int no)

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện đính kèm file bảng kê cho hóa đơn theo số hóa đơn.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **username / pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **pattern:** Mẫu số
- **serial:** Ký hiệu
- **no:** Số hóa đơn
- **bytes:** file dạng byte

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Sai định dạng file	
ERR:7	Không tìm thấy công ty	
ERR:4	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:3	File vượt quá 10MB	
ERR:6	Lỗi tạo folder	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	
OK:MD5_file	Trả về OK: Chỗ MD5 của file	

2.3.17. Download file bảng kê của hóa đơn theo Fkey

URL

string GetFile(string userName, string userPass, string fkey, string pattern)

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện tải file bảng kê của hóa đơn theo fkey.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName/userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **fkey:** Fkey của hóa đơn
- **pattern:** Mẫu số

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn với Fkey truyền vào	
ERR:7	Không tìm thấy công ty	
ERR:8	Hóa đơn không có file đính kèm	
ERR:5	Có lỗi xảy ra khi thực hiện tải file	
Chuỗi base64	Trả về chuỗi base64 tương ứng với file.	

2.3.18. Điều chỉnh nhiều hóa đơn

URL

string **AdjustInvoiceMulti** (string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string pass, string fkeys, string AttachFile, int? convert, string pattern = null, string serial = null)

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện điều chỉnh nhiều hóa đơn cùng lúc.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **xmlInvData:** String XML dữ liệu hóa đơn điều chỉnh
- **fkeys:** Danh sách chuỗi fkey xác định các hóa đơn cần điều chỉnh
- **Convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)
- **Pattern:** Mẫu số
- **Serial:** Ký hiệu

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
---------	-------	---------

ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Hóa đơn cần điều chỉnh không tồn tại	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:5	Không phát hành được hóa đơn	
ERR:6	Dãi hóa đơn cũ đã hết	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn cần điều chỉnh đã bị thay thế. Không thể điều chỉnh được nữa.	
ERR:9	Trạng thái hóa đơn không được điều chỉnh	
ERR:13	Lỗi trùng fkey	Fkey của hóa đơn mới đã tồn tại trên hệ thống
ERR:14	Lỗi trong quá trình thực hiện cấp số hóa đơn	
ERR:15	Lỗi khi thực hiện Deserialize chuỗi hóa đơn đầu vào	
ERR:19	Pattern truyền vào không giống với hóa đơn cần điều chỉnh	
ERR:20	Dãi hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	
ERR:30	Danh sách hóa đơn tồn tại ngày hóa đơn nhỏ hơn ngày hóa đơn đã phát hành	
OK: pattern;serial;invNumber (Ví dụ: OK:01GTKT3/001;AA/12E;000002)	- OK → đã phát hành hóa đơn thành công - Patter→ Mẫu số của hóa đơn điều chỉnh - Serial → serial của hóa đơn điều chỉnh - invNumber: số hóa đơn điều chỉnh	

2.3.19. Khôi phục hóa đơn đã hủy Fkey

URL

string **restoreCancelInvFkey** (string Account, string ACpass, string fkey, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện khôi phục hóa đơn đã hủy về trạng thái đang sử dụng bằng

Fkey

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ ACpass:** Tài khoản truy cập CAdmin.
- **fkey:** Fkey của hóa đơn cần khôi phục.
- **userName/userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tìm thấy hóa đơn hoặc có nhiều hơn 1 hóa đơn với tham số đã truyền	
ERR:8	Hóa đơn đang không ở trạng thái đã hủy	
ERR:7	Tài khoản không phù hợp hoặc không tìm thấy company ứng với tài khoản đã khai báo	
ERR:20	Không tìm thấy thông tin PublishInvoice	
ERR:6	Lỗi Exception	
OK	Khôi phục hóa đơn thành công	

2.3.20. Khôi phục hóa đơn đã hủy Token

URL

string **restoreCancelInvFkey** (string Account, string ACpass, string token, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện khôi phục hóa đơn đã hủy về trạng thái đang sử dụng bằng Token

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ ACpass:** Tài khoản truy cập CAdmin.

- **token:** Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy(theo cấu trúc patternt;serial;sốhóađơn).
- **userName/userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tìm thấy hóa đơn hoặc có nhiều hơn 1 hóa đơn với tham số đã truyền	
ERR:8	Hóa đơn đang không ở trạng thái đã hủy	
ERR:7	Tài khoản không phù hợp hoặc không tìm thấy company ứng với tài khoản đã khai báo	
ERR:10	Vượt quá giới hạn số thông tin hóa đơn truyền lên bằng token	
ERR:20	Không tìm thấy thông tin PublishInvoice	
ERR:6	Lỗi Exception	
OK	Khôi phục hóa đơn thành công	

2.3.21. Khôi phục hóa đơn bị thay thế bằng FKey

URL

string **restoreReplacedInvFkey** (string Account, string ACpass, string fkeyReplaced, string fkeyReplacedOld, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện k khôi phục hóa đơn bị thay thế bằng Fkey từ hóa đơn được thay về về hóa đơn bị thay thế

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ ACpass:** Tài khoản truy cập CAdmin.
- **fkeyReplaced:** FKey hóa đơn đang sử dụng (được thay thế, cần khôi phục về hóa đơn trước đó).
- **fkeyReplacedOld:** FKey hóa đơn đã bị thay thế cần khôi phục lại về trạng thái sử dụng

- **userName/userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tìm thấy hóa đơn hoặc có nhiều hơn 1 hóa đơn với tham số đã truyền	
ERR:7	Tài khoản không phù hợp hoặc không tìm thấy company ứng với tài khoản đã khai báo	
ERR:8	Hóa đơn thay thế đang không ở trạng thái có chữ ký của nhà phát hành	
ERR:9	Thông tin hóa đơn gốc và hóa đơn bị thay thế không chính xác	
ERR:20	Không tìm thấy thông tin PublishInvoice	
ERR:6	Lỗi Exception	
OK	Khôi phục hóa đơn thành công	

2.3.22. Khôi phục hóa đơn bị thay thế bằng Token

URL

string **restoreReplacedInvFkey** (string Account, string ACpass, string tokenReplaced, string tokenReplacedOld, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện khôi phục hóa đơn bị thay thế bằng Token từ hóa đơn được thay về về hóa đơn bị thay thế

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ ACpass:** Tài khoản truy cập CAdmin.
- **tokenReplaced:** Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy(theo cấu trúc patternt;serial;sốhóađơn) của hóa đơn đang sử dụng (được thay thế, cần khôi phục về hóa đơn trước đó).

- **tokenReplacedOld:** Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy(theo cấu trúc patternt;serial;sốhóađơn) của hóa đơn đã bị thay thế cần khôi phục lại về trạng thái sử dụng
- **userName/userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tìm thấy hóa đơn hoặc có nhiều hơn 1 hóa đơn với tham số đã truyền	
ERR:7	Tài khoản không phù hợp hoặc không tìm thấy company ứng với tài khoản đã khai báo	
ERR:8	Hóa đơn thay thế đang không ở trạng thái có chữ ký của nhà phát hành	
ERR:9	Thông tin hóa đơn gốc và hóa đơn bị thay thế không chính xác	
ERR:10	Vượt quá giới hạn số thông tin hóa đơn truyền lên bằng token	
ERR:20	Không tìm thấy thông tin PublishInvoice	
ERR:6	Lỗi Exception	
OK	Khôi phục hóa đơn thành công	

3. DANH SÁCH CÁC HÀM TÍCH HỢP THÔNG TƯ 78

3.1. Nhóm các hàm webservice tạo lập và phát hành hóa đơn (PublishService)

Mô tả: các đầu hàm web service nằm trong PublishService.asmx, thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến tạo lập, phát hành và xử lý hóa đơn

3.1.1. Phát hành hóa đơn

URL

String **ImportAndPublishInv**(string Account, string ACPass, string xmlInvData, string username, string password, string pattern = "", string serial = "", int convert = 0).

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép phát hành hóa đơn với dữ liệu XML của khách hàng, tối đa cho 5000 hóa đơn.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** Chuỗi XML dữ liệu hóa đơn (theo cấu trúc mô tả)
- **pattern:** Mẫu số hóa đơn
- **serial:** Ký hiệu hóa đơn
- **convert:** Mặc định là 0 (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode / 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm khách hàng	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	Hệ thống sẽ trả về lỗi nếu 1 hóa đơn trong chuỗi XML

		đầu vào không hợp lệ, cả lô hóa đơn sẽ không được phát hành.
ERR:7	Thông tin về Username/pass không hợp lệ	
ERR:20	Pattern và Serial không phù hợp, hoặc không tồn tại hóa đơn đã đăng kí có sử dụng Pattern và Serial truyền vào.	
ERR:5	Không phát hành được hóa đơn	Lỗi không xác định, kiểm tra exception trả về (DB roll back)
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng cho phép	
ERR:6	Dải hóa đơn không đủ số hóa đơn cho lô phát hành	
ERR:13	Lỗi trùng fkey	1 hoặc nhiều hóa đơn trong lô hóa đơn có Fkey trùng với Fkey của hóa đơn đã phát hành
ERR:21	Lỗi trùng số hóa đơn	
ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	
ERR:30	Danh sách hóa đơn tồn tại ngày hóa đơn nhỏ hơn ngày hóa đơn đã phát hành	
OK:pattern;serial1-key1_num1,key2_num12, ...) (Ví dụ: OK:01GTKT3/001;AA/12E-key1_1,key2_2,key3_3,key4_4,key5_5)	OK → đã phát hành hóa đơn thành công Pattern → Mẫu số của các hóa đơn đã phát hành Serial1 → serial của dãy các hóa đơn phát hành num1, num2... là các số hóa đơn	Các hóa đơn có serial khác nhau phân cách bởi dấu “;”

	key1,key2... là khóa để nhận biết hóa đơn phát hành cho khách hàng nào(lấy từ đầu vào)	Các số hóa đơn phân cách bởi “,”
--	--	----------------------------------

Định dạng chuỗi xml đầu vào (các trường * là bắt buộc):

```

<DSHDon>
  <HDon>
    <key>Fkey của hoa don</key>
    <DLHDon>
      <TTChung>
        <SHDon>Số hóa đơn</SHDon>
        <MHSo>Mã hồ sơ</MHSo>
        <SBKe>Số bảng kê (Số của bảng kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo
hóa đơn)</SBKe>
        <NBKe>Ngày bảng kê (Ngày của bảng kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm
theo hóa đơn)</NBKe>
        <DVTTe>Đơn vị tiền tệ *</DVTTe>
        <TGia>Tỷ giá (Bắt buộc (Trừ trường hợp Đơn vị tiền tệ là VND))</TGia>
        <HTTToan>Hình thức thanh toán*</HTTToan>
        <HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô,
2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMDT). Nếu không
truyền mặc định là 0- hóa đơn thường</HDDThu>
        <TCHDon>Tính chất hóa đơn: Nhận giá trị = 5 đối với hóa đơn chiết khấu
thương mại</TCHDon>
        <GiamThueGTGT> Giảm thuế GTGT(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế
theo NQ của Quốc hội. Nhận giá trị 1/0)</GiamThueGTGT>
        <HDCTTChinh>Hoá đơn cho thuê tài chính (Hóa đơn đối với hoạt động
cho thuê tài chính) Số (1: Hóa đơn dành cho hoạt động thuê tài
chính, 0: Hóa đơn không dành cho hoạt động cho thuê tài
chính)</HDCTTChinh>
      </TTChung>
      <NDHDon>
        <NBan>
          <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
          <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
          <STKNHang>Số tài khoản ngân hàng</STKNHang>
          <TNHang>Tên ngân hàng</TNHang>
          <Fax>Fax</Fax>
          <Website>Website</Website>
          <MCHang>Mã của hàng người bán</MCHang>
          <TCHang>Tên của hàng người bán</TCHang>
          <LDDNBo>Lệnh điều động nội bộ (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho vận
chuyển nội bộ)</LDDNBo>
          <HDSO>Hợp đồng số (Hợp đồng vận chuyển) (phiếu xuất kho vận chuyển
nội bộ)</HDSO>
          <HVTNXHang>Họ và tên người xuất hàng (phiếu xuất kho vận chuyển nội
bộ)</HVTNXHang>
          <TNVChuyen>Tên người vận chuyển (phiếu xuất kho)</TNVChuyen>
          <PTVChuyen>Phương tiện vận chuyển (Bắt buộc đối với phiếu xuất
kho)</PTVChuyen>
          <HDKTSO>Hợp đồng kinh tế số (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho gửi bán
đại lý)</HDKTSO>
          <HDKTNgay>Hợp đồng kinh tế ngày (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho gửi
bán đại lý)</HDKTNgay>

```

```

</NBan>
<NMua>
  <Ten>Tên * </Ten>
  <MST>Mã số thuế (Bắt buộc nếu có) </MST>
  <DChi>Địa chỉ * </DChi>
  <MKHang>Mã khách hàng </MKHang>
  <SDThoai>Số điện thoại </SDThoai>
  <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
  <HVTNMHang>Họ và tên người mua hàng </HVTNMHang>
  <STKNHang>Số tài khoản ngân hàng </STKNHang>
  <TNHang>Tên ngân hàng </TNHang>
  <HVTNNHang>Họ và tên người nhận hàng (phiếu xuất kho) </HVTNNHang>
  <MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người mua </MDVQHNSach>
  <SHChieu>Số hộ chiếu người mua </SHChieu>
  <CCCDan>Căn cước công dân người mua </CCCDan>
  <NCHChieu>Ngày cấp hộ chiếu người mua </NCHChieu>
  <NHHHChieu>Ngày hết hạn hộ chiếu người mua </NHHHChieu>
  <QTich>Quốc tịch người mua </QTich>
</NMua>
<DSHHDVu>
  <HHDVu>
    <TChat>Tính chất * (1-Hàng hóa, dịch vụ; 2-Khuyến mại; 3-Chiết
khẩu thương mại (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo dòng); 4-Ghi
chú/diễn giải; 5-hàng hóa đặc trưng) </TChat>
    <STT>Số thứ tự </STT>
    <MHHDVu>Mã hàng hóa, dịch vụ (Bắt buộc nếu có) </MHHDVu>
    <THHDVu>Tên hàng hóa, dịch vụ * </THHDVu>
    <DVTinh>Đơn vị tính (Bắt buộc nếu có) </DVTinh>
    <SLuong>Số lượng (Bắt buộc nếu có) </SLuong>
    <DGia>Đơn giá (Bắt buộc nếu có) </DGia>
    <TLCKhau>Tỷ lệ % chiết khấu </TLCKhau>
    <STCKhau>Số tiền chiết khấu </STCKhau>
    <GTKCThue>Giảm trừ không chịu thuế </GTKCThue>
    <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT) - Bắt buộc
trừ trường hợp TChat = 4 </ThTien>
    <TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT) </TSuat>
    <TThue>Tiền thuế </TThue>
    <TSThue>Tiền sau thuế </TSThue>
    <TTKhac>
      <TTin>
        <TTruong>Tên trường </TTruong>
        <KDLieu>Kiểu dữ liệu </KDLieu>
        <DLieu>Dữ liệu </DLieu>
      </TTin>
    </TTKhac>
    <TTHHDTrung> - Bắt buộc trường hợp TChat = 5
    <TTin>
      <LHHDTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận
các giá trị: 1- Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch
vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT) </LHHDTrung>
      <TTruong>Tên trường (Nhận các giá trị: Số
khung (SKhung), Số máy (SMay), Biên kiểm soát phương tiện vận chuyển
(BKSPTVChuyen), Tên người gửi hàng (TNGHang), Địa chỉ người gửi hàng
(DCNGHang), MST người gửi hàng (MSTNGHang), Số định danh người gửi hàng
(MDDNGHang) ) </TTruong>
      <DLieu>Dữ liệu </DLieu>
    </TTin>

```

```

        </TTHHDTTrung>
<TLTThue> Tỷ lệ tính thuế (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ
của Quốc hội)</TLTThue>
<STGThue> Số tiền giảm thuế (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo
NQ của Quốc hội)</STGThue>
        </HHDVu>
    </DSHHDVu>
    <TToan>
        <THTTLTSuat><!-- sử dụng hóa đơn GTGT -->
            <LSuat>
                <TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT)</TSuat>
                <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế
GTGT)</ThTien>
                <TThue>Tiền thuế (Tiền thuế GTGT)</TThue>
            </LSuat>
        </THTTLTSuat>
        <TgTCThue>Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế
GTGT) (Bắt buộc với hóa đơn GTGT)</TgTCThue>
        <TgTThue>Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế GTGT) (Bắt buộc với hóa
đơn GTGT)</TgTThue>
        <TTCKTMai>Tổng tiền chiết khấu thương mại</TTCKTMai>
        <TgTPhiSThue>Tổng tiền phí</TgTPhiSThue>
        <STGThue> Số tiền giảm thuế (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán
hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>
        <TgTTBSo>Tổng tiền thanh toán bằng số *</TgTTBSo>
        <TgTTBChu>Tổng tiền thanh toán bằng chữ *</TgTTBChu>
    </TToan>
</NDHDon>
</DLHDon>
</HDon>
</DSHDon>

```

3.1.2. Phát hành hóa đơn theo số hóa đơn truyền vào

URL

String **ImportAndPublishAssignedNo**(string Account, string ACPass, string xmlInvData, string username, string password, int convert).

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép phát hành hóa đơn với dữ liệu XML của khách hàng cho phép truyền số hóa đơn khi phát hành, tối đa cho 5000 hóa đơn.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** Chuỗi XML dữ liệu hóa đơn (theo cấu trúc mô tả)

- **convert:** Mặc định là 0 (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode / 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm khách hàng	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	Hệ thống sẽ trả về lỗi nếu 1 hóa đơn trong chuỗi XML đầu vào không hợp lệ, cả lô hóa đơn sẽ không được phát hành.
ERR:7	Thông tin về Username/pass không hợp lệ	
ERR:20	Pattern và Serial không phù hợp, hoặc không tồn tại hóa đơn đã đăng kí có sử dụng Pattern và Serial truyền vào.	
ERR:5	Không phát hành được hóa đơn	Lỗi không xác định, kiểm tra exception trả về (DB roll back)
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng cho phép	
ERR:6	Dải hóa đơn không đủ số hóa đơn cho lô phát hành	
ERR:13	Lỗi trùng fkey	1 hoặc nhiều hóa đơn trong lô hóa đơn có Fkey trùng với Fkey

		của hóa đơn đã phát hành
ERR:21	Lỗi trùng số hóa đơn	
ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	
ERR:30	Danh sách hóa đơn tồn tại ngày hóa đơn nhỏ hơn ngày hóa đơn đã phát hành	
ERR:31	Số hóa đơn truyền vào không hợp lệ	
OK:pattern;serial1-key1_num1,key2_num12, ...) (Ví dụ: OK:01GTTKT3/001;AA/12E-key1_1,key2_2, key3_3,key4_4,key5_5)	OK → đã phát hành hóa đơn thành công Pattern → Mẫu số của các hóa đơn đã phát hành Serial1 → serial của dãy các hóa đơn phát hành num1, num2... là các số hóa đơn key1,key2... là khóa để nhận biết hóa đơn phát hành cho khách hàng nào(lấy từ đầu vào)	Các hóa đơn có serial khác nhau phân cách bởi dấu “;” Các số hóa đơn phân cách bởi “,”

Định dạng chuỗi xml đầu vào (các trường * là bắt buộc):

```

<DSHDon>
  <HDon>
    <key>Fkey của hoa don</key>
    <DLHDon>
      <InvoiceNo>Số hóa đơn truyền vào *</InvoiceNo>
      <TTChung>
        <SHDon>Số hóa đơn</SHDon>
        <MHSo>Mã hồ sơ</MHSo>
        <SBKe>Số bảng kê (Số của bảng kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo
hóa đơn)</SBKe>
        <NBKe>Ngày bảng kê (Ngày của bảng kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm
theo hóa đơn)</NBKe>
        <DVTTe>Đơn vị tiền tệ *</DVTTe>
        <TGia>Tỷ giá (Bắt buộc (Trừ trường hợp Đơn vị tiền tệ là VND))</TGia>
        <HTTToan>Hình thức thanh toán*</HTTToan>
        <HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô,
2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMDT). Nếu
không truyền mặc định là 0- hóa đơn thường</HDDThu>
        <TCHDon>Tính chất hóa đơn: Nhận giá trị = 5 đối với hóa đơn chiết khấu
thương mại</TCHDon>
        <GiamThueGTGT>Giảm thuế GTGT(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế
theo NQ của Quốc hội. Nhận giá trị 1/0)</GiamThueGTGT>
        <HDCTTChinh>Hoá đơn cho thuê tài chính (Hóa đơn đối với hoạt động
cho thuê tài chính) Số (1: Hóa đơn dành cho hoạt động thuê tài
chính, 0: Hóa đơn không dành cho hoạt động cho thuê tài
chính)</HDCTTChinh>
      </TTChung>
    </HDon>
  </DSHDon>

```

```

<NDHDon>
  <NBan>
    <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
    <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
    <STKNHang>Số tài khoản ngân hàng</STKNHang>
    <TNHang>Tên ngân hàng</TNHang>
    <Fax>Fax</Fax>
    <Website>Website</Website>
    <MCHang>Mã cửa hàng người bán</MCHang>
    <TCHang>Tên cửa hàng người bán</TCHang>
    <LDDNBo>Lệnh điều động nội bộ (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</LDDNBo>
    <HDSO>Hợp đồng số (Hợp đồng vận chuyển) (phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</HDSO>
    <HVTNXHang>Họ và tên người xuất hàng (phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</HVTNXHang>
    <TNVChuyen>Tên người vận chuyển (phiếu xuất kho)</TNVChuyen>
    <PTVChuyen>Phương tiện vận chuyển (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho)</PTVChuyen>
    <HDKTSO>Hợp đồng kinh tế số (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho gửi bán đại lý)</HDKTSO>
    <HDKTNgay>Hợp đồng kinh tế ngày (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho gửi bán đại lý)</HDKTNgay>
  </NBan>
  <NMua>
    <Ten>Tên *</Ten>
    <MST>Mã số thuế (Bắt buộc nếu có)</MST>
    <DChi>Địa chỉ *</DChi>
    <MKHang>Mã khách hàng</MKHang>
    <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
    <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
    <HVTNMHang>Họ và tên người mua hàng</HVTNMHang>
    <STKNHang>Số tài khoản ngân hàng</STKNHang>
    <TNHang>Tên ngân hàng</TNHang>
    <HVTNNHang>Họ và tên người nhận hàng (phiếu xuất kho)</HVTNNHang>
    <MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người mua</MDVQHNSach>
    <SHChieu>Số hộ chiếu người mua</SHChieu>
    <CCCDan>Căn cước công dân người mua</CCCDan>
    <NCHChieu>Ngày cấp hộ chiếu người mua</NCHChieu>
    <NHHHChieu>Ngày hết hạn hộ chiếu người mua</NHHHChieu>
    <QTich>Quốc tịch người mua</QTich>
  </NMua>
  <DSHHDVu>
    <HHDVu>
      <TChat>Tính chất * (1-Hàng hóa, dịch vụ; 2-Khuyến mại; 3-Chiết khấu thương mại (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo dòng); 4-Ghi chú/diễn giải; 5-là loại hàng hóa đặc trưng)</TChat>
      <STT>Số thứ tự</STT>
      <MHHDVu>Mã hàng hóa, dịch vụ (Bắt buộc nếu có)</MHHDVu>
      <THHDVu>Tên hàng hóa, dịch vụ *</THHDVu>
      <DVTinh>Đơn vị tính (Bắt buộc nếu có)</DVTinh>
      <SLuong>Số lượng (Bắt buộc nếu có)</SLuong>
      <DGia>Đơn giá (Bắt buộc nếu có)</DGia>
      <TLCKhau>Tỷ lệ % chiết khấu</TLCKhau>
      <STCKhau>Số tiền chiết khấu </STCKhau>
      <GTKCThue>Giảm trừ không chịu thuế</GTKCThue>
      <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT) - Bắt buộc trừ trường hợp TChat = 4</ThTien>

```

```

<TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT)</TSuat>
<TThue>Tiền thuế</TThue>
<TSThue>Tiền sau thuế</TSThue>
<TTKhac>
    <TTin>
        <TTruong>Tên trường</TTruong>
        <KDLieu>Kiểu dữ liệu</KDLieu>
        <DLieu>Dữ liệu</DLieu>
    </TTin>
</TTKhac>
<TTHHDTTrung> - Bắt buộc trường hợp TChat = 5
    <TTin>
        <LHHDTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận
các giá trị: 1- Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch
vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT)</LHHDTrung>
        <TTruong>Tên trường (Nhận các giá trị: Số
khung (SKhung), Số máy (SMay), Biển kiểm soát phương tiện vận chuyển
(BKSPTVChuyen), Tên người gửi hàng (TNGHang), Địa chỉ người gửi hàng
(DCNGHang), MST người gửi hàng (MSTNGHang), Số định danh người gửi hàng
(MDDNGHang))</TTruong>
        <DLieu>Dữ liệu</DLieu>
    </TTin>
</TTHHDTTrung>
<TLTThue> Tỷ lệ tính thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng
giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</TLTThue>
<STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc
hội)</STGThue>
    </HHDVu>
</DSHHDVu>
<TToan>
    <THTTLTSuat><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
        <LTSuat>
            <TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT)</TSuat>
            <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế
GTGT)</ThTien>
            <TThue>Tiền thuế (Tiền thuế GTGT)</TThue>
        </LTSuat>
    </THTTLTSuat>
    <TgTCThue>Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế
GTGT) (Bắt buộc với hóa đơn GTGT)</TgTCThue>
    <TgTThue>Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế GTGT) (Bắt buộc với hóa
đơn GTGT)</TgTThue>
    <TTCKTMai>Tổng tiền chiết khấu thương mại</TTCKTMai>
    <TgTPhiSThue>Tổng tiền phí</TgTPhiSThue>
    <STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán
hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>
    <TgTTTBSO>Tổng tiền thanh toán bằng số *</TgTTTBSO>
    <TgTTTBChu>Tổng tiền thanh toán bằng chữ *</TgTTTBChu>
</TToan>
</NDHDon>
</DLHDon>
</HDon>
</DSHDon>

```

3.1.3. Thêm mới hóa đơn

URL

string string **ImportInv**(string xmlInvData, string username, string password, int convert = 0)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép tạo mới hóa đơn từ chuỗi xml đầu vào theo chuẩn mô tả

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** Chuỗi xml chứa thông tin hóa đơn

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:3	Định dạng xml của hóa đơn sai cấu trúc	
ERR:5	Không tìm thấy công ty	Mặc định 5000 hoặc theo cấu hình từng app
ERR:20	Pattern và serial không hợp lệ	
ERR:6	Không còn dư số hóa đơn để phát hành	
ERR:10	Vượt quá số lượng hóa đơn tạo cho phép (không được vượt quá 5000HĐ)	
ERR:5	Lỗi hệ thống	
"OK:" + pattern + ";" + serial + "-" + invKeyList	Tạo hóa đơn thành công	Trả về message OK kèm theo Pattern, Serial và danh sách fkey hóa đơn tạo mới thành công

Định dạng chuỗi xml đầu vào (các trường * là bắt buộc):

```
<DSHDon>  
  <HDon>  
    <key>Fkey của hoa don</key>  
  <DLHDon>  
    <TTChung>
```

<MHS>Mã hồ sơ</MHS>
 <SBKe>Số bảng kê (Số của bảng kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo hóa đơn)</SBKe>
 <NBKe>Ngày bảng kê (Ngày của bảng kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo hóa đơn)</NBKe>
 <DVTTe>Đơn vị tiền tệ *</DVTTe>
 <TGia>Tỷ giá (Bắt buộc (Trừ trường hợp Đơn vị tiền tệ là VND))</TGia>
 <HTTToan>Hình thức thanh toán*</HTTToan>
 <HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMDT). Nếu không truyền mặc định là 0- hóa đơn thường</HDDThu>
 <TCHDon>Tính chất hóa đơn: Nhận giá trị = 5 đối với hóa đơn chiết khấu thương mại</TCHDon>
 <GiamThueGTGT> Giảm thuế GTGT (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội. Nhận giá trị 1/0)</GiamThueGTGT>
 <HDCTTChinh>Hoá đơn cho thuê tài chính (Hóa đơn đối với hoạt động cho thuê tài chính) Số (1: Hóa đơn dành cho hoạt động thuê tài chính, 0: Hóa đơn không dành cho hoạt động cho thuê tài chính)</HDCTTChinh>
 </TTChung>
 <NDHDon>
 <NBan>
 <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
 <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
 <STKNHang>Số tài khoản ngân hàng</STKNHang>
 <TNHang>Tên ngân hàng</TNHang>
 <Fax>Fax</Fax>
 <Website>Website</Website>
 <MCHang>Mã của hàng người bán</MCHang>
 <TCHang>Tên của hàng người bán</TCHang>
 <LDDNBo>Lệnh điều động nội bộ (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</LDDNBo>
 <HDS>Hợp đồng số (Hợp đồng vận chuyển) (phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</HDS>
 <HVTNXHang>Họ và tên người xuất hàng (phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</HVTNXHang>
 <TNVChuyen>Tên người vận chuyển (phiếu xuất kho)</TNVChuyen>
 <PTVChuyen>Phương tiện vận chuyển (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho)</PTVChuyen>
 <HDKTS>Hợp đồng kinh tế số (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho gửi bán đại lý)</HDKTS>
 <HDKTNgay>Hợp đồng kinh tế ngày (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho gửi bán đại lý)</HDKTNgay>
 </NBan>
 <NMua>
 <Ten>Tên *</Ten>
 <MST>Mã số thuế (Bắt buộc nếu có)</MST>
 <DChi>Địa chỉ *</DChi>
 <MKHang>Mã khách hàng</MKHang>
 <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
 <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
 <HVTNMHang>Họ và tên người mua hàng</HVTNMHang>
 <STKNHang>Số tài khoản ngân hàng</STKNHang>
 <TNHang>Tên ngân hàng</TNHang>
 <HVTNNHang>Họ và tên người nhận hàng (phiếu xuất kho)</HVTNNHang>
 <MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người mua</MDVQHNSach>
 <SHChieu>Số hộ chiếu người mua</SHChieu>
 <CCCDan>Căn cước công dân người mua</CCCDan>

```

<NCHChieu>Ngày cấp hộ chiếu người mua</NCHChieu>
<NHHHChieu>Ngày hết hạn hộ chiếu người mua</NHHHChieu>
<QTich>Quốc tịch người mua</QTich>
</NMua>
<DSHHDVu>
  <HHDVu>
    <TChat>Tính chất * (1-Hàng hóa, dịch vụ; 2-Khuyến mại; 3-Chiết
khẩu thương mại (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo dòng); 4-Ghi
chú/diễn giải; 5-là loại hàng hóa đặc trưng)</TChat>
    <STT>Số thứ tự</STT>
    <MHHDVu>Mã hàng hóa, dịch vụ (Bắt buộc nếu có)</MHHDVu>
    <THHDVu>Tên hàng hóa, dịch vụ *</THHDVu>
    <DVTinh>Đơn vị tính (Bắt buộc nếu có)</DVTinh>
    <SLuong>Số lượng (Bắt buộc nếu có)</SLuong>
    <DGia>Đơn giá (Bắt buộc nếu có)</DGia>
    <TLCKhau>Tỷ lệ % chiết khấu</TLCKhau>
    <STCKhau>Số tiền chiết khấu </STCKhau>
    <GTKCThue>Giảm trừ không chịu thuế</GTKCThue>
    <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT) - Bắt buộc
trừ trường hợp TChat = 4</ThTien>
    <TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT)</TSuat>
    <TThue>Tiền thuế</TThue>
    <TSThue>Tiền sau thuế</TSThue>
    <TTKhac>
      <TTin>
        <TTruong>Tên trường</TTruong>
        <KDLieu>Kiểu dữ liệu</KDLieu>
        <DLieu>Dữ liệu</DLieu>
      </TTin>
    </TTKhac>
  </HHDVu>
  <TTHHDTTrung> - Bắt buộc trường hợp TChat = 5
  <TTin>
    <LHHDTTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận các giá trị: 1- Hàng
hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT)</LHHDTTrung>
    <TTruong>Tên trường (Nhận các giá trị: Số khung (SKhung),Số
máy (SMay),Biển kiểm soát phương tiện vận chuyển (BKSPTVChuyen), Tên người gửi hàng (TNGHang), Địa chỉ người
gửi hàng (DCNGHang),MST người gửi hàng (MSTNGHang), Số định danh người gửi hàng (MDDNGHang))</TTruong>
    <DLieu>Dữ liệu</DLieu>
  </TTin>
  </TTHHDTTrung>
  <TLTThue> Tỷ lệ tính thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</TLTThue>
  <STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>
</HHDVu>
</DSHHDVu>
<TToan>
  <THTTLTsuat><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
    <LTSuat>
      <TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT)</TSuat>
      <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế
GTGT)</ThTien>
      <TThue>Tiền thuế (Tiền thuế GTGT)</TThue>
    </LTSuat>
  </THTTLTsuat>
  <TgTCThue>Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế
GTGT) (Bắt buộc với hóa đơn GTGT)</TgTCThue>
  <TgTThue>Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế GTGT) (Bắt buộc với hóa
đơn GTGT)</TgTThue>

```

```

        <TTCKTMai>Tổng tiền chiết khấu thương mại</TTCKTMai>
        <TgTPhiSThue>Tổng tiền phí</TgTPhiSThue>
        <STGThue> Số tiền giảm thuế (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán
        hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>
        <TgTTTBSố>Tổng tiền thanh toán bằng số *</TgTTTBSố>
        <TgTTTBChu>Tổng tiền thanh toán bằng chữ *</TgTTTBChu>
    </TToan>
</NDHDon>
</DLHDon>
</HDon>
</DSHDon>

```

3.1.4. Thêm mới hóa đơn theo mẫu số, ký hiệu

URL

string **ImportInvByPattern**(string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string password, string pattern = "", string serial = "", int convert = 0)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép thêm mới hóa đơn từ dữ liệu XML gửi lên

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** chuỗi xml hóa đơn (theo mô tả)
- **pattern:** mẫu số hóa đơn
- **serial:** ký hiệu hóa đơn
- **convert:** Mặc định là 0, 0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm mới hóa đơn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	

ERR:6	Không đủ số lượng hóa đơn cho lô thêm mới	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:13	Danh sách hóa đơn tồn tại hóa đơn trùng Fkey	
ERR:22	Trùng số hóa đơn	
ERR:7	Pattern và serial không phù hợp, hoặc không tồn tại hóa đơn đã đăng ký có sử dụng Pattern và Serial truyền vào	Chỉ chấp nhận đồng thời nhập cả Pattern và serial hoặc đồng thời để trống cả pattern và serial
ERR:5	Không phát hành được hóa đơn	Lỗi không xác định. DB roll back
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá max cho phép	Mặc định là 5000, hoặc được cấu hình theo từng app
OK: pattern;serial1-key1_num1,key2_num12,key3_num3... (Ví dụ: OK:01GTKT3/001;A A/12E- key1_1,key2_2,key3_3,key4_4,key5_5)	- OK → đã phát hành hóa đơn thành công - Pattern → Mẫu số của các hóa đơn đã phát hành - Serial1 → serial của dãy các hóa đơn phát hành - num1, num2... là các số hóa đơn - key1,key2... là khóa để nhận biết hóa đơn phát hành cho khách hàng nào(lấy từ đầu vào)	Cách hóa đơn có serial khác nhau phân cách bởi dấu “;” Các số hóa đơn phân cách bởi “,”

Định dạng chuỗi xml đầu vào (các trường * là bắt buộc):

```

<DSHDon>
  <HDon>
    <key>Fkey của hoa don</key>
    <DLHDon>
      <TTChung>
        <SHDon>Số hóa đơn</SHDon>
        <MHSo>Mã hồ sơ</MHSo>
        <SBKe>Số bảng kê (Số của bảng kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo
hóa đơn)</SBKe>
        <NBKe>Ngày bảng kê (Ngày của bảng kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm
theo hóa đơn)</NBKe>
        <DVTTe>Đơn vị tiền tệ *</DVTTe>
        <TGia>Tỷ giá (Bắt buộc (Trừ trường hợp Đơn vị tiền tệ là VND))</TGia>
        <HTTToan>Hình thức thanh toán*</HTTToan>

```

```

<HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô,
2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT). Nếu không
truyền mặc định là 0- hóa đơn thường</HDDThu>
<TCHDon>Tính chất hóa đơn: Nhận giá trị = 5 đối với hóa đơn chiết khấu
thương mại</TCHDon>
<GiamThueGTGT> Giảm thuế GTGT(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế
theo NQ của Quốc hội. Nhận giá trị 1/0)</GiamThueGTGT>
<HDCTTChinh>Hoá đơn cho thuê tài chính (Hóa đơn đối với hoạt động
cho thuê tài chính) Số (1: Hóa đơn dành cho hoạt động thuê tài
chính, 0: Hóa đơn không dành cho hoạt động cho thuê tài
chính)</HDCTTChinh>
</TTChung>
<NDHDon>
  <NBan>
    <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
    <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
    <STKNHang>Số tài khoản ngân hàng</STKNHang>
    <TNHang>Tên ngân hàng</TNHang>
    <Fax>Fax</Fax>
    <Website>Website</Website>
    <MCHang>Mã của hàng người bán</MCHang>
    <TCHang>Tên của hàng người bán</TCHang>
    <LDDNBo>Lệnh điều động nội bộ (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho vận
chuyển nội bộ)</LDDNBo>
    <HDSO>Hợp đồng số (Hợp đồng vận chuyển) (phiếu xuất kho vận chuyển
nội bộ)</HDSO>
    <HVTNXHang>Họ và tên người xuất hàng (phiếu xuất kho vận chuyển nội
bộ)</HVTNXHang>
    <TNVChuyen>Tên người vận chuyển (phiếu xuất kho)</TNVChuyen>
    <PTVChuyen>Phương tiện vận chuyển (Bắt buộc đối với phiếu xuất
kho)</PTVChuyen>
    <HDKTSO>Hợp đồng kinh tế số (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho gửi bán
đại lý)</HDKTSO>
    <HDKTNgay>Hợp đồng kinh tế ngày (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho gửi
bán đại lý)</HDKTNgay>
  </NBan>
  <NMua>
    <Ten>Tên *</Ten>
    <MST>Mã số thuế (Bắt buộc nếu có)</MST>
    <DChi>Địa chỉ *</DChi>
    <MKHang>Mã khách hàng</MKHang>
    <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
    <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
    <HVTNMHang>Họ và tên người mua hàng</HVTNMHang>
    <STKNHang>Số tài khoản ngân hàng</STKNHang>
    <TNHang>Tên ngân hàng</TNHang>
    <HVTNNHang>Họ và tên người nhận hàng (phiếu xuất kho)</HVTNNHang>
    <MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người mua</MDVQHNSach>
    <SHChieu>Số hộ chiếu người mua</SHChieu>
    <CCCDan>Căn cước công dân người mua</CCCDan>
    <NCHChieu>Ngày cấp hộ chiếu người mua</NCHChieu>
    <NHHHChieu>Ngày hết hạn hộ chiếu người mua</NHHHChieu>
    <QTich>Quốc tịch người mua</QTich>
  </NMua>
<DSHHDVu>
  <HHDVu>

```

<TChat>Tính chất * (1-Hàng hóa, dịch vụ; 2-Khuyến mại; 3-Chiết khấu thương mại (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo dòng); 4-Ghi chú/diễn giải; 5- Hàng hoá đặc trưng)</TChat>

<STT>Số thứ tự</STT>
<MHHDVu>Mã hàng hóa, dịch vụ (Bắt buộc nếu có)</MHHDVu>
<THHDVu>Tên hàng hóa, dịch vụ *</THHDVu>
<DVTinh>Đơn vị tính (Bắt buộc nếu có)</DVTinh>
<SLuong>Số lượng (Bắt buộc nếu có)</SLuong>
<DGia>Đơn giá (Bắt buộc nếu có)</DGia>
<TLCKhau>Tỷ lệ % chiết khấu</TLCKhau>
<STCKhau>Số tiền chiết khấu </STCKhau>
<GTKCThue>Giảm trừ không chịu thuế</GTKCThue>
<ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT) - Bắt buộc trừ trường hợp TChat = 4</ThTien>

<TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT)</TSuat>
<TThue>Tiền thuế</TThue>
<TSThue>Tiền sau thuế</TSThue>
<TTKhac>

<TTin>

<TTruong>Tên trường</TTruong>

<KDLieu>Kiểu dữ liệu</KDLieu>

<DLieu>Dữ liệu</DLieu>

</TTin>

</TTKhac>

<TTHHDTTrung> - Bắt buộc trường hợp TChat = 5

<TTin>

<LHHDTTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận các giá trị: 1- Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT)</LHHDTTrung>

<TTruong>Tên trường (Nhận các giá trị: Số khung (SKhung),Số máy (SMay),Biển kiểm soát phương tiện vận chuyển (BKSPTVChuyen), Tên người gửi hàng (TNGHang), Địa chỉ người gửi hàng (DCNGHang),MST người gửi hàng (MSTNGHang), Số định danh người gửi hàng (MDDNGHang))</TTruong>

<DLieu>Dữ liệu</DLieu>

</TTin>

</TTHHDTTrung>

<TLTThue> Tỷ lệ tính thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</TLTThue>

<STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>

</HHDVu>

</DSHHDVu>

<TToan>

<THTTLTSuat><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->

<LTSuat>

<TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT)</TSuat>

<ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế

GTGT)</ThTien>

<TThue>Tiền thuế (Tiền thuế GTGT)</TThue>

</LTSuat>

</THTTLTSuat>

<TgTCThue>Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế GTGT) (Bắt buộc với hóa đơn GTGT)</TgTCThue>

<TgTThue>Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế GTGT) (Bắt buộc với hóa đơn GTGT)</TgTThue>

<TTCKTMai>Tổng tiền chiết khấu thương mại</TTCKTMai>

<TgTPhiSThue>Tổng tiền phí</TgTPhiSThue>

```

        <STGThue> Số tiền giảm thuế (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán
        hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>
        <TgTTTBSố>Tổng tiền thanh toán bằng số *</TgTTTBSố>
        <TgTTTBChu>Tổng tiền thanh toán bằng chữ *</TgTTTBChu>
    </TToan>
</NDHDon>
</DLHDon>
</HDon>
</DSHDon>

```

3.1.5. Lấy nội dung XMLData Hóa đơn có mã CQT trả về

URL

string **GetInvDataByFkey**(string fkey, string userName, string userPass, string account, string accPass, string pattern = "")

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép lấy nội dung xml hóa đơn có mã CQT trả về

HTTP METHOD

Get

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **fkey:** fkey của hóa đơn
- **pattern:** mẫu số hóa đơn

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm mới hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:78	Khách hàng không sử dụng hóa đơn cấp mã từ cơ quan thuế hoặc không cấu hình sử dụng theo TT78	
ERR:21	Không lấy được mẫu mặc định của công ty	

ERR:22	Không lấy được invoice service theo mẫu số truyền vào	
ERR:23	Fkey truyền vào không đúng	
ERR:24	Không lấy được InvoiceData theo hóa đơn, hóa đơn có thể chưa được cấp mã.	
ERR:25	Trường InvoiceData chưa được lưu ở hóa đơn	
ERR:5	Lỗi không xác định, không lấy được dữ liệu hóa đơn cấp mã theo dữ liệu truyền vào	
DataBase64	Dữ liệu xml hóa đơn có mã CQT dạng Base64	

3.1.6. Lấy trạng thái và XMLData hóa đơn có mã, trạng thái của hóa đơn không mã gửi CQT trả về theo danh sách invToken

URL

string **GetMCCQThueByInvTokens**(string Account, string ACPass, string username, string password, string invTokens)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép lấy trạng thái và nội dung xml hóa đơn có mã CQT trả về theo invToken

HTTP METHOD

Get

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **invTokens:** danh sách chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm mới hóa đơn	
ERR:2	Không tìm thấy hóa đơn tương ứng.	
ERR:10	Vượt quá số lượng 100 hóa đơn cần lấy	

ERR:20	Không lấy được thông tin người dùng	
ERR:5	Lỗi không xác định, không lấy được dữ liệu hóa đơn cấp mã theo dữ liệu truyền vào	
DataBase64	Dữ liệu thông tin hóa đơn ở dạng XML đã base64 bao gồm: mẫu số, ký hiệu, số, trạng thái cấp mã, xml hóa đơn <pre> <DSHDon> <HDon> <KHMSHDon>Mẫu số hóa đơn</KHMSHDon> <KHHDDon>Ký hiệu hóa đơn</KHHDDon> <SHDon>Số hóa đơn</SHDon> <MCCQThue>Mã cơ quan thuế cấp (Trường hợp hóa đơn có mã)</MCCQThue> <TThai>0: Chưa gửi cơ quan thuế 1: Đã gửi cơ quan thuế 2: Đã được CQT chấp nhận 3: Đã bị CQT từ chối </TThai> <MTLoi>thông báo lỗi CQT trả về</MTLoi> <Fkey>Fkey hóa đơn</Fkey> </HDon> </DSHDon> </pre>	

3.1.7.Lấy trạng thái và XMLData hóa đơn có mã, trạng thái của hóa đơn không mã gửi CQT trả về theo danh sách Fkey

URL

string **GetMCCQThueByFkeys** (string Account, string ACpass, string username, string password, string pattern, string fkeys)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép lấy trạng thái và nội dung xml hóa đơn có mã CQT trả về theo invToken

HTTP METHOD

Get

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Pattern:** mẫu số hóa đơn
- **fkeys:** danh sách chuỗi fkey xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm mới hóa đơn	
ERR:2	Không tìm thấy hóa đơn tương ứng.	
ERR:10	Vượt quá số lượng 100 hóa đơn cần lấy	
ERR:20	Không lấy được thông tin người dùng	
ERR:5	Lỗi không xác định, không lấy được dữ liệu hóa đơn cấp mã theo dữ liệu truyền vào	
DataBase64	Dữ liệu thông tin hóa đơn ở dạng XML đã base64 bao gồm: mẫu số, ký hiệu, số, trạng thái cấp mã, xml hóa đơn <pre> <DSHDon> <HDon> <KHMSHDon>Mẫu số hóa đơn</KHMSHDon> <KHHDDon>Ký hiệu hóa đơn</KHHDDon> <SHDon>Số hóa đơn</SHDon> <MCCQThue>Mã cơ quan thuế cấp (Trường hợp hóa đơn có mã)</MCCQThue> <TThai>0: Chưa gửi cơ quan thuế 1: Đã gửi cơ quan thuế 2: Đã được CQT chấp nhận 3: Đã bị CQT từ chối </TThai> <MTLoi>thông báo lỗi CQT trả về</MTLoi> <Fkey>Fkey hóa đơn</Fkey> </HDon> </DSHDon> </pre>	

3.1.8. Lấy trạng thái hóa đơn có mã, hóa đơn không mã gửi CQT trả về theo danh sách invToken

URL

string GetMCCQThueByInvTokensNoXMLSign(string Account, string ACpass, string username, string password, string invTokens)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép lấy trạng thái và nội dung xml hóa đơn có mã CQT trả về theo invToken

HTTP METHOD

Get

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **invTokens:** danh sách chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm mới hóa đơn	
ERR:2	Không tìm thấy hóa đơn tương ứng.	
ERR:10	Vượt quá số lượng 100 hóa đơn cần lấy	
ERR:20	Không lấy được thông tin người dùng	
ERR:5	Lỗi không xác định, không lấy được dữ liệu hóa đơn cấp mã theo dữ liệu truyền vào	
DataBase64	Dữ liệu thông tin hóa đơn ở dạng XML đã base64 bao gồm: mẫu số, ký hiệu, số, trạng thái cấp mã, xml hóa đơn <DSHDon> <HDon> <KHMSHDon>Mẫu số hóa đơn</KHMSHDon>	

	<KHHDDon>Ký hiệu hóa đơn</KHHDDon> <SHDon>Số hóa đơn</SHDon> <MCCQThue>Mã cơ quan thuế cấp (Trường hợp hóa đơn có mã)</MCCQThue> <TThai>0: Chưa gửi cơ quan thuế 1: Đã gửi cơ quan thuế 2: Đã được CQT chấp nhận 3: Đã bị CQT từ chối </TThai> <MTLoi>thông báo lỗi CQT trả về</MTLoi> <Fkey>Fkey hóa đơn</Fkey> </HDon> </DSHDon>	
--	---	--

3.1.9. Lấy trạng thái hóa đơn có mã, hóa đơn không mã gửi CQT trả về theo danh sách Fkey

URL

string GetMCCQThueByFkeysNoXMLSign(string Account, string ACpass, string username, string password, string pattern, string fkeys)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép lấy trạng thái và nội dung xml hóa đơn có mã CQT trả về theo invToken

HTTP METHOD

Get

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Pattern:** mẫu số hóa đơn
- **fkeys:** danh sách chuỗi fkey xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
---------	-------	---------

ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm mới hóa đơn	
ERR:2	Không tìm thấy hóa đơn tương ứng.	
ERR:10	Vượt quá số lượng 100 hóa đơn cần lấy	
ERR:20	Không lấy được thông tin người dùng	
ERR:5	Lỗi không xác định, không lấy được dữ liệu hóa đơn cấp mã theo dữ liệu truyền vào	
DataBase64	Dữ liệu thông tin hóa đơn ở dạng XML đã base64 bao gồm: mẫu số, ký hiệu, số, trạng thái cấp mã, xml hóa đơn. <pre> <DSHDon> <HDon> <KHMSHDon>Mẫu số hóa đơn</KHMSHDon> <KHHDDon>Ký hiệu hóa đơn</KHHDDon> <SHDon>Số hóa đơn</SHDon> <MCCQThue>Mã cơ quan thuế cấp (Trường hợp hóa đơn có mã)</MCCQThue> <TThai>0: Chưa gửi cơ quan thuế 1: Đã gửi cơ quan thuế 2: Đã được CQT chấp nhận 3: Đã bị CQT từ chối </TThai> <MTLoi>thông báo lỗi CQT trả về</MTLoi> <Fkey>Fkey hóa đơn</Fkey> </HDon> </DSHDon> </pre>	

3.1.10. Gửi thông điệp hóa đơn điện tử có sai sót.

URL

string **SendInvNoticeErrors**(string Account, string ACpass, string xml, string username, string password, string pattern = "", int convert = 0)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp hóa đơn điện tử có sai sót bằng hsm hoặc p12.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xml:** chuỗi xml thông điệp hóa đơn điện tử có sai sót (theo mẫu mô tả kèm theo)
- **pattern:** mẫu số hóa đơn
- **convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
OK:mtd	Gửi thông điệp thành công, trả về mã thông điệp	

Cấu trúc chuỗi XML đầu vào của thông điệp: (dấu * là bắt buộc)

```
<DLTBao>
  <TNNT></TNNT> //Tên người nộp thuế
  <TCQT></TCQT> //Tên cơ quan thuế (Tên cơ quan thuế ra thông báo)
  <NTBao></NTBao> //Ngày thông báo
  <DDanh></DDanh> //Địa danh
  <Loai> </Loai>* //Loại (Loại thông báo) (1: Thông báo của NNT, 2: Giải trình
của NNT theo thông báo của CQT)
```

```

<So></So> //Số thông báo của CQT. Bắt buộc (Đối với Loại=2: Giải trình của
NNT theo thông báo của CQT)
<NTBCCQT></NTBCCQT> //Ngày thông báo của CQT. Bắt buộc (Đối với Loại=2: Giải
trình của NNT theo thông báo của CQT)
<DSHDon>
  <HDon>
    <STT></STT> //Số thứ tự
    <MCQTCap> </MCQTCap> //Mã CQT cấp. Bắt buộc (Trừ trường hợp là hóa
đơn không có mã của CQT)
    <KHMSHDon></KHMSHDon>* //Ký hiệu mẫu số hóa đơn
    <KHHDDon></KHHDDon>* //Ký hiệu hóa đơn
    <SHDon></SHDon>* //Số hóa đơn (Số hóa đơn điện tử)
    <Ngay></Ngay>* //Ngày (Ngày lập hóa đơn) - định dạng: YYYY-MM-YY
    <LADHDDT></LADHDDT>* //Loại áp dụng hóa đơn điện tử
    (1:Hóa đơn điện tử theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP, Nghị định
70/2025/NĐ-CP;
    2: Hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế theo Quyết định số
1209/QĐ-BTC;
    3: Hóa đơn theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số
04/2014/NĐ-CP;
    4: Hóa đơn đặt in theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP)
    <TCTBao></TCTBao> *//Tính chất thông báo (4: Giải trình, 6: Thông
báo)
    <LDo></LDo> //Lý do
    <Fkey></Fkey>
  </HDon>
</DSHDon>
</DLTBao>

```

3.1.11. Lấy giá trị Hash cho gửi thông điệp hóa đơn có sai sót bằng token (bước 1)

URL

string **GetHashInvNoticeErrors**(string Account, string ACpass, string xml, string username, string password, string pattern = "", int convert = 0)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp hóa đơn điện tử có sai sót với các hệ thống sử dụng token, thực hiện truyền dữ liệu hóa đơn và lấy giá trị hash value để ký số bằng token ở client.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xml:** chuỗi xml thông điệp hóa đơn điện tử có sai sót (theo mẫu mô tả kèm theo)
- **pattern:** mẫu số hóa đơn
- **convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
ERR:30	Tạo mới hóa đơn có lỗi	
Chuỗi base64Hash	Chuỗi trả về sử dụng để ký số token	

Cấu trúc chuỗi XML đầu vào của thông điệp: (dấu * là bắt buộc)

```
<DLTBao>
  <TNNT></TNNT> //Tên người nộp thuế
  <TCQT></TCQT> //Tên cơ quan thuế (Tên cơ quan thuế ra thông báo)
  <NTBao></NTBao> //Ngày thông báo
  <DDanh></DDanh> //Địa danh
```

```

    <Loai> </Loai>*//Loại (Loại thông báo) (1: Thông báo của NNT, 2: Giải trình
của NNT theo thông báo của CQT)
    <So></So> //Số thông báo của CQT. Bắt buộc (Đối với Loại=2: Giải trình của
NNT theo thông báo của CQT)
    <NTBCCQT></NTBCCQT>//Ngày thông báo của CQT. Bắt buộc (Đối với Loại=2: Giải
trình của NNT theo thông báo của CQT)
    <DSHDon>
        <HDon>
            <STT></STT> //Số thứ tự
            <MCQTCap> </MCQTCap> //Mã CQT cấp. Bắt buộc (Trừ trường hợp là hóa
đơn không có mã của CQT)
            <KHMSHDon></KHMSHDon>* //Ký hiệu mẫu số hóa đơn
            <KHHDDon></KHHDDon>*//Ký hiệu hóa đơn
            <SHDon></SHDon>*//Số hóa đơn (Số hóa đơn điện tử)
            <Ngay></Ngay>*//Ngày (Ngày lập hóa đơn) - định dạng: YYYY-MM-YY
            <LADHDDT></LADHDDT>*//Loại áp dụng hóa đơn điện tử
            (1: Hóa đơn điện tử theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP, Nghị định
70/2025/NĐ-CP;
            2: Hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế theo Quyết định số
1209/QĐ-BTC;
            3: Hóa đơn theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số
04/2014/NĐ-CP;
            4: Hóa đơn đặt in theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP)
            <TCTBao></TCTBao> *//Tính chất thông báo (1: Hủy; 2: Điều chỉnh; 3:
Thay thế; 4: Giải trình)
            <LDo></LDo> //Lý do
            <Fkey></Fkey>
        </HDon>
    </DSHDon>
</DLTBao>

```

Cấu trúc chuỗi base64Hash trả về:

Qp00If1ZAMA5tHpzdJtqIV0r1Zc=

3.1.12. Gửi thông điệp hóa đơn điện tử có sai sót sử dụng token (bước 2)

URL

string **SendInvNoticeErrorsWidthToken**(string Account, string ACpass, string username, string password, string xml)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp hóa đơn điện tử có sai sót với các hệ thống sử dụng token, sau khi thực hiện gọi hàm Lấy giá trị Hash ở bước 1 (3.1.9)

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xml:** chuỗi xml dữ liệu ký hash.
- **convert:** Mặc định là 0 (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode / 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền phát hành hóa đơn	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá max cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
OK:mtd	Gửi thông điệp thành công, trả về mã thông điệp	

Cấu trúc chuỗi xml truyền lên:

```
<CKS>
  <SerialCert></SerialCert> *//serial chứng thư của công ty
  <Base64Hash></Base64Hash> *//chuỗi Hash lấy từ bước 3.1.9
  <SignValue></SignValue> *//chuỗi ký
</CKS>
```

3.1.13. Lấy giá trị Hash cho gửi thông điệp hóa đơn có sai sót bằng SmartCA (bước 1)

URL

string **GetHashInvNoticeErrorsWithSmartCA**(string Account, string ACpass, string xml, string username, string password, string serial, string pattern = "", int convert = 0)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp hóa đơn điện tử có sai sót với các hệ thống sử dụng smartCA, thực hiện truyền dữ liệu hóa đơn sai sót và lấy giá trị hash value để ký số bằng smartCA ở client.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xml:** chuỗi xml thông điệp hóa đơn điện tử có sai sót (theo mẫu mô tả kèm theo)___
- **serial:** serial của chứng thư SmartCA công ty đã đăng ký trong hệ thống
- **pattern:** mẫu số hóa đơn
- **convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
ERR:30	Tạo mới hóa đơn có lỗi	
Chuỗi hash	Chuỗi trả về sử dụng để ký số smartCA	

Cấu trúc chuỗi XML đầu vào của thông điệp: (dấu * là bắt buộc)

```

<DLTBao>
  <TNNT></TNNT> //Tên người nộp thuế
  <TCQT></TCQT> //Tên cơ quan thuế (Tên cơ quan thuế ra thông báo)
  <NTBao></NTBao> //Ngày thông báo
  <DDanh></DDanh> //Địa danh
  <Loai> </Loai>* //Loại (Loại thông báo) (1: Thông báo của NNT, 2: Giải trình
của NNT theo thông báo của CQT)
  <So></So> //Số thông báo của CQT. Bắt buộc (Đối với Loại=2: Giải trình của
NNT theo thông báo của CQT)
  <NTBCCQT></NTBCCQT> //Ngày thông báo của CQT. Bắt buộc (Đối với Loại=2: Giải
trình của NNT theo thông báo của CQT)
  <DSHDon>
    <HDon>
      <STT></STT> //Số thứ tự
      <MCQTCap> </MCQTCap> //Mã CQT cấp. Bắt buộc (Trừ trường hợp là hóa
đơn không có mã của CQT)
      <KHMSHDon></KHMSHDon>* //Ký hiệu mẫu số hóa đơn
      <KHHDDon></KHHDDon>* //Ký hiệu hóa đơn
      <SHDon></SHDon>* //Số hóa đơn (Số hóa đơn điện tử)
    
```

```

<Ngay></Ngay>*//Ngày (Ngày lập hóa đơn) - định dạng: YYYY-MM-YY
<LADHDDT></LADHDDT>*//Loại áp dụng hóa đơn điện tử
(1: Hóa đơn điện tử theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP; Nghị định
70/2025/NĐ-CP;
2: Hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế theo Quyết định số
1209/QĐ-BTC;
3: Hóa đơn theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số
04/2014/NĐ-CP;
4: Hóa đơn đặt in theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP)
<TCTBao></TCTBao>*//Tính chất thông báo (1: Hủy; 2: Điều chỉnh; 3:
Thay thế; 4: Giải trình)
<LDo></LDo> //Lý do
<Fkey></Fkey>
</HDon>
</DSHDon>
</DLTBao>

```

Cấu trúc chuỗi Hash trả về:

```
tFcVc/SWLPX+kbJ/uNz1VYBNNeoWlAIAQ0RmkGaYgqs=
```

3.1.14. Gửi thông điệp hóa đơn điện tử có sai sót sử dụng SmartCA (bước 2)

URL

string **SendInvNoticeErrorsWithSmartCA**(string Account, string ACPass, string username, string password, string xml)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp hóa đơn điện tử có sai sót với các hệ thống sử dụng SmartCA, sau khi thực hiện gọi hàm Lấy giá trị Hash ở bước

GetHashInvNoticeErrorsWidthSmartCA

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xml:** chuỗi xml dữ liệu ký hash.
- **convert:** Mặc định là 0 (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode / 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền phát hành hóa đơn	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	

ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá max cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
OK:mtd	Gửi thông điệp thành công, trả về mã thông điệp	

Cấu trúc chuỗi xml truyền lên:

```
<CKS>
  <SerialCert></SerialCert> *//serial chứng thư của công ty
  <HashValue></HashValue> *//chuỗi Hash lấy từ bước 1
  <SignValue></SignValue> *//chuỗi ký
</CKS>
```

3.1.15. Nhận kết quả thông điệp hóa đơn sai sót

URL

string **ReceivedInvoiceErrors** (string Account, string ACpass, string username, string password, string mtd)

DESCRIPTION

Đây là web service nhận kết quả phản hồi của thuế theo mã thông điệp

HTTP METHOD

GET

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Mtd:** Mã thông điệp thuế trả về sau khi gọi hàm gửi thông điệp

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Mã thông điệp không hợp lệ, không tìm thấy bản ghi transaction	
ERR:8	Lỗi nhận kết quả từ cơ quan thuế	

ERR:7	Không tìm thấy chi tiết hóa đơn sai sót	
ERR:4	Chưa có kết quả thuế trả về, trạng thái chi tiết chưa được cập nhật	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
OK:mtd:dshoadon	Nhận kết quả thành công, trả về mã thông điệp và danh sách hóa đơn bị lỗi	

3.1.16. Xử lý kết quả thông điệp hóa đơn sai sót

URL

string **HandleInvoiceErrors** (string Account, string ACPass, string username, string password, string mtd)

DESCRIPTION

Đây là web service xử lý cập nhật trạng thái hủy hóa đơn mới và khôi phục trạng thái hóa đơn gốc trường hợp những hóa đơn gửi sai sót bị thuế từ chối

HTTP METHOD

GET

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Mtd:** Mã thông điệp thuế trả về sau khi gọi hàm gửi thông điệp

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Mã thông điệp không hợp lệ, không tìm thấy bản ghi transaction	
ERR:8	Không tìm thấy danh sách hóa đơn hủy để gửi mẫu 04, không có hóa đơn thuế từ chối	
ERR:7	Không tìm thấy chi tiết hóa đơn sai sót	
ERR:4	Chưa có kết quả thuế trả về, trạng thái chi tiết chưa được cập nhật	
ERR:6	Có lỗi xảy ra trong quá trình update trạng thái hóa đơn sai sót	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định

ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:51	Verify chứng thư lỗi	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
OK:mtd	Trường hợp ký số HSM: cập nhật trạng thái thành công, tự động gửi mẫu 04, kết quả trả về mã thông điệp	
OK:xml	Trường hợp ký số token: cập nhật trạng thái thành công, kết quả trả về Xml để thực hiện thao tác gọi webservice gửi thông điệp sai sót bằng token	

3.1.17. Lấy danh sách lịch sử truyền nhận CQT theo tham số truyền vào và phân trang

URL

string **GetTransactionItems** (string **username**, string **password**, int **status**, string **mtndiep**, string **message**, string **fromDate**, string **toDate**, string **mltdiep**, string **pattern**, string **serial**, decimal **invNo**, int **step**, int **pageIndex**, int **pageSize**)

DESCRIPTION

Đây là web service lấy danh sách lịch sử truyền nhận lên CQT theo tham số tìm kiếm và phân trang

HTTP METHOD

GET

REQUEST BODY

- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Status:** Trạng thái (giá trị -1 sẽ là lấy tất cả)

- **Mtdiep:** Mã thông điệp
- **Message:** Nội dung thông điệp truyền về
- **FromDate:** Ngày bắt đầu (dd/MM/yyyy)
- **ToDate:** Ngày kết thúc (dd/MM/yyyy)
- **Mltiep:** Mã loại thông điệp (để trống sẽ lấy tất cả)
- **Pattern:** Mẫu số hóa đơn
- **Serial:** Ký hiệu hóa đơn
- **InvNo:** Số hóa đơn (giá trị 0 sẽ là lấy tất cả)
- **Step:** Step của lịch sử truyền nhận (giá trị -2 sẽ là lấy tất cả)
- **PageIndex:** Lấy trang hiện tại
- **PageSize:** Số bản ghi trong 1 trang

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:7	Không tìm thấy công ty đăng nhập	
ERR:12	Định dạng ngày tháng không đúng	dd/MM/yyyy
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
OK:base64	Danh sách lịch sử truyền nhận theo base64	

Ghi chú: các giá trị bắt buộc với tham số truyền vào đang được cấu hình cố định

- **Status** (định dạng số (int))
 - -1: Giá trị mặc định, lấy tất cả
 - 5: Đã gửi TDiep tới TCTN
 - 6: Lỗi kết nối tới TCTN
 - 7: Gửi TCTN thất bại
 - 8: TCTN đã nhận được TDiep
 - 9: TCTN đã tiếp nhận và chưa xử lý
 - 10: TCTN đã phản hồi TDiep kỹ thuật
 - 11: TCTN đã gửi TDiep lên CQT
 - 12: TCT đã phản hồi TDiep kỹ thuật
 - 13: TCT đã phản hồi kết quả TDiep
 - 16: Lỗi kết nối cơ quan thuế

- **Step** (định dạng số (int))

- -2: Giá trị mặc định, lấy tất cả
- 17: Tiếp nhận Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử
- 18: Không tiếp nhận Tờ khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử
- 19: Tiếp nhận Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử
- 20: Không tiếp nhận Tờ khai đăng ký thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử
- 21: Chấp nhận đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử.
- 22: Không chấp nhận đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử!
- 23: TCTN tiếp nhận lỗi
- 24: TCTN tiếp nhận thành công
- 25: Thông báo hóa đơn không đủ điều kiện cấp mã
- 26: Thông báo kết quả đối chiếu thông tin gói dữ liệu hợp lệ
- 27: Thông báo kết quả đối chiếu thông tin sơ bộ từng hóa đơn không mã không hợp lệ
- 28: Thông báo kết quả đối chiếu sơ bộ thông tin của Bảng tổng hợp khác xăng dầu, Tờ khai dữ liệu hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra không hợp lệ
- 29: Thông báo kết quả đối chiếu sơ bộ thông tin của Bảng tổng hợp xăng dầu không hợp lệ
- 30: Thông báo kết quả đối chiếu sơ bộ thông tin Đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của CQT theo từng lần phát sinh với trường hợp NNT gửi đơn qua cổng thông tin điện tử của TCT
- 31: Thông báo kết quả đối chiếu thông tin gói dữ liệu không hợp lệ các trường hợp khác
- 32: TCT tiếp nhận lỗi
- 33: TCT tiếp nhận thành công
- 34: TCT cấp mã hóa đơn thành công!
- 35: TCT thông báo kết quả đối chiếu thông tin gói dữ liệu hóa đơn sai sót hợp lệ

- **Mltdiep** (định dạng chữ (string))

- 100: Thông điệp gửi tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử
- 101: Thông điệp gửi tờ khai đăng ký thay đổi thông tin đăng ký sử dụng HĐĐT khi ủy nhiệm/nhận ủy nhiệm lập hóa đơn
- 106: Thông điệp gửi Đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của CQT theo từng lần phát sinh
- 200: Thông điệp gửi hóa đơn điện tử tới cơ quan thuế để cấp mã
- 201: Thông điệp gửi hóa đơn điện tử tới cơ quan thuế để cấp mã theo từng lần phát sinh
- 203: Thông điệp chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử không mã đến cơ quan thuế
- 300: Thông điệp thông báo về hóa đơn điện tử đã lập có sai sót
- 400: Thông điệp chuyển bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế

- 500: Thông điệp chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử do TCTN uỷ quyền cấp mã đến cơ quan thuế
- **InvNo** (định dạng số (decima))
 - 0: Giá trị mặc định sẽ là tất cả

3.1.18. Xem chi tiết bản ghi trong lịch sử truyền nhận

URL

string GetTransactionDetail (string username, string password, string mtd)

DESCRIPTION

Đây là web service xem chi tiết bản ghi lịch sử truyền nhận

HTTP METHOD

GET

REQUEST BODY

- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Mtd:** Mã thông điệp thuế trả về sau khi gọi hàm gửi thông điệp

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tìm thấy công ty đăng nhập	
ERR:3	Mã thông điệp không thuộc công ty tra cứu	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
OK:base64	Chi tiết bản ghi trả về dưới dạng Base64	

3.1.19. Xem chi tiết step CQT trả về

URL

string GetStepDetail (string username, string password, string stepId, string mtd)

DESCRIPTION

Đây là web service xem chi tiết step CQT trả kết quả về

HTTP METHOD

GET

REQUEST BODY

- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **stepId:** Id step được trả kết quả trên hàm **GetTransactionDetail**
- **Mtd:** Mã thông điệp thuê trả về sau khi gọi hàm gửi thông điệp

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tìm thấy công ty đăng nhập	
ERR:3	Mã thông điệp không thuộc công ty tra cứu	
ERR:4	Tham số truyền vào rỗng	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
OK:base64	Chi tiết bản ghi trả về dưới dạng Base64	

3.1.20. Nhận kết quả lịch sự truyền nhận

URL

String GetResultsTransaction (**string** username, **string** password, **int** Id, bool tranErr = true)

DESCRIPTION

Đây là webservice nhận kết quả lịch sự truyền nhận

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Id:** Id của Packagetransaction trong **chi tiết step CQT trả về**
- **TranErr:** true: trường hợp lỗi màn hình xem chi tiết cho nhận lại, false: trường hợp nhận từ màn hình danh sách

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	

ERR:2	Không tìm thấy công ty đăng nhập	
ERR:3	Mã thông điệp không thuộc công ty tra cứu	
ERR:4	Tham số truyền vào rỗng	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
ERR:6	Sai trạng thái	
Ok:kết quả	Thông báo kết quả nhận kết quả	

3.1.21. Đăng ký tờ khai DK01

URL

String RegisterPublish(string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string password, int type)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép đăng ký tờ khai 01.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass** : Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData**: Chuỗi XML dữ liệu tờ khai 01 đã ký số (theo cấu trúc mô tả)
- **type**: =0

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm khách hàng	
ERR:11	Dữ liệu xml validate lỗi	
ERR:6	Lỗi gửi dữ liệu đăng ký lên TCTN	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định, kiểm tra exception trả về (DB roll back)
OK: mtd	Đã gửi tờ khai 01 lên TCT: mã thông điệp	

3.1.22. Lấy kết quả tờ khai DK01

URL

String ReceivedRegisterPublish(string Account, string ACpass, string username, string password, string mtd)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép đăng ký tờ khai 01.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **mtd:** Mã thông điệp tờ khai 01

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm khách hàng	
ERR:11	Dữ liệu xml validate lỗi	
ERR:6	Không tìm thấy thông điệp	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định, kiểm tra exception trả về (DB roll back)
ERR: 7	Lỗi dữ liệu trả về từ TCTN	
OK: xml	XML kết quả TCT trả về	

3.1.23. Đăng ký dải số

URL

RegisterPublishInvoice(**string** Account, **string** ACpass, **string** username, **string** password, **string** Pattern, **string** Type, **string** Serial, **int** Quantity)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép đăng ký dải số.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Pattern:** Mẫu số
- **Serial:** Kí hiệu
- **Quantity:** Số lượng
- **type:** =0

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm khách hàng	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định, kiểm tra exception trả về (DB roll back)

OK	Thành công	
----	------------	--

3.1.24. Hủy dải số

URL

CancelPublishInvoice(string Account, string ACpass, string username, string password, string Pattern, string Serial)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép hủy dải số.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Pattern:** Mẫu số
- **Serial:** Kí hiệu

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm khách hàng	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định, kiểm tra exception trả về (DB roll back)
OK	Thành công	

3.1.25. Lấy giá trị Hash cho phát hành hóa đơn SmartCa (bước 1)

URL

string GetHashInvSmartCA(string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string password, string serialCert, int type, string invToken, string pattern = "", string serial = "", int convert = 0)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép phát hành hóa đơn với các hệ thống sử dụng smartCA, thực hiện truyền dữ liệu hóa đơn và lấy giá trị hash value để ký số bằng smartCA ở client.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn

- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** chuỗi xml hóa đơn (theo mẫu mô tả kèm theo)
- **serialCert:** Serial của chứng thư số công ty đã đăng ký trong hệ thống
- **type:** phát hành mới: 0, thay thế = 1, điều chỉnh tăng = 2, điều chỉnh giảm = 3, điều chỉnh thông tin = 4
- **invToken:** chuỗi token hóa đơn = mẫu số;ký hiệu;số hóa đơn (ví dụ: **01GKT0/001;AA/17E;1**) – chỉ cần khi thay thế/ điều chỉnh; phát hành thì để trống
- **pattern:** mẫu số hóa đơn
- **serial:** ký hiệu hóa đơn

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:20	Dải hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và Serial không phù hợp	
ERR:6	Không còn đủ số lượng hóa đơn để phát hành	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
ERR:30	Tạo mới hóa đơn có lỗi	

ERR:35	Công ty đăng ký DK01 cả có mã, không mã. Tạo cả ký hiệu cả 2 dải có mã và không mã sẽ yêu cầu bắt buộc truyền pattern, serial	
Chuỗi xml trả về	Chuỗi trả về	

Cấu trúc chuỗi XML trả về:

```
<Invoices>
  <Inv>
    <key>123</key>
    <idInv>128668</idInv>
    <hashValue>rKdYgeYc7CYLOhj fNFDZ8nBaWjA=</hashValue>
    <pattern>01GTTK0/001</pattern>
    <serial>AA/17E</serial>
  </Inv>
  <Inv>
    <key>456</key>
    <idInv>128923</idInv>
    <hashValue>2p60p82YQhqiMHG9t/toIaLfENQ=</hashValue>
    <pattern>01GTTK0/001</pattern>
    <serial>AA/17E</serial>
  </Inv>
</Invoices>
```

Trong đó:

- tag <key>: fkey
- tag <idInv>: id hóa đơn trên hệ thống vnpt
- tag <hashValue>: chuỗi hash
- tag <pattern>: mẫu số
- tag <serial>: ký hiệu

3.1.26. Phát hành hóa đơn sử dụng SmartCA (bước 2)

URL

string **PublishInvSmartCA** (string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string password, string pattern = "", string serial = "").

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép phát hành hóa đơn với các hệ thống sử dụng SmartCA, sau khi thực hiện gọi hàm Lấy giá trị Hash ở bước 1 (3.1.25)

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).

- **xmlInvData:** chuỗi xml dữ liệu ký hash hóa
- **pattern:** mẫu số hóa đơn
- **serial:** ký hiệu hóa đơn
- **convert:** Mặc định là 0 (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode / 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền phát hành hóa đơn	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:20	Không tìm thấy dải hóa đơn	Không tìm thấy dải hóa đơn hoặc tài khoản phát hành không có quyền phát hành hóa đơn trên dải hóa đơn truyền lên.
ERR:6	Không còn đủ số lượng hóa đơn để phát hành	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá max cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
ERR:30	Tạo mới hóa đơn có lỗi	
OK: pattern;serial;invNumber (Ví dụ:	- OK → đã phát hành hóa đơn thành công - Patter→ Mẫu số của hóa đơn điều chỉnh - Serial → serial của hóa đơn điều chỉnh - invNumber: số hóa đơn điều chỉnh	

OK:01GTKT3/001;A A/12E;0000002)		
------------------------------------	--	--

Cấu trúc chuỗi xmlData truyền lên:

```
<Invoices>
  <SerialCert>540171AA56FDB2F8476BBD781251C83D</SerialCert>
  <Inv>
    <key>789</key>
    <idInv>10</idInv>
    <signValue>J2k7CsSN9Gb6PmsHD9yDJS1/j3s=</signValue>
  </Inv>
</Invoices>
```

Trong đó: tag <SerialCert>: serial chứng thư của công ty
tag <key>: fkey
tag <idInv>: id hóa đơn trên hệ thống vnpt
tag <signValue>: chuỗi ký

3.1.27. In thông báo hóa đơn sai sót

URL

string **PrintNoticeInvError**(string mtdiep, string **username**, string **password**)

DESCRIPTION

Đây là web service in thông báo hóa đơn sai sót

HTTP METHOD

GET

REQUEST BODY

- **Username/pass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Mtdiep**: Mã thông điệp

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty đăng nhập	
ERR:2	Mã thông điệp không tồn tại	
ERR:3	Data PackageTransactionData rỗng	
ERR:7	Dữ liệu in thông báo rỗng	

ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
OK:string	In thông báo hóa đơn sai sót trả về dưới dạng string	

3.1.28. Xóa thông báo phát hành

URL

RemovePublishInvoice (string Account, string ACpass, string username, string password, string Pattern, string Serial)

DESCRIPTION

web service xóa thông báo phát hành

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Pattern:** Mẫu số
- **Serial:** Kí hiệu

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm khách hàng	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định, kiểm tra exception trả về (DB roll back)
OK	Thành công	

3.2. Nhóm các hàm webservice xử lý hóa đơn (BussinessService)

3.2.1. Điều chỉnh hóa đơn theo số hóa đơn truyền vào

URL

string AdjustActionAssignedNo(string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string pass, string fkey, string AttachFile, int? convert, string pattern = null, string serial = null).

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện điều chỉnh hóa đơn cho phép truyền số hóa đơn

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **xmlInvData:** String XML dữ liệu hóa đơn cũ và hóa đơn điều chỉnh
- **fkey:** Chuỗi xác định hóa đơn cần điều chỉnh
- **Convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)
- **Pattern:** Mẫu số
- **Serial:** Ký hiệu
- **AttachFile:** Đường dẫn file biên bản hoặc key để sinh biên bản tự động (=10: sinh biên bản tự động, =11: sinh và ký biên bản tự động, != 10 và !=11: Đường dẫn file biên bản)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Hóa đơn cần điều chỉnh không tồn tại	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:5	Không phát hành được hóa đơn	
ERR:6	Dải hóa đơn cũ đã hết	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn cần điều chỉnh đã bị thay thế. Không thể điều chỉnh được nữa.	
ERR:9	Trạng thái hóa đơn không được điều chỉnh	
ERR:13	Lỗi trùng fkey	Fkey của hóa đơn mới đã tồn tại trên hệ thống
ERR:14	Lỗi trong quá trình thực hiện cấp số hóa đơn	
ERR:15	Lỗi khi thực hiện Deserialize chuỗi hóa đơn đầu vào	
ERR:19	Pattern truyền vào không giống với hóa đơn cần điều chỉnh	
ERR:20	Dải hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	

ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	
ERR:30	Danh sách hóa đơn tồn tại ngày hóa đơn nhỏ hơn ngày hóa đơn đã phát hành	
ERR:31	Số hóa đơn truyền vào không hợp lệ	
OK: pattern;serial;invNumber (Ví dụ: OK:01GTKT3/001;AA/12E;0000002)	- OK → đã phát hành hóa đơn thành công - Patter → Mẫu số của hóa đơn điều chỉnh - Serial → serial của hóa đơn điều chỉnh - invNumber: số hóa đơn điều chỉnh	

Cấu trúc của xmlInvData (các trường * là bắt buộc):

```

<DieuChinhHD>
  <key>Fkey của hóa đơn để phân biệt hóa đơn xuất cho khách hàng nào *</key>
  <Type>Loại hóa đơn chỉnh sửa (int-mặc định lấy là 2) 2-Điều chỉnh tăng, 3-Điều chỉnh giảm, 4-Điều chỉnh thông tin, 6-Điều chỉnh tăng giảm kết hợp</Type>
  <InvoiceNo>Số hóa đơn *</InvoiceNo>
  <TTChung>
    <MHSO>Mã hồ sơ</MHSO>
    <SBKe>Số bảng kê (Số của bảng kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo hóa đơn)</SBKe>
    <NBKe>Ngày bảng kê (Ngày của bảng kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo hóa đơn)</NBKe>
    <DVTTe>Đơn vị tiền tệ *</DVTTe>
    <TGia>Tỷ giá (Bắt buộc (Trừ trường hợp Đơn vị tiền tệ là VND))</TGia>
    <HTTToan>Hình thức thanh toán*</HTTToan>
    <HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT). Nếu không truyền mặc định là 0- hóa đơn thường</HDDThu>
    <GiamThueGTGT>Giảm thuế GTGT(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội. Nhận giá trị 1/0)</GiamThueGTGT>
    <HDCTTChinh>Hoá đơn cho thuê tài chính (Hóa đơn đối với hoạt động cho thuê tài chính) Số (1: Hóa đơn dành cho hoạt động thuê tài chính, 0: Hóa đơn không dành cho hoạt động cho thuê tài chính)</HDCTTChinh>
  </TTChung>
  <NDHDon>
    <NBan>
      <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
      <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
      <STKNHang>Số tài khoản ngân hàng</STKNHang>
      <TNHang>Tên ngân hàng</TNHang>
      <Fax>Fax</Fax>
      <Website>Website</Website>
      <MCHang>Mã của hàng người bán</MCHang>
      <TCHang>Tên của hàng người bán</TCHang>
      <LDDNBo>Lệnh điều động nội bộ (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</LDDNBo>
      <HDSO>Hợp đồng số (Hợp đồng vận chuyển) (phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</HDSO>
    </NBan>
  </NDHDon>
</DieuChinhHD>

```

```

bộ)</HVTNXHang>
    <TNVChuyen>Tên người vận chuyển (phiếu xuất kho)</TNVChuyen>
    <PTVChuyen>Phương tiện vận chuyển (Bắt buộc đối với phiếu xuất
kho)</PTVChuyen>
    <HDKTSo>Hợp đồng kinh tế số (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho gửi bán
đại lý)</HDKTSo>
    <HDKTNgay>Hợp đồng kinh tế ngày (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho gửi
bán đại lý)</HDKTNgay>
    </NBan>
    <NMua>
        <Ten>Tên *</Ten>
        <MST>Mã số thuế (Bắt buộc nếu có)</MST>
        <DChi>Địa chỉ *</DChi>
        <MKHang>Mã khách hàng</MKHang>
        <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
        <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
        <HVTNMHang>Họ và tên người mua hàng</HVTNMHang>
        <STKNHang>Số tài khoản ngân hàng</STKNHang>
        <TNHang>Tên ngân hàng</TNHang>
        <HVTNNHang>Họ và tên người nhận hàng (phiếu xuất kho)</HVTNNHang>
        <MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người mua</MDVQHNSach>
        <SHChieu>Số hộ chiếu người mua</SHChieu>
        <CCCDan>Căn cước công dân người mua</CCCDan>
        <NCHChieu>Ngày cấp hộ chiếu người mua</NCHChieu>
        <NHHHChieu>Ngày hết hạn hộ chiếu người mua</NHHHChieu>
        <QTich>Quốc tịch người mua</QTich>
    </NMua>
    <DSHHDVu>
        <HHDVu>
            <TChat>Tính chất * (1-Hàng hóa, dịch vụ; 2-Khuyến mại; 3-Chiết
khẩu thương mại (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo dòng); 4-Ghi
chú/diễn giải, 5-Hàng hoá đặc trưng)</TChat>
            <STT>Số thứ tự</STT>
            <MHHDVu>Mã hàng hóa, dịch vụ (Bắt buộc nếu có)</MHHDVu>
            <THHDVu>Tên hàng hóa, dịch vụ *</THHDVu>
            <DVTinh>Đơn vị tính (Bắt buộc nếu có)</DVTinh>
            <SLuong>Số lượng (Bắt buộc nếu có)</SLuong>
            <DGia>Đơn giá (Bắt buộc nếu có)</DGia>
            <TLCKhau>Tỷ lệ % chiết khấu</TLCKhau>
            <STCKhau>Số tiền chiết khấu </STCKhau>
            <GTKCThue>Giảm trừ không chịu thuế</GTKCThue>
            <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT) - Bắt buộc
trừ trường hợp TChat = 4</ThTien>
            <TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT)</TSuat>
            <TThue>Tiền thuế</TThue>
            <TSThue>Tiền sau thuế</TSThue>
            <TTKhac>
                <TTin>
                    <TTruong>Tên trường</TTruong>
                    <KDLieu>Kiểu dữ liệu</KDLieu>
                    <DLieu>Dữ liệu</DLieu>
                </TTin>
            </TTKhac>
            <TTHHDTrung> - Bắt buộc trường hợp TChat = 5
            <TTin>

```

```

<LHHDTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận
các giá trị: 1- Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch
vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT)</LHHDTrung>
<TTTruong>Tên trường (Nhận các giá trị: Số
khung (SKhung), Số máy (SMay), Biên kiểm soát phương tiện vận chuyển
(BKSPTVChuyen), Tên người gửi hàng (TNGHang), Địa chỉ người gửi hàng
(DCNGHang), MST người gửi hàng (MSTNGHang), Số định danh người gửi hàng
(MDDNGHang))</TTTruong>
<DLieu>Dữ liệu</DLieu>
</TTin>
</TTHHDTrung>
<TLTThue> Tỷ lệ tính thuế (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ
của Quốc hội)</TLTThue>
<STGThue> Số tiền giảm thuế (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo
NQ của Quốc hội)</STGThue>
</HHDVu>
</DSHHDVu>
<TToan>
<THHTLTSuat><!-- sử dụng hóa đơn GTGT-->
<LSuat>
<TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT)</TSuat>
<ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế
GTGT)</ThTien>
<TThue>Tiền thuế (Tiền thuế GTGT)</TThue>
</LSuat>
</THHTLTSuat>
<TgTCThue>Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế
GTGT) (Bắt buộc với hóa đơn GTGT)</TgTCThue>
<TgTThue>Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế GTGT) (Bắt buộc với hóa
đơn GTGT)</TgTThue>
<TTCKTMai>Tổng tiền chiết khấu thương mại</TTCKTMai>
<TgTPhiSThue>Tổng tiền phí</TgTPhiSThue>
<STGThue> Số tiền giảm thuế (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán
hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>
<TgTTTBSO>Tổng tiền thanh toán bằng số *</TgTTTBSO>
<TgTTTBChu>Tổng tiền thanh toán bằng chữ *</TgTTTBChu>
</TToan>
</NDHDon>
</DieuChinhHD>

```

3.2.2. Html xem trước khi điều chỉnh hóa đơn

URL

string **AdjustInvoiceNoPublish**(string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string pass, string fkey, int? convert, string pattern = null, string serial = null).

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện lấy dữ liệu html hóa đơn mới của điều chỉnh hóa đơn trước khi ký số phát hành

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **xmlInvData:** String XML dữ liệu hóa đơn cũ và hóa đơn điều chỉnh
- **fkey:** Chuỗi xác định hóa đơn cần điều chỉnh
- **Convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)
- **Pattern:** Mẫu số
- **Serial:** Ký hiệu

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Hóa đơn cần điều chỉnh không tồn tại	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:5	Có lỗi trong quá trình tạo mới hóa đơn điều chỉnh	
ERR:6	Dải hóa đơn cũ đã hết	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn cần điều chỉnh đã bị thay thế. Không thể điều chỉnh được nữa.	
ERR:9	Trạng thái hóa đơn không được điều chỉnh	
ERR:15	Lỗi khi thực hiện Deserialize chuỗi hóa đơn đầu vào	
ERR:19	Pattern truyền vào không giống với hóa đơn cần điều chỉnh	
ERR:20	Dải hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
ERR:60	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (Có mã / Không mã).	
ERR:61	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (HD GTGT / HD bán hàng...).	

ERR:62	Không được dùng không mã đăng ký gửi bảng tổng hợp thay thế, điều chỉnh các hóa đơn không mã gửi thông tin chi tiết.	
chuỗi_hml_trả_về	Trả về chuỗi hml tương ứng với hóa đơn điều chỉnh nhưng chưa phát hành, ký số	Trả về một hóa đơn dưới dạng html

Cấu trúc của xmlInvData (các trường * là bắt buộc):

```

<ĐiềuChỉnhHD>
  <key>Fkey của hóa đơn *</key>
  <Type>Loại hóa đơn chỉnh sửa(int-mặc định lấy là 2) 2-Điều chỉnh tăng, 3-Điều chỉnh giảm, 4- Điều chỉnh thông tin, 6- Điều chỉnh tăng giảm kết hợp</Type>
  <TTChung>
    <MHSo>Mã hồ sơ</MHSo>
    <SBKe>Số bảng kê (Số của bảng kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo hóa đơn)</SBKe>
    <NBKe>Ngày bảng kê (Ngày của bảng kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo hóa đơn)</NBKe>
    <DVTTe>Đơn vị tiền tệ *</DVTTe>
    <TGia>Tỷ giá (Bắt buộc (Trừ trường hợp Đơn vị tiền tệ là VND))</TGia>
    <HTTToan>Hình thức thanh toán* </HTTToan>
    <HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT). Nếu không truyền mặc định là 0- hóa đơn thường</HDDThu>
  </TTChung>
  <NDHDon>
    <NBan>
      <Ten>Tên *</Ten>
      <MST>Mã số thuế *</MST>
      <DChi>Địa chỉ *</DChi>
      <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
      <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
      <STKNHang>Số tài khoản ngân hàng</STKNHang>
      <TNHang>Tên ngân hàng</TNHang>
      <Fax>Fax</Fax>
      <Website>Website</Website>
      <MCHang>Mã của hàng người bán</MCHang>
      <TCHang>Tên của hàng người bán</TCHang>
      <LDDNBo>Lệnh điều động nội bộ (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</LDDNBo>
      <HDSO>Hợp đồng số (Hợp đồng vận chuyển) (phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</HDSO>
      <HVTNXHang>Họ và tên người xuất hàng (phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</HVTNXHang>
      <TNVChuyen>Tên người vận chuyển (phiếu xuất kho)</TNVChuyen>
      <PTVChuyen>Phương tiện vận chuyển (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho)</PTVChuyen>
      <HDKTSO>Hợp đồng kinh tế số (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho gửi bán đại lý)</HDKTSO>
      <HDKTNgay>Hợp đồng kinh tế ngày (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho gửi bán đại lý)</HDKTNgay>
    </NBan>
    <NMua>
      <Ten>Tên *</Ten>
      <MST>Mã số thuế (Bắt buộc nếu có)</MST>

```

```

<DChi>Địa chỉ *</DChi>
<MKHang>Mã khách hàng</MKHang>
<SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
<DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
<HVTNMHang>Họ và tên người mua hàng</HVTNMHang>
<STKNHang>Số tài khoản ngân hàng</STKNHang>
<TNHang>Tên ngân hàng</TNHang>
<HVTNNHang>Họ và tên người nhận hàng (phiếu xuất kho)</HVTNNHang>
</NMua>
<DSHHDVu>
  <HHDVu>
    <TChat>Tính chất * (1-Hàng hóa, dịch vụ; 2-Khuyến mại; 3-Chiết
khẩu thương mại (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo dòng); 4-Ghi
chú/diễn giải; 5-Hàng hoá đặc trưng)</TChat>
    <STT>Số thứ tự</STT>
    <MHHDVu>Mã hàng hóa, dịch vụ (Bắt buộc nếu có)</MHHDVu>
    <THHDVu>Tên hàng hóa, dịch vụ *</THHDVu>
    <DVTinh>Đơn vị tính (Bắt buộc nếu có)</DVTinh>
    <SLuong>Số lượng (Bắt buộc nếu có)</SLuong>
    <DGia>Đơn giá (Bắt buộc nếu có)</DGia>
    <TLCKhau>Tỷ lệ % chiết khấu</TLCKhau>
    <STCKhau>Số tiền chiết khấu </STCKhau>
    <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT) - Bắt buộc
trừ trường hợp TChat = 4</ThTien>
    <TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT)</TSuat>
    <TThue>Tiền thuế</TThue>
    <TSThue>Tiền sau thuế</TSThue>
    <TTKhac>
      <TTin>
        <TTruong>Tên trường</TTruong>
        <KDLieu>Kiểu dữ liệu</KDLieu>
        <DLieu>Dữ liệu</DLieu>
      </TTin>
    </TTKhac>
    <TTHHDTrung> - Bắt buộc trường hợp TChat = 5
    <TTin>
      <LHHDTTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận
các giá trị: 1- Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch
vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT)</LHHDTTrung>
      <TTruong>Tên trường (Nhận các giá trị: Số
khung (SKhung), Số máy (SMay), Biên kiểm soát phương tiện vận chuyển
(BKSPTVChuyen), Tên người gửi hàng (TNGHang), Địa chỉ người gửi hàng
(DCNGHang), MST người gửi hàng (MSTNGHang), Số định danh người gửi hàng
(MDDNGHang))</TTruong>
      <DLieu>Dữ liệu</DLieu>
    </TTin>
  </TTHHDTrung>
</HHDVu>
</DSHHDVu>
<TToan>
  <HTTLTSuat> <!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
  <LTSuat>
    <TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT)</TSuat>
    <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế
GTGT)</ThTien>
    <TThue>Tiền thuế (Tiền thuế GTGT)</TThue>
  </LTSuat>

```

```

        </THTTLTuat>
        <TgTCThue>Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế
GTGT) (Bắt buộc với hóa đơn GTGT)</TgTCThue>
        <TgTThue>Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế GTGT) (Bắt buộc với hóa
đơn GTGT)</TgTThue>
        <TTCKTMai>Tổng tiền chiết khấu thương mại</TTCKTMai>
        <TgTTTBSO>Tổng tiền thanh toán bằng số *</TgTTTBSO>
        <TgTTTBChu>Tổng tiền thanh toán bằng chữ *</TgTTTBChu>
    </TToan>
</NDHDon>
</DieuChinhHD>

```

3.2.3. Thay thế hóa đơn theo số hóa đơn truyền vào

URL

string **ReplaceActionAssignedNo**(string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string pass, string fkey, string Attachfile, int? convert, string pattern = null, string serial = null).

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện thay thế hóa đơn cho phép truyền số hóa đơn

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **xmlInvData:** String XML dữ liệu hóa đơn cũ và hóa đơn thay thế
- **fkey:** Chuỗi xác định hóa đơn cần thay thế
- **Convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)
- **Pattern:** Mẫu số
- **Serial:** Ký hiệu
- **AttachFile:** Đường dẫn file biên bản hoặc key để sinh biên bản tự động (=10: sinh biên bản tự động, =11: sinh và ký biên bản tự động, != 10 và !=11: Đường dẫn file biên bản)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	

ERR:2	Không tồn tại hóa đơn cần thay thế	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:5	Có lỗi trong quá trình thay thế hóa đơn	
ERR:6	Dãi hóa đơn cũ đã hết	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn đã được thay thế rồi. Không thể thay thế nữa.	
ERR:9	Trạng thái hóa đơn không được thay thế	
ERR:13	Lỗi trùng fkey	Fkey của hóa đơn mới đã tồn tại trên hệ thống
ERR:14	Lỗi trong quá trình thực hiện cấp số hóa đơn	
ERR:15	Lỗi khi thực hiện Deserialize chuỗi hóa đơn đầu vào	
ERR:19	Pattern truyền vào không giống với hóa đơn cần điều chỉnh	
ERR:20	Dãi hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	
ERR:30	Danh sách hóa đơn tồn tại ngày hóa đơn nhỏ hơn ngày hóa đơn đã phát hành	
ERR:31	Số hóa đơn truyền vào không hợp lệ	
OK: pattern;serial;invNumber (Ví dụ: OK:01GTKT3/001;AA/12E;000002)	- OK → đã phát hành hóa đơn thay thế - Patter → Mẫu số của hóa đơn thay thế - Serial → serial của hóa đơn thay thế - invNumber: số hóa đơn thay thế	

Cấu trúc của xmlInvData (các trường * là bắt buộc):

```

<ThayTheHD>
  <key>Fkey của hóa đơn *</key>
  <InvoiceNo>Số hóa đơn</InvoiceNo>
  <TTChung>
    <MHSo>Mã hồ sơ</MHSo>
    <SBKe>Số bảng kê (Số của bảng kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo hóa đơn)</SBKe>
    <NBKe>Ngày bảng kê (Ngày của bảng kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo hóa đơn)</NBKe>
  </TTChung>
</ThayTheHD>

```

```

<DVTTe>Đơn vị tiền tệ *</DVTTe>
<TGia>Tỷ giá (Bắt buộc (Trừ trường hợp Đơn vị tiền tệ là VND))</TGia>
<HTTToan>Hình thức thanh toán *</HTTToan>
<HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT). Nếu không truyền mặc định là 0- hóa đơn thường</HDDThu>
<GiamThueGTGT> Giảm thuế GTGT (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội. Nhận giá trị 1/0)</GiamThueGTGT>
<HDCTTChinh>Hoá đơn cho thuê tài chính (Hóa đơn đối với hoạt động cho thuê tài chính) Số (1: Hóa đơn dành cho hoạt động thuê tài chính, 0: Hóa đơn không dành cho hoạt động cho thuê tài chính)</HDCTTChinh>
</TTChung>
<NDHDon>
  <NBan>
    <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
    <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
    <STKNHang>Số tài khoản ngân hàng</STKNHang>
    <TNHang>Tên ngân hàng</TNHang>
    <Fax>Fax</Fax>
    <Website>Website</Website>
    <MCHang>Mã cửa hàng người bán</MCHang>
    <TCHang>Tên cửa hàng người bán</TCHang>
    <LDDNBo>Lệnh điều động nội bộ (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</LDDNBo>
    <HDSO>Hợp đồng số (Hợp đồng vận chuyển) (phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</HDSO>
    <HVTNXHang>Họ và tên người xuất hàng (phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</HVTNXHang>
    <TNVChuyen>Tên người vận chuyển (phiếu xuất kho)</TNVChuyen>
    <PTVChuyen>Phương tiện vận chuyển (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho)</PTVChuyen>
    <HDKTSO>Hợp đồng kinh tế số (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho gửi bán đại lý)</HDKTSO>
    <HDKTNgay>Hợp đồng kinh tế ngày (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho gửi bán đại lý)</HDKTNgay>
  </NBan>
  <NMua>
    <Ten>Tên *</Ten>
    <MST>Mã số thuế (Bắt buộc nếu có)</MST>
    <DChi>Địa chỉ *</DChi>
    <MKHang>Mã khách hàng</MKHang>
    <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
    <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
    <HVTNMHang>Họ và tên người mua hàng</HVTNMHang>
    <STKNHang>Số tài khoản ngân hàng</STKNHang>
    <TNHang>Tên ngân hàng</TNHang>
    <HVTNNHang>Họ và tên người nhận hàng (phiếu xuất kho)</HVTNNHang>
    <MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người mua</MDVQHNSach>
    <SHChieu>Số hộ chiếu người mua</SHChieu>
    <CCCDan>Căn cước công dân người mua</CCCDan>
    <NCHChieu>Ngày cấp hộ chiếu người mua</NCHChieu>
    <NHHHChieu>Ngày hết hạn hộ chiếu người mua</NHHHChieu>
    <QTich>Quốc tịch người mua</QTich>
  </NMua>
  <DSHHDVu>
    <HHDVu>

```

<TChat>Tính chất * (1-Hàng hóa, dịch vụ; 2-Khuyến mại; 3-Chiết khấu thương mại (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo dòng); 4-Ghi chú/diễn giải; 5-Hàng hoá đặc trưng)</TChat>

<STT>Số thứ tự</STT>
<MHHDVu>Mã hàng hóa, dịch vụ (Bắt buộc nếu có)</MHHDVu>
<THHDVu>Tên hàng hóa, dịch vụ *</THHDVu>
<DVTinh>Đơn vị tính (Bắt buộc nếu có)</DVTinh>
<SLuong>Số lượng (Bắt buộc nếu có)</SLuong>
<DGia>Đơn giá (Bắt buộc nếu có)</DGia>
<TLCKhau>Tỷ lệ % chiết khấu</TLCKhau>
<STCKhau>Số tiền chiết khấu </STCKhau>
<GTKCThue>Giảm trừ không chịu thuế</GTKCThue>
<ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT) - Bắt buộc trừ trường hợp TChat = 4</ThTien>

<TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT)</TSuat>
<TThue>Tiền thuế</TThue>
<TSThue>Tiền sau thuế</TSThue>
<TTKhac>
<TTin>
<TTruong>Tên trường</TTruong>
<KDLieu>Kiểu dữ liệu</KDLieu>
<DLieu>Dữ liệu</DLieu>
</TTin>
</TTKhac>

<TTHHDTTrung> - Bắt buộc trường hợp TChat = 5
<TTin>
<LHHDTTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận các giá trị: 1- Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT)</LHHDTTrung>
<TTruong>Tên trường (Nhận các giá trị: Số khung (SKhung), Số máy (SMay), Biển kiểm soát phương tiện vận chuyển (BKSPTVChuyen), Tên người gửi hàng (TNGHang), Địa chỉ người gửi hàng (DCNGHang), MST người gửi hàng (MSTNGHang), Số định danh người gửi hàng (MDDNGHang))</TTruong>

<DLieu>Dữ liệu</DLieu>
</TTin>
</TTHHDTTrung>
<TLTThue> Tỷ lệ tính thuế (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</TLTThue>
<STGThue> Số tiền giảm thuế (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>

</HHDVu>
</DSHHDVu>
<TToan>
<THTTLSuat> <!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
<LTSuat>
<TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT)</TSuat>
<ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT)</ThTien>
<TThue>Tiền thuế (Tiền thuế GTGT)</TThue>
</LTSuat>
</THTTLSuat>
<TgTCThue>Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế GTGT) (Bắt buộc với hóa đơn GTGT)</TgTCThue>
<TgTThue>Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế GTGT) (Bắt buộc với hóa đơn GTGT)</TgTThue>
<TTCKTMai>Tổng tiền chiết khấu thương mại</TTCKTMai>

```

<TgTPhiSThue>Tổng tiền phí</TgTPhiSThue>
<STGThue> Số tiền giảm thuế (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán
hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>
<TgTTTBSố>Tổng tiền thanh toán bằng số *</TgTTTBSố>
<TgTTTBChu>Tổng tiền thanh toán bằng chữ *</TgTTTBChu>
</TToan>
</NDHDon>
</ThayTheHD>

```

3.2.4. Html xem trước khi thay thế hóa đơn

URL

string **ReplaceInvoiceNoPublish**(string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string pass, string fkey, int? convert, string pattern = null, string serial = null).

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện lấy dữ liệu html hóa đơn mới của thay thế hóa đơn trước khi ký số phát hành

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **xmlInvData:** String XML dữ liệu hóa đơn cũ và hóa đơn thay thế
- **fkey:** Chuỗi xác định hóa đơn cần thay thế
- **Convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)
- **Pattern:** Mẫu số
- **Serial:** Ký hiệu

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tồn tại hóa đơn cần thay thế	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:5	Có lỗi trong quá trình tạo mới hóa đơn thay thế	

ERR:6	Dãi hóa đơn cũ đã hết	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn đã được thay thế rồi. Không thể thay thế nữa.	
ERR:9	Trạng thái hóa đơn không được thay thế	
ERR:15	Lỗi khi thực hiện Deserialize chuỗi hóa đơn đầu vào	
ERR:19	Pattern truyền vào không giống với hóa đơn cần điều chỉnh	
ERR:20	Dãi hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
chuỗi_hml_trả_về	Trả về chuỗi hml tương ứng với hóa đơn thay thế nhưng chưa phát hành, ký số	Trả về một hóa đơn dưới dạng html

Cấu trúc của xmlInvData (các trường * là bắt buộc):

```

<ThayTheHD>
  <key>Fkey của hóa đơn cần thay thế *</key>
  <TTChung>
    <MHSo>Mã hồ sơ</MHSo>
    <SBKe>Số bảng kê (Số của bảng kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo hóa đơn)</SBKe>
    <NBKe>Ngày bảng kê (Ngày của bảng kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo hóa đơn)</NBKe>
    <DVTTe>Đơn vị tiền tệ *</DVTTe>
    <TGia>Tỷ giá (Bắt buộc (Trừ trường hợp Đơn vị tiền tệ là VND))</TGia>
    <HTTToan>Hình thức thanh toán </HTTToan>
  </TTChung>
  <NDHDon>
    <NBan>
      <Ten>Tên </Ten>
      <MST>Mã số thuế </MST>
      <DChi>Địa chỉ </DChi>
      <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
      <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
      <STKNHang>Số tài khoản ngân hàng</STKNHang>
      <TNHang>Tên ngân hàng</TNHang>
      <Fax>Fax</Fax>
      <LDDNBo>Lệnh điều động nội bộ (Phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</LDDNBo>
      <HDSO>Hợp đồng số (Hợp đồng vận chuyển) (phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</HDSO>
      <HVTNXHang>Họ và tên người xuất hàng (phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</HVTNXHang>
      <TNVChuyen>Tên người vận chuyển (phiếu xuất kho)</TNVChuyen>
      <PTVChuyen>Phương tiện vận chuyển (phiếu xuất kho)</PTVChuyen>
      <HDKTSO>Hợp đồng kinh tế số ( phiếu xuất kho gửi bán đại lý)</HDKTSO>

```

```

        <HDKTNgay>Hợp đồng kinh tế ngày (phiếu xuất kho gửi bán đại
lý)</HDKTNgay>
    </NBan>
    <NMua>
        <Ten>Tên *</Ten>
        <MST>Mã số thuế (Bắt buộc nếu có)</MST>
        <DChi>Địa chỉ *</DChi>
        <MKHang>Mã khách hàng</MKHang>
        <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
        <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
        <HVTNMHang>Họ và tên người mua hàng</HVTNMHang>
        <STKNHang>Số tài khoản ngân hàng</STKNHang>
        <TNHang>Tên ngân hàng</TNHang>
        <HVTNNHang>Họ và tên người nhận hàng (phiếu xuất kho)</HVTNNHang>
    </NMua>
    <DSHHDVu>
        <HHDVu>
            <TChat>Tính chất * (1-Hàng hóa, dịch vụ; 2-Khuyến mại; 3-Chiết
khẩu thương mại (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo dòng); 4-Ghi
chú/diễn giải)</TChat>
            <STT>Số thứ tự</STT>
            <MHHDVu>Mã hàng hóa, dịch vụ (Bắt buộc nếu có)</MHHDVu>
            <THHDVu>Tên hàng hóa, dịch vụ *</THHDVu>
            <DVTinh>Đơn vị tính (Bắt buộc nếu có)</DVTinh>
            <SLuong>Số lượng (Bắt buộc nếu có)</SLuong>
            <DGia>Đơn giá (Bắt buộc nếu có)</DGia>
            <TLCKhau>Tỷ lệ % chiết khấu</TLCKhau>
            <STCKhau>Số tiền chiết khấu </STCKhau>
            <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT) - Bắt buộc
trừ trường hợp TChat = 4</ThTien>
            <TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT)</TSuat>
            <TThue>Tiền thuế</TThue>
            <TSThue>Tiền sau thuế</TSThue>
            <TTKhac>
                <TTin>
                    <TTruong>Tên trường</TTruong>
                    <KDLieu>Kiểu dữ liệu</KDLieu>
                    <DLieu>Dữ liệu</DLieu>
                </TTin>
            </TTKhac>
        </HHDVu>
    </DSHHDVu>
    <TToan>
        <THTTLTsuat><!-- sử dụng hóa đơn GTGT-->
            <LTSuat>
                <TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT)</TSuat>
                <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế
GTGT)</ThTien>
                <TThue>Tiền thuế (Tiền thuế GTGT)</TThue>
            </LTSuat>
        </THTTLTsuat>
        <TgTCThue>Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế
GTGT) (Bắt buộc với hóa đơn GTGT)</TgTCThue>
        <TgTThue>Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế GTGT) (Bắt buộc với hóa
đơn GTGT)</TgTThue>
        <TTCKTMai>Tổng tiền chiết khấu thương mại</TTCKTMai>
        <TgTTTBSO>Tổng tiền thanh toán bằng số *</TgTTTBSO>
        <TgTTTBChu>Tổng tiền thanh toán bằng chữ *</TgTTTBChu>

```

```
</TToan>
</NDHDon>
</ThayTheHD>
```

3.2.5. Thay thế hóa đơn giữ số khác mẫu số

URL

string **ReplaceAssignedNoNewPattern**(string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string pass, string fkey, string Attachfile, int? convert, string pattern = null, string serial = null, string OldPattern = null).

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện thay thế hóa đơn giữ số khác mẫu số

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **username / pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **xmlInvData:** String XML dữ liệu hóa đơn cũ và hóa đơn thay thế
- **fkey:** Chuỗi xác định hóa đơn cần thay thế
- **Convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)
- **Pattern:** Mẫu số mới
- **Serial:** Ký hiệu
- **OldPattern:** Mẫu số cũ
- **AttachFile:** Đường dẫn file biên bản hoặc key để sinh biên bản tự động (=10: sinh biên bản tự động, =11: sinh và ký biên bản tự động, != 10 và !=11: Đường dẫn file biên bản)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tồn tại hóa đơn cần thay thế	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:5	Có lỗi trong quá trình thay thế hóa đơn	

ERR:6	Dãi hóa đơn cũ đã hết	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn đã được thay thế rồi. Không thể thay thế nữa.	
ERR:9	Trạng thái hóa đơn không được thay thế	
ERR:13	Lỗi trùng fkey	Fkey của hóa đơn mới đã tồn tại trên hệ thống
ERR:14	Lỗi trong quá trình thực hiện cấp số hóa đơn	
ERR:15	Lỗi khi thực hiện Deserialize chuỗi hóa đơn đầu vào	
ERR:19	Pattern truyền vào không giống với hóa đơn cần điều chỉnh	
ERR:20	Dãi hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	
ERR:30	Danh sách hóa đơn tồn tại ngày hóa đơn nhỏ hơn ngày hóa đơn đã phát hành	
ERR:31	Số hóa đơn truyền vào không hợp lệ	
ERR:60	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (Có mã / Không mã).	
ERR:61	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (HD GTGT / HD bán hàng...).	
ERR:62	Không được dùng không mã đăng ký gửi bảng tổng hợp thay thế, điều chỉnh các hóa đơn không mã gửi thông tin chi tiết.	
OK: pattern;serial;invNumber (Ví dụ: OK:01GTKT3/001;AA/12E;0000002)	- OK → đã phát hành hóa đơn thay thế - Patter → Mẫu số của hóa đơn thay thế - Serial → serial của hóa đơn thay thế - invNumber: số hóa đơn thay thế	

Cấu trúc của xmlInvData (các trường * là bắt buộc):

<ThayTheHD>

<key>Fkey của hóa đơn *</key>

<InvoiceNo>Số hóa đơn *</InvoiceNo>

```

<TTChung>
  <MHSO>Mã hồ sơ</MHSO>
  <SBKe>Số bảng kê (Số của bảng kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo hóa đơn)</SBKe>
  <NBKe>Ngày bảng kê (Ngày của bảng kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo hóa đơn)</NBKe>
  <DVTTe>Đơn vị tiền tệ *</DVTTe>
  <TGia>Tỷ giá (Bắt buộc (Trừ trường hợp Đơn vị tiền tệ là VND))</TGia>
  <HTTToan>Hình thức thanh toán*</HTTToan>
  <HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT). Nếu không truyền mặc định là 0- hóa đơn thường</HDDThu>
  <GiamThueGTGT>Giảm thuế GTGT(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội. Nhận giá trị 1/0)</GiamThueGTGT>
  <HDCTTChinh>Hoá đơn cho thuê tài chính (Hóa đơn đối với hoạt động cho thuê tài chính) Số (1: Hóa đơn dành cho hoạt động thuê tài chính, 0: Hóa đơn không dành cho hoạt động cho thuê tài chính)</HDCTTChinh>
</TTChung>
<NDHDon>
  <NBan>
    <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
    <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
    <STKNHang>Số tài khoản ngân hàng</STKNHang>
    <TNHang>Tên ngân hàng</TNHang>
    <Fax>Fax</Fax>
    <Website>Website</Website>
    <MCHang>Mã của hàng người bán</MCHang>
    <TCHang>Tên của hàng người bán</TCHang>
    <LDDNBo>Lệnh điều động nội bộ (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</LDDNBo>
    <HDSO>Hợp đồng số (Hợp đồng vận chuyển) (phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</HDSO>
    <HVTNXHang>Họ và tên người xuất hàng (phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</HVTNXHang>
    <TNVChuyen>Tên người vận chuyển (phiếu xuất kho)</TNVChuyen>
    <PTVChuyen>Phương tiện vận chuyển (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho)</PTVChuyen>
    <HDKTSO>Hợp đồng kinh tế số (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho gửi bán đại lý)</HDKTSO>
    <HDKTNgay>Hợp đồng kinh tế ngày (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho gửi bán đại lý)</HDKTNgay>
  </NBan>
  <NMua>
    <Ten>Tên *</Ten>
    <MST>Mã số thuế (Bắt buộc nếu có)</MST>
    <DChi>Địa chỉ *</DChi>
    <MKHang>Mã khách hàng</MKHang>
    <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
    <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
    <HVTNMHang>Họ và tên người mua hàng</HVTNMHang>
    <STKNHang>Số tài khoản ngân hàng</STKNHang>
    <TNHang>Tên ngân hàng</TNHang>
    <HVTNNHang>Họ và tên người nhận hàng (phiếu xuất kho)</HVTNNHang>
    <MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người mua</MDVQHNSach>
    <SHChieu>Số hộ chiếu người mua</SHChieu>
    <CCCDan>Căn cước công dân người mua</CCCDan>
    <NCHChieu>Ngày cấp hộ chiếu người mua</NCHChieu>

```

```

<NHHHChieu>Ngày hết hạn hộ chiếu người mua</NHHHChieu>
<QTich>Quốc tịch người mua</QTich>
</NMua>
<DSHHDVu>
  <HHDVu>
    <TChat>Tính chất * (1-Hàng hóa, dịch vụ; 2-Khuyến mại; 3-Chiết
khẩu thương mại (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo dòng); 4-Ghi
chú/diễn giải; 5-Hàng hoá đặc trưng)</TChat>
    <STT>Số thứ tự</STT>
    <MHHDVu>Mã hàng hóa, dịch vụ (Bắt buộc nếu có)</MHHDVu>
    <THHDVu>Tên hàng hóa, dịch vụ *</THHDVu>
    <DVTinh>Đơn vị tính (Bắt buộc nếu có)</DVTinh>
    <SLuong>Số lượng (Bắt buộc nếu có)</SLuong>
    <DGia>Đơn giá (Bắt buộc nếu có)</DGia>
    <TLCKhau>Tỷ lệ % chiết khấu</TLCKhau>
    <STCKhau>Số tiền chiết khấu </STCKhau>
    <GTKCThue>Giảm trừ không chịu thuế</GTKCThue>
    <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT) - Bắt buộc
trừ trường hợp TChat = 4</ThTien>
    <TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT)</TSuat>
    <TThue>Tiền thuế</TThue>
    <TSThue>Tiền sau thuế</TSThue>
    <TTKhan>
      <TTin>
        <TTruong>Tên trường</TTruong>
        <KDLieu>Kiểu dữ liệu</KDLieu>
        <DLieu>Dữ liệu</DLieu>
      </TTin>
    </TTKhan>
  </HHDVu>
  <TTHHDTrung>
    <TTin>
      <LHHDTTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận
các giá trị: 1- Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2-
Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên
nền tảng số, TMĐT)</LHHDTTrung>
      <TTruong>Tên trường (Nhận các giá trị: Số
khung (SKhung), Số máy (SMay), Biên kiểm soát phương tiện vận chuyển
(BKSPTVChuyen), Tên người gửi hàng (TNGHang), Địa chỉ người gửi hàng (DCNGHang),
MST người gửi hàng (MSTNGHang), Số định danh người gửi hàng
(MDDNGHang) )</TTruong>
      <DLieu>Dữ liệu</DLieu>
    </TTin>
  </TTHHDTrung>
  <TLTThue> Tỷ lệ tính thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc
hội)</TLTThue>
  <STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc
hội)</STGThue>
  </HHDVu>
</DSHHDVu>
<TToan>
  <HTTLTSuat> <!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
    <LTSuat>
      <TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT)</TSuat>
      <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế
GTGT)</ThTien>
      <TThue>Tiền thuế (Tiền thuế GTGT)</TThue>
    </LTSuat>

```

```

        </THTTLTsuat>
        <TgTCThue>Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế
GTGT) (Bắt buộc với hóa đơn GTGT)</TgTCThue>
        <TgTThue>Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế GTGT) (Bắt buộc với hóa
đơn GTGT)</TgTThue>
        <TTCKTMai>Tổng tiền chiết khấu thương mại</TTCKTMai>
        <TgTPhiSThue>Tổng tiền phí</TgTPhiSThue>
        <STGThue> Số tiền giảm thuế (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán
hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>
        <TgTTTBSố>Tổng tiền thanh toán bằng số *</TgTTTBSố>
        <TgTTTBChu>Tổng tiền thanh toán bằng chữ *</TgTTTBChu>
    </TToan>
</NDHDon>
</ThayTheHD>

```

3.2.6. Thay thế hóa đơn theo fkey, pattern, serial truyền vào

URL

string **ReplaceInvoiceAction**(string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string pass, string fkey, string Attachfile, int? convert, string pattern = null, string serial = null).

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện thay thế hóa đơn

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **xmlInvData:** String XML dữ liệu hóa đơn cũ và hóa đơn thay thế
- **fkey:** Chuỗi xác định hóa đơn cần thay thế
- **Convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)
- **Pattern:** Mẫu số
- **Serial:** Ký hiệu
- **AttachFile:** Đường dẫn file biên bản hoặc key để sinh biên bản tự động (=10: sinh biên bản tự động, =11: sinh và ký biên bản tự động, != 10 và !=11: Đường dẫn file biên bản)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tồn tại hóa đơn cần thay thế	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:5	Có lỗi trong quá trình thay thế hóa đơn	
ERR:6	Dãi hóa đơn cũ đã hết	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn đã được thay thế rồi. Không thể thay thế nữa.	
ERR:9	Trạng thái hóa đơn không được thay thế	
ERR:13	Lỗi trùng fkey	Fkey của hóa đơn mới đã tồn tại trên hệ thống
ERR:14	Lỗi trong quá trình thực hiện cấp số hóa đơn	
ERR:15	Lỗi khi thực hiện Deserialize chuỗi hóa đơn đầu vào	
ERR:19	Pattern truyền vào không giống với hóa đơn cần điều chỉnh	
ERR:20	Dãi hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
ERR:21	Trùng Fkey truyền vào	
ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	
ERR:30	Danh sách hóa đơn tồn tại ngày hóa đơn nhỏ hơn ngày hóa đơn đã phát hành	
OK: pattern;serial;invNumber (Ví dụ: OK:01GTKT3/001;AA/12E;000002)	- OK → đã phát hành hóa đơn thay thế - Patter → Mẫu số của hóa đơn thay thế - Serial → serial của hóa đơn thay thế - invNumber: số hóa đơn thay thế	

Cấu trúc của xmlInvData (các trường * là bắt buộc):

<ThayTheHD>

<key>Fkey của hóa đơn *</key>

<TTChung>

<MHSO>Mã hồ sơ</MHSO>
 <SBKe>Số bảng kê (Số của bảng kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo hóa đơn)</SBKe>
 <NBKe>Ngày bảng kê (Ngày của bảng kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo hóa đơn)</NBKe>
 <DVTTe>Đơn vị tiền tệ *</DVTTe>
 <TGia>Tỷ giá (Bắt buộc (Trừ trường hợp Đơn vị tiền tệ là VND))</TGia>
 <HTTToan>Hình thức thanh toán*</HTTToan>
 <HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT). Nếu không truyền mặc định là 0- hóa đơn thường</HDDThu>
 <GiamThueGTGT>Giảm thuế GTGT(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội. Nhận giá trị 1/0)</GiamThueGTGT>
 <HDCTTChinh>Hoá đơn cho thuê tài chính (Hóa đơn đối với hoạt động cho thuê tài chính) SỐ (1: Hóa đơn dành cho hoạt động thuê tài chính, 0: Hóa đơn không dành cho hoạt động cho thuê tài chính)</HDCTTChinh>
 </TTChung>
 <NDHDon>
 <NBan>
 <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
 <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
 <STKNHang>Số tài khoản ngân hàng</STKNHang>
 <TNHang>Tên ngân hàng</TNHang>
 <Fax>Fax</Fax>
 <Website>Website</Website>
 <MCHang>Mã của hàng người bán</MCHang>
 <TCHang>Tên của hàng người bán</TCHang>
 <LDDNBo>Lệnh điều động nội bộ (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</LDDNBo>
 <HDSO>Hợp đồng số (Hợp đồng vận chuyển) (phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</HDSO>
 <HVTNXHang>Họ và tên người xuất hàng (phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</HVTNXHang>
 <TNVChuyen>Tên người vận chuyển (phiếu xuất kho)</TNVChuyen>
 <PTVChuyen>Phương tiện vận chuyển (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho)</PTVChuyen>
 <HDKTSO>Hợp đồng kinh tế số (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho gửi bán đại lý)</HDKTSO>
 <HDKTNgay>Hợp đồng kinh tế ngày (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho gửi bán đại lý)</HDKTNgay>
 </NBan>
 <NMua>
 <Ten>Tên *</Ten>
 <MST>Mã số thuế (Bắt buộc nếu có)</MST>
 <DChi>Địa chỉ *</DChi>
 <MKHang>Mã khách hàng</MKHang>
 <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
 <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
 <HVTNMHang>Họ và tên người mua hàng</HVTNMHang>
 <STKNHang>Số tài khoản ngân hàng</STKNHang>
 <TNHang>Tên ngân hàng</TNHang>
 <HVTNNHang>Họ và tên người nhận hàng (phiếu xuất kho)</HVTNNHang>
 <MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người mua</MDVQHNSach>
 <SHChieu>Số hộ chiếu người mua</SHChieu>
 <CCCDan>Căn cước công dân người mua</CCCDan>
 <NCHChieu>Ngày cấp hộ chiếu người mua</NCHChieu>
 <NHHHChieu>Ngày hết hạn hộ chiếu người mua</NHHHChieu>

```

<QTich>Quốc tịch người mua</QTich>
</NMua>
<DSHHDVu>
  <HHDVu>
    <TChat>Tính chất * (1-Hàng hóa, dịch vụ; 2-Khuyến mại; 3-Chiết
khẩu thương mại (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo dòng); 4-Ghi
chú/diễn giải; 5-Hàng hoá đặc trưng)</TChat>
    <STT>Số thứ tự</STT>
    <MHHDVu>Mã hàng hóa, dịch vụ (Bắt buộc nếu có)</MHHDVu>
    <THHDVu>Tên hàng hóa, dịch vụ *</THHDVu>
    <DVTinh>Đơn vị tính (Bắt buộc nếu có)</DVTinh>
    <SLuong>Số lượng (Bắt buộc nếu có)</SLuong>
    <DGia>Đơn giá (Bắt buộc nếu có)</DGia>
    <TLCKhau>Tỷ lệ % chiết khấu</TLCKhau>
    <STCKhau>Số tiền chiết khấu </STCKhau>
    <GTKCThue>Giảm trừ không chịu thuế</GTKCThue>
    <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT) - Bắt buộc
trừ trường hợp TChat = 4</ThTien>
    <TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT)</TSuat>
    <TThue>Tiền thuế</TThue>
    <TSThue>Tiền sau thuế</TSThue>
    <TTKhac>
      <TTin>
        <TTruong>Tên trường</TTruong>
        <KDLieu>Kiểu dữ liệu</KDLieu>
        <DLieu>Dữ liệu</DLieu>
      </TTin>
    </TTKhac>
    <TTHHDTrung>
      <TTin>
        <LHHDTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận
các giá trị: 1- Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2-
Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên
nền tảng số, TMĐT)</LHHDTrung>
        <TTruong>Tên trường (Nhận các giá trị: Số
khung (SKhung), Số máy (SMay), Biên kiểm soát phương tiện vận chuyển
(BKSPTVChuyen), Tên người gửi hàng (TNGHang), Địa chỉ người gửi hàng
(DCNGHang), MST người gửi hàng (MSTNGHang), Số định danh người gửi hàng
(MDDNGHang))</TTruong>
        <DLieu>Dữ liệu</DLieu>
      </TTin>
    </TTHHDTrung>
    <TLTThue> Tỷ lệ tính thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc
hội)</TLTThue>
    <STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc
hội)</STGThue>
  </HHDVu>
</DSHHDVu>
<TToan>
  <THTTLTsuat> <!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
    <LTSuat>
      <TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT)</TSuat>
      <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế
GTGT)</ThTien>
      <TThue>Tiền thuế (Tiền thuế GTGT)</TThue>
    </LTSuat>
  </THTTLTsuat>

```

```

        <TgTCThue>Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế
GTGT) (Bắt buộc với hóa đơn GTGT)</TgTCThue>
        <TgTThue>Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế GTGT) (Bắt buộc với hóa
đơn GTGT)</TgTThue>
        <TTCKTMai>Tổng tiền chiết khấu thương mại</TTCKTMai>
        <TgTPhiSThue>Tổng tiền phí</TgTPhiSThue>
        <STGThue> Số tiền giảm thuế (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán
hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>
        <TgTTBSo>Tổng tiền thanh toán bằng số *</TgTTBSo>
        <TgTTBChu>Tổng tiền thanh toán bằng chữ *</TgTTBChu>
    </TToan>
</NDHDon>
</ThayTheHD>

```

3.2.7. Điều chỉnh hóa đơn theo fkey, pattern, serial truyền vào

URL

string **AdjustInvoiceAction**(string Account, string ACPass, string xmlInvData, string username, string pass, string fkey, string AttachFile, int? convert, string pattern = null, string serial = null).

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện điều chỉnh hóa đơn

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **xmlInvData:** String XML dữ liệu hóa đơn cũ và hóa đơn điều chỉnh
- **fkey:** Chuỗi xác định hóa đơn cần điều chỉnh
- **Convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)
- **Pattern:** Mẫu số
- **Serial:** Ký hiệu
- **AttachFile:** Đường dẫn file biên bản hoặc key để sinh biên bản tự động (=10: sinh biên bản tự động, =11: sinh và ký biên bản tự động, != 10 và !=11: Đường dẫn file biên bản)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
---------	-------	---------

ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Hóa đơn cần điều chỉnh không tồn tại	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:5	Không phát hành được hóa đơn	
ERR:6	Dãi hóa đơn cũ đã hết	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn cần điều chỉnh đã bị thay thế. Không thể điều chỉnh được nữa.	
ERR:9	Trạng thái hóa đơn không được điều chỉnh	
ERR:13	Lỗi trùng fkey	Fkey của hóa đơn mới đã tồn tại trên hệ thống
ERR:14	Lỗi trong quá trình thực hiện cấp số hóa đơn	
ERR:15	Lỗi khi thực hiện Deserialize chuỗi hóa đơn đầu vào	
ERR:19	Pattern truyền vào không giống với hóa đơn cần điều chỉnh	
ERR:20	Dãi hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
ERR:21	Trùng Fkey truyền vào	
ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	
ERR:30	Danh sách hóa đơn tồn tại ngày hóa đơn nhỏ hơn ngày hóa đơn đã phát hành	
ERR:60	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (Có mã / Không mã).	
ERR:61	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (HD GTGT / HD bán hàng...).	
ERR:62	Không được dùng không mã đăng ký gửi bảng tổng hợp thay thế, điều chỉnh các hóa đơn không mã gửi thông tin chi tiết.	
OK: pattern;serial;invNumber (Ví dụ:	- OK → đã phát hành hóa đơn thành công - Patter→ Mẫu số của hóa đơn điều chỉnh - Serial → serial của hóa đơn điều chỉnh - invNumber: số hóa đơn điều chỉnh	

OK:01GTKT3/ 001;AA/12E;0 000002)		
--	--	--

Cấu trúc của xmlInvData (các trường * là bắt buộc):

```

<DieuChinhHD>
  <key>Fkey của hóa đơn để phân biệt hóa đơn xuất cho khách hàng nào *</key>
  <Type>Loại hóa đơn chỉnh sửa(int-mặc định lấy là 2) 2-Điều chỉnh tăng, 3-Điều chỉnh giảm, 4- Điều chỉnh thông tin, 6-Điều chỉnh tăng giảm kết hợp</Type>
  <TTChung>
    <MHSO>Mã hồ sơ</MHSO>
    <SBKe>Số bảng kê (Số của bảng kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo hóa đơn)</SBKe>
    <NBKe>Ngày bảng kê (Ngày của bảng kê các loại hàng hóa, dịch vụ đã bán kèm theo hóa đơn)</NBKe>
    <DVTTe>Đơn vị tiền tệ *</DVTTe>
    <TGia>Tỷ giá (Bắt buộc (Trừ trường hợp Đơn vị tiền tệ là VND))</TGia>
    <HTTToan>Hình thức thanh toán*</HTTToan>
    <HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT). Nếu không truyền mặc định là 0- hóa đơn thường</HDDThu>
    <GiamThueGTGT>Giảm thuế GTGT(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội. Nhận giá trị 1/0)</GiamThueGTGT>
    <HDCTTChinh>Hoá đơn cho thuê tài chính (Hóa đơn đối với hoạt động cho thuê tài chính) Số (1: Hóa đơn dành cho hoạt động thuê tài chính, 0: Hóa đơn không dành cho hoạt động cho thuê tài chính)</HDCTTChinh>
  </TTChung>
  <NDHDon>
    <NBan>
      <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
      <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
      <STKNHang>Số tài khoản ngân hàng</STKNHang>
      <TNHang>Tên ngân hàng</TNHang>
      <Fax>Fax</Fax>
      <Website>Website</Website>
      <MCHang>Mã của hàng người bán</MCHang>
      <TCHang>Tên của hàng người bán</TCHang>
      <LDDNBo>Lệnh điều động nội bộ (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</LDDNBo>
      <HDSO>Hợp đồng số (Hợp đồng vận chuyển) (phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</HDSO>
      <HVTNXHang>Họ và tên người xuất hàng (phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ)</HVTNXHang>
      <TNVChuyen>Tên người vận chuyển (phiếu xuất kho)</TNVChuyen>
      <PTVChuyen>Phương tiện vận chuyển (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho)</PTVChuyen>
      <HDKTSO>Hợp đồng kinh tế số (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho gửi bán đại lý)</HDKTSO>
      <HDKTNgay>Hợp đồng kinh tế ngày (Bắt buộc đối với phiếu xuất kho gửi bán đại lý)</HDKTNgay>
    </NBan>
    <NMua>
      <Ten>Tên *</Ten>
      <MST>Mã số thuế (Bắt buộc nếu có)</MST>
      <DChi>Địa chỉ *</DChi>
    </NMua>
  </NDHDon>
</DieuChinhHD>

```

```

<MKHang>Mã khách hàng</MKHang>
<SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
<DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
<HVTNMHang>Họ và tên người mua hàng</HVTNMHang>
<STKNHang>Số tài khoản ngân hàng</STKNHang>
<TNHang>Tên ngân hàng</TNHang>
<HVTNNHang>Họ và tên người nhận hàng (phiếu xuất kho)</HVTNNHang>
<MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người mua</MDVQHNSach>
<SHChieu>Số hộ chiếu người mua</SHChieu>
<CCCDan>Căn cước công dân người mua</CCCDan>
<NCHChieu>Ngày cấp hộ chiếu người mua</NCHChieu>
<NHHHChieu>Ngày hết hạn hộ chiếu người mua</NHHHChieu>
<QTich>Quốc tịch người mua</QTich>
</NMua>
<DSHHDVu>
  <HHDVu>
    <TChat>Tính chất * (1-Hàng hóa, dịch vụ; 2-Khuyến mại; 3-Chiết
khẩu thương mại (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo dòng); 4-Ghi
chú/diễn giải; 5-Hàng hoá đặc trưng)</TChat>
    <STT>Số thứ tự</STT>
    <MHHDVu>Mã hàng hóa, dịch vụ (Bắt buộc nếu có)</MHHDVu>
    <THHDVu>Tên hàng hóa, dịch vụ *</THHDVu>
    <DVTinh>Đơn vị tính (Bắt buộc nếu có)</DVTinh>
    <SLuong>Số lượng (Bắt buộc nếu có)</SLuong>
    <DGia>Đơn giá (Bắt buộc nếu có)</DGia>
    <TLCKhau>Tỷ lệ % chiết khấu</TLCKhau>
    <STCKhau>Số tiền chiết khấu </STCKhau>
    <GTKCThue>Giảm trừ không chịu thuế</GTKCThue>
    <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT) - Bắt buộc
trừ trường hợp TChat = 4</ThTien>
    <TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT)</TSuat>
    <TThue>Tiền thuế</TThue>
    <TSThue>Tiền sau thuế</TSThue>
    <TTKhac>
      <TTin>
        <TTruong>Tên trường</TTruong>
        <KDLieu>Kiểu dữ liệu</KDLieu>
        <DLieu>Dữ liệu</DLieu>
      </TTin>
    </TTKhac>
    <TTHHDTrung>
      <TTin>
        <LHHDTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận
các giá trị: 1- Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2-
Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên
nền tảng số, TMĐT)</LHHDTrung>
        <TTruong>Tên trường (Nhận các giá trị: Số
khung (SKhung), Số máy (SMay),Biển kiểm soát phương tiện vận chuyển
(BKSPTVChuyen), Tên người gửi hàng (TNGHang), Địa chỉ người gửi hàng
(DCNGHang),MST người gửi hàng (MSTNGHang), Số định danh người gửi hàng
(MDDNGHang))</TTruong>
        <DLieu>Dữ liệu</DLieu>
      </TTin>
    </TTHHDTrung>
    <TLTThue> Tỷ lệ tính thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc
hội)</TLTThue>

```

```

<STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc
hội)</STGThue>
    </HHDVu>
    </DSHHDVu>
    <TToan>
        <THTTLTSuat><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
            <LSuat>
                <TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT)</TSuat>
                <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế
GTGT)</ThTien>
                <TTThue>Tiền thuế (Tiền thuế GTGT)</TTThue>
            </LSuat>
        </THTTLTSuat>
        <TgTCTThue>Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế
GTGT) (Bắt buộc với hóa đơn GTGT)</TgTCTThue>
        <TgTThue>Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế GTGT) (Bắt buộc với hóa
đơn GTGT)</TgTThue>
        <TTCKTMai>Tổng tiền chiết khấu thương mại</TTCKTMai>
        <TgTPhiSThue>Tổng tiền phí</TgTPhiSThue>
        <STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán
hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>
        <TgTTBSo>Tổng tiền thanh toán bằng số *</TgTTBSo>
        <TgTTBChu>Tổng tiền thanh toán bằng chữ *</TgTTBChu>
    </TToan>
</NDHDon>
</DieuChinhHD>

```

3.2.8. Điều chỉnh hóa đơn cũ (hóa đơn không tồn tại trên hệ thống)

URL

string **AdjustWithoutInv** (string **account**, string **accPass**, string **invXml**, string **userName**, string **userPass**, string **oldPattern**, string **oldSerial**, decimal **oldNo**, string **strOldArisingDate**, int? **convert**, string **pattern** = null, string **serial** = null, int **relatedInvType** = 3, string **feature** = "").

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện điều chỉnh hóa đơn cũ (hóa đơn không tồn tại trên hệ thống)

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName/userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **account / accPass**: Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **invXml**: String XML dữ liệu hóa đơn điều chỉnh
- **oldPattern, oldSerial, oldNo**: Các thông số mẫu số, ký hiệu, số hóa đơn của hóa đơn cũ (hóa đơn không tồn tại trên hệ thống).

- **strOldArisingDate:** Ngày hóa đơn của hóa đơn cũ, định dạng dd/MM/yyyy (Bắt buộc phải nhập đúng và đủ 2 chữ số cho ngày tháng, 4 chữ số cho năm. Ví dụ 01/12/2021)
- **convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)
- **pattern:** Mẫu số
- **serial:** Ký hiệu
- **relatedInvType:** Loại hóa đơn liên quan, mặc định là 3 (Các loại hóa đơn theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP (Trừ hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế theo Quyết định số 1209/QĐ-BTC và Quyết định số 2660/QĐ-BTC)))
- **feature:** trường sẽ dùng trong tương lai, hiện tại không có ý nghĩa, có thể nhập hoặc không

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Hóa đơn cần điều chỉnh không tồn tại	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:5	Không phát hành được hóa đơn hoặc lỗi hệ thống	
ERR:6	Dãi hóa đơn cũ đã hết	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:12	Ngày hóa đơn cũ không hợp lệ	
ERR:14	Lỗi trong quá trình thực hiện cấp số hóa đơn	
ERR:15	Lỗi khi thực hiện Deserialize chuỗi hóa đơn đầu vào	
ERR:19	Pattern truyền vào không giống với hóa đơn cần điều chỉnh	
ERR:20	Dãi hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	

ERR:60	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (Có mã / Không mã).	
ERR:61	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (HD GTGT / HD bán hàng...).	
ERR:62	Không được dùng không mã đăng ký gửi bảng tổng hợp thay thế, điều chỉnh các hóa đơn không mã gửi thông tin chi tiết.	
OK: pattern;serial;invNumber (Ví dụ: OK: 1/001;AA/12E; 0000002)	- OK → đã phát hành hóa đơn thành công - Patter → Mẫu số của hóa đơn điều chỉnh - Serial → serial của hóa đơn điều chỉnh - invNumber: số hóa đơn điều chỉnh	

Cấu trúc của xmlInvData (các trường * là bắt buộc):

```

<DieuChinhHD>
  <key/>
  <Type>2</Type>
  <InvoiceNo/>
  <TTChung>
    <MHSo/>
    <SBKe>Số bảng kê</SBKe>
  <NBKe>Ngày bảng kê</NBKe>
    <DVTTe>VND</DVTTe>
    <TGia>1</TGia>
    <HTTToan>TM/CK</HTTToan>
    <HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô,
2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT). Nếu không
truyền mặc định là 0- hóa đơn thường</HDDThu>
    <GiamThueGTGT>Giảm thuế GTGT(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo
NQ của Quốc hội. Nhận giá trị 1/0)</GiamThueGTGT>
    <HDCTTChinh>Hoá đơn cho thuê tài chính (Hóa đơn đối với hoạt động
cho thuê tài chính) Số (1: Hóa đơn dành cho hoạt động thuê tài
chính, 0: Hóa đơn không dành cho hoạt động cho thuê tài
chính)</HDCTTChinh>
  </TTChung>
  <NDHDon>
    <NBan>
      <LDDNBo/>
      <HDSO/>
      <HVTNXHang/>
      <TNVChuyen/>
      <PTVChuyen/>
      <HDKTSO/>
      <HDKTNgay/>
      <Website>Website</Website>
      <MCHang>Mã của hàng người bán</MCHang>
      <TCHang>Tên của hàng người bán</TCHang>
    </NBan>
  </NDHDon>
</DieuChinhHD>

```

```

<NMua>
  <Ten>txt Tên đơn vị mua hàng test bị lỗi</Ten>
  <MST>8412221813</MST>
  <DChi>Địa chỉ của bên mua lô 2A Làng Quốc Tế Thăng Long, phường Dịch
Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội</DChi>
  <MKHang>KH1706</MKHang>
  <SDThoai>0916996622</SDThoai>
  <DCTDTu>thuy3t.hust@gmail.com,thuyexpress@gmail.com</DCTDTu>
  <HVTNMMHang>txt test Họ tên người mua hàng</HVTNMMHang>
  <STKNHng>stk0192019201</STKNHng>
  <TNHng>Ngân hàng người mua: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á</TNHng>
  <MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người mua</MDVQHNSach>
  <SHChieu>Số hộ chiếu người mua</SHChieu>
  <CCCDan>Căn cước công dân người mua</CCCDan>
  <NCHChieu>Ngày cấp hộ chiếu người mua</NCHChieu>
  <NHHHChieu>Ngày hết hạn hộ chiếu người mua</NHHHChieu>
  <QTich>Quốc tịch người mua</QTich>
</NMua>
<DSHHDVu>
  <HHDVu>
    <TChat>1</TChat>
    <STT>1</STT>
    <MHHDVu>/>
    <THHDVu>sản phẩm 1</THHDVu>
    <DVTinh>đơn vị 1</DVTinh>
    <SLuong>21</SLuong>
    <DGia>21</DGia>
    <TLCKhau>0</TLCKhau>
    <STCKhau>0</STCKhau>
    <GTKCThue>Giảm trừ không chịu thuế</GTKCThue>
    <TSuat>KHAC:11%</TSuat>
    <ThTien>441</ThTien>
    <TTKhac>
      <TTin>
        <TTruong>Amount</TTruong>
        <KDLieu>numeric</KDLieu>
        <DLieu>489.51</DLieu>
      </TTin>
      <TTin>
        <TTruong>VATAmount</TTruong>
        <KDLieu>numeric</KDLieu>
        <DLieu>48.51</DLieu>
      </TTin>
    </TTKhac>
    <TTHHDTrung>
      <TTin>
        <LHHDTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận
các giá trị: 1- Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2-
Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên
nền tảng số, TMĐT)</LHHDTrung>
        <TTruong>Tên trường (Nhận các giá trị: Số
khung (SKhung), Số máy (SMay), Biên kiểm soát phương tiện vận chuyển
(BKSPTVChuyen), Tên người gửi hàng (TNGHang), Địa chỉ người gửi hàng (DCNGHang),
MST người gửi hàng (MSTNGHang), Số định danh người gửi hàng
(MDDNGHang))</TTruong>
        <DLieu>Dữ liệu</DLieu>
      </TTin>

```

```

        </TTHHDTTrung>
<TLTThue> Tỷ lệ tính thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc
hội)</TLTThue>
<STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc
hội)</STGThue>
        </HHDVu>
    </DSHHDVu>
    <TToan>
        <THTTLTSuat>
            <LTSuat>
                <TSuat>KHAC:11%</TSuat>
                <TThue>49</TThue>
                <ThTien>441</ThTien>
            </LTSuat>
        </THTTLTSuat>
        <TgTCTThue>441</TgTCTThue>
        <TgTThue>49</TgTThue>
        <TTCKTMai>0</TTCKTMai>
        <TgTPhiSThue>Tổng tiền phí</TgTPhiSThue>
        <STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán
hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>
        <TgTTBSo>490</TgTTBSo>
        <TgTTBChu>Bốn trăm chín mươi đồng</TgTTBChu>
    </TToan>
</NDHDon>
</DieuChinhHD>

```

3.2.9. Thay thế hóa đơn cũ (hóa đơn không tồn tại trên hệ thống)

URL

string **ReplaceWithoutInv** (string **account**, string **accPass**, string **invXml**, string **userName**, string **userPass**, string **oldPattern**, string **oldSerial**, decimal **oldNo**, string **strOldArisingDate**, int? **convert**, string **pattern** = null, string **serial** = null, int **relatedInvType** = 3, string **feature** = "").

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện thay thế hóa đơn cũ (hóa đơn không tồn tại trên hệ thống)

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **account / accPass**: Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **invXml**: String XML dữ liệu hóa đơn thay thế
- **oldPattern, oldSerial, oldNo**: Các thông số mẫu số, ký hiệu, số hóa đơn của hóa đơn cũ (hóa đơn không tồn tại trên hệ thống).

- **strOldArisingDate:** Ngày hóa đơn của hóa đơn cũ, định dạng dd/MM/yyyy (Bắt buộc phải nhập đúng và đủ 2 chữ số cho ngày tháng, 4 chữ số cho năm. Ví dụ 01/12/2021)
- **convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode).
- **pattern:** Mẫu số
- **serial:** Ký hiệu
- **relatedInvType:** Loại hóa đơn liên quan, mặc định là 3 (Các loại hóa đơn theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP (Trừ hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế theo Quyết định số 1209/QĐ-BTC và Quyết định số 2660/QĐ-BTC))
- **feature:** trường sẽ dùng trong tương lai, hiện tại không có ý nghĩa, có thể nhập hoặc không

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tồn tại hóa đơn cần thay thế	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:5	Có lỗi trong quá trình thay thế hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:12	Ngày hóa đơn cũ không hợp lệ	
ERR:14	Lỗi trong quá trình thực hiện cấp số hóa đơn	
ERR:15	Lỗi khi thực hiện Deserialize chuỗi hóa đơn đầu vào	
ERR:19	Pattern truyền vào không giống với hóa đơn cần điều chỉnh	
ERR:20	Dải hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	
ERR:60	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (Có mã / Không mã).	

ERR:61	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (HD GTGT / HD bán hàng...).	
ERR:62	Không được dùng không mã đăng ký gửi bảng tổng hợp thay thế, điều chỉnh các hóa đơn không mã gửi thông tin chi tiết.	
OK: pattern;serial;i nvNumber (Ví dụ: OK: 1/001;AA/12E; 0000002)	- OK → đã phát hành hóa đơn thay thế - Patter → Mẫu số của hóa đơn thay thế - Serial → serial của hóa đơn thay thế - invNumber: số hóa đơn thay thế	

Cấu trúc của xmlInvData (các trường * là bắt buộc):

```

<ThayTheHD>
    <key/>
    <InvoiceNo/>
    <TTChung>
        <MHSo/>
        <SBKe>Số bảng kê(Bắt buộc đối với TCHDon = 5)</SBKe>
        <NBKe>Ngày bảng kê(Bắt buộc đối với TCHDon = 5)</NBKe>
        <DVTTe>VND</DVTTe>
        <TGia>1</TGia>
        <HTTToan>TM/CK</HTTToan>
        <HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô,
        2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMBT). Nếu không
        truyền mặc định là 0- hóa đơn thường</HDDThu>
        <GiamThueGTGT> Giảm thuế GTGT(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế
        theo NQ của Quốc hội. Nhận giá trị 1/0)</GiamThueGTGT>
        <HDCTTChinh>Hoá đơn cho thuê tài chính (Hóa đơn đối với hoạt động
        cho thuê tài chính) Số (1: Hóa đơn dành cho hoạt động thuê tài
        chính, 0: Hóa đơn không dành cho hoạt động cho thuê tài
        chính)</HDCTTChinh>
    </TTChung>
    <NDHDon>
        <NBan>
            <LDDNBo/>
            <HDSO/>
            <HVTNXHang/>
            <TNVChuyen/>
            <PTVChuyen/>
            <HDKTSO/>
            <HDKTNgay/>
            <Website>Website</Website>
            <MCHang>Mã của hàng người bán</MCHang>
            <TCHang>Tên của hàng người bán</TCHang>
        </NBan>
        <NMua>
            <Ten>txt Tên đơn vị mua hàng test bị lỗi</Ten>
            <MST>8412221813</MST>

```

```

        <DChi>Địa chỉ của bên mua lô 2A Làng Quốc Tế Thăng Long, phường Dịch
        Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội</DChi>
        <MKHang>KH1706</MKHang>
        <SDThoi>0916996622</SDThoi>
        <DCTDTu>thuy3t.hust@gmail.com,thuyexpress@gmail.com</DCTDTu>
        <HVTNMHang>txt test Họ tên người mua hàng</HVTNMHang>
        <STKNHang>stk0192019201</STKNHang>
        <TNHang>Ngân hàng người mua: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á</TNHang>
        <MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người mua</MDVQHNSach>
        <SHChieu>Số hộ chiếu người mua</SHChieu>
        <CCCDan>Căn cước công dân người mua</CCCDan>
        <NCHChieu>Ngày cấp hộ chiếu người mua</NCHChieu>
        <NHHHChieu>Ngày hết hạn hộ chiếu người mua</NHHHChieu>
        <QTich>Quốc tịch người mua</QTich>
    </NMua>
    <DSHHDVu>
        <HHDVu>
            <TChat>1</TChat>
            <STT>1</STT>
            <MHHDVu/>
            <THHDVu>sản phẩm 1</THHDVu>
            <DVTinh>đơn vị 1</DVTinh>
            <SLuong>21</SLuong>
            <DGia>21</DGia>
            <TLCKhau>0</TLCKhau>
            <STCKhau>0</STCKhau>
            <GTKCThue>Giảm trừ không chịu thuế</GTKCThue>
            <TSuat>KHAC:11%</TSuat>
            <ThTien>441</ThTien>
            <TTKhac>
                <TTin>
                    <TTruong>Amount</TTruong>
                    <KDLieu>numeric</KDLieu>
                    <DLieu>489.51</DLieu>
                </TTin>
                <TTin>
                    <TTruong>VATAmount</TTruong>
                    <KDLieu>numeric</KDLieu>
                    <DLieu>48.51</DLieu>
                </TTin>
            </TTKhac>
            <TTHHDTrung>
                <TTin>
                    <LHHDTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận
                    các giá trị: 1- Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2-
                    Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên
                    nền tảng số, TMĐT)</LHHDTrung>
                    <TTruong>Tên trường (Nhận các giá trị: Số
                    khung (SKhung), Số máy (SMay), Biên kiểm soát phương tiện vận chuyển
                    (BKSPTVChuyen), Tên người gửi hàng (TNGHang), Địa chỉ người gửi hàng (DCNGHang),
                    MST người gửi hàng (MSTNGHang), Số định danh người gửi hàng
                    (MDDNGHang))</TTruong>
                    <DLieu>Dữ liệu</DLieu>
                </TTin>
            </TTHHDTrung>
            <TLTThue> Tỷ lệ tính thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc
            hội)</TLTThue>

```

```
<STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc  
hội)</STGThue>
```

```
        </HHDVu>  
    </DSHHDVu>  
    <TToan>  
        <THTTLTSuat>  
            <LTSuat>  
                <TSuat>KHAC:11%</TSuat>  
                <TThue>49</TThue>  
                <ThTien>441</ThTien>  
            </LTSuat>  
        </THTTLTSuat>  
        <TgTCThue>441</TgTCThue>  
        <TgTThue>49</TgTThue>  
        <TTCKTMai>0</TTCKTMai>  
        <TgTPhiSThue>Tổng tiền phí</TgTPhiSThue>  
        <STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán  
hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>  
        <TgTTTBSO>490</TgTTTBSO>  
        <TgTTTBChu>Bốn trăm chín mươi đồng</TgTTTBChu>  
    </TToan>  
</NDHDon>  
</ThayTheHD>
```

3.2.10. Điều chỉnh hóa đơn không phát sinh hóa đơn mới

URL

string **AdjustInvoiceNote** (string **account**, string **accPass**, string **xmlInvData**, string **userName**, string **userPass**, string **fkey**, string **attachFile**, string **pattern**)

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện điều chỉnh thông tin hóa đơn mà không phát sinh hóa đơn mới

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **account / accPass**: Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **fkey**: fkey của hóa đơn
- **xmlInvData**: String XML dữ liệu hóa đơn điều chỉnh
- **attachFile**: đường dẫn tài liệu đính kèm
- **pattern**: Mẫu số hóa đơn

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:61	Fkey hóa đơn bị lỗi có giá trị rỗng hoặc null	
ERR:4	Không lấy được công ty	
ERR:62	Không lấy được nội dung điều chỉnh hóa đơn trong xml	
ERR:5	Lỗi không xác định. Exception, kiểm tra log	
ERR:20	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:25	Không tạo được invoice service	
ERR:56	Trạng thái hóa đơn không hợp lệ	
ERR:55	Pattern truyền vào không giống với pattern hóa đơn cần điều chỉnh	
ERR:20	Dãi hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	
OK: pattern;serial;invNumber (Ví dụ: OK: 1/001;AA/12E; 0000002)	- OK → đã phát hành hóa đơn thay thế - Pattern → Mẫu số của hóa đơn thay thế - Serial → serial của hóa đơn thay thế - invNumber: số hóa đơn thay thế	

Cấu trúc của xmlInvData (các trường * là bắt buộc):

```
<DieuChinhHD>
  <Description>Nội dung điều chỉnh*</Description>
</DieuChinhHD>
```

3.2.11. lấy giá trị Hash cho điều chỉnh thay thế hóa đơn cũ token Smart CA(Bước 1)

Url

```
string getHashInvSmartCAToken(string account, string accPass, string invXml, string
userName, string userPass, string oldPattern, string oldSerial, decimal oldNo, string
strOldArisingDate, int typeSign, int? convert, string pattern = null, string serial = null, int
relatedInvType = 3)
```

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện điều chỉnh, thay thế hóa đơn cũ (hóa đơn không tồn

tại trên hệ thống) sử dụng token.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **invXml:** String XML dữ liệu hóa đơn điều chỉnh, thay thế
- **oldPattern, oldSerial, oldNo:** Các thông số mẫu số, ký hiệu, số hóa đơn của hóa đơn cũ (hóa đơn không tồn tại trên hệ thống).
- **strOldArisingDate:** Ngày hóa đơn của hóa đơn cũ, định dạng dd/MM/yyyy (Bắt buộc phải nhập đúng và đủ 2 chữ số cho ngày tháng, 4 chữ số cho năm. Ví dụ 01/12/2021)
- **convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)
- **pattern:** Mẫu số
- **serial:** Ký hiệu
- **typeSign:** phát hành mới: 0, thay thế = 1, điều chỉnh tăng = 2, điều chỉnh giảm = 3, điều chỉnh thông tin = 4
- **relatedInvType:** Loại hóa đơn liên quan, mặc định là 3 (Các loại hóa đơn theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP (Trừ hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế theo Quyết định số 1209/QĐ-BTC và Quyết định số 2660/QĐ-BTC)))

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tìm thấy công ty	
ERR:30	Tạo mới hóa đơn có lỗi	
ERR:5	Không phát hành được hóa đơn hoặc lỗi hệ thống	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	

ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:12	Ngày hóa đơn cũ không hợp lệ	
ERR:20	Tham số pattern and serial không hợp lệ	
ERR:21	Tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Không tìm thấy keystores	
ERR:28	Chứng thư chưa có trong hệ thống	
ERR:24	chứng thư không dùng	
ERR:27	Lỗi chứng thư hết hạn	
ERR:60	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (Có mã / Không mã).	
ERR:61	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (HD GTGT / HD bán hàng...).	
ERR:62	Không được dùng không mã đăng ký gửi bảng tổng hợp thay thế, điều chỉnh các hóa đơn không mã gửi thông tin chi tiết.	
Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	Chuỗi trả về	

- chuỗi xml

```

<Invoices>
  <Inv>
    <key>70633DCB-F356-4269-A957-569016AE0017</key>
    <idInv>20045793</idInv>
    <hashValue>GhdasQwB5B8Y0/1SRHM0K8OXMZo=</hashValue>
    <pattern>1/002</pattern>
    <serial>C22TWA</serial>
  </Inv>
</Invoices>

```

Trong đó:

- tag **<key>**: fkey
- tag **<idInv>**: id hóa đơn trên hệ thống vnpt
- tag **<hashValue>**: chuỗi hash
- tag **<pattern>**: mẫu số
- tag **<serial>**: ký hiệu

3.2.12. Gửi điều chỉnh, thay thế hóa đơn cũ sử dụng token smart CA (Bước 2)

URL

string **AdjustReplaceWithoutInvSmartCA** (string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string password,int type, string pattern = "", string serial = "")

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông tin điều chỉnh, thay thế hóa đơn điện tử cũ (không tồn tại trong hệ thống) với các hệ thống sử dụng token, sau khi thực hiện gọi hàm Lấy giá trị Hash ở bước 1 (3.2.11)

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **username/password:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** chuỗi xml dữ liệu ký hash.
- **Type:** phát hành mới: 0, thay thế = 1, điều chỉnh tăng = 2, điều chỉnh giảm = 3, điều chỉnh thông tin = 4
- **pattern:** Mẫu số
- **serial:** Ký hiệu

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:20	Không tìm thấy dải hóa đơn	Không tìm thấy dải hóa đơn hoặc tài khoản phát hành không có quyền phát hành hóa đơn trên dải

		hóa đơn truyền lên.
ERR:8	Hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế chưa phát hành hoặc đã điều chỉnh không được thay thế	
ERR:2	Không tồn tại hóa đơn cần thay thế và điều chỉnh	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi xảy ra hóa đ
ERR:30	Tạo mới hóa đơn có lỗi	
OK: pattern;serial;invNum ber (Ví dụ: OK:01GTKT3/001;A A/12E;0000002)	- OK → đã phát hành hóa đơn thành công - Patter→ Mẫu số của hóa đơn điều chỉnh, thay thế - Serial → serial của hóa đơn điều chỉnh, thay thế - invNumber: số hóa đơn điều chỉnh, thay thế	

Cấu trúc chuỗi xmlData truyền lên:

```

<Invoices>
  <SerialCert>54010101BFD227F36296CA2414AC334E</SerialCert>
  <PatternOld>1/003</PatternOld>
  <SerialOld>C22TWS</SerialOld>
  <NoOlde>00000001</NoOlde>
  <Inv>
    <key>25904521-A4FB-4A43-BEF8-8455D64A0429</key>
    <idInv>20043083</idInv>
    <signValue>EKkR0sNI67yHpuvLKWfVg1jg4Rkm3gSZZAJ0m+t/T00/RGpg2wjItT
xBLmZgoUU08szexYTzZQX+x37IExQTtd27XE5D0APA08jjXe/MG+uVRSFoPxf5H9pgwcwliWV
usZhTpLZrTkEhr2fEg+haW9fKuizKI+mur6NlndpJWE=</signValue>
  </Inv>
</Invoices>

```

Trong đó:

- tag <SerialCert>: serial chứng thư của công ty
- tag < PatternOld >: Mẫu số của hóa đơn điều chỉnh, thay thế cũ
- tag< SerialOld >: hóa đơn điều chỉnh, thay thế cũ
- tag< NoOlde>: số hóa đơn cũ
- tag <idInv>: id hóa đơn trên hệ thống vnpt
- tag <signValue>: chuỗi ký
- tag <key>: fkey

3.2.13. Lấy giá trị Hash cho điều chỉnh thay thế không tồn tại hóa đơn cũ với Smart CA(Bước 1)

Url

```

string GetHashWithOutInvSmartCA(string Account, string ACpass, string
xmlInvData, string username, string password, string serialCert, int type, string
oldPattern, string oldSerial, decimal oldNo, string strOldArisingDate, int oldInvType,
string pattern = "", string serial = "", int convert = 0)
DESCRIPTION

```

Đây là web service thực hiện điều chỉnh, thay thế hóa đơn cũ (hóa đơn không tồn tại trên hệ thống) sử dụng token.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** String XML dữ liệu hóa đơn điều chỉnh, thay thế
- **oldPattern, oldSerial, oldNo:** Các thông số mẫu số, ký hiệu, số hóa đơn của hóa đơn cũ (hóa đơn không tồn tại trên hệ thống).
- **strOldArisingDate:** Ngày hóa đơn của hóa đơn cũ, định dạng dd/MM/yyyy (Bắt buộc phải nhập đúng và đủ 2 chữ số cho ngày tháng, 4 chữ số cho năm. Ví dụ 01/12/2021)
- **oldInvType:** loại hóa đơn cũ theo quy định (Các loại hóa đơn theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP (Trừ hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế theo Quyết định số 1209/QĐ-BTC và Quyết định số 2660/QĐ-BTC)
- **convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)
- **pattern:** Mẫu số
- **serial:** Ký hiệu
- **type:** phát hành mới: 0, thay thế = 1, điều chỉnh tăng = 2, điều chỉnh giảm = 3, điều chỉnh thông tin = 4

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tìm thấy công ty	
ERR:30	Tạo mới hóa đơn có lỗi	
ERR:5	Không phát hành được hóa đơn hoặc lỗi hệ thống	

ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:12	Ngày hóa đơn cũ không hợp lệ	
ERR:20	Tham số pattern and serial không hợp lệ	
ERR:21	Tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Không tìm thấy keystores	
ERR:28	Chứng thư chưa có trong hệ thống	
ERR:24	chứng thư không dùng	
ERR:27	Lỗi chứng thư hết hạn	
Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	Chuỗi trả về	

- **chuỗi xml**

```
<Invoices>
  <Inv>
    <key>70633DCB-F356-4269-A957-569016AE0017</key>
    <idInv>20045793</idInv>
    <hashValue>GhdasQwB5B8Y0/1SRHM0K8OXMZo=</hashValue>
    <pattern>1/002</pattern>
    <serial>C22TWA</serial>
  </Inv>
</Invoices>
```

Trong đó:

- tag **<key>**: fkey
- tag **<idInv>**: id hóa đơn trên hệ thống vnpt
- tag **<hashValue>**: chuỗi hash
- tag **<pattern>**: mẫu số
- tag **<serial>**: ký hiệu

3.2.14. Gửi điều chỉnh, thay thế không tồn tại hóa đơn cũ với smart CA (Bước 2)

URL

```
string AdjustReplaceWithOutInvSmartCA (string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string password,int type, string pattern = "", string serial = "")
```

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông tin điều chỉnh, thay thế hóa đơn không tồn tại trong hệ thống với các hệ thống sử dụng token, sau khi thực hiện gọi hàm Lấy giá trị Hash ở bước 1 (3.2.13)

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **username/password:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** chuỗi xml dữ liệu ký hash.
- **Type:** phát hành mới: 0, thay thế = 1, điều chỉnh tăng = 2, điều chỉnh giảm = 3, điều chỉnh thông tin = 4
- **pattern:** Mẫu số
- **serial:** Ký hiệu

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:20	Không tìm thấy dải hóa đơn	Không tìm thấy dải hóa đơn hoặc tài khoản phát hành không có quyền phát hành hóa đơn trên dải hóa đơn truyền lên.
ERR:8	Hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế chưa phát hành hoặc đã điều chỉnh không được thay thế	
ERR:2	Không tồn tại hóa đơn cần thay thế và điều chỉnh	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi xảy ra hóa đơn cần

ERR:30	Tạo mới hóa đơn có lỗi	
OK: pattern;serial;invNumber (Ví dụ: OK:01GTKT3/001;A A/12E;0000002)	- OK → đã phát hành hóa đơn thành công - Patter → Mẫu số của hóa đơn điều chỉnh, thay thế - Serial → serial của hóa đơn điều chỉnh, thay thế - invNumber: số hóa đơn điều chỉnh, thay thế	

Cấu trúc chuỗi xmlData truyền lên:

```

<Invoices>
  <SerialCert>54010101BFD227F36296CA2414AC334E</SerialCert>
  <PatternOld>1/003</PatternOld>
  <SerialOld>C22TWS</SerialOld>
  <NoOlde>00000001</NoOlde>
  <Inv>
    <key>25904521-A4FB-4A43-BEF8-8455D64A0429</key>
    <idInv>20043083</idInv>
    <signValue>EKkR0sNI67yHpuvLKWfVg1jg4Rkm3gSZZAj0m+t/T00/RGpg2wjItT
xBLmZgoUU08szexYTzZQX+x37IExQTtd27XE5D0APA08jjXe/MG+uVRSFoPxf5H9pgwcwliWV
usZhTpLZrTkEhr2fEg+haW9fKuizKI+mur6NlndpJWE=</signValue>
  </Inv>
</Invoices>

```

Trong đó:

- tag <SerialCert>: serial chứng thư của công ty
- tag < PatternOld >: Mẫu số của hóa đơn điều chỉnh, thay thế cũ
- tag < SerialOld >: hóa đơn điều chỉnh, thay thế cũ
- tag < NoOlde>: số hóa đơn cũ
- tag <idInv>: id hóa đơn trên hệ thống vnpt
- tag <signValue>: chuỗi ký
- tag <key>: fkey

3.2.15. Lấy giá trị Hash cho điều chỉnh thay thế không tồn tại hóa đơn cũ với Token(Bước 1)

Url

```

string GetHashWithoutInvToken(string Account, string ACpass, string xmlInvData,
string username, string password, string serialCert, int type, string oldPattern, string
oldSerial, decimal oldNo, string strOldArisingDate, int oldInvType, string pattern = "",
string serial = "", int convert = 0)

```

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện điều chỉnh, thay thế hóa đơn cũ (hóa đơn không tồn tại trên hệ thống) sử dụng token.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** String XML dữ liệu hóa đơn điều chỉnh, thay thế
- **oldPattern, oldSerial, oldNo:** Các thông số mẫu số, ký hiệu, số hóa đơn của hóa đơn cũ (hóa đơn không tồn tại trên hệ thống).
- **strOldArisingDate:** Ngày hóa đơn của hóa đơn cũ, định dạng dd/MM/yyyy (Bắt buộc phải nhập đúng và đủ 2 chữ số cho ngày tháng, 4 chữ số cho năm. Ví dụ 01/12/2021)
- **oldInvType:** loại hóa đơn cũ theo quy định (Các loại hóa đơn theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP (Trừ hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế theo Quyết định số 1209/QĐ-BTC và Quyết định số 2660/QĐ-BTC)
- **convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)
- **pattern:** Mẫu số
- **serial:** Ký hiệu
- **type:** phát hành mới: 0, thay thế = 1, điều chỉnh tăng = 2, điều chỉnh giảm = 3, điều chỉnh thông tin = 4

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tìm thấy công ty	
ERR:30	Tạo mới hóa đơn có lỗi	
ERR:5	Không phát hành được hóa đơn hoặc lỗi hệ thống	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:12	Ngày hóa đơn cũ không hợp lệ	
ERR:20	Tham số pattern and serial không hợp lệ	
ERR:21	Tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Không tìm thấy keystores	

ERR:28	Chứng thư chưa có trong hệ thống	
ERR:24	chứng thư không dùng	
ERR:27	Lỗi chứng thư hết hạn	
Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	Chuỗi trả về	

- **chuỗi xml**

```
<Invoices>
  <Inv>
    <key>70633DCB-F356-4269-A957-569016AE0017</key>
    <idInv>20045793</idInv>
    <hashValue>GhdasQwB5B8Y0/1SRHM0K8OXMZo=</hashValue>
    <pattern>1/002</pattern>
    <serial>C22TWA</serial>
  </Inv>
</Invoices>
```

Trong đó:

- tag **<key>**: fkey
- tag **<idInv>**: id hóa đơn trên hệ thống vnpt
- tag **<hashValue>**: chuỗi hash
- tag **<pattern>**: mẫu số
- tag **<serial>**: ký hiệu

3.2.16. Gửi điều chỉnh, thay thế không tồn tại hóa đơn cũ với Token (Bước 2)

URL

```
string AdjustReplaceWithoutInvToken (string Account, string ACPass, string
xmlInvData, string username, string password,int type, string pattern = "", string serial
= "")
```

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông tin điều chỉnh, thay thế hóa đơn không tồn tại trong hệ thống với các hệ thống sử dụng token, sau khi thực hiện gọi hàm Lấy giá trị Hash ở bước 1 (3.2.15)

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **username/password:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** chuỗi xml dữ liệu ký hash.

- **Type:** phát hành mới = 0, thay thế = 1, điều chỉnh tăng = 2, điều chỉnh giảm = 3, điều chỉnh thông tin = 4
- **pattern:** Mẫu số
- **serial:** Ký hiệu

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:20	Không tìm thấy dải hóa đơn	Không tìm thấy dải hóa đơn hoặc tài khoản phát hành không có quyền phát hành hóa đơn trên dải hóa đơn truyền lên.
ERR:8	Hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế chưa phát hành hoặc đã điều chỉnh không được thay thế	
ERR:2	Không tồn tại hóa đơn cần thay thế và điều chỉnh	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi xảy ra hóa đơn cần
ERR:30	Tạo mới hóa đơn có lỗi	
OK: pattern;serial;invNumber (Ví dụ: OK:01GTKT3/001;A A/12E;0000002)	- OK → đã phát hành hóa đơn thành công - Patter → Mẫu số của hóa đơn điều chỉnh, thay thế - Serial → serial của hóa đơn điều chỉnh, thay thế - invNumber: số hóa đơn điều chỉnh, thay thế	

--	--	--

Cấu trúc chuỗi xmlData truyền lên:

```
<Invoices>
  <SerialCert>54010101BFD227F36296CA2414AC334E</SerialCert>
  <PatternOld>1/003</PatternOld>
  <SerialOld>C22TWS</SerialOld>
  <NoOlde>00000001</NoOlde>
  <Inv>
    <key>25904521-A4FB-4A43-BEF8-8455D64A0429</key>
    <idInv>20043083</idInv>
    <signValue>EKkR0sNI67yHpuvLKWfDvg1jg4Rkm3gSZZAj0m+t/T0O/RGpg2wjItT
xBLmZgoUU08szeYtZzQX+x37IExQTtd27XE5D0APA08jjXe/MG+uVRSFoPxf5H9pgwcw1IWV
usZhTpLZrTkEhr2fEg+haW9fKuizKI+mur6NlndpJWE=</signValue>
  </Inv>
</Invoices>
```

Trong đó:

- tag <SerialCert>: serial chứng thư của công ty
- tag < PatternOld >: Mẫu số của hóa đơn điều chỉnh, thay thế cũ
- tag< SerialOld >: hóa đơn điều chỉnh, thay thế cũ
- tag< NoOlde > : số hóa đơn cũ
- tag <idInv>: id hóa đơn trên hệ thống vnpt
- tag <signValue>: chuỗi ký
- tag <key>: fkey

3.2.17. Thay thế, điều chỉnh hóa đơn sử dụng SmartCa (bước 2)

URL

string **AdjustReplaceInvSmartCA** (string Account, string ACPass, string xmlInvData, string username, string password, int type, string pattern = "", string serial = "")

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép thay thế , điều chỉnh hóa đơn cho các khách hàng sử dụng SmartCA, sau khi thực hiện gọi hàm Lấy giá trị Hash ở bước 1 (3.1.25)

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** chuỗi xml thông tin hóa đơn (theo mô tả)
- **type:** thay thế = 1, điều chỉnh tăng = 2, điều chỉnh giảm = 3, điều chỉnh thông tin = 4
- **pattern:** mẫu số hóa đơn

- **serial:** ký hiệu hóa đơn

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:20	Không tìm thấy dải hóa đơn	Không tìm thấy dải hóa đơn hoặc tài khoản phát hành không có quyền phát hành hóa đơn trên dải hóa đơn truyền lên.
ERR:6	Không còn đủ số lượng hóa đơn để phát hành	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá max cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
ERR:30	Tạo mới hóa đơn có lỗi	
ERR:35	Công ty đăng ký DK01 cả có mã, không mã. Tạo cả ký hiệu cả 2 dải có mã và không mã sẽ yêu cầu bắt buộc truyền pattern, serial	
ERR:60	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (Có mã / Không mã).	
ERR:61	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (HD GTGT / HD bán hàng...).	

ERR:62	Không được dùng không mã đăng ký gửi bảng tổng hợp thay thế, điều chỉnh các hóa đơn không mã gửi thông tin chi tiết.	
OK: pattern;serial;invNumber (Ví dụ: OK:01GTKT3/001;A A/12E;0000002)	- OK → đã phát hành hóa đơn thành công - Patter→ Mẫu số của hóa đơn điều chỉnh - Serial → serial của hóa đơn điều chỉnh - invNumber: số hóa đơn điều chỉnh	

Cấu trúc xmlInvData:

```

<Invoices>
  <SerialCert> serial chứng thư của công ty </SerialCert>
  <PatternOld> mẫu số của hóa đơn bị điều chỉnh, thay thế </PatternOld>
  <SerialOld> ký hiệu của hóa đơn bị điều chỉnh, thay thế </SerialOld>
  <NoOlde> số hóa đơn của hóa đơn bị điều chỉnh, thay thế </NoOlde>
  <Inv>
    <key> fkey hóa đơn mới </key>
    <idInv> id hóa đơn mới trên hệ thống vnpt </idInv>
    <signValue> chuỗi ký </signValue>
  </Inv>
</Invoices>

```

Trong đó:

- tag **<SerialCert>**: serial chứng thư của công ty
- tag **<PatternOld>**: mẫu số của hóa đơn bị điều chỉnh, thay thế
- tag **<SerialOld>**: ký hiệu của hóa đơn bị điều chỉnh, thay thế
- tag **<NoOlde>**: số hóa đơn của hóa đơn bị điều chỉnh, thay thế
- tag **<key>**: fkey hóa đơn mới
- tag **<idInv>**: id hóa đơn mới trên hệ thống vnpt
- tag **<signValue>**: giá trị ký số của hóa đơn mới

3.2.18. Lấy thông tin config

URL

string **getCompanyConfig** (string Account, string ACpass, string configKey)

DESCRIPTION

Đây là web service cho kiểm tra xem đã có config chưa

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn

- **configKey**: key config

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:7	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:4	Key null	
ERR:3	Mã thông điệp không thuộc công ty tra cứu	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
OK: stringBase64		

4. DANH SÁCH CÁC HÀM TÍCH CHỨNG TỪ KHẨU TRỪ THU NHẬP CÁ NHÂN

4.1. Nhóm các hàm webservice tạo lập và phát hành chứng từ(PublishService)

4.1.1. Phát hành chứng từ (HSM)

Url

String **ImportAndPublishCTT** (string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string password, string pattern = "", string serial = "", int convert = 0).

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép phát hành chứng từ với dữ liệu XML của khách hàng, tối đa cho 5000 chứng từ.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành chứng từ
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** Chuỗi XML dữ liệu chứng từ (theo cấu trúc mô tả)
- **pattern:** Mẫu số chứng từ
- **serial:** Ký hiệu chứng từ
- **convert:** Mặc định là 0 (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode / 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm khách hàng	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	Hệ thống sẽ trả về lỗi nếu 1 chứng từ trong

		chuỗi XML đầu vào không hợp lệ, cả lô chứng từ sẽ không được phát hành.
ERR:7	Thông tin về Username/pass không hợp lệ	
ERR:20	Pattern và Serial không phù hợp, hoặc không tồn tại chứng từ đã đăng kí có sử dụng Pattern và Serial truyền vào.	
ERR:5	Không phát hành được chứng từ	Lỗi không xác định, kiểm tra exception trả về (DB roll back)
ERR:10	Lô có số chứng từ vượt quá số lượng cho phép	
ERR:6	Dải chứng từ không đủ số chứng từ cho lô phát hành	
ERR:13	Lỗi trùng fkey	1 hoặc nhiều chứng từ trong lô chứng từ có Fkey trùng với Fkey của chứng từ đã phát hành
ERR:21	Lỗi trùng số chứng từ	
ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	
ERR:30	Danh sách chứng từ tồn tại ngày chứng từ nhỏ hơn ngày chứng từ đã phát hành	
OK:pattern;serial1-key1_num1,key2_num12,...) (Ví dụ:	OK → đã phát hành chứng từ thành công Pattern → Mẫu số của các chứng từ đã phát hành Serial1 → serial của dãy các chứng từ phát hành num1, num2... là các số chứng từ	Các chứng từ có serial khác nhau

OK:03/TNCN;CT/25E-key1_1,key2_2,key3_3,key4_4,key5_5)	key1,key2... là khóa để nhận biết chứng từ phát hành cho khách hàng nào(lấy từ đầu vào)	phân cách bởi dấu “;” Các số chứng từ phân cách bởi “,”
---	---	--

Định dạng chuỗi xml đầu vào (các trường * là bắt buộc):

```

<DSCTu>
  <CTu>
    <key>Fkey của chứng từ</key>
    <DLCTu>
      <TTChung>
        <NLap>Ngày lập chứng từ </NLap>
        <TTKhac>
          <TTin>
            <TTruong>GChu</TTruong>
            <KDLieu>string</KDLieu>
            <DLieu>Nội dung ghi chú</DLieu>
          </TTin>
        </TTKhac>
      </TTChung>
      <NDCTu>
        <NNT>
          <Ten>Tên*</Ten>
          <MKHang>Mã khách hàng</MKHang>
          <MST>Mã số thuế (Bắt buộc nếu có)</MST>
          <DChi>Địa chỉ*</DChi>
          <QTich>Quốc tịch(VN)</QTich>
          <CNCTru>Mã cá nhân cư trú Số (0: Cá nhân không cư trú, 1: Cá nhân cư trú)*</CNCTru>
          <CMND> Số định danh cá nhân, giấy tờ tùy thân hoặc số hộ chiếu (Đối với trường hợp không có MST)</CMND>
          <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
          <SDThoai>Số điện thoại*</SDThoai>
          <GChu>Ghi chú 255 </GChu>
        </NNT>
        <TTNCNKTru>
          <KTNhap>Khoản thu nhập*</KTNhap>
          <TThang>Thời điểm trả thu nhập(từ tháng)*</TThang>
          <DThang>Thời điểm trả thu nhập(đến tháng)*</DThang>
          <Nam> Thời điểm trả thu nhập(năm)*</Nam>
          <TThien>Khoản đóng từ thiện, nhân đạo, khuyến học: *</TThien>
          <TTNCThue> Tổng thu nhập chịu thuế (Tổng thu nhập chịu thuế phải khấu trừ)*</TTNCThue>
          <TTNTThue> Tổng thu nhập tính thuế*</TTNTThue>
          <SThue>Số thuế (Số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ) *</SThue>
          <Bhiem>Khoản đóng bảo hiểm bắt buộc *</Bhiem>
          <STNCDNhan>Số thu nhập cá nhân còn được nhận *</STNCDNhan>
        </TTNCNKTru>
      </NDCTu>
    </DLCTu>
  </CTu>
</DSCTu>

```

</CTu>
</DSCTu>

4.1.2. Lấy giá trị Hash cho phát hành chứng từ sử dụng token(bước 1)

string **getHashCTTWithToken** (string Account, string ACPass, string xmlInvData, string username, string password, string serialCert, int type, string invToken, string pattern = "", string serial = "", int convert = 0)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép phát hành chứng từ với các hệ thống sử dụng token, thực hiện truyền dữ liệu chứng từ và lấy giá trị hash value để ký số bằng token ở client.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành chứng từ
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** chuỗi xml chứng từ (theo mẫu mô tả kèm theo)
- **serialCert:** Serial của chứng thư số công ty đã đăng ký trong hệ thống
- **type:** phát hành mới: 0, thay thế = 1, điều chỉnh tăng = 2, điều chỉnh giảm = 3, điều chỉnh thông tin = 4
- **invToken:** chuỗi token chứng từ = mẫu số;ký hiệu;số chứng từ (ví dụ: **CTT56/001;AA/2022;1**) – chỉ cần khi thay thế/ điều chỉnh; phát hành thì để trống
- **pattern:** mẫu số chứng từ
- **serial:** ký hiệu chứng từ

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	

ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:20	Dải chứng từ hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và Serial không phù hợp	
ERR:6	Không còn đủ số lượng chứng từ để phát hành	
ERR:10	Lô có số chứng từ vượt quá số lượng tối đa cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
ERR:30	Tạo mới chứng từ có lỗi	
ERR:35	Công ty đăng ký DK01 cả có mã, không mã. Tạo cả ký hiệu cả 2 dải có mã và không mã sẽ yêu cầu bắt buộc truyền pattern, serial	
Chuỗi xml trả về	Chuỗi trả về	

Cấu trúc chuỗi XML trả về:

```

<Invoices>
  <Inv>
    <key>123</key>
    <idInv>128668</idInv>
    <hashValue>rKdYgeYc7CYLOhj fNFDZ8nBaWjA=</hashValue>
    <pattern>CTT56/001</pattern>
    <serial>AA/2022</serial>
  </Inv>
  <Inv>
    <key>456</key>
    <idInv>128923</idInv>
    <hashValue>2p60p82YQhqjMHG9t/toIaLfENQ=</hashValue>
    <pattern>CTT56/001</pattern>
    <serial>AA/2022</serial>
  </Inv>
</Invoices>

```

Trong đó:

- tag <key>: fkey
- tag <idInv>: id chứng từ trên hệ thống vnpt
- tag <hashValue>: chuỗi hash
- tag <pattern>: mẫu số
- tag <serial>: ký hiệu

4.1.3. Gửi phát hành chứng từ sử dụng token(bước 2)

URL

string **publishCTTWithToken** (string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string password, string pattern = "", string serial = "").

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép phát hành chứng từ với các hệ thống sử dụng token, sau khi thực hiện gọi hàm Lấy giá trị Hash ở bước 1 (4.1.2)

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành chứng từ
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** chuỗi xml dữ liệu ký hash hóa
- **pattern:** mẫu số chứng từ
- **serial:** ký hiệu chứng từ
- **convert:** Mặc định là 0 (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode / 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền phát hành chứng từ	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	

ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:20	Không tìm thấy dải chứng từ	Không tìm thấy dải chứng từ hoặc tài khoản phát hành không có quyền phát hành chứng từ trên dải chứng từ truyền lên.
ERR:6	Không còn đủ số lượng chứng từ để phát hành	
ERR:10	Lô có số chứng từ vượt quá max cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
ERR:30	Tạo mới chứng từ có lỗi	
OK: pattern;serial;invNumber (Ví dụ: OK: CTT56/001;AA/2022; 0000002)	- OK → đã phát hành chứng từ thành công - Patter→ Mẫu số của chứng từ điều chỉnh - Serial → serial của chứng từ điều chỉnh - invNumber: số chứng từ điều chỉnh	

Cấu trúc chuỗi xmlData truyền lên:

```

<Invoices>
  <SerialCert>540171AA56FDB2F8476BBD781251C83D</SerialCert>
  <Inv>
    <key>789</key>
    <idInv>10</idInv>
    <signValue>J2k7CsSN9Gb6PmsHD9yDJS1/j3s=</signValue>
  </Inv>
</Invoices>

```

Trong đó:

- tag **<SerialCert>**: serial chứng thư của công ty
- tag **<key>**: fkey
- tag **<idInv>**: id chứng từ trên hệ thống vnpt
- tag **<signValue>**: chuỗi ký

4.1.4. Lấy giá trị Hash cho phát hành chứng từ sử dụng smartCA(bước 1)

URL

string **GetHashCTTSmartCA** (string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string password, string serialCert, int type, string invToken, string pattern = "",

string serial = "", int convert = 0)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép phát hành chứng từ với các hệ thống sử dụng smartCA, thực hiện truyền dữ liệu chứng từ và lấy giá trị hash value để ký số bằng smartCA ở client.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành chứng từ
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** chuỗi xml chứng từ (theo mẫu mô tả kèm theo)
- **serialCert:** Serial của chứng thư số công ty đã đăng ký trong hệ thống
- **type:** phát hành mới: 0, thay thế = 1, điều chỉnh tăng = 2, điều chỉnh giảm = 3, điều chỉnh thông tin = 4
- **invToken:** chuỗi token chứng từ = mẫu số;ký hiệu;số chứng từ (ví dụ: **CTT56/001;AA/2022;1**) – chỉ cần khi thay thế/ điều chỉnh; phát hành thì để trống
- **pattern:** mẫu số chứng từ
- **serial:** ký hiệu chứng từ

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	

ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:20	Dãi chứng từ hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và Serial không phù hợp	
ERR:6	Không còn đủ số lượng chứng từ để phát hành	
ERR:10	Lô có số chứng từ vượt quá số lượng tối đa cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
ERR:30	Tạo mới chứng từ có lỗi	
ERR:35	Công ty đăng ký DK01 cả có mã, không mã. Tạo cả ký hiệu cả 2 dải có mã và không mã sẽ yêu cầu bắt buộc truyền pattern, serial	
Chuỗi xml trả về	Chuỗi trả về	

Cấu trúc chuỗi XML trả về:

```

<Invoices>
  <Inv>
    <key>123</key>
    <idInv>128668</idInv>
    <hashValue>rKdYgeYc7CYLOhj fNFDZ8nBaWjA=</hashValue>
    <pattern>CTT56/001</pattern>
    <serial>AA/2022</serial>
  </Inv>
  <Inv>
    <key>456</key>
    <idInv>128923</idInv>
    <hashValue>2p60p82YQhqjMHG9t/toIaLfENQ=</hashValue>
    <pattern>CTT56/001</pattern>
    <serial>AA/2022</serial>
  </Inv>
</Invoices>

```

Trong đó:

- tag <key>: fkey
- tag <idInv>: id chứng từ trên hệ thống vnpt
- tag <hashValue>: chuỗi hash
- tag <pattern>: mẫu số
- tag <serial>: ký hiệu

4.1.5. Gửi phát hành chứng từ sử dụng smartCA(bước 2)

URL

string **PublishCTTSmartCA** (string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string password, string pattern = "", string serial = "").

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép phát hành chứng từ với các hệ thống sử dụng SmartCA, sau khi thực hiện gọi hàm Lấy giá trị Hash ở bước 1 (4.1.4)

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành chứng từ
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** chuỗi xml dữ liệu ký hash hóa
- **pattern:** mẫu số chứng từ
- **serial:** ký hiệu chứng từ
- **convert:** Mặc định là 0 (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode / 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền phát hành chứng từ	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:20	Không tìm thấy dải chứng từ	Không tìm thấy dải chứng từ hoặc tài khoản

		phát hành không có quyền phát hành chứng từ trên dải chứng từ truyền lên.
ERR:6	Không còn đủ số lượng chứng từ để phát hành	
ERR:10	Lô có số chứng từ vượt quá max cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
ERR:30	Tạo mới chứng từ có lỗi	
OK: pattern;serial;invNumber (Ví dụ: OK: CTT56/001;AA/2022; 0000002)	- OK → đã phát hành chứng từ thành công - Patter → Mẫu số của chứng từ điều chỉnh - Serial → serial của chứng từ điều chỉnh - invNumber: số chứng từ điều chỉnh	

Cấu trúc chuỗi xmlData truyền lên:

```

<Invoices>
  <SerialCert>540171AA56FDB2F8476BBD781251C83D</SerialCert>
  <Inv>
    <key>789</key>
    <idInv>10</idInv>
    <signValue>J2k7CsSN9Gb6PmsHD9yDJS1/j3s=</signValue>
  </Inv>
</Invoices>

```

Trong đó:

- tag **<SerialCert>**: serial chứng thư của công ty
- tag **<key>**: fkey
- tag **<idInv>**: id chứng từ trên hệ thống vnpt
- tag **<signValue>**: chuỗi ký

4.1.6. Đăng ký tờ khai DK01 chứng từ (chưa nâng cấp)

URL

String **RegisterPublishCTT**(string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string password, int type, int version)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép đăng ký tờ khai 01 đối với chứng từ

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass** : Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData**: Chuỗi XML dữ liệu tờ khai 01 đã ký số (theo cấu trúc mô tả dưới)
- **type**: =0

- version: = 1

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm khách hàng	
ERR:11	Dữ liệu xml validate lỗi	
ERR:6	Lỗi gửi dữ liệu đăng ký lên TCTN	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định, kiểm tra exception trả về (DB roll back)
OK: mtd	Đã gửi tờ khai 01 lên TCT: mã thông điệp	

Cấu trúc xmlInvData:

```

<TKhai>
  <DLTKhai Id="DuLieuKy">
    <TTChung>
      <MSo>Mã số</MSo>
      <Ten>Tên ĐK</Ten>
      <HThuc>2</HThuc>
      <TNNT>Tên người nộp thuế(*)</TNNT>
      <MST>Mã số thuế(*)</MST>
      <NLHe>Người liên hệ(*)</NLHe>
      <DCLHe>Địa chỉ liên hệ(*)</DCLHe>
      <DCTDTu>Thư điện tử(*)</DCTDTu>
      <DTLHe>Điện thoại liên hệ(*)</DTLHe>
      <DDanh>Địa danh</Ddanh>
      <CQTQLy>CQT quản lý (*)</CQTQLy>
      <MCQTQLy>Mã CQT quản lý(*)</MCQTQLy>
      <NLap>Ngày lập(*) </NLap>
      <CCu/>
    </TTChung>
    <NDTKhai>
      <HTCTKTru>
        <TCCNPHanh> Tổ chức, cá nhân trả thu nhập tự xây dựng phần mềm hoặc thông
qua Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn, chứng từ điện tử. (*)</TCCNPHanh>
        <CNTTH> Cá nhân trả thu nhập sử dụng qua Cổng thông tin điện tử của Cơ
quan Thuế (*)</CNTTH>
      </HTCTKTru>
      <HTGui>
        <CTTDTu> Trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế (*)</CTTDTu>
        <CDVCong> Trên Cổng dịch vụ công quốc gia (*)</CDVCong>
        <HTUDDTToan> Trên hệ thống ứng dụng thanh toán điện tử của ngân hàng
(*)</HTUDDTToan>
        <TCCCDVu> Thông qua tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
(*)</TCCCDVu>
      </HTGui>
    </NDTKhai>
  </DLTKhai>
</TKhai>

```

```

        <DSCTSSDung>
            <CTS>
                <TTChuc>Tên tổ chức cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số, chữ
ký điện tử (*)</TTChuc>
                <Seri>Số sê-ri chứng thư(*)</Seri>
                <TNgay>Từ ngày</TNgay>
                <DNgay>Đến ngày</DNgay>
                <HThuc>Hình thức đăng ký(*)</HThuc>
            </CTS>
        </DSCTSSDung>
    </NDTKhai>
</DLTKhai>
</TKhai>

```

Chú thích(*): bắt buộc

HTCTKTru: Hình thức lập chứng từ khấu trừ : 1 chọn ; 0 là không chọn
(bắt buộc phải chọn 1 trong 2 hình thức);

HTGui: Hình thức gửi dữ liệu chứng từ điện tử: 1 chọn; 0 là không chọn
(bắt buộc chọn 1 hình thức có thể chọn nhiều hơn);

Hình thức đăng ký : 1- đăng ký; 2- gia hạn; 3- ngưng sử dụng

4.1.7. Thêm mới chứng từ theo mẫu số, ký hiệu

URL

```
string ImportInvByPatternCTT(string Account, string ACPass, string xmlInvData,
string username, string password, string pattern = "", string serial = "", int convert = 0)
```

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép thêm mới chứng từ điện tử từ dữ liệu XML gửi lên

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass**: Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh tạo mới chứng từ
- **Username/pass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData**: chuỗi xml chứng từ (theo mô tả)
- **pattern**: mẫu số chứng từ
- **serial**: ký hiệu chứng từ
- **convert**: Mặc định là 0, 0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm mới chứng từ	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:6	Không đủ số lượng chứng từ cho lô thêm mới	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:13	Danh sách chứng từ tồn tại hóa đơn trùng Fkey	
ERR:22	Trùng số chứng từ	
ERR:7	Pattern và serial không phù hợp, hoặc không tồn tại chứng từ đã đăng ký có sử dụng Pattern và Serial truyền vào	Chỉ chấp nhận đồng thời nhập cả Pattern và serial hoặc đồng thời để trống cả pattern và serial
ERR:5	Lỗi không xác định, không tạo mới được chứng từ	Lỗi không xác định. DB roll back
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá max cho phép	Mặc định là 5000, hoặc được cấu hình theo từng app
ERR:35	Yêu cầu bắt buộc truyền pattern, serial	
OK: pattern;serial1-key1_num1,key2_num12,key3_num3... (Ví dụ: OK:03/TNCN/001;CT/25E-143339_143339CTT56001CT2023E2765175	- OK → đã tạo mới chứng từ thành công - Pattern → Mẫu số của các chứng từ đã - Serial → serial của dãy các chứng từ được tạo mới - key1,key2... là khóa để nhận biết chứng từ tạo mới từ đâu(lấy từ đầu vào)	Các chứng từ có serial khác nhau phân cách bởi dấu “;”

Ghi chú:

Kết quả trả về : Tiền tố ERR → có lỗi khi thực hiện hàm

Tiền tố OK → thực hiện phát hành hóa đơn thành công

Chỉ chấp nhận phát hành lô tối đa 5000 hóa đơn, hoặc cấu hình theo từng app.

Cấu trúc XMLData

```
<DSCTu>
  <CTu>
    <key>Fkey của chứng từ</key>
    <DLCTu>
      <TTChung>
        <NLap>Ngày lập chứng từ </NLap>
        <TTKhac>
          <TTin>
            <TTruong>GChu</TTruong>
            <KDLieu>string</KDLieu>
            <DLieu>Nội dung ghi chú</DLieu>
          </TTin>
        </TTKhac>
      </TTChung>
      <NDCTu>
        <NNT>
          <Ten>Tên*</Ten>
          <MKHang>Mã khách hàng</MKHang>
          <MST>Mã số thuế (Bắt buộc nếu có)</MST>
          <DChi>Địa chỉ *</DChi>
          <QTich>Quốc tịch(VN)</QTich>
          <CNCTru>Mã cá nhân cư trú Số (0: Cá nhân không cư trú, 1: Cá nhân cư trú)*</CNCTru>
          <CMND>Số định danh cá nhân, giấy tờ tùy thân hoặc số hộ chiếu (Bắt buộc (Đối với trường hợp không có MST))</CMND>
          <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
          <SDThoai>Số điện thoại *</SDThoai>
          <GChu>Ghi chú 255 </GChu>
        </NNT>
        <TTNCNKTru>
          <KTNhap>Khoản thu nhập *</KTNhap>
          <TThang>Thời điểm trả thu nhập(từ tháng)*</TThang>
          <DThang>Thời điểm trả thu nhập(Đến tháng)*</DThang>
          <Nam> Thời điểm trả thu nhập(năm)*</Nam>
          <TThien>Khoản đóng từ thiện, nhân đạo, khuyến học: *</TThien>
          <TTNCThue>Tổng thu nhập chịu thuế (Tổng thu nhập chịu thuế phải khấu trừ)*</TTNCThue>
          <TTNTThue>Tổng thu nhập tính thuế*</TTNTThue>
          <SThue>Số thuế (Số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ) *</SThue>
          <Bhiem>Khoản đóng bảo hiểm bắt buộc *</Bhiem>
          <STNCDNhan>Số thu nhập cá nhân còn được nhận *</STNCDNhan>
        </TTNCNKTru>
      </NDCTu>
    </DLCTu>
  </CTu>
</DSCTu>
```

4.2. Nhóm các hàm webserive phát hành thay thế chứng từ (BusinessService)

4.2.1. Thay thế chứng từ (HSM)

URL

string **ReplaceCTTAction** (string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string pass, string fkey, string Attachfile, int? convert, string pattern = null, string serial = null).

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện thay thế chứng từ

Chỉ cho phép Thay thế chứng từ đã phát hành sau 1/6/2025 gửi lên CQT theo Nghị định 70/2025/NĐ-CP

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành chứng từ
- **xmlInvData:** String XML dữ liệu chứng từ cũ và chứng từ thay thế
- **fkey:** Chuỗi xác định chứng từ cần thay thế
- **Convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)
- **Pattern:** Mẫu số
- **Serial:** Ký hiệu
- **AttachFile:** Đường dẫn file biên bản hoặc key để sinh biên bản tự động (=10: sinh biên bản tự động, =11: sinh và ký biên bản tự động, != 10 và !=11: Đường dẫn file biên bản)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tồn tại chứng từ cần thay thế	

ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:5	Có lỗi trong quá trình thay thế chứng từ	
ERR:6	Dãi chứng từ cũ đã hết	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Chứng từ đã được thay thế rồi. Không thể thay thế nữa.	
ERR:9	Trạng thái chứng từ không được thay thế	
ERR:13	Lỗi trùng fkey	Fkey của chứng từ mới đã tồn tại trên hệ thống
ERR:14	Lỗi trong quá trình thực hiện cấp số chứng từ	
ERR:15	Lỗi khi thực hiện Deserialize chuỗi chứng từ đầu vào	
ERR:19	Pattern truyền vào không giống với chứng từ cần điều chỉnh	
ERR:20	Dãi chứng từ hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
ERR:21	Trùng Fkey truyền vào	
ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	
ERR:30	Danh sách chứng từ tồn tại ngày chứng từ nhỏ hơn ngày chứng từ đã phát hành	
ERR:60	Chỉ được phép điều chỉnh chứng từ cùng loại (Có mã / Không mã).	
ERR:61	Chỉ được phép điều chỉnh chứng từ cùng loại (HD GTGT / HD bán hàng...).	
ERR:62	Không được dùng không mã đăng ký gửi bảng tổng hợp thay thế, điều chỉnh các chứng từ không mã gửi thông tin chi tiết.	
OK: pattern;serial;invNumber (Ví dụ: OK: CTT56/001;A A/2022;00000 02)	- OK → đã phát hành chứng từ thay thế - Patter→ Mẫu số của chứng từ thay thế - Serial → serial của chứng từ thay thế - invNumber: số chứng từ thay thế	

Cấu trúc của xmlInvData trường hợp không có trường mở rộng (các trường * là bắt buộc):

```
<ThayTheCT>
  <key>fkey chứng từ </key>
  <TTChung>
    <NLap>ngày lập chứng từ </NLap>
    <TTKhac>
      <TTin>
        <TTruong>GChu</TTruong>
        <KDLieu>string</KDLieu>
        <DLieu>Nội dung ghi chú</DLieu>
      </TTin>
    </TTKhac>
  </TTChung>
  <NDCTu>
    <NNT>
      <Ten>Tên *</Ten>
      <MKHang>Mã khách hàng</MKHang>
      <MST>Mã số thuế (Bắt buộc nếu có)</MST>
      <DChi>Địa chỉ *</DChi>
      <QTich>Quốc tịch (VN)</QTich>
      <CNCTru>Mã cá nhân cư trú Số (0: Cá nhân không cư trú, 1: Cá nhân cư trú)*</CNCTru>
      <CMND>chứng minh thư hoặc căn cước công dân (Bắt buộc (Đối với trường hợp không có MST))</CMND>
      <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
      <SDThoai>Số điện thoại *</SDThoai>
      <GChu>Ghi chú 255 </GChu>
    </NNT>
    <TTNCNKTru>
      <KTNhap>Khoản thu nhập *</KTNhap>
      <TThang>Thời điểm trả thu nhập (từ tháng)*</TThang>
      <DThang>Thời điểm trả thu nhập (Đến tháng)*</DThang>
      <Nam>Thời điểm trả thu nhập (năm)*</Nam>
      <TThien>Khoản đóng từ thiện, nhân đạo, khuyến học: *</TThien>
      <TTNCThue> Tổng thu nhập chịu thuế (Tổng thu nhập chịu thuế phải khấu trừ)*</TTNCThue>
      <TTNTThue> Tổng thu nhập tính thuế* </TTNTThue>
      <SThue>Số thuế (Số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ) *</SThue>
      <Bhiem>Khoản đóng bảo hiểm bắt buộc *</Bhiem>
    </TTNCNKTru>
  </NDCTu>
</ThayTheCT>
```

4.2.2. Lấy giá trị Hash thay thế chứng từ sử dụng token(buoc 1)

URL

string **getHashCTTTokenReplace** (string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string password, string serialCert, int type, string invToken, string pattern = "", string serial = "", int convert = 0)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép phát hành chứng từ với các hệ thống sử dụng token, thực hiện truyền dữ liệu chứng từ và lấy giá trị hash value để ký số bằng token ở client.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành chứng từ
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** chuỗi xml chứng từ (theo mẫu mô tả kèm theo)
- **serialCert:** Serial của chứng thư số công ty đã đăng ký trong hệ thống
- **type:** phát hành mới: 0, thay thế = 1
- **invToken:** chuỗi token chứng từ = mẫu số;ký hiệu;số chứng từ (ví dụ: **CTT56/001;AA/2022;1**) – chỉ cần khi thay thế/ điều chỉnh; phát hành thì để trống
- **pattern:** mẫu số chứng từ
- **serial:** ký hiệu chứng từ

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:20	Dãi chứng từ hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và Serial không phù hợp	
ERR:6	Không còn đủ số lượng chứng từ để phát hành	

ERR:10	Lô có số chứng từ vượt quá số lượng tối đa cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
ERR:30	Tạo mới chứng từ có lỗi	
ERR:35	Công ty đăng ký DK01 cả có mã, không mã. Tạo cả ký hiệu cả 2 dài có mã và không mã sẽ yêu cầu bắt buộc truyền pattern, serial	
Chuỗi xml trả về	Chuỗi trả về	

Cấu trúc chuỗi XML trả về:

```
<Invoices>
  <Inv>
    <key>123</key>
    <idInv>128668</idInv>
    <hashValue>rKdYgeYc7CYLOhj fNFDZ8nBaWjA=</hashValue>
    <pattern>CTT56/001</pattern>
    <serial>AA/2022</serial>
  </Inv>
  <Inv>
    <key>456</key>
    <idInv>128923</idInv>
    <hashValue>2p60p82YQhqjMHG9t/toIaLfENQ=</hashValue>
    <pattern>CTT56/001</pattern>
    <serial>AA/2022</serial>
  </Inv>
</Invoices>
```

Trong đó:

- tag **<key>**: fkey
- tag **<idInv>**: id chứng từ trên hệ thống vnpt
- tag **<hashValue>**: chuỗi hash
- tag **<pattern>**: mẫu số
- tag **<serial>**: ký hiệu

4.2.3. Gửi thay thế chứng từ sử dụng token(bước 2)

string **AdjustReplaceCTTToken** (string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string password, int type, string pattern = "", string serial = "")

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông tin thay thế chứng từ với các hệ thống sử dụng token, sau khi thực hiện gọi hàm Lấy giá trị Hash ở bước 1 (4.2.2)

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **username/password:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** chuỗi xml dữ liệu ký hash.
- **pattern:** Mẫu số
- **serial:** Ký hiệu
- **type :** thay thế = 1

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:20	Không tìm thấy dải chứng từ	Không tìm thấy dải chứng từ hoặc tài khoản phát hành không có quyền phát hành chứng từ trên dải chứng từ truyền lên.
ERR:8	Chứng từ điều chỉnh hoặc thay thế chưa phát hành hoặc đã điều chỉnh không được thay thế	
ERR:2	Không tồn tại chứng từ cần thay thế và điều chỉnh	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi xảy ra và điều chỉnh
ERR:30	Tạo mới chứng từ có lỗi	

OK: pattern;serial;invNum ber (Ví dụ: OK:01GTKT3/001;A A/12E;0000002)	- OK → đã phát hành chứng từ thành công - Patter → Mẫu số của chứng từ điều chỉnh, thay thế - Serial → serial của chứng từ điều chỉnh, thay thế - invNumber: số chứng từ điều chỉnh, thay thế	
--	--	--

Cấu trúc chuỗi xmlData truyền lên:

```

<Invoices>
  <SerialCert>54010101BFD227F36296CA2414AC334E</SerialCert>
  <PatternOld>CTT56/003</PatternOld>
  <SerialOld>AA/2022</SerialOld>
  <NoOlde>00000001</NoOlde>
  <Inv>
    <key>25904521-A4FB-4A43-BEF8-8455D64A0429</key>
    <idInv>20043083</idInv>
    <signValue>EKkR0sNI67yHpuvLKWFdVg1jg4Rkm3gSZZAJ0m+t/T00/RGpg2wjItTxBL
mZgoUU08szexYTzZQX+x37IExQTtd27XE5D0APA08jjXe/MG+uVRSFoPxf5H9pgwcw1IWVusZ
hTpLZrTkEhr2fEg+haW9fKuizKI+mur6NlndpJWE=</signValue>
  </Inv>
</Invoices>

```

Trong đó:

- tag **<SerialCert>**: Serial chứng thư của công ty
- tag **< PatternOld >**: Mẫu số của chứng từ điều chỉnh, thay thế cũ
- tag **< SerialOld >**: Chứng từ điều chỉnh, thay thế cũ
- tag **< NoOlde >**: Số chứng từ cũ
- tag **<idInv>**: Id chứng từ trên hệ thống vnpt
- tag **<signValue>**: Chuỗi ký

tag **<key>**: fkey

4.2.4. Lấy giá trị Hash thay thế chứng từ sử dụng smartCA(bước 1)

URL

string **GetHashCTTSmartCARep**lace (string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string password, string serialCert, int type, string invToken, string pattern = "", string serial = "", int convert = 0)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép phát hành chứng từ với các hệ thống sử dụng smartCA, thực hiện truyền dữ liệu chứng từ và lấy giá trị hash value để ký số bằng smartCA ở client.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass**: Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành chứng từ

- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** chuỗi xml chứng từ (theo mẫu mô tả kèm theo)
- **serialCert:** Serial của chứng thư số công ty đã đăng ký trong hệ thống
- **type:** phát hành mới: 0, thay thế = 1,
- **invToken:** chuỗi token chứng từ = mẫu số;ký hiệu;số chứng từ (ví dụ: **CTT56/001;AA/2022;1**) – chỉ cần khi thay thế/ điều chỉnh; phát hành thì để trống
- **pattern:** mẫu số chứng từ
- **serial:** ký hiệu chứng từ

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:20	Dải chứng từ hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và Serial không phù hợp	
ERR:6	Không còn đủ số lượng chứng từ để phát hành	
ERR:10	Lô có số chứng từ vượt quá số lượng tối đa cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
ERR:30	Tạo mới chứng từ có lỗi	

ERR:35	Công ty đăng ký DK01 cả có mã, không mã. Tạo cả ký hiệu cả 2 dài có mã và không mã sẽ yêu cầu bắt buộc truyền pattern, serial	
Chuỗi xml trả về	Chuỗi trả về	

Cấu trúc chuỗi XML trả về:

```
<Invoices>
  <Inv>
    <key>123</key>
    <idInv>128668</idInv>
    <hashValue>rKdYgeYc7CYLOhj fNFDZ8nBaWjA=</hashValue>
    <pattern>CTT56/001</pattern>
    <serial>AA/2022</serial>
  </Inv>
  <Inv>
    <key>456</key>
    <idInv>128923</idInv>
    <hashValue>2p60p82YQhqjMHG9t/toIaLfENQ=</hashValue>
    <pattern>CTT56/001</pattern>
    <serial>AA/2022</serial>
  </Inv>
</Invoices>
```

Trong đó:

- tag <key>: Fkey
- tag <idInv>: Id chứng từ trên hệ thống vnpt
- tag <hashValue>: Chuỗi hash
- tag <pattern>: Mẫu số
- tag <serial>: Ký hiệu

4.2.5. Gửi thay thế chứng từ sử dụng smartCA(bước 2)

url

```
string AdjustReplaceCTTSmartCA (string Account, string ACpass, string
xmlInvData, string username, string password,int type, string pattern = "", string
serial = "")
```

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông tin thay thế chứng từ với các hệ thống sử dụng token, sau khi thực hiện gọi hàm Lấy giá trị Hash ở bước 1 (4.2.4)

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **username/password:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** chuỗi xml dữ liệu ký hash.

- **pattern:** Mẫu số
- **serial:** Ký hiệu
- **type = 1 mặc định thay thế**

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:20	Không tìm thấy dải chứng từ	Không tìm thấy dải chứng từ hoặc tài khoản phát hành không có quyền phát hành chứng từ trên dải chứng từ truyền lên.
ERR:8	Chứng từ điều chỉnh hoặc thay thế chưa phát hành hoặc đã điều chỉnh không được thay thế	
ERR:2	Không tồn tại chứng từ cần thay thế và điều chỉnh	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
ERR:30	Tạo mới chứng từ có lỗi	
OK: pattern;serial;invNumber (Ví dụ: OK: CTT56/001;AA/2022; 0000002)	- OK → đã phát hành chứng từ thành công - Patter→ Mẫu số của chứng từ điều chỉnh,thay thế - Serial → serial của chứng từ điều chỉnh,thay thế - invNumber: số chứng từ điều chỉnh,thay thế	

Cấu trúc chuỗi xmlData truyền lên:

```
<Invoices>
  <SerialCert>54010101BFD227F36296CA2414AC334E</SerialCert>
  <PatternOld>CTT56/003</PatternOld>
  <SerialOld>AA/2022</SerialOld>
  <NoOlde>00000001</NoOlde>
  <Inv>
    <key>25904521-A4FB-4A43-BEF8-8455D64A0429</key>
    <idInv>20043083</idInv>
    <signValue>EKkR0sNI67yHpuvLKWFdVgljg4Rkm3gSZZAJ0m+t/T0O/RGpg2wjItTxBL
mZgoUU08szexYTzZQX+x37IExQTtd27XE5D0APA08jjXe/MG+uVRSFoPxf5H9pgwcw1IWVusZ
hTpLZrTkEhr2fEg+haW9fKuizKI+mur6NlndpJWE=</signValue>
  </Inv>
</Invoices>
```

Trong đó:

- tag **<SerialCert>**: Serial chứng thư của công ty
- tag **< PatternOld >**: Mẫu số của chứng từ điều chỉnh, thay thế cũ
- tag **< SerialOld >**: Chứng từ điều chỉnh, thay thế cũ
- tag **< NoOlde >**: Số chứng từ cũ

4.3. *Hủy chứng từ (chỉ cho phép Hủy chứng từ không gửi lên CQT theo mẫu cũ trước 1/6/2025)*

URL

string **cancelInvCTT**(string Account, string ACPass, string Fkey, string functionName, string userName, string userPass, string note = null)

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện hủy chứng từ theo giá trị fkey truyền vào

Chỉ cho phép Hủy chứng từ mà không gửi lên CQT theo mẫu số cũ CTT56 đã phát hành trước 1/6/2025

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/ACPass**: Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành chứng từ
- **fkey**: Chuỗi xác định chứng từ cần hủy
- **functionName**: **CancelInv hủy không ký biên bản**, **cancelInvSignFile**: hủy tạo file biên bản
- **Note**: ghi chú biên bản

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tìm thấy chứng từ	
ERR:6	Lỗi không xác định	
ERR:7	Không tìm thấy thông tin công ty tương ứng, hoặc lỗi không xác định	
ERR:8	Chứng từ đã bị điều chỉnh / hủy / chứng từ mới tạo không thể hủy được	
ERR:9	Chứng từ đã thanh toán, không cho phép hủy	
ERR:20	Dải chứng từ hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
OK:	Hủy chứng từ thành công	

4.4. Điều chỉnh chứng từ (API mới)

4.4.1. Điều chỉnh chứng từ (HSM)

string **AdjustCTTAction**(string Account, string ACPass, string xmlInvData, string username, string pass, string fkey, string AttachFile, int? convert, string pattern = null, string serial = null).
DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện điều chỉnh chứng từ

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **userName / userPass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành chứng từ
- **xmlInvData:** String XML dữ liệu hóa đơn cũ và chứng từ điều chỉnh
- **fkey:** Chuỗi xác định chứng từ cần điều chỉnh
- **Convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)
- **Pattern:** Mẫu số
- **Serial:** Ký hiệu
- **AttachFile:** Đường dẫn file biên bản hoặc key để sinh biên bản tự động (=10: sinh biên bản tự động, =11: sinh và ký biên bản tự động, != 10 và !=11: Đường dẫn file biên bản)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
---------	-------	---------

ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Chứng từ cần điều chỉnh không tồn tại	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:5	Không phát hành được Chứng từ	
ERR:6	Dãi hóa đơn cũ đã hết	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Chứng từ cần điều chỉnh đã bị thay thế. Không thể điều chỉnh được nữa.	
ERR:9	Trạng thái chứng từ không được điều chỉnh	
ERR:13	Lỗi trùng fkey	Fkey của chứng từ mới đã tồn tại trên hệ thống
ERR:14	Lỗi trong quá trình thực hiện cấp số chứng từ	
ERR:15	Lỗi khi thực hiện Deserialize chuỗi chứng từ đầu vào	
ERR:19	Pattern truyền vào không giống với chứng từ cần điều chỉnh	
ERR:20	Dãi hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
ERR:21	Trùng Fkey truyền vào	
ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	
ERR:30	Danh sách hóa đơn tồn tại ngày chứng từ nhỏ hơn ngày chứng từ đã phát hành	
ERR:60	Chỉ được phép điều chỉnh chứng từ cùng loại (Có mã / Không mã).	
ERR:61	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (HD GTGT / HD bán hàng...).	
ERR:62	Không được dùng không mã đăng ký gửi bảng tổng hợp thay thế, điều chỉnh các hóa đơn không mã gửi thông tin chi tiết.	
OK: pattern;serial;invNumber (Ví dụ: OK: CTT56/001;A A/2022;00000 02)	- OK → đã phát hành chứng từ thành công - Patter→ Mẫu số của chứng từ điều chỉnh - Serial → serial của chứng từ điều chỉnh - invNumber: số chứng từ điều chỉnh	

Cấu trúc của xmlInvData (các trường * là bắt buộc):

<DieuChinhCT>

<key>fkey chứng từ </key>

<Type>Loại hóa đơn chỉnh sửa (int-mặc định lấy là 2) 2-Điều chỉnh tăng, 3-Điều chỉnh giảm, 4-Hóa đơn điều chỉnh thông tin, 6-Điều chỉnh</Type>

<TTChung>

```

<NLap>ngày lập chứng từ </NLap>
<TTKhac>
  <TTin>
    <TTruong>GChu</TTruong>
    <KDLieu>string</KDLieu>
    <DLieu>Nội dung ghi chú</DLieu>
  </TTin>
</TTKhac>
</TTChung>
<NDCTu>
  <NNT>
    <Ten>Tên *</Ten>
    <MKHang>Mã khách hàng</MKHang>
    <MST>Mã số thuế (Bắt buộc nếu có)</MST>
    <DChi>Địa chỉ *</DChi>
    <QTich>Quốc tịch(VN)</QTich>
    <CNCTru>Mã cá nhân cư trú Số (0: Cá nhân không cư trú, 1: Cá nhân cư
trú)*</CNCTru>
    <CMND>chứng minh thư hoặc căn cước công dân (Bắt buộc (Đối với
trường hợp không có MST))</CMND>
    <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
    <SDThoai>Số điện thoại *</SDThoai>
    <GChu>Ghi chú 255 </GChu>
  </NNT>
  <TTNCNKTru>
    <KTNhap>Khoản thu nhập *</KTNhap>
    <TThang>Thời điểm trả thu nhập(từ tháng)*</TThang>
    <DThang>Thời điểm trả thu nhập(Đến tháng)*</DThang>
    <Nam>Thời điểm trả thu nhập(năm)*</Nam>
    <TThien>Khoản đóng từ thiện, nhân đạo, khuyến học: *</TThien>
    <TTNCThue> Tổng thu nhập chịu thuế (Tổng thu nhập chịu thuế phải
khấu trừ)*</TTNCThue>
    <TTNTThue> Tổng thu nhập tính thuế* </TTNTThue>
    <SThue>Số thuế (Số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ) *</SThue>
    <Bhiem>Khoản đóng bảo hiểm bắt buộc *</Bhiem>
  </TTNCNKTru>
</NDCTu>
</DieuChinhCT>

```

4.4.2. Lấy giá trị Hash điều chỉnh chứng từ sử dụng token(buoc 1)

URL

```

string getHashCTTTTokenAdjust (string Account, string ACpass, string xmlInvData,
string username, string password, string serialCert, int type, string invToken, string pattern =
"", string serial = "", int convert = 0)

```

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép phát hành chứng từ với các hệ thống sử dụng token, thực hiện truyền dữ liệu chứng từ và lấy giá trị hash value để ký số bằng token ở client.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành chứng từ
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** chuỗi xml chứng từ (theo mẫu mô tả kèm theo)
- **serialCert:** Serial của chứng thư số công ty đã đăng ký trong hệ thống
- **type:** phát hành mới: 0, điều chỉnh = 2
- **invToken:** chuỗi token chứng từ = mẫu số;ký hiệu;số chứng từ (ví dụ: **CTT56/001;AA/2022;1**) – chỉ cần khi thay thế/ điều chỉnh; phát hành thì để trống
- **pattern:** mẫu số chứng từ
- **serial:** ký hiệu chứng từ

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	

ERR:20	Dải chứng từ hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và Serial không phù hợp	
ERR:6	Không còn đủ số lượng chứng từ để phát hành	
ERR:10	Lô có số chứng từ vượt quá số lượng tối đa cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
ERR:30	Tạo mới chứng từ có lỗi	
ERR:35	Công ty đăng ký DK01 cả có mã, không mã. Tạo cả ký hiệu cả 2 dải có mã và không mã sẽ yêu cầu bắt buộc truyền pattern, serial	
Chuỗi xml trả về	Chuỗi trả về	

Cấu trúc chuỗi XML trả về:

```
<Invoices>
  <Inv>
    <key>123</key>
    <idInv>128668</idInv>
    <hashValue>rKdYgeYc7CYLOhj fNFDZ8nBaWjA=</hashValue>
    <pattern>CTT56/001</pattern>
    <serial>AA/2022</serial>
  </Inv>
  <Inv>
    <key>456</key>
    <idInv>128923</idInv>
    <hashValue>2p60p82YQhqjMHG9t/toIaLfENQ=</hashValue>
    <pattern>CTT56/001</pattern>
    <serial>AA/2022</serial>
  </Inv>
</Invoices>
```

Trong đó:

- tag **<key>**: fkey
- tag **<idInv>**: id chứng từ trên hệ thống vnpt
- tag **<hashValue>**: chuỗi hash
- tag **<pattern>**: mẫu số
- tag **<serial>**: ký hiệu

4.4.3. Gửi điều chỉnh chứng từ sử dụng token(bước 2)

string **AdjustCTTToken** (string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string password, int type, string pattern = "", string serial = "")

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông tin thay thế chứng từ với các hệ thống sử dụng token, sau khi thực hiện gọi hàm Lấy giá trị Hash ở bước 1 (4.2.2)

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **username/password:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** chuỗi xml dữ liệu ký hash.
- **pattern:** Mẫu số
- **serial:** Ký hiệu
- **type :** điều chỉnh = 2

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:20	Không tìm thấy dải chứng từ	Không tìm thấy dải chứng từ hoặc tài khoản phát hành không có quyền phát hành chứng từ trên dải chứng từ truyền lên.
ERR:8	Chứng từ điều chỉnh hoặc thay thế chưa phát hành hoặc đã điều chỉnh không được thay thế	
ERR:2	Không tồn tại chứng từ cần thay thế và điều chỉnh	

ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi xảy ra và điều ch
ERR:30	Tạo mới chứng từ có lỗi	
OK: pattern;serial;invNum ber (Ví dụ: OK:01GTKT3/001;A A/12E;0000002)	- OK → đã phát hành chứng từ thành công - Patter → Mẫu số của chứng từ điều chỉnh, thay thế - Serial → serial của chứng từ điều chỉnh, thay thế - invNumber: số chứng từ điều chỉnh, thay thế	

Cấu trúc chuỗi xmlData truyền lên:

<Invoices>

<SerialCert>54010101BFD227F36296CA2414AC334E</SerialCert>

<PatternOld>CTT56/003</PatternOld>

<SerialOld>AA/2022</SerialOld>

<NoOlde>00000001</NoOlde>

<Inv>

<key>25904521-A4FB-4A43-BEF8-8455D64A0429</key>

<idInv>20043083</idInv>

<signValue>EKkR0sNI67yHpuvLKWFdVg1jg4Rkm3gSZZAj0m+t/T00/RGpg2wjItTxBLmZgoUU08szexYTzZQX+x37IExQTtd27XE5D0APA08jjXe/MG+uVRSFoPxf5H9pgwcw1IWVusZhTpLZrTkEhr2fEg+haW9fKuiZKI+mur6NlndpJWE=</signValue>

</Inv>

</Invoices>

Trong đó:

- tag <SerialCert>: Serial chứng thư của công ty
- tag < PatternOld >: Mẫu số của chứng từ điều chỉnh, thay thế cũ
- tag < SerialOld >: Chứng từ điều chỉnh, thay thế cũ
- tag < NoOlde >: Số chứng từ cũ
- tag <idInv>: Id chứng từ trên hệ thống vnpt
- tag <signValue>: Chuỗi ký

tag <key>: fkey

4.4.4. Lấy giá trị Hash điều chỉnh chứng từ sử dụng smartCA(bước 1)

URL

string **GetHashCTTSmartCAAdjust** (string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string password, string serialCert, int type, string invToken, string pattern = "", string serial = "", int convert = 0)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép phát hành chứng từ với các hệ thống sử dụng smartCA, thực hiện truyền dữ liệu chứng từ và lấy giá trị hash value để ký số bằng smartCA ở client.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành chứng từ
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** chuỗi xml chứng từ (theo mẫu mô tả kèm theo)
- **serialCert:** Serial của chứng thư số công ty đã đăng ký trong hệ thống
- **type:** điều chỉnh = 2,
- **invToken:** chuỗi token chứng từ = mẫu số;ký hiệu;số chứng từ (ví dụ: **CTT56/001;AA/2022;1**) – chỉ cần khi thay thế/ điều chỉnh; phát hành thì để trống
- **pattern:** mẫu số chứng từ
- **serial:** ký hiệu chứng từ

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:20	Dãi chứng từ hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và Serial không phù hợp	
ERR:6	Không còn đủ số lượng chứng từ để phát hành	
ERR:10	Lô có số chứng từ vượt quá số lượng tối đa cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
ERR:30	Tạo mới chứng từ có lỗi	

ERR:35	Công ty đăng ký DK01 cả có mã, không mã. Tạo cả ký hiệu cả 2 dài có mã và không mã sẽ yêu cầu bắt buộc truyền pattern, serial	
Chuỗi xml trả về	Chuỗi trả về	

Cấu trúc chuỗi XML trả về:

```
<Invoices>
  <Inv>
    <key>123</key>
    <idInv>128668</idInv>
    <hashValue>rKdYgeYc7CYLOhj fNFDZ8nBaWjA=</hashValue>
    <pattern>CTT56/001</pattern>
    <serial>AA/2022</serial>
  </Inv>
  <Inv>
    <key>456</key>
    <idInv>128923</idInv>
    <hashValue>2p60p82YQhqjMHG9t/toIaLfENQ=</hashValue>
    <pattern>CTT56/001</pattern>
    <serial>AA/2022</serial>
  </Inv>
</Invoices>
```

Trong đó:

- tag <key>: Fkey
- tag <idInv>: Id chứng từ trên hệ thống vnpt
- tag <hashValue>: Chuỗi hash
- tag <pattern>: Mẫu số
- tag <serial>: Ký hiệu

4.4.5. Gửi điều chỉnh chứng từ sử dụng smartCA(bước 2)

url

```
string AdjustCTTSmartCA (string Account, string ACpass, string xmlInvData,
string username, string password,int type, string pattern = "", string serial =
"")
```

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông tin điều chỉnh chứng từ với các hệ thống sử dụng token, sau khi thực hiện gọi hàm Lấy giá trị Hash ở bước 1 (4.2.4)

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **username/password:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** chuỗi xml dữ liệu ký hash.

- **pattern:** Mẫu số
- **serial:** Ký hiệu
- **type = 2 mặc định điều chỉnh**

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:20	Không tìm thấy dải chứng từ	Không tìm thấy dải chứng từ hoặc tài khoản phát hành không có quyền phát hành chứng từ trên dải chứng từ truyền lên.
ERR:8	Chứng từ điều chỉnh hoặc thay thế chưa phát hành hoặc đã điều chỉnh không được thay thế	
ERR:2	Không tồn tại chứng từ cần thay thế và điều chỉnh	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
ERR:30	Tạo mới chứng từ có lỗi	
OK: pattern;serial;invNumber (Ví dụ: OK: CTT56/001;AA/2022; 0000002)	- OK → đã phát hành chứng từ thành công - Patter→ Mẫu số của chứng từ điều chỉnh, thay thế - Serial → serial của chứng từ điều chỉnh, thay thế - invNumber: số chứng từ điều chỉnh, thay thế	

Cấu trúc chuỗi xmlData truyền lên:

```
<Invoices>
  <SerialCert>54010101BFD227F36296CA2414AC334E</SerialCert>
  <PatternOld>CTT56/003</PatternOld>
  <SerialOld>AA/2022</SerialOld>
  <NoOlde>00000001</NoOlde>
</Inv>
  <key>25904521-A4FB-4A43-BEF8-8455D64A0429</key>
  <idInv>20043083</idInv>
  <signValue>EKkR0sNI67yHpuvLKWFdVgljg4Rkm3gSZZAJ0m+t/T0O/RGpg2wjItTxBL
mZgoUU08szexYTzZQX+x37IExQTtd27XE5D0APA08jjXe/MG+uVRSFoPxf5H9pgwcw1IWVusZ
hTpLZrTkEhr2fEg+haW9fKuizKI+mur6NlndpJWE=</signValue>
</Inv>
</Invoices>
```

Trong đó:

- tag **<SerialCert>**: Serial chứng thư của công ty
- tag **< PatternOld >**: Mẫu số của chứng từ điều chỉnh, thay thế cũ
- tag **< SerialOld >**: Chứng từ điều chỉnh, thay thế cũ
- tag **< NoOlde >**: Số chứng từ cũ

4.5. Download chứng từ

4.5.1. Download chứng từ token

URL

String **downloadCTTToken** (string token, string username, string password, int type = 0)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép tải về chuỗi xml, html, pdf của chứng từ theo token

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- username / password**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- token**: Chuỗi token xác định cần lấy cần lấy
- type**: type = 0 download xml, type=1 download pdf, type=2 download html

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền ServiceRole	

ERR:2	Chuỗi token không đúng định dạng	
ERR:4	Không tìm thấy Pattern	
ERR:6	Không tìm thấy chứng từ	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy thông tin công ty tương ứng cho user.	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
ERR:12	Hoá đơn có mã chưa được thuế chấp nhận	
ERR:13	Hoá đơn không mã chưa được thuế chấp nhận	
chuỗi_Xml_trả_về	Trả về chuỗi Xml tương ứng với chứng từ tương đương vs type =0 - type = 1 Trả về chuỗi base64 tương ứng với hóa đơn. Lưu chuỗi này thành file .pdf để được file PDF - type=2 Trả về chuỗi base64 tương ứng với hóa đơn. Lưu chuỗi này thành file .html để được file HTML	Trả về một chứng từ dưới dạng string Xml

4.5.2.Download chứng từ Fkey

URL

String **downloadCTTFkey** (string fkey, string username, string password, int type = 0)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép tải về chuỗi xml,html, pdf của chứng từ theo Fkey

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **username / password:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **fkey:** Chuỗi fkey xác định chứng từ cần lấy
- **type:** type = 0 download xml, type=1 download pdf, type=2 download html

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền ServiceRole	
ERR:2	Chuỗi token không đúng định dạng	
ERR:4	Không tìm thấy Pattern	
ERR:6	Không tìm thấy chứng từ	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy thông tin công ty tương ứng cho user.	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
ERR:12	Hoá đơn có mã chưa được thuế chấp nhận	
ERR:13	Hoá đơn không mã chưa được thuế chấp nhận	
chuỗi_Xml_trả_về	Trả về chuỗi Xml tương ứng với chứng từ tương đương vs type =0 - type = 1 Trả về chuỗi base64 tương ứng với hóa đơn. Lưu chuỗi này thành file .pdf để được file PDF - type=2 Trả về chuỗi base64 tương ứng với hóa đơn. Lưu chuỗi này thành file .html để được file HTML	Trả về một chứng từ dưới dạng string Xml

4.6. Thông báo sai sót chứng từ (API mới)

4.6.1. Gửi thông điệp chứng từ điện tử có sai sót.

URL

string **SendCTTNoticeErrors**(string Account, string ACpass, string xml, string username, string password, string serialCert = "", int convert = 0)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp chứng từ điện tử có sai sót bằng hsm hoặc p12.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.

- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xml:** chuỗi xml thông điệp chứng từ điện tử có sai sót (theo mẫu mô tả kèm theo)
- **serialCert:** serial chứng thư số
- **convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:6	Có lỗi trong quá trình tạo xml thông điệp	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
OK:mtd	Gửi thông điệp thành công, trả về mã thông điệp	

Cấu trúc chuỗi XML đầu vào của thông điệp: (dấu * là bắt buộc)

```
<DLTBao>
  <TNNT></TNNT> //Tên người nộp thuế
  <TCQT></TCQT> //Tên cơ quan thuế (Tên cơ quan thuế ra thông báo)
  <NTBao></NTBao> //Ngày thông báo
  <DDanh></DDanh> //Địa danh
  <Loai> </Loai>* //Loại (Loại thông báo) (1: Thông báo của NNT, 2: Giải trình của NNT theo thông báo của CQT)
  <So></So> //Số thông báo của CQT. Bắt buộc (Đối với Loại=2: Giải trình của NNT theo thông báo của CQT)
```

```

<NTBCCQT></NTBCCQT>//Ngày thông báo của CQT. Bắt buộc (Đối với Loại=2: Giải
trình của NNT theo thông báo của CQT)
<DSCTu>
  <CTu>
    <STT></STT> //Số thứ tự
    <KHMSCTu></KHMSCTu>* //Ký hiệu mẫu số chứng từ
    <KHCTu></KHCTu>*//Ký hiệu chứng từ
    <SCTu></SCTu>*//Số chứng từ (Số chứng từ điện tử)
    <NLap></NLap>*//Ngày (Ngày lập chứng từ) - định dạng: YYYY-MM-YY
    <LADHDDT></LADHDDT>*//Loại áp dụng chứng từ điện tử
    (1: Chứng từ điện tử khấu trừ thuế TNCN theo Nghị định 70;
    2: Chứng từ điện tử khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên
    nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số)
    <TCTBao></TCTBao> *//Tính chất thông báo (4: Giải trình, 6: Thông
    báo)
    <LDo></LDo> //Lý do
    <Fkey></Fkey>
  </CTu>
</DSCTu>
</DLTBao>

```

4.6.2. Lấy giá trị Hash cho gửi thông điệp chứng từ có sai sót bằng token (bước 1)

URL

string **GetHashCTTNoticeErrorsWithToken**(string Account, string ACpass, string xml, string username, string password, string serialCert = "", int convert = 0)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp chứng từ điện tử có sai sót với các hệ thống sử dụng token, thực hiện truyền dữ liệu chứng từ và lấy giá trị hash value để ký số bằng token ở client.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xml:** chuỗi xml thông điệp chứng từ điện tử có sai sót (theo mẫu mô tả kèm theo)
- **serialCert:** serial chứng thư số

- **convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:6	Có lỗi trong quá trình tạo xml thông điệp	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
ERR:30	Tạo mới hóa đơn có lỗi	
Chuỗi base64Hash	Chuỗi trả về sử dụng để ký số token	

Cấu trúc chuỗi XML đầu vào của thông điệp: (dấu * là bắt buộc)

```
<DLTBao>
  <TNNT></TNNT> //Tên người nộp thuế
  <TCQT></TCQT> //Tên cơ quan thuế (Tên cơ quan thuế ra thông báo)
  <NTBao></NTBao> //Ngày thông báo
  <DDanh></DDanh> //Địa danh
  <Loai> </Loai>* //Loại (Loại thông báo) (1: Thông báo của NNT, 2: Giải trình của NNT theo thông báo của CQT)
  <So></So> //Số thông báo của CQT. Bắt buộc (Đối với Loại=2: Giải trình của NNT theo thông báo của CQT)
  <NTBCCQT></NTBCCQT> //Ngày thông báo của CQT. Bắt buộc (Đối với Loại=2: Giải trình của NNT theo thông báo của CQT)
  <DSCTu>
    <CTu>
      <STT></STT> //Số thứ tự
```

```

<KHMSCTu></KHMSCTu>* //Ký hiệu mẫu số chứng từ
<KHCTu></KHCTu>*//Ký hiệu chứng từ
<SCTu></SCTu>*//Số chứng từ (Số chứng từ điện tử)
<NLap></NLap>*//Ngày (Ngày lập chứng từ) - định dạng: YYYY-MM-YY
<LADHDDT></LADHDDT>*//Loại áp dụng chứng từ điện tử
(1: Chứng từ điện tử khấu trừ thuế TNCN theo Nghị định 70;
2: Chứng từ điện tử khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên
nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số)
<TCTBao></TCTBao> *//Tính chất thông báo (2: Giải trình, 1: Thông
báo)
<LDo></LDo> //Lý do
<Fkey></Fkey>
</CTu>
</DSCTu>
</DLTBao>

```

Cấu trúc chuỗi base64Hash trả về:

```
Qp00If1ZAMA5tHpzdJtqIV0r1Zc=
```

4.6.3. Gửi thông điệp chứng từ điện tử có sai sót sử dụng token (bước 2)

URL

string **SendCTTNoticeErrorsWithToken**(string Account, string ACPass, string xml, string username, string password)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp chứng từ điện tử có sai sót với các hệ thống sử dụng token, sau khi thực hiện gọi hàm Lấy giá trị Hash **GetHashCTTNoticeErrorsWithToken** ở bước 1 (4.5.2)

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xml:** chuỗi xml dữ liệu ký hash.

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
---------	-------	---------

ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền phát hành hóa đơn	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá max cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
OK:mtd	Gửi thông điệp thành công, trả về mã thông điệp	

Cấu trúc chuỗi xml truyền lên:

```
<CKS>
  <SerialCert></SerialCert> *//serial chứng thư của công ty
  <Base64Hash></Base64Hash> *//chuỗi Hash lấy từ bước 3.1.9
  <SignValue></SignValue> *//chuỗi ký
</CKS>
```

4.6.4. Lấy giá trị Hash cho gửi thông điệp chứng từ có sai sót bằng SmartCA (bước 1)

URL

string **GetHashCTTNoticeErrorsWithSmartCA**(string Account, string ACpass, string xml, string username, string password, string serialCert = "", int convert = 0)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp chứng từ điện tử có sai sót với các hệ thống sử dụng smartCA, thực hiện truyền dữ liệu chứng từ sai sót và lấy giá trị hash value để ký số bằng smartCA ở client.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xml:** chuỗi xml thông điệp chứng từ điện tử có sai sót (theo mẫu mô tả kèm theo)___

- **serialCert:** serial chứng thư số
- **convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:6	Có lỗi trong quá trình tạo xml thông điệp	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
ERR:30	Tạo mới hóa đơn có lỗi	
Chuỗi hash	Chuỗi trả về sử dụng để ký số smartCA	

Cấu trúc chuỗi XML đầu vào của thông điệp: (dấu * là bắt buộc)

```
<DLTBao>
  <TNNT></TNNT> //Tên người nộp thuế
  <TCQT></TCQT> //Tên cơ quan thuế (Tên cơ quan thuế ra thông báo)
  <NTBao></NTBao> //Ngày thông báo
  <DDanh></DDanh> //Địa danh
  <Loai> </Loai>* //Loại (Loại thông báo) (1: Thông báo của NNT, 2: Giải trình của NNT theo thông báo của CQT)
  <So></So> //Số thông báo của CQT. Bắt buộc (Đối với Loại=2: Giải trình của NNT theo thông báo của CQT)
  <NTBCCQT></NTBCCQT> //Ngày thông báo của CQT. Bắt buộc (Đối với Loại=2: Giải trình của NNT theo thông báo của CQT)
  <DSCTu>
    <CTu>
      <STT></STT> //Số thứ tự
      <KHMSCTu></KHMSCTu>* //Ký hiệu mẫu số chứng từ
      <KHCTu></KHCTu>* //Ký hiệu chứng từ
      <SCTu></SCTu>* //Số chứng từ (Số chứng từ điện tử)
      <NLap></NLap>* //Ngày (Ngày lập chứng từ) - định dạng: YYYY-MM-YY
      <LADHDDT></LADHDDT>* //Loại áp dụng chứng từ điện tử
      (1: Chứng từ điện tử khấu trừ thuế TNCN theo Nghị định 70;
```

2: Chứng từ điện tử khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số)

<TCTBao></TCTBao> *//Tính chất thông báo (2: Giải trình, 1: Thông báo)

<LDo></LDo> //Lý do

<Fkey></Fkey>

</CTu>

</DSCTu>

</DLTBao>

Cấu trúc chuỗi Hash trả về:

tFcVc/SWLPX+kbJ/uNz1VYBNNeow1AIAQ0RmkGaYgqs=

4.6.5. Gửi thông điệp chứng từ điện tử có sai sót sử dụng SmartCA (bước 2)

URL

string **SendCTTNoticeErrorsWithSmartCA**(string Account, string ACPass, string xml, string username, string password)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp chứng từ điện tử có sai sót với các hệ thống sử dụng SmartCA, sau khi thực hiện gọi hàm Lấy giá trị Hash ở bước 1

GetHashCTTNoticeErrorsWithSmartCA

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xml:** chuỗi xml dữ liệu ký hash.

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền phát hành hóa đơn	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá max cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
OK:mtd	Gửi thông điệp thành công, trả về mã thông điệp	

--	--	--

Cấu trúc chuỗi xml truyền lên:

```
<CKS>
  <SerialCert></SerialCert> *//serial chứng thư của công ty
  <HashValue></HashValue> *//chuỗi Hash lấy từ bước 1
  <SignValue></SignValue> *//chuỗi ký
</CKS>
```

5. MÁY TÍNH TIỀN

5.1. Nhóm các hàm webservice tạo lập và phát hành hóa đơn máy tính tiền(publishService.asmx)

5.1.1. Tạo mới và phát hành hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền

URL

String **ImportAndPublishInvMTT**(string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string password, string pattern, string serial, int convert = 0).

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép phát hành hóa đơn với dữ liệu XML của khách hàng, tối đa cho 5000 hóa đơn.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** chuỗi xml hóa đơn (theo mô tả)
- **pattern:** mẫu số hóa đơn
- **serial:** ký hiệu hóa đơn
- **convert:** Mặc định là 0, 0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode
- **Đầu vào:** Bắt buộc truyền thông tin theo mô tả dưới đây

STT	Trường thông tin	Mô tả yêu cầu	Bắt buộc
1	Ngày lập	Ngày lập hóa đơn	
2	Đơn vị tiền tệ	Đơn vị tiền tệ trên hoá đơn	x
3	Tỷ giá	Tỷ giá quy đổi từ ngoại tệ sang VND	Bắt buộc khi đơn vị tiền tệ khác VND
4	Hình thức thanh toán	Hình thức thanh toán hoá đơn	x
Thông tin người mua			
9	Tên		
10	Mã số thuế		
	Địa chỉ		
11	Số điện thoại		
12	Căn cước công dân		

	Họ và tên người mua hàng		
Thông tin hàng hóa dịch vụ			
13	Tính chất		x
14	Số thứ tự		
15	Mã hàng hóa, dịch vụ		
16	Tên hàng hóa, dịch vụ		x
17	Đơn vị tính		
18	Số lượng		
19	Đơn giá		
20	Tỷ lệ % chiết khấu (Trong trường hợp thể hiện thông tin chiết khấu cho từng hàng hóa, dịch vụ)		
21	Số tiền chiết khấu (Trong trường hợp thể hiện thông tin chiết khấu cho từng hàng hóa, dịch vụ)		
22	Thành tiền (thành tiền chưa có thuế GTGT đối với hóa đơn khác thuộc loại hóa đơn GTGT, thành tiền đối với hóa đơn khác thuộc loại hóa đơn bán hàng)		
23	Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT đối với hóa đơn khác thuộc loại hóa đơn GTGT, đối với hóa đơn khác thuộc loại hóa đơn bán hàng không có thể này)	Truyền 1 trong các giá trị -2 (KKKNT), -1 (KCT), 0, 5, 8, 10 hoặc giá trị thuế suất khác truyền (12.34) hoặc KHAC truyền -3	Bắt buộc đối với hóa đơn GTGT có Ký hiệu mẫu số =1
24	Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT)		Bắt buộc đối với hóa đơn GTGT có Ký hiệu mẫu số =1
25	Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT)		Bắt buộc đối với hóa đơn GTGT có Ký hiệu mẫu số =1
26	Tiền thuế (Tiền thuế GTGT)		Bắt buộc đối với hóa đơn

			GTGT có Ký hiệu mẫu số =1
27	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế GTGT)		Bắt buộc đối với hóa đơn GTGT có Ký hiệu mẫu số =1
28	Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế GTGT)		Bắt buộc đối với hóa đơn GTGT có Ký hiệu mẫu số =1
29	Tổng tiền chiết khấu thương mại		
30	Tổng tiền thanh toán bằng số		x
31	Tổng tiền thanh toán bằng chữ		x

- **Đầu ra:**

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm mới hóa đơn	
ERR:2	Pattern hoặc serial truyền vào rỗng	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:4	Không lấy được thông tin công ty (currentCompany null)	
ERR:6	Không đủ số lượng hóa đơn cho lô thêm mới	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy user.	
ERR:11	Pattern hoặc serial không đúng định dạng	
ERR:13	Danh sách hóa đơn tồn tại hóa đơn trùng Fkey	
ERR:15	Ngày lập truyền vào lớn hơn ngày hiện tại hoặc XML không đúng định	

	dạng (hóa đơn ngoại tệ không truyền tỷ giá)	
ERR:20	Pattern và serial không phù hợp, hoặc không tồn tại hóa đơn đã đăng ký có sử dụng Pattern và Serial truyền vào	Chỉ chấp nhận đồng thời nhập cả Pattern và serial Truyền không đúng pattern là 1,2,5 và serial có dạng CyyMxx
ERR:5	Không phát hành được hóa đơn	Lỗi không xác định. DB roll back
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá max cho phép	Mặc định là 5000, hoặc được cấu hình theo từng app
ERR:21	Trùng số hóa đơn	
ERR:22	Thông tin người bán vượt maxlength	
ERR:23	Mã CQT rỗng	
ERR:30	Danh sách hóa đơn tồn tại ngày hóa đơn nhỏ hơn ngày hóa đơn đã phát hành	
"OK:" + pattern + ";" + serial + "-" + fkey + "_" + invNumber + "_" + MCCQT Ví dụ: OK:1/004;C22MTC-81971004C22MTC128418474_128_M1-22-10F0B-00400000128	• OK ☐ đã phát hành hóa đơn thành công • Pattern ☐ Mẫu số của hóa đơn • Serial ☐ serial của hóa đơn • Fkey-> fkey của hóa đơn • invNumber: số hóa đơn • MCCQT -> Mã của cơ quan Thuế	Trả về message OK kèm theo Pattern, Serial, danh sách fkey, danh sách số hóa đơn, mã

		CQT phát hành thành công
--	--	--------------------------

Định dạng chuỗi xml đầu vào (các trường * là bắt buộc):

```

<DSHDon>
  <HDon>
    <key>Fkey của hoa đơn</key>
    <MCCQT>Mã cơ quan thuế tự sinh theo quy tắc</MCCQT>

    <DLHDon>
      <TTChung>
        <NLap> Ngày lập (định dạng theo chuẩn thuế: yyyy-MM-dd)</NLap>
        <DVTTe>Đơn vị tiền tệ *</DVTTe>
        <TGia> Tỷ giá (Bắt buộc (Trừ trường hợp Đơn vị tiền tệ là VND))</TGia>
        <HTTToan>Hình thức thanh toán *</HTTToan>
        <TTKhac>
          <TTin>
            <TTruong>Extra</TTruong>
            <KDLieu>string</KDLieu>
            <DLieu>Extra test</DLieu>
          </TTin>
          <TTin>
            <TTruong>Extra1</TTruong>
            <KDLieu>string</KDLieu>
            <DLieu>Extra1 test</DLieu>
          </TTin>
          <TTin>
            <TTruong>Extra2</TTruong>
            <KDLieu>string</KDLieu>
            <DLieu>Extra2 test</DLieu>
          </TTin>
        </TTKhac>
      </TTChung>
      <HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT). Nếu không truyền mặc định là 0- hóa đơn thường </HDDThu>
      <GiảmThuếGTGT> Giảm thuế GTGT(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội. Nhận giá trị 1/0)</GiảmThuếGTGT>
    </HDon>
  </DSHDon>
  <NDHDon>
    <NBan>
      <Fax>Fax</Fax>

      <Website>Website</Website>
      <MCHang>Mã cửa hàng người bán</MCHang>

      <TCHang>Tên cửa hàng người bán</TCHang>
    </NBan>
    <NMua>
      <Ten>Tên</Ten>
      <HVTNMMHang>Họ và tên người mua hàng</HVTNMMHang>
      <MST>Mã số thuế</MST>
      <DChi>Địa chỉ</DChi>
      <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
      <CCCDan>Căn cước công dân </CCCDan>
      <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
    </NMua>
  </NDHDon>
</DSHDon>

```

```

<MKHang>Mã khách hàng </MKHang>
<MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người mua</MDVQHNSach>
<SHChieu>Số hộ chiếu người mua</SHChieu>
<TTKhan>
  <TTin>
    <TTruong>Extra6</TTruong>
    <KDLieu>string</KDLieu>
    <DLieu>Extra6 test</DLieu>
  </TTin>
  <TTin>
    <TTruong>Extra7</TTruong>
    <KDLieu>string</KDLieu>
    <DLieu>Extra7 test</DLieu>
  </TTin>
  <TTin>
    <TTruong>Extra8</TTruong>
    <KDLieu>string</KDLieu>
    <DLieu>Extra8 test</DLieu>
  </TTin>
</TTKhan>
</NMua>
<DSHHDVu>
  <HHDVu>
    <TChat>Tính chất * (1-Hàng hóa, dịch vụ; 2-Khuyến mại; 3-Chiết khấu thương mại
(trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo dòng); 4-Ghi chú/điền giải); 5-Hàng hóa đặc trưng</TChat>
    <STT>Số thứ tự</STT>
    <MHHDVu>Mã hàng hóa, dịch vụ (Bắt buộc nếu có)</MHHDVu>
    <THHDVu>Tên hàng hóa, dịch vụ *</THHDVu>
    <DVTinh>Đơn vị tính (Bắt buộc nếu có)</DVTinh>
    <SLuong>Số lượng (Bắt buộc nếu có)</SLuong>
    <DGia>Đơn giá (Bắt buộc nếu có)</DGia>
    <TLCKhau>Tỷ lệ % chiết khấu</TLCKhau>
    <STCKhau>Số tiền chiết khấu</STCKhau>
    <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT) - Bắt buộc trừ trường hợp
TChat = 4</ThTien>
    <TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT) Nhận các giá trị: -2 (KKKNT), -1
(KCT), 0, 5, 8, 10, 12.34 (thuế khác: AB.CD), -3 (KHAC) </TSuat> <!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
    <TThue>Tiền thuế</TThue> <!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
    <TSThue>Tiền sau thuế</TSThue> <!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
  </HHDVu>
</DSHHDVu>
</NMua>
<TTKhan>
  <TTin>
    <TTruong>Extra1</TTruong>
    <KDLieu>string</KDLieu>
    <DLieu>Extra1 pd test</DLieu>
  </TTin>
  <TTin>
    <TTruong>Extra2</TTruong>
    <KDLieu>string</KDLieu>
    <DLieu>Extra2 pd test</DLieu>
  </TTin>
</TTKhan>
<TTHHDTrung>
  <TTin>
    <LHHDTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận các giá trị: 1-
Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận
chuyển trên nền tảng số, TMĐT)</LHHDTrung>
    <TTruong>Tên trường (Nhận các giá trị: Số khung
(SKhung),Số máy (SMay),Biển kiểm soát phương tiện vận chuyển (BKSPTVChuyen), Tên người gửi hàng

```

```

(TNGHang), Địa chỉ người gửi hàng (DCNGHang),MST người gửi hàng (MSTNGHang), Số định danh người gửi
hàng (MDDNGHang))</TTruong>
<DLieu>Dữ liệu</DLieu>
</TTin>
</TTHHDTTrung>
<TLTThue> Tỷ lệ tính thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc
hội)</TLTThue>
<STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc
hội)</STGThue>
</HHDVu>
</DSHHDVu>
<TToan>
<THTTLTSuat><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
<LTSuat>
<TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT) Nhận các giá trị: -2 (KKKNT),
-1 (KCT), 0, 5, 8, 10, 12.34 (thuế khác: AB.CD), -3 (KHAC) </TSuat>
<TThue>Tiền thuế (Tiền thuế GTGT)</TThue>
<ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT)</ThTien>
</LTSuat>
</THTTLTSuat>
<TgTCTThue>Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế GTGT) (Bắt buộc với
hóa đơn GTGT)</TgTCTThue><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
<TgTThue>Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế GTGT) (Bắt buộc với hóa đơn
GTGT)</TgTThue><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
<TTCKTMai>Tổng tiền chiết khấu thương mại</TTCKTMai>
<TgTTTBSO>Tổng tiền thanh toán bằng số *</TgTTTBSO>
<STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc
hội)</STGThue>
<TgTTTBChu>Tổng tiền thanh toán bằng chữ *</TgTTTBChu>
<TTKhac>
<TTin>
<TTruong>Extra9</TTruong>
<KDLieu>string</KDLieu>
<DLieu>Extra9 test</DLieu>
</TTin>
<TTin>
<TTruong>Extra10</TTruong>
<KDLieu>string</KDLieu>
<DLieu>Extra10 test</DLieu>
</TTin>
<TTin>
<TTruong>Extra11</TTruong>
<KDLieu>DateTime</KDLieu>
<DLieu>định dạng theo chuẩn thuế:(ví dụ: yyyy-MM-dd)</DLieu>
</TTin>
</TTKhac>
</TToan>
</NDHDon>
</DLHDon>
</HDon>
</DSHDon>

```

5.1.2. Tạo mới chưa phát hành hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền

URL

String **ImportInvByPatternMTT**(string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string password, string pattern, string serial, int convert = 0).

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép tạo mới hóa đơn MTT với dữ liệu XML của khách hàng, tối đa cho 5000 hóa đơn.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xmlInvData:** chuỗi xml hóa đơn (theo mô tả)
- **pattern:** mẫu số hóa đơn
- **serial:** ký hiệu hóa đơn
- **convert:** Mặc định là 0, 0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode
- **Đầu vào:** Bắt buộc truyền thông tin theo mô tả dưới đây

STT	Trường thông tin	Mô tả yêu cầu	Bắt buộc
1	Ngày lập	Ngày lập hóa đơn	
2	Đơn vị tiền tệ		x
3	Tỷ giá		Bắt buộc khi đơn vị tiền tệ khác VND
4	Hình thức thanh toán	Hình thức thanh toán	
Thông tin người mua			
9	Tên		
10	Mã số thuế		
11	Số điện thoại		
12	Căn cước công dân		
Thông tin hàng hóa dịch vụ			
13	Tính chất		x
14	Số thứ tự		
15	Mã hàng hóa, dịch vụ		
16	Tên hàng hóa, dịch vụ		x

17	Đơn vị tính		
18	Số lượng		
19	Đơn giá		
20	Tỷ lệ % chiết khấu (Trong trường hợp thể hiện thông tin chiết khấu cho từng hàng hóa, dịch vụ)		
21	Số tiền chiết khấu (Trong trường hợp thể hiện thông tin chiết khấu cho từng hàng hóa, dịch vụ)		
22	Thành tiền (thành tiền chưa có thuế GTGT đối với hóa đơn khác thuộc loại hóa đơn GTGT, thành tiền đối với hóa đơn khác thuộc loại hóa đơn bán hàng)		
23	Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT đối với hóa đơn khác thuộc loại hóa đơn GTGT, đối với hóa đơn khác thuộc loại hóa đơn bán hàng không có thể này)	Truyền 1 trong các giá trị -2 (KKKNT), -1 (KCT), 0, 5, 8, 10 hoặc giá trị thuế suất khác truyền (12.34) hoặc KHAC truyền -3	Bắt buộc đối với hóa đơn GTGT có Ký hiệu mẫu số =1
24	Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT)		Bắt buộc đối với hóa đơn GTGT có Ký hiệu mẫu số =1
25	Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT)		Bắt buộc đối với hóa đơn GTGT có Ký hiệu mẫu số =1
26	Tiền thuế (Tiền thuế GTGT)		Bắt buộc đối với hóa đơn GTGT có Ký hiệu mẫu số =1
27	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế GTGT)		Bắt buộc đối với hóa đơn GTGT có Ký hiệu mẫu số =1
28	Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế GTGT)		Bắt buộc đối với hóa đơn

			GTGT có Ký hiệu mẫu số =1
29	Tổng tiền chiết khấu thương mại		
30	Tổng tiền thanh toán bằng số		x
31	Tổng tiền thanh toán bằng chữ		x

• **Đầu ra:**

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm mới hóa đơn	
ERR:2	Pattern hoặc serial truyền vào rỗng	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:4	Không lấy được thông tin công ty (currentCompany null)	
ERR:6	Không đủ số lượng hóa đơn cho lô thêm mới	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy user.	
ERR:11	Pattern hoặc serial không đúng định dạng	
ERR:13	Danh sách hóa đơn tồn tại hóa đơn trùng Fkey	
ERR:15	Ngày lập truyền vào lớn hơn ngày hiện tại hoặc XML không đúng định dạng (hóa đơn ngoại tệ không truyền tỷ giá)	
ERR:20	Pattern và serial không phù hợp, hoặc không tồn tại hóa đơn đã đăng ký có sử dụng Pattern và Serial truyền vào	Chỉ chấp nhận đồng thời nhập cả Pattern và serial Truyền không đúng pattern là

		1,2,5 và serial có dạng CyyMxx
ERR:5	Không tạo mới được hóa đơn	Lỗi không xác định. DB roll back
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá max cho phép	Mặc định là 5000, hoặc được cấu hình theo từng app
ERR:21	Trùng số hóa đơn	
ERR:22	Thông tin người bán vượt maxlength	
ERR:23	Mã CQT rỗng	
ERR:30	Danh sách hóa đơn tồn tại ngày hóa đơn nhỏ hơn ngày hóa đơn đã phát hành	
"OK:" + pattern + ";" + serial + "-" + fkey1_fkey2_... Ví dụ: OK:1/004;C22MTC-81971004C22MTC128418474_...	• OK ☐ đã tạo mới hóa đơn thành công • Pattern ☐ Mẫu số của hóa đơn • Serial ☐ serial của hóa đơn • Fkey-> fkey của hóa đơn	Trả về message OK kèm theo Pattern, Serial, danh sách fkey

Định dạng chuỗi xml đầu vào (các trường * là bắt buộc):

```

<DSHDon>
  <HDon>
    <key>Fkey của hoa don</key>
    <MCCQT>Mã cơ quan thuế tự sinh theo quy tắc</MCCQT>

    <DLHDon>
      <TTChung>
        <NLap> Ngày lập (định dạng theo chuẩn thuế: yyyy-MM-dd)</NLap>
        <DVTTe>Đơn vị tiền tệ *</DVTTe>
        <TGia>Tỷ giá (Bắt buộc (Trừ trường hợp Đơn vị tiền tệ là VND))</TGia>
        <HTTToan>Hình thức thanh toán *</HTTToan>
        <TTKhac>
          <TTin>
            <TTruong>Extra</TTruong>
            <KDLieu>string</KDLieu>
            <DLieu>Extra test</DLieu>
          </TTin>
          <TTin>
            <TTruong>Extra1</TTruong>
            <KDLieu>string</KDLieu>
            <DLieu>Extra1 test</DLieu>
          </TTin>
        </TTKhac>
      </TTChung>
    </DLHDon>
  </HDon>
</DSHDon>

```

```

<TTin>
    <TTruong>Extra2</TTruong>
    <KDLieu>string</KDLieu>
    <DLieu>Extra2 test</DLieu>
</TTin>
</TTKhanh>
<HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT). Nếu không truyền mặc định là 0- hóa đơn thường </HDDThu>
<TCHDon>Tính chất hóa đơn: Nhận giá trị = 5 đối với hóa đơn chiết khấu thương mại</TCHDon>
<GiamThueGTGT> Giảm thuế GTGT(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội. Nhận giá trị 1/0)</GiamThueGTGT>
    </TTChung>
    <NDHDon>
        <NBan>
            <MCHang>Mã cửa hàng người bán</MCHang>
            <TCHang>Tên cửa hàng người bán</TCHang>
        </NBan>
        <NMua>
            <Ten>Tên</Ten>
            <HVTNMMHang>Họ và tên người mua hàng</HVTNMMHang>
            <MST>Mã số thuế</MST>
            <DChi>Địa chỉ</DChi>
            <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
            <CCCDan>Căn cước công dân </CCCDan>
            <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
            <MKHang>Mã khách hàng </MKHang>
            <MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người mua</MDVQHNSach>
            <SHChieu>Số hộ chiếu người mua</SHChieu>
            <TTKhanh>
                <TTin>
                    <TTruong>Extra6</TTruong>
                    <KDLieu>string</KDLieu>
                    <DLieu>Extra6 test</DLieu>
                </TTin>
                <TTin>
                    <TTruong>Extra7</TTruong>
                    <KDLieu>string</KDLieu>
                    <DLieu>Extra7 test</DLieu>
                </TTin>
                <TTin>
                    <TTruong>Extra8</TTruong>
                    <KDLieu>string</KDLieu>
                    <DLieu>Extra8 test</DLieu>
                </TTin>
            </TTKhanh>
        </NMua>
        <DSHHDVu>
            <HHDVu>
                <TChat>Tính chất * (1-Hàng hóa, dịch vụ; 2-Khuyến mại; 3-Chiết khấu thương mại (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo dòng); 4-Ghi chú/diễn giải); 5-Hàng hóa đặc trưng)</TChat>
                <STT>Số thứ tự</STT>
                <MHHDVu>Mã hàng hóa, dịch vụ (Bắt buộc nếu có)</MHHDVu>
                <THHDVu>Tên hàng hóa, dịch vụ *</THHDVu>
            </HHDVu>
        </DSHHDVu>
    </NMua>
</NDHDon>
</HDDThu>

```

<DVTinh>Đơn vị tính (Bắt buộc nếu có)</DVTinh>
 <SLuong>Số lượng (Bắt buộc nếu có)</SLuong>
 <DGia>Đơn giá (Bắt buộc nếu có)</DGia>
 <TLCKhau>Tỷ lệ % chiết khấu</TLCKhau>
 <STCKhau>Số tiền chiết khấu </STCKhau>
 <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT) - Bắt buộc trừ trường hợp
 TChat = 4</ThTien>
 <TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT) Nhận các giá trị: -2 (KKKNT), -1
 (KCT), 0, 5, 8, 10, 12.34 (thuế khác: AB.CD), -3 (KHAC) </TSuat> <!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
 <TThue>Tiền thuế</TThue> <!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
 <TSThue>Tiền sau thuế</TSThue> <!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
 <TTKhac>
 <TTin>
 <TTruong>Extra1</TTruong>
 <KDLieu>string</KDLieu>
 <DLieu>Extra1 pd test</DLieu>
 </TTin>
 <TTin>
 <TTruong>Extra2</TTruong>
 <KDLieu>string</KDLieu>
 <DLieu>Extra2 pd test</DLieu>
 </TTin>
 </TTKhac>
 <TTHHDTTrung>
 <TTin>
 <LHHDTTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận các giá trị: 1-
 Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận
 chuyển trên nền tảng số, TMĐT)</LHHDTTrung>
 <TTruong>Tên trường (Nhận các giá trị: Số khung
 (SKhung),Số máy (SMay),Biển kiểm soát phương tiện vận chuyển (BKSPTVChuyen), Tên người gửi hàng
 (TNGHang), Địa chỉ người gửi hàng (DCNGHang),MST người gửi hàng (MSTNGHang), Số định danh người gửi
 hàng (MDDNGHang))</TTruong>
 <DLieu>Dữ liệu</DLieu>
 </TTin>
 </TTHHDTTrung>
 <TLTThue> Tỷ lệ tính thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</TLTThue>
 <STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>
 <HHDVu>
 </DSHHDVu>
 <TToan>
 <THTTLTsuat><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
 <LTsuat>
 <TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT) Nhận các giá trị: -2 (KKKNT),
 -1 (KCT), 0, 5, 8, 10, 12.34 (thuế khác: AB.CD), -3 (KHAC) </TSuat>
 <TThue>Tiền thuế (Tiền thuế GTGT)</TThue>
 <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT)</ThTien>
 </LTsuat>
 <THTTLTsuat>
 <TgTCThue>Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế GTGT) (Bắt buộc với
 hóa đơn GTGT)</TgTCThue><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
 <TgTThue>Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế GTGT) (Bắt buộc với hóa đơn
 GTGT)</TgTThue><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
 <TTCKTMai>Tổng tiền chiết khấu thương mại</TTCKTMai>
 <STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>
 <TgTTTBSO>Tổng tiền thanh toán bằng số *</TgTTTBSO>
 <TgTTTBChu>Tổng tiền thanh toán bằng chữ *</TgTTTBChu>
 <TTKhac>
 <TTin>

```

        <TTruong>Extra9</TTruong>
        <KDLieu>string</KDLieu>
        <DLieu>Extra9 test</DLieu>
    </TTin>
    <TTin>
        <TTruong>Extra10</TTruong>
        <KDLieu>string</KDLieu>
        <DLieu>Extra10 test</DLieu>
    </TTin>
    <TTin>
        <TTruong>Extra11</TTruong>
        <KDLieu>DateTime</KDLieu>
        <DLieu>định dạng theo chuẩn thuế:(ví dụ: yyyy-MM-dd)</DLieu>
    </TTin>
</TTKhac>
</TToan>
</NDHDon>
</DLHDon>
</HDon>
</DSHDon>

```

5.1.3. Gửi hóa đơn sai sót đối với máy tính tiền

URL

string **SendInvErrorMTT** (string Account, string ACpass, string xml, string username, string password, string serialCert, int convert = 0)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp hóa đơn điện tử có sai sót bằng hsm hoặc p12.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xml:** chuỗi xml thông điệp hóa đơn điện tử có sai sót (theo mẫu mô tả kèm theo)_
- **serialCert:** Ký hiệu chứng thư số
- **convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:16	Xml hóa đơn có chứa xml không phải của máy tính tiền	
ERR:21	Không tìm thấy chứng thư số	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	

ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
OK:mtd	Gửi thông điệp thành công, trả về mã thông điệp	

Cấu trúc chuỗi XML đầu vào của thông điệp: (dấu * là bắt buộc)

```
<DLTBao>
  <TNNT></TNNT>* //Tên người nộp thuế
  <MST></MST>* //Mã số thuế người nộp thuế
  <MCQT></MCQT>* //Mã cơ quan thuế quản lý
  <TCQT></TCQT>* //Tên cơ quan thuế quản lý
  <NTBao></NTBao>* //Ngày thông báo
  <DDanh></DDanh>* //Địa danh
  <Loai> </Loai>* //Loại (Loại thông báo) (1: Thông báo hủy/giải trình của NNT, 2: Thông báo hủy/giải
trình của NNT theo thông báo của CQT)
  <So></So> //Số thông báo của CQT. Bắt buộc (Đối với Loại=2: Thông báo hủy/giải trình của NNT theo
thông báo của CQT)
  <NTBCCQT></NTBCCQT> //Ngày thông báo của CQT. Bắt buộc (Đối với Loại=2: Thông báo hủy/giải
trình của NNT theo thông báo của CQT)
  <DSHDon>
    <HDon>
      <STT></STT> //Số thứ tự
      <MCCQT> </MCCQT> //Mã CQT cấp. Bắt buộc (Trừ trường hợp là hóa đơn không có mã của
CQT)
      <KHMSHDon></KHMSHDon>* //Ký hiệu mẫu số hóa đơn
      <KHHDDon></KHHDDon>* //Ký hiệu hóa đơn
      <SHDon></SHDon>* //Số hóa đơn (Số hóa đơn điện tử)
      <Ngay></Ngay>* //Ngày (Ngày lập hóa đơn) - định dạng: YYYY-MM-YY
      <LADHDDT></LADHDDT>* //Loại áp dụng hóa đơn điện tử
      (1:Hóa đơn điện tử theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP;
      2: Hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế theo Quyết định số 1209/QĐ-BTC;
      3: Hóa đơn theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP;
      4: Hóa đơn đặt in theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP)
      <TCTBao></TCTBao> * //Tính chất thông báo (1: Hủy; 2: Điều chỉnh; 3: Thay thế; 4: Giải trình)
      <LDo></LDo> //Lý do
      <Fkey></Fkey>
    </HDon>
  </DSHDon>
</DLTBao>
```

5.1.4.Lấy giá trị hash cho NNT gửi thông điệp hóa đơn có sai sót bằng token (bước 1)

URL

string **GetHashInvErrorMTT**(string Account, string ACPass, string xml, string username, string password, string serialCert, int convert = 0)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp hóa đơn điện tử có sai sót với các hệ thống sử dụng token, thực hiện truyền dữ liệu hóa đơn và lấy giá trị hash value để ký số bằng token ở client.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xml:** chuỗi xml thông điệp hóa đơn điện tử có sai sót (theo mẫu mô tả kèm theo)_
- **serialCert:** Ký hiệu chứng thư số
- **convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:16	Xml hóa đơn có chứa xml không phải của máy tính tiền	
ERR:21	Không tìm thấy chứng thư số	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
ERR:30	Tạo mới hóa đơn có lỗi	
Chuỗi base64Hash	Chuỗi trả về sử dụng để ký số token	

Cấu trúc chuỗi XML đầu vào của thông điệp: (dấu * là bắt buộc)

```
<DLTBao>
  <TNNT></TNNT>* //Tên người nộp thuế
  <MST></MST>* //Mã số thuế người nộp thuế
  <TCQT></TCQT>* //Tên cơ quan thuế (Tên cơ quan thuế ra thông báo)
  <MCQT></MCQT>* //Mã cơ quan thuế quản lý
  <NTBao></NTBao>* //Ngày thông báo
  <DDanh></DDanh>* //Địa danh
  <Loai> </Loai>* //Loại (Loại thông báo) (1: Thông báo hủy/giải trình của NNT, 2: Thông báo hủy/giải trình của NNT theo thông báo của CQT)
  <So></So> //Số thông báo của CQT. Bắt buộc (Đối với Loại=2: Thông báo hủy/giải trình của NNT theo thông báo của CQT)
  <NTBCCQT></NTBCCQT> //Ngày thông báo của CQT. Bắt buộc (Đối với Loại=2: Thông báo hủy/giải trình của NNT theo thông báo của CQT)
  <DSHDon>
    <HDon>
      <STT></STT> //Số thứ tự
      <MCCQT> </MCCQT> //Mã CQT cấp. Bắt buộc
      <KHMSHDon></KHMSHDon>* //Ký hiệu mẫu số hóa đơn
      <KHHDDon></KHHDDon>* //Ký hiệu hóa đơn
      <SHDon></SHDon>* //Số hóa đơn (Số hóa đơn điện tử)
      <Ngay></Ngay>* //Ngày (Ngày lập hóa đơn) - định dạng: YYYY-MM-YY
      <LADHDDT></LADHDDT>* //Loại áp dụng hóa đơn điện tử
      (1:Hóa đơn điện tử theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP;
      2: Hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế theo Quyết định số 1209/QĐ-BTC;
      3: Hóa đơn theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP;
      4: Hóa đơn đặt in theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP)
      <TCTBao></TCTBao> *//Tính chất thông báo (1: Hủy; 2: Điều chỉnh; 3: Thay thế; 4: Giải trình)
      <LDo></LDo> //Lý do
      <Fkey></Fkey>
    </HDon>
  </DSHDon>
</DLTBao>
```

Cấu trúc chuỗi base64Hash trả về:

```
Qp0OI1ZAMA5tHpzdJtqIV0rlZc=
```

5.1.5. Gửi thông báo sai sót bằng token (bước 2)

URL

string **SendInvErrorMTTWithToken**(string Account, string ACpass, string username, string password, string xml)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp hóa đơn điện tử có sai sót với các hệ thống sử dụng token, sau khi thực hiện gọi hàm Lấy giá trị Hash ở bước 1 (2.1.6.2)

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xml:** chuỗi xml dữ liệu ký hash.
- **convert:** Mặc định là 0 (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode / 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền phát hành hóa đơn	
ERR:21	Không tìm thấy chứng thư số	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá max cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
OK:mtd	Gửi thông điệp thành công, trả về mã thông điệp	

Cấu trúc chuỗi xml truyền lên:

```
<CKS>
  <SerialCert></SerialCert> *//serial chứng thư của công ty
  <Base64Hash></Base64Hash> *//chuỗi Hash lấy từ bước 2.1.6.2
  <SignValue></SignValue> *//chuỗi ký
</CKS>
```

5.1.6. Lấy giá trị cho NNT gửi thông điệp hóa đơn có sai sót bằng SmartCA (bước 1)

URL

string **GetHashInvErrorMTTWithSmartCA**(string Account, string ACpass, string xml, string username, string password, string serialCert, int convert = 0)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp hóa đơn điện tử có sai sót với các hệ thống sử dụng SmartCA, thực hiện truyền dữ liệu hóa đơn và lấy giá trị hash value để ký số bằng token ở client.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xml:** chuỗi xml thông điệp hóa đơn điện tử có sai sót (theo mẫu mô tả kèm theo)___
- **serialCert:** Chuỗi ký hiệu của SmartCA
- **convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:16	Xml hóa đơn có chứa xml không phải của máy tính tiền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
ERR:30	Tạo mới hóa đơn có lỗi	
Chuỗi base64Hash	Chuỗi trả về sử dụng để ký số token	

Cấu trúc chuỗi XML đầu vào của thông điệp: (dấu * là bắt buộc)

```
<DLTBao>
  <TNNT></TNNT>* //Tên người nộp thuế
  <MST></MST>* //Mã số thuế người nộp thuế
  <TCQT></TCQT>* //Tên cơ quan thuế (Tên cơ quan thuế ra thông báo)
  <MCQT></MCQT>* //Mã cơ quan thuế quản lý
```

```

<NTBao></NTBao>*//Ngày thông báo
<DDanh></DDanh>*//Địa danh
<Loai> </Loai>*//Loại (Loại thông báo) (1: Thông báo hủy/giải trình của NNT, 2: Thông báo hủy/giải trình của NNT theo thông báo của CQT)
<So></So> //Số thông báo của CQT. Bắt buộc (Đối với Loại=2: Thông báo hủy/giải trình của NNT theo thông báo của CQT)
<NTBCCQT></NTBCCQT>//Ngày thông báo của CQT. Bắt buộc (Đối với Loại=2: Thông báo hủy/giải trình của NNT theo thông báo của CQT)
<DSHDon>
  <HDon>
    <STT></STT> //Số thứ tự
    <MCCQT> </MCCQT> //Mã CQT cấp. Bắt buộc
    <KHMSHDon></KHMSHDon>* //Ký hiệu mẫu số hóa đơn
    <KHHDDon></KHHDDon>*//Ký hiệu hóa đơn
    <SHDon></SHDon>*//Số hóa đơn (Số hóa đơn điện tử)
    <Ngay></Ngay>*//Ngày (Ngày lập hóa đơn) - định dạng: YYYY-MM-YY
    <LADHDDT></LADHDDT>*//Loại áp dụng hóa đơn điện tử
    (1:Hóa đơn điện tử theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP;
    2: Hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế theo Quyết định số 1209/QĐ-BTC;
    3: Hóa đơn theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP;
    4: Hóa đơn đặt in theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP)
    <TCTBao></TCTBao> *//Tính chất thông báo (1: Hủy; 2: Điều chỉnh; 3: Thay thế; 4: Giải trình)
    <LDo></LDo> //Lý do
    <Fkey></Fkey>
  </HDon>
</DSHDon>
</DLTBao>

```

Cấu trúc chuỗi base64Hash trả về:

```
Qp0OIf1ZAMA5tHpzdJtqIV0rIZc=
```

5.1.7. Gửi thông báo sai sót bằng smartCA (bước 2)

URL

string **SendInvErrorMTTWithSmartCA**(string Account, string ACPass, string username, string password, string xml)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp hóa đơn điện tử có sai sót với các hệ thống sử dụng SmartCA, sau khi thực hiện gọi hàm Lấy giá trị Hash ở bước 1 (2.1.6.4)

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xml:** chuỗi xml dữ liệu ký hash.
- **convert:** Mặc định là 0 (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode / 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền phát hành hóa đơn	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá max cho phép	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
OK:mtd	Gửi thông điệp thành công, trả về mã thông điệp	

Cấu trúc chuỗi xml truyền lên:

```
<CKS>
  <SerialCert></SerialCert> */serial chứng thư của công ty
  <HashValue></HashValue> */chuỗi Hash lấy từ bước 2.1.6.4
  <SignValue></SignValue> */chuỗi ký
</CKS>
```

5.2. Nhóm các hàm webservice xử lý hóa đơn máy tính tiền điều chỉnh thay thế (businessService.asmx)

5.2.1. Gửi hóa đơn máy tính tiền theo fkey bằng chứng thư P12 & HSM

URL:

```
String SendInvMTTFkey(string Account, string ACpass, string 1stFkey, string
username, string password, string pattern, string serial, string serialCert =
null);
```

DESCRIPTION:

Đây là web service cho phép gửi danh sách hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền theo fkey đến Cơ quan thuế bằng hsm hoặc p12.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **username / password:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/Acpass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **lstFkey:** Chuỗi Fkey truyền vào (ví dụ **Fkey1_Fkey2_Fkey3_Fkey4_Fkey5**)
- **pattern :** mẫu số
- **serial:** ký hiệu
- **serialCert:** Serial của chứng thư số công ty đã đăng ký trong hệ thống

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:3	Dữ liệu đầu vào không đúng quy định	
ERR:4	Dữ liệu ký không hợp lệ	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định.
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép (500)	
ERR:11	Toàn bộ lô hóa đơn đã gửi thuế hoặc không tìm thấy	
ERR:12	Thông điệp gửi thuế qua dung lượng 1MB	
ERR:20	Thông tin pattern hoặc serial không hợp lệ	
ERR:21	User name không phù hợp, không tìm thấy thông tin công ty tương ứng cho user.	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	

ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:35	Thiếu thông tin pattern và serial	
ERR:51	Chứng thư số đã bị thu hồi	
OK:mtd	Gửi thông điệp thành công, trả về mã thông điệp	

5.2.2. Điều chỉnh hóa đơn máy tính tiền

URL

String **AdjustInvMTT**(string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string pass, string fkey, string AttachFile, int? convert, string pattern, string serial, string OldPattern)

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện điều chỉnh hóa đơn máy tính tiền

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Username/pass** : tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice(tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống)
- **Account/ACpass**: tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **XmlInvData**: string XML dữ liệu hóa đơn cũ và hóa đơn điều chỉnh
- **fkey**: Chuỗi xác định hóa đơn cần thay thế
- **Convert**: Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)
- **Pattern**: Mẫu số
- **Serial**: Ký hiệu
- **AttachFile**: Đường dẫn file biên bản hoặc key để sinh biên bản tự động (=10: sinh biên bản tự động, =11: sinh và ký biên bản tự động, != 10 và !=11: Đường dẫn file biên bản)
- **OldPattern**: mẫu số hóa đơn cũ

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền ServiceRole	
ERR:2	Pattern hoặc serial truyền vào rỗng	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không hợp lệ	

ERR:4	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:5	Lỗi phát hành hóa đơn	Lỗi không xác định
ERR: 6	Hết số hóa đơn trong dải	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn cần điều chỉnh đã bị thay thế. Không thể điều chỉnh được nữa.	
ERR: 9	Trạng thái hóa đơn không được điều chỉnh	
ERR:11	Pattern hoặc serial không đúng định dạng	
ERR:13	Lỗi trùng Fkey	Fkey của hóa đơn mới đã tồn tại trên hệ thống
ERR:14	Lỗi trong quá trình thực hiện cấp số hóa đơn	
ERR:15	Lỗi khi thực hiện Deserialize chuỗi hóa đơn đầu vào (ngày hóa đơn > ngày hiện tại, hóa đơn ngoại tệ không truyền tỷ giá)	
ERR:16	Không tồn tại hóa đơn	
ERR:17	Ngày hóa đơn điều chỉnh < ngày hóa đơn bị điều chỉnh	
ERR: 19	Pattern truyền vào không giống với pattern của hóa đơn cần điều chỉnh	
ERR:20	Dải hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
ERR:21	Trùng số hóa đơn	
ERR:22	Hóa đơn TT78 validate maxleng thông tin người bán	
ERR:23	Mã CQT rỗng	
ERR:30	Danh sách hóa đơn tồn tại ngày hóa đơn nhỏ hơn ngày hóa đơn đã phát hành	
ERR:60	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (Có mã từ máy tính tiền).	
ERR:61	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (HD GTGT / HD bán hàng...).	
OK: pattern;serial-	- OK ☐ đã phát hành hóa đơn thành công - Pattern ☐ Mẫu số của hóa đơn điều chỉnh	

Fkey_invNumber_MCCQT (Ví dụ: OK:1/004;C22 MTC- 81971004C22 MTC12841847 4_128_M1-22- 10F0B- 00400000128)	- Serial □ serial của hóa đơn điều chỉnh - Fkey-> fkey của hóa đơn - invNumber: số hóa đơn điều chỉnh - MCCQT -> Mã CQT	
---	--	--

Cấu trúc của xmlInvData (các trường * là bắt buộc):

<DieuChinhHD>

<key>Fkey của hóa đơn để phân biệt hóa đơn xuất cho khách hàng nào *</key>

<MCCQT>Mã cơ quan thuế tự sinh theo quy tắc</MCCQT>

<Type>Loại hóa đơn chỉnh sửa(int-mặc định lấy là 2) 2-Điều chỉnh tăng, 3-Điều chỉnh giảm, 4- Hóa đơn điều chỉnh thông tin, 6- Điều chỉnh tăng giảm kết hợp</Type>

<TTChung>

<NLap> Ngày lập (định dạng theo chuẩn thuế: yyyy-MM-dd)</NLap>

<DVTTe>Đơn vị tiền tệ *</DVTTe>

<TGia> Tỷ giá (Bắt buộc (Trừ trường hợp Đơn vị tiền tệ là VND))</TGia>

<HTTTToan>Hình thức thanh toán*</HTTTToan>

<TTKhac>

<TTin>

<TTruong>Extra</TTruong>

<KDLieu>string</KDLieu>

<DLieu>Extra test</DLieu>

</TTin>

<TTin>

<TTruong>Extra1</TTruong>

<KDLieu>string</KDLieu>

<DLieu>Extra1 test</DLieu>

</TTin>

<TTin>

<TTruong>Extra2</TTruong>

<KDLieu>string</KDLieu>

<DLieu>Extra2 test</DLieu>

</TTin>

</TTKhac>

<HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT). Nếu không truyền mặc định là 0- hóa đơn thường</HDDThu>

<GiamThueGTGT> Giảm thuế GTGT(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội. Nhận giá trị 1/0)</GiamThueGTGT>

</TTChung>

<NDHDon>

<NBan>

<MCHang>Mã cửa hàng người bán</MCHang>

```

<TCHang>Tên cửa hàng người bán</TCHang>
</NBan>
<NMua>
  <Ten>Tên</Ten>
  <HVTNMMHang>Họ và tên người mua hàng </HVTNMMHang>
  <MST>Mã số thuế</MST>
  <DChi>Địa chỉ</DChi>
  <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
  <CCCDan>Căn cước công dân </CCCDan>
  <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
  <MKHang>Mã khách hàng </MKHang>
  <MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người mua</MDVQHNSach>
  <SHChieu>Số hộ chiếu người mua</SHChieu>
  <TTKhac>
    <TTin>
      <TTruong>Extra6</TTruong>
      <KDLieu>string</KDLieu>
      <DLieu>Extra6 test</DLieu>
    </TTin>
    <TTin>
      <TTruong>Extra7</TTruong>
      <KDLieu>string</KDLieu>
      <DLieu>Extra7 test</DLieu>
    </TTin>
    <TTin>
      <TTruong>Extra8</TTruong>
      <KDLieu>string</KDLieu>
      <DLieu>Extra8 test</DLieu>
    </TTin>
  </TTKhac>
</NMua>
<DSHHDVu>
  <HHDVu>
    <TChat>Tính chất * (1-Hàng hóa, dịch vụ; 2-Khuyến mại; 3-Chiết khấu thương mại
(trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo dòng); 4-Ghi chú/diễn giải; 5-Hàng hoá đặc trưng)</TChat>
    <STT>Số thứ tự</STT>
    <MHHDVu>Mã hàng hóa, dịch vụ (Bắt buộc nếu có)</MHHDVu>
    <THHDVu>Tên hàng hóa, dịch vụ *</THHDVu>
    <DVTinh>Đơn vị tính (Bắt buộc nếu có)</DVTinh>
    <SLuong>Số lượng (Bắt buộc nếu có)</SLuong>
    <DGia>Đơn giá (Bắt buộc nếu có)</DGia>
    <TLCKhau>Tỷ lệ % chiết khấu</TLCKhau>
    <STCKhau>Số tiền chiết khấu</STCKhau>
    <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT) - Bắt buộc trừ trường hợp
TChat = 4</ThTien>
    <TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT) Nhận các giá trị: -2 (KKKNT), -1
(KCT), 0, 5, 8, 10, 12.34 (thuế khác: AB.CD), -3 (KHAC) </TSuat> <!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
    <TThue>Tiền thuế</TThue><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
    <TSThue>Tiền sau thuế</TSThue><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
    <TTKhac>
      <TTin>
        <TTruong>Extra1</TTruong>
        <KDLieu>string</KDLieu>
        <DLieu>Extra1 pd test</DLieu>
      </TTin>
      <TTin>
        <TTruong>Extra2</TTruong>
        <KDLieu>string</KDLieu>
        <DLieu>Extra2 pd test</DLieu>

```

```

</TTin>
</TTKhanh>
<TTHHDTTrung>
<TTin>
<LHHDTTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận các giá trị: 1-
Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận
chuyển trên nền tảng số, TMĐT)</LHHDTTrung>
<TTuong>Tên trường (Nhận các giá trị: Số khung
(SKhung),Số máy (SMay),Biển kiểm soát phương tiện vận chuyển (BKSPTVChuyen), Tên người gửi hàng
(TNGHang), Địa chỉ người gửi hàng (DCNGHang),MST người gửi hàng (MSTNGHang), Số định danh người gửi
hàng (MDDNGHang))</TTuong>
<DLieu>Dữ liệu</DLieu>
</TTin>
</TTHHDTTrung>
<TLTThue> Tỷ lệ tính thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc
hội)</TLTThue>
<STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc
hội)</STGThue>
</HHDVu>
</DSHHDVu>
<TToan>
<THTTLTSuat><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
<LTSuat>
<TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT) Nhận các giá trị: -2 (KKKNT),
-1 (KCT), 0, 5, 8, 10, 12.34 (thuế khác: AB.CD), -3 (KHAC) </TSuat>
<TThue>Tiền thuế (Tiền thuế GTGT)</TThue>
<ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT)</ThTien>
</LTSuat>
</THTTLTSuat>
<TgTCTThue>Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế GTGT) (Bắt buộc với
hóa đơn GTGT)</TgTCTThue><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
<TgTThue>Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế GTGT) (Bắt buộc với hóa đơn
GTGT)</TgTThue><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
<TTCKTMai>Tổng tiền chiết khấu thương mại</TTCKTMai>
<TgTPhiSThue>Tổng tiền phí </TgTPhiSThue>
<STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của
Quốc hội)</STGThue>
<TgTTTBSO>Tổng tiền thanh toán bằng số *</TgTTTBSO>
<TgTTTBChu>Tổng tiền thanh toán bằng chữ *</TgTTTBChu>
<TTKhanh>
<TTin>
<TTuong>Extra9</TTuong>
<KDLieu>string</KDLieu>
<DLieu>Extra9 test</DLieu>
</TTin>
<TTin>
<TTuong>Extra10</TTuong>
<KDLieu>string</KDLieu>
<DLieu>Extra10 test</DLieu>
</TTin>
<TTin>
<TTuong>Extra11</TTuong>
<KDLieu>Date Time</KDLieu>
<DLieu>định dạng theo chuẩn thuế:(ví dụ: yyyy-MM-dd)</DLieu>
</TTin>
</TTKhanh>
</TToan>

```

</NDHDon>
</DieuChinhHD>

5.2.3. Thay thế hóa đơn máy tính tiền

URL

string **ReplaceInvMTT** (string Account, string ACpass, string xmlInvData, string username, string pass, string fkey, string Attachfile, int? convert, string pattern, string serial, string OldPattern).

DESCRIPTION

Đây là web service thực hiện thay thế hóa đơn máy tính tiền

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **username / pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **xmlInvData:** String XML dữ liệu hóa đơn cũ và hóa đơn thay thế
- **fkey:** Chuỗi xác định hóa đơn cần thay thế
- **Convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)
- **Pattern:** Mẫu số
- **Serial:** Ký hiệu
- **AttachFile:** Đường dẫn file biên bản hoặc key để sinh biên bản tự động (=10: sinh biên bản tự động, =11: sinh và ký biên bản tự động, != 10 và !=11: Đường dẫn file biên bản)
- **OldPattern:** mẫu số hóa đơn cũ

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Pattern hoặc serial truyền vào rỗng	

ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:4	Không lấy được thông tin công ty (currentCompany null)	
ERR:11	Pattern hoặc serial không đúng định dạng	
ERR:5	Có lỗi trong quá trình thay thế hóa đơn	
ERR:6	Dãi hóa đơn cũ đã hết	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn đã được thay thế rồi. Không thể thay thế nữa.	
ERR:9	Trạng thái hóa đơn không được thay thế	
ERR:13	Lỗi trùng fkey	Fkey của hóa đơn mới đã tồn tại trên hệ thống
ERR:14	Lỗi trong quá trình thực hiện cấp số hóa đơn	
ERR:15	Lỗi khi thực hiện Deserialize chuỗi hóa đơn đầu vào (ngày hóa đơn > ngày hiện tại, hóa đơn ngoại tệ không truyền tỷ giá)	
ERR:16	Không tồn tại hóa đơn	
ERR:17	Ngày hóa đơn thay thế < ngày hóa đơn bị thay thế	
ERR:19	Pattern truyền vào không giống với hóa đơn cần điều chỉnh	
ERR:20	Dãi hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
ERR:21	Trùng số hóa đơn	
ERR:22	Thông tin người bán vượt maxlength	

ERR:23	Mã CQT rỗng	
ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	
ERR:30	Danh sách hóa đơn tồn tại ngày hóa đơn nhỏ hơn ngày hóa đơn đã phát hành	
ERR:60	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (Có mã từ máy tính tiền).	
ERR:61	Chỉ được phép điều chỉnh hóa đơn cùng loại (HD GTGT / HD bán hàng...).	
OK: pattern;serial-Fkey_invNumber_MCCQT (Ví dụ:OK:1/004;C22MTC-81971004C22MTC128418474_128_M1-22-10F0B-00400000128)	• OK ☐ đã phát hành hóa đơn thay thế • Patter☐ Mẫu số của hóa đơn thay thế • Serial ☐ serial của hóa đơn thay thế • Fkey-> fkey của hóa đơn • invNumber: số hóa đơn điều chỉnh • MCCQT -> Mã CQT	

Cấu trúc của xmlInvData (các trường * là bắt buộc):

```

<ThayTheHD>
  <key>Fkey của hóa đơn *</key>
  <MCCQT>Mã cơ quan thuế tự sinh theo quy tắc</MCCQT>
  <TTChung>
    <NLap> Ngày lập (định dạng theo chuẩn thuế: yyyy-MM-dd)</NLap>
    <DVTTe>Đơn vị tiền tệ *</DVTTe>
    <TGia>Tỷ giá (Bắt buộc (Trừ trường hợp Đơn vị tiền tệ là VND))</TGia>
    <HTTTToan>Hình thức thanh toán *</HTTTToan>
    <TTKhac>
      <TTin>
        <TTruong>Extra</TTruong>
        <KDLieu>string</KDLieu>
        <DLieu>Extra test</DLieu>
      </TTin>
      <TTin>
        <TTruong>Extra1</TTruong>
        <KDLieu>string</KDLieu>
        <DLieu>Extra1 test</DLieu>
      </TTin>
      <TTin>
        <TTruong>Extra2</TTruong>
        <KDLieu>string</KDLieu>

```

```

        <DLieu>Extra2 test</DLieu>
    </TTin>
</TTKhanh>
<HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT). Nếu không truyền mặc định là 0- hóa đơn thường </HDDThu>
<GiamThueGTGT> Giảm thuế GTGT(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội. Nhận giá trị 1/0) </GiamThueGTGT>
</TTChung>
<NDHDon>
    <NBan>

        <MCHang>Mã cửa hàng người bán</MCHang>

        <TCHang>Tên cửa hàng người bán</TCHang>
    </NBan>
    <NMua>
        <Ten>Tên</Ten>
        <HVTNMMHang>Họ và tên người mua hàng </HVTNMMHang>
        <MST>Mã số thuế</MST>
        <DChi>Địa chỉ</DChi>
        <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
        <CCCDan>Căn cước công dân </CCCDan>
        <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
        <MKHang>Mã khách hàng </MKHang>
        <MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người mua</MDVQHNSach>
        <SHChieu>Số hộ chiếu người mua</SHChieu>
    </NMua>
    <TTKhanh>
        <TTin>
            <TTuong>Extra6</TTuong>
            <KDLieu>string</KDLieu>
            <DLieu>Extra6 test</DLieu>
        </TTin>
        <TTin>
            <TTuong>Extra7</TTuong>
            <KDLieu>string</KDLieu>
            <DLieu>Extra7 test</DLieu>
        </TTin>
        <TTin>
            <TTuong>Extra8</TTuong>
            <KDLieu>string</KDLieu>
            <DLieu>Extra8 test</DLieu>
        </TTin>
    </TTKhanh>
</NDHDon>
<DSHHDVu>
    <HHDVu>
        <TChat>Tính chất * (1-Hàng hóa, dịch vụ; 2-Khuyến mại; 3-Chiết khấu thương mại (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo dòng); 4-Ghi chú/diễn giải; 5-Hàng hoá đặc trưng)</TChat>
        <STT>Số thứ tự</STT>
        <MHHDVu>Mã hàng hóa, dịch vụ (Bắt buộc nếu có)</MHHDVu>
        <THHDVu>Tên hàng hóa, dịch vụ *</THHDVu>
        <DVTinh>Đơn vị tính (Bắt buộc nếu có)</DVTinh>
        <SLuong>Số lượng (Bắt buộc nếu có)</SLuong>
        <DGia>Đơn giá (Bắt buộc nếu có)</DGia>
        <TLCKhau>Tỷ lệ % chiết khấu</TLCKhau>
        <STCKhau>Số tiền chiết khấu </STCKhau>
    </HHDVu>
</DSHHDVu>

```

TChat = 4</ThTien>

<ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT) - Bắt buộc trừ trường hợp

<TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT) Nhận các giá trị: -2 (KKKNT), -1 (KCT), 0, 5, 8, 10, 12.34 (thuế khác: AB.CD), -3 (KHAC)</TSuat> <!--sử dụng hóa đơn GTGT-->

<TThue>Tiền thuế</TThue><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->

<TSThue>Tiền sau thuế</TSThue><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->

<TTKhac>

<TTin>

<TTuong>Extra1</TTuong>

<KDLieu>string</KDLieu>

<DLieu>Extra1 pd test</DLieu>

</TTin>

<TTin>

<TTuong>Extra2</TTuong>

<KDLieu>string</KDLieu>

<DLieu>Extra2 pd test</DLieu>

</TTin>

</TTKhac>

<TTHHDTTrung>

<TTin>

<LHHDTTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận các giá trị: 1- Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT)</LHHDTTrung>

<TTuong>Tên trường (Nhận các giá trị: Số khung (SKhung), Số máy (SMay), Biển kiểm soát phương tiện vận chuyển (BKSPTVChuyen), Tên người gửi hàng (TNGHang), Địa chỉ người gửi hàng (DCNGHang),MST người gửi hàng (MSTNGHang), Số định danh người gửi hàng (MDDNGHang))</TTuong>

<DLieu>Dữ liệu</DLieu>

</TTin>

</TTHHDTTrung>

<TLTThue> Tỷ lệ tính thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</TLTThue>

<STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>

</HHDVu>

</DSHHDVu>

<TToan>

<THTTLTsuat><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->

<LTSuat>

<TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT) Nhận các giá trị: -2 (KKKNT), -1 (KCT), 0, 5, 8, 10, 12.34 (thuế khác: AB.CD), -3 (KHAC)</TSuat>

<TThue>Tiền thuế (Tiền thuế GTGT)</TThue>

<ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT)</ThTien>

</LTSuat>

</THTTLTsuat>

<TgTCThue>Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế GTGT) (Bắt buộc với hóa đơn GTGT)</TgTCThue><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->

<TgTThue>Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế GTGT) (Bắt buộc với hóa đơn GTGT)</TgTThue><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->

<TTCKTMai>Tổng tiền chiết khấu thương mại</TTCKTMai>

<TgTPhiSThue>Tổng tiền phí </TgTPhiSThue>

<STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>

<TgTTTBSO>Tổng tiền thanh toán bằng số *</TgTTTBSO>

<TgTTTBChu>Tổng tiền thanh toán bằng chữ *</TgTTTBChu>

<TTKhac>

<TTin>

<TTuong>Extra9</TTuong>

```

        <KDLieu>string</KDLieu>
        <DLieu>Extra9 test</DLieu>
    </TTin>
    <TTin>
        <TTuong>Extra10</TTuong>
        <KDLieu>string</KDLieu>
        <DLieu>Extra10 test</DLieu>
    </TTin>
    <TTin>
        <TTuong>Extra11</TTuong>
        <KDLieu>DateTime</KDLieu>
        <DLieu>định dạng theo chuẩn thuế:(ví dụ: yyyy-MM-dd)</DLieu>
    </TTin>
    </TTKha>
</TTToan>
</NDHDon>
</ThayTheHD>

```

5.2.4. Điều chỉnh hóa đơn máy tính tiền không tồn tại trên hệ thống(hóa đơn không tồn tại trên hệ thống)

URL:

String **AdjustWithoutInvMTT**(string account, string accPass, string invXml, string userName, string userPass, string oldPattern, string oldSerial, decimal? oldNo, string strOldArisingDate, int? convert, string pattern, string serial, int? relatedInvType = 3, string feature = "")

DESCRIPTION

Đây là web service điều chỉnh hóa đơn không tồn tại trên hệ thống máy tính tiền

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **username / pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **invXml:** String XML dữ liệu hóa đơn cũ và hóa đơn điều chỉnh
- **Convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)
- **Pattern:** Mẫu số
- **Serial:** Ký hiệu
- **AttachFile:** Đường dẫn file biên bản hoặc key để sinh biên bản tự động (=10: sinh biên bản tự động, =11: sinh và ký biên bản tự động, != 10 và !=11: Đường dẫn file biên bản)

- **OldPattern:** mẫu số hóa đơn cũ
- **OldSerial:** ký hiệu hóa đơn cũ
- **OldNo:** số hóa đơn cũ
- **strOldArisingDate:** Ngày hóa đơn của hóa đơn cũ, định dạng dd/MM/yyyy (Bắt buộc phải nhập đúng và đủ 2 chữ số cho ngày tháng, 4 chữ số cho năm. Ví dụ 01/12/2021)
- **relatedInvType:**
 - Loại hóa đơn liên quan, mặc định là 3 (Các loại hóa đơn theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP (Trừ hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế theo Quyết định số 1209/QĐ-BTC và Quyết định số 2660/QĐ-BTC)))
 - Có giá trị bằng 2 (Hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế theo Quyết định số 1209/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2015 và Quyết định số 2660/QĐ-BTC ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính (Hóa đơn có mã xác thực của CQT theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP)
 - Có giá trị bằng 4 (Hóa đơn đặt in theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP)
- **feature:** trường sẽ dùng trong tương lai, hiện tại không có ý nghĩa, có thể nhập hoặc không

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Pattern hoặc serial truyền vào rỗng	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	

ERR:4	Không lấy được thông tin công ty (currentCompany null)	
ERR:5	Không phát hành được hóa đơn hoặc lỗi hệ thống	
ERR:6	Dải hóa đơn đã hết	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Pattern, Serial, Số hóa đơn, ngày hóa đơn của hóa đơn cũ truyền vào rỗng	
ERR:11	Pattern hoặc serial của hóa đơn tạo mới không đúng định dạng	
ERR:12	Ngày hóa đơn cũ không hợp lệ	
ERR:13	Trùng Fkey hóa đơn	
ERR:14	Lỗi trong quá trình thực hiện cấp số hóa đơn	
ERR:15	Lỗi khi thực hiện Deserialize chuỗi hóa đơn đầu vào (ngày hóa đơn > ngày hiện tại, hóa đơn ngoại tệ không truyền tỷ giá)	
ERR:17	Ngày hóa đơn điều chỉnh < ngày hóa đơn bị điều chỉnh	
ERR:18	Loại hóa đơn liên quan truyền không đúng giá trị (chỉ nhận giá trị 2,3,4)	

ERR:20	Dải hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
ERR:21	Trùng số hóa đơn	
ERR:23	Mã CQT rỗng	
ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	
ERR:30	Danh sách hóa đơn tồn tại ngày hóa đơn nhỏ hơn ngày hóa đơn đã phát hành	
OK: pattern;serial- Fkey_invNumber_MCCQT (Ví dụ:OK:1/004;C22MTC- 81971004C22MTC128418474_128_M1- 22-10F0B-00400000128)	- OK à đã phát hành hóa đơn thành công - Patterà Mẫu số của hóa đơn điều chỉnh - Serial à serial của hóa đơn điều chỉnh - Fkey-> fkey của hóa đơn • invNumber: số hóa đơn điều chỉnh • MCCQT -> Mã CQT	

Cấu trúc của xmlInvData (các trường * là bắt buộc):

<DieuChinhHD>

<key>Fkey của hóa đơn để phân biệt hóa đơn xuất cho khách hàng nào *</key>

<MCCQT>Mã cơ quan thuế tự sinh theo quy tắc</MCCQT>

<Type>Loại hóa đơn chỉnh sửa(int-mặc định lấy là 2) 2-Điều chỉnh tăng, 3-Điều chỉnh giảm, 4- Hóa đơn điều chỉnh thông tin</Type>

<TTChung>

<NLap> Ngày lập (định dạng theo chuẩn thuế: yyyy-MM-dd)</NLap>

<DVTTe>Đơn vị tiền tệ *</DVTTe>

<TGia>Tỷ giá (Bắt buộc (Trừ trường hợp Đơn vị tiền tệ là VND))</TGia>

<HTTTToan>Hình thức thanh toán*</HTTTToan>

<TTKhac>

<TTin>

<TTruong>Extra</TTruong>

```

        <KDLieu>string</KDLieu>
        <DLieu>Extra test</DLieu>
    </TTin>
    <TTin>
        <TTruong>Extra1</TTruong>
        <KDLieu>string</KDLieu>
        <DLieu>Extra1 test</DLieu>
    </TTin>
    <TTin>
        <TTruong>Extra2</TTruong>
        <KDLieu>string</KDLieu>
        <DLieu>Extra2 test</DLieu>
    </TTin>
</TTKhan>
<HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3-
Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMDT). Nếu không truyền mặc định là 0- hóa đơn thường </HDDThu>
<GiamThueGTGT> Giảm thuế GTGT(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc
hội. Nhận giá trị 1/0)</GiamThueGTGT>
</TTChung>

<NDHDon>

<NBan>

    <MCHang>Mã cửa hàng người bán</MCHang>

    <TCHang>Tên cửa hàng người bán</TCHang>
</NBan>
<NMua>
    <Ten>Tên</Ten>
    <MST>Mã số thuế</MST>
    <DChi>Địa chỉ</DChi>
    <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
    <CCCDan>Căn cước công dân </CCCDan>
    <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
    <MKHang>Mã khách hàng </MKHang>
    <HVTNMMHang>Họ và tên người mua hàng </HVTNMMHang>
    <MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người mua</MDVQHNSach>
    <SHChieu>Số hộ chiếu người mua</SHChieu>
<TTKhan>
    <TTin>
        <TTruong>Extra6</TTruong>
        <KDLieu>string</KDLieu>
        <DLieu>Extra6 test</DLieu>
    </TTin>
    <TTin>
        <TTruong>Extra7</TTruong>
        <KDLieu>string</KDLieu>
        <DLieu>Extra7 test</DLieu>
    </TTin>
    <TTin>
        <TTruong>Extra8</TTruong>
        <KDLieu>string</KDLieu>
        <DLieu>Extra8 test</DLieu>
    </TTin>
</TTKhan>
</NMua>
<DSHHDVu>

```

<HHDVu>
 <TChat>Tính chất * (1-Hàng hóa, dịch vụ; 2-Khuyến mại; 3-Chiết khấu thương mại
 (trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo dòng); 4-Ghi chú/điền giải; 5-Hàng hoá đặc trưng)</TChat>
 <STT>Số thứ tự</STT>
 <MHHDVu>Mã hàng hóa, dịch vụ (Bắt buộc nếu có)</MHHDVu>
 <THHDVu>Tên hàng hóa, dịch vụ *</THHDVu>
 <DVTinh>Đơn vị tính (Bắt buộc nếu có)</DVTinh>
 <SLuong>Số lượng (Bắt buộc nếu có)</SLuong>
 <DGia>Đơn giá (Bắt buộc nếu có)</DGia>
 <TLCKhau>Tỷ lệ % chiết khấu</TLCKhau>
 <STCKhau>Số tiền chiết khấu</STCKhau>
 <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT) - Bắt buộc trừ trường hợp
 TChat = 4</ThTien>
 <TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT) Nhận các giá trị: -2 (KKKNT), -1
 (KCT), 0, 5, 8, 10, 12.34 (thuế khác: AB.CD), -3 (KHAC)</TSuat> <!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
 <TThue>Tiền thuế</TThue><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
 <TSThue>Tiền sau thuế</TSThue><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
 <TTKhac>
 <TTin>
 <TTuong>Extra1</TTuong>
 <KDLieu>string</KDLieu>
 <DLieu>Extra1 pd test</DLieu>
 </TTin>
 <TTin>
 <TTuong>Extra2</TTuong>
 <KDLieu>string</KDLieu>
 <DLieu>Extra2 pd test</DLieu>
 </TTin>
 </TTKhac>
 <TTHHDTTrung>
 <TTin>
 <LHHDTTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận các giá trị: 1-
 Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận
 chuyển trên nền tảng số, TMĐT)</LHHDTTrung>
 <TTuong>Tên trường (Nhận các giá trị: Số khung
 (SKhung),Số máy (SMay),Biển kiểm soát phương tiện vận chuyển (BKSPTVChuyen), Tên người gửi hàng
 (TNGHang), Địa chỉ người gửi hàng (DCNGHang),MST người gửi hàng (MSTNGHang), Số định danh người gửi
 hàng (MDDNGHang))</TTuong>
 <DLieu>Dữ liệu</DLieu>
 </TTin>
 </TTHHDTTrung>
 <TLTThue> Tỷ lệ tính thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc
 hội)</TLTThue>
 <STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc
 hội)</STGThue>
 </HHDVu>
 </DSHHDVu>
 <TToan>
 <THTTLTsuat><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
 <LTSuat>
 <TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT) Nhận các giá trị: -2 (KKKNT),
 -1 (KCT), 0, 5, 8, 10, 12.34 (thuế khác: AB.CD), -3 (KHAC)</TSuat>
 <TThue>Tiền thuế (Tiền thuế GTGT)</TThue>
 <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT)</ThTien>
 </LTSuat>
 </THTTLTsuat>

```

        <TgTCThue>Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế GTGT) (Bắt buộc với
hóa đơn GTGT)</TgTCThue><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
        <TgTThue>Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế GTGT) (Bắt buộc với hóa đơn
GTGT)</TgTThue><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
        <TTCKTMai>Tổng tiền chiết khấu thương mại</TTCKTMai>
        <TgTPhiSThue>Tổng tiền phí </TgTPhiSThue>
        <STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của
Quốc hội)</STGThue>
        <TgTTTBSố>Tổng tiền thanh toán bằng số *</TgTTTBSố>
        <TgTTTBChu>Tổng tiền thanh toán bằng chữ *</TgTTTBChu>
        <TTKhac>
            <TTin>
                <TTruong>Extra9</TTruong>
                <KDLieu>string</KDLieu>
                <DLieu>Extra9 test</DLieu>
            </TTin>
            <TTin>
                <TTruong>Extra10</TTruong>
                <KDLieu>string</KDLieu>
                <DLieu>Extra10 test</DLieu>
            </TTin>
            <TTin>
                <TTruong>Extra11</TTruong>
                <KDLieu>DateTime</KDLieu>
                <DLieu>định dạng theo chuẩn thuế:(ví dụ: yyyy-MM-dd)</DLieu>
            </TTin>
        </TTKhac>
    </TTToan>
</NDHDon>
</DieuChinhHD>

```

5.2.5. Thay thế hóa đơn máy tính tiền cũ (không xác định hóa đơn gốc)

URL:

String **ReplaceWithoutInvMTT** (string account, string accPass, string invXml, string userName, string userPass, string oldPattern, string oldSerial, decimal? oldNo, string strOldArisingDate, int? convert, string pattern, string serial, int? relatedInvType = 3, string feature = "")

DESCRIPTION

Đây là web service thay thế hóa đơn không xác định hóa đơn gốc máy tính tiền

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **username / pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **invXml:** String XML dữ liệu hóa đơn cũ và hóa đơn thay thế

- **Convert:** Mặc định là 0, (0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode)
- **Pattern:** Mẫu số
- **Serial:** Ký hiệu
- **AttachFile:** Đường dẫn file biên bản hoặc key để sinh biên bản tự động (=10: sinh biên bản tự động, =11: sinh và ký biên bản tự động, != 10 và !=11: Đường dẫn file biên bản)
- **OldPattern:** mẫu số hóa đơn cũ
- **OldSerial:** ký hiệu hóa đơn cũ
- **OldNo:** số hóa đơn cũ
- **strOldArisingDate:** Ngày hóa đơn của hóa đơn cũ, định dạng dd/MM/yyyy (Bắt buộc phải nhập đúng và đủ 2 chữ số cho ngày tháng, 4 chữ số cho năm. Ví dụ 01/12/2021)
- **relatedInvType:** Loại hóa đơn liên quan, mặc định là 3 (Các loại hóa đơn theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP (Trừ hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế theo Quyết định số 1209/QĐ-BTC và Quyết định số 2660/QĐ-BTC)))
- **feature:** trường sẽ dùng trong tương lai, hiện tại không có ý nghĩa, có thể nhập hoặc không

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Pattern hoặc serial truyền vào rỗng	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	

ERR:4	Không lấy được thông tin công ty (currentCompany null)	
ERR:5	Không phát hành được hóa đơn hoặc lỗi hệ thống	
ERR:6	Dãi hóa đơn đã hết	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Pattern, Serial, Số hóa đơn, ngày hóa đơn của hóa đơn cũ truyền vào rỗng	
ERR:11	Pattern hoặc serial của hóa đơn tạo mới không đúng định dạng	
ERR:12	Ngày hóa đơn cũ không hợp lệ	
ERR:13	Trùng Fkey hóa đơn	
ERR:14	Lỗi trong quá trình thực hiện cấp số hóa đơn	
ERR:15	Lỗi khi thực hiện Deserialize chuỗi hóa đơn đầu vào (ngày hóa đơn > ngày hiện tại, hóa đơn ngoại tệ không truyền tỷ giá)	
ERR:17	Ngày hóa đơn điều chỉnh < ngày hóa đơn bị điều chỉnh	
ERR:18	Loại hóa đơn liên quan truyền không đúng giá trị (chỉ nhận giá trị 2,3,4)	

ERR:20	Dãi hóa đơn hết, User/Account không có quyền với Serial/Pattern và serial không phù hợp	
ERR:21	Trùng số hóa đơn	
ERR:23	Mã CQT rỗng	
ERR:29	Lỗi chứng thư hết hạn	
ERR:30	Danh sách hóa đơn tồn tại ngày hóa đơn nhỏ hơn ngày hóa đơn đã phát hành	
OK: pattern;serial- Fkey_invNumber_MCCQT (Ví dụ: OK:1/004;C22MTC- 81971004C22MTC128418474_128_M1- 22-10F0B-00400000128)	- OK là đã phát hành hóa đơn thay thế - Patter là Mẫu số của hóa đơn thay thế - Serial là serial của hóa đơn thay thế • Fkey-> fkey của hóa đơn • invNumber: số hóa đơn điều chỉnh • MCCQT -> Mã CQT	

-

Cấu trúc của xmlInvData (các trường * là bắt buộc):

```

<ThayTheHD>
  <key>Fkey của hóa đơn *</key>
  <MCCQT>Mã cơ quan thuế tự sinh theo quy tắc</MCCQT>
  <TTChung>
    <NLap> Ngày lập (định dạng theo chuẩn thuế: yyyy-MM-dd)</NLap>
    <DVTTe>Đơn vị tiền tệ *</DVTTe>
    <TGia>Tỷ giá (Bắt buộc (Trừ trường hợp Đơn vị tiền tệ là VND))</TGia>
    <HTTTToan>Hình thức thanh toán* </HTTTToan>
  
```

```

        <TTKhac>
            <TTin>
                <TTruong>Extra</TTruong>
                <KDLieu>string</KDLieu>
                <DLieu>Extra test</DLieu>
            </TTin>
            <TTin>
                <TTruong>Extra1</TTruong>
                <KDLieu>string</KDLieu>
                <DLieu>Extra1 test</DLieu>
            </TTin>
            <TTin>
                <TTruong>Extra2</TTruong>
                <KDLieu>string</KDLieu>
                <DLieu>Extra2 test</DLieu>
            </TTin>
        </TTKhac>
<HDDThu>Hóa đơn đặc thù (Nhận các giá trị: 1-Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô,
2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận chuyển trên nền tảng số, TMĐT). Nếu
không truyền mặc định là 0- hóa đơn thường </HDDThu>
<GiamThueGTGT> Giảm thuế GTGT (Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo
NQ của Quốc hội. Nhận giá trị 1/0) </GiamThueGTGT>
</TTChung>
<NDHDon>
    <NBan>

        <MCHang>Mã cửa hàng người bán</MCHang>

        <TCHang>Tên cửa hàng người bán</TCHang>
    </NBan>
    <NMua>
        <Ten>Tên</Ten>
        <MST>Mã số thuế</MST>
        <DChi>Địa chỉ</DChi>
        <SDThoai>Số điện thoại</SDThoai>
        <CCCDan>Căn cước công dân </CCCDan>
        <DCTDTu>Địa chỉ thư điện tử </DCTDTu>
        <MKHang>Mã khách hàng </MKHang>
        <HVTNMMHang>Họ và tên người mua hàng </HVTNMMHang>
        <MDVQHNSach>Mã đơn vị quan hệ ngân sách người mua</MDVQHNSach>
        <SHChieu>Số hộ chiếu người mua</SHChieu>
    <TTKhac>
        <TTin>
            <TTruong>Extra6</TTruong>
            <KDLieu>string</KDLieu>
            <DLieu>Extra6 test</DLieu>
        </TTin>
        <TTin>
            <TTruong>Extra7</TTruong>
            <KDLieu>string</KDLieu>
            <DLieu>Extra7 test</DLieu>
        </TTin>
        <TTin>
            <TTruong>Extra8</TTruong>
            <KDLieu>string</KDLieu>
            <DLieu>Extra8 test</DLieu>
        </TTin>
    </TTKhac>

```

```

</NMua>
<DSHHDVu>
  <HHDVu>
    <TChat>Tính chất * (1-Hàng hóa, dịch vụ; 2-Khuyến mại; 3-Chiết khấu thương mại
(trong trường hợp muốn thể hiện thông tin chiết khấu theo dòng); 4-Ghi chú/diễn giải)</TChat>
    <STT>Số thứ tự</STT>
    <MHHDVu>Mã hàng hóa, dịch vụ (Bắt buộc nếu có)</MHHDVu>
    <THHDVu>Tên hàng hóa, dịch vụ *</THHDVu>
    <DVTinh>Đơn vị tính (Bắt buộc nếu có)</DVTinh>
    <SLuong>Số lượng (Bắt buộc nếu có)</SLuong>
    <DGia>Đơn giá (Bắt buộc nếu có)</DGia>
    <TLCKhau>Tỷ lệ % chiết khấu</TLCKhau>
    <STCKhau>Số tiền chiết khấu</STCKhau>
    <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT) - Bắt buộc trừ trường hợp
TChat = 4</ThTien>
    <TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT) Nhận các giá trị: -2 (KKKNT), -1
(KCT), 0, 5, 8, 10, 12.34 (thuế khác: AB.CD), -3 (KHAC)</TSuat> <!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
    <TThue>Tiền thuế</TThue><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
    <TSThue>Tiền sau thuế</TSThue><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
    <TTKhac>
      <TTin>
        <TTruong>Extra1</TTruong>
        <KDLieu>string</KDLieu>
        <DLieu>Extra1 pd test</DLieu>
      </TTin>
      <TTin>
        <TTruong>Extra2</TTruong>
        <KDLieu>string</KDLieu>
        <DLieu>Extra2 pd test</DLieu>
      </TTin>
    </TTKhac>
    <TTHHDTTrung>
      <TTin>
        <LHHDTTrung>Loại hàng hóa đặc trưng (nhận các giá trị: 1-
Hàng hóa là xe ô tô, xe mô tô, 2- Dịch vụ vận chuyển, 3- Dịch vụ vận
chuyển trên nền tảng số, TMĐT)</LHHDTTrung>
        <TTruong>Tên trường (Nhận các giá trị: Số khung
(SKhung),Số máy (SMay),Biển kiểm soát phương tiện vận chuyển (BKSPTVChuyen), Tên người gửi hàng
(TNGHang), Địa chỉ người gửi hàng (DCNGHang),MST người gửi hàng (MSTNGHang), Số định danh người gửi
hàng (MDDNGHang))</TTruong>
        <DLieu>Dữ liệu</DLieu>
      </TTin>
    </TTHHDTTrung>
    <TLTThue> Tỷ lệ tính thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</TLTThue>
    <STGThue> Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của Quốc hội)</STGThue>
  </HHDVu>
</DSHHDVu>
<TToan>
  <THTTLTSuat><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
  <LTSuat>
    <TSuat>Thuế suất (Thuế suất thuế GTGT) Nhận các giá trị: -2 (KKKNT),
-1 (KCT), 0, 5, 8, 10, 12.34 (thuế khác: AB.CD), -3 (KHAC)</TSuat>
    <TThue>Tiền thuế (Tiền thuế GTGT)</TThue>
    <ThTien>Thành tiền (Thành tiền chưa có thuế GTGT)</ThTien>
  </LTSuat>
  <THTTLTSuat>
    <TgTCThue>Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế GTGT) (Bắt buộc với
hóa đơn GTGT)</TgTCThue><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->

```

```

        <TgTThue>Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế GTGT) (Bắt buộc với hóa đơn
GTGT)</TgTThue><!--sử dụng hóa đơn GTGT-->
        <TTCKTMai>Tổng tiền chiết khấu thương mại</TTCKTMai>
        <TgTPhiSThuc>Tổng tiền phí </TgTPhiSThuc>
        <STGThue>Số tiền giảm thuế(Chỉ sử dụng cho hóa đơn bán hàng giảm thuế theo NQ của
Quốc hội)</STGThue>
        <TgTTTBSo>Tổng tiền thanh toán bằng số *</TgTTTBSo>
        <TgTTTBChu>Tổng tiền thanh toán bằng chữ *</TgTTTBChu>
        <TTKhac>
            <TTin>
                <TTuong>Extra9</TTuong>
                <KDLieu>string</KDLieu>
                <DLieu>Extra9 test</DLieu>
            </TTin>
            <TTin>
                <TTuong>Extra10</TTuong>
                <KDLieu>string</KDLieu>
                <DLieu>Extra10 test</DLieu>
            </TTin>
            <TTin>
                <TTuong>Extra11</TTuong>
                <KDLieu>DateTime</KDLieu>
                <DLieu>định dạng theo chuẩn thuế:(ví dụ: yyyy-MM-dd)</DLieu>
            </TTin>
        </TTKhac>
    </TToan>
</NDHDon>
</ThayTheHD>

```

5.3. Gửi hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền đến cơ quan thuế (businessService.asmx)

5.3.1. Lấy giá trị hash cho NNT gửi hóa đơn lên CQT sử dụng token(bước 1)

URL:

String **GetHashInvMTTFkeyByToken** (string Account, string ACPass, string lstFkey, string username, string password, string pattern, string serial, string serialCert = null)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp hóa đơn điện tử với các hệ thống sử dụng token, thực hiện truyền dữ liệu hóa đơn và lấy giá trị hash value để ký số bằng token ở client.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **username / password:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **lstFkey:** Chuỗi danh sách key của hóa đơn điện tử phát hành (theo mẫu mô tả kèm theo)

- **Pattern:** Mẫu số hóa đơn
- **Serial:** Ký hiệu mẫu số hóa đơn
- **SerialCert:** Serial của chứng thư số công ty đã đăng ký trong hệ thống (token)

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền ServiceRole	
ERR:3	Dữ liệu đầu vào không đúng quy định	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
ERR: 10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép (500)	
ERR:11	Toàn bộ lô hóa đơn hoặc không tìm thấy hoặc đã gửi thuế	
ERR:20	Thông tin pattern hoặc serial không hợp lệ	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:35	Thiếu thông tin pattern và serial	
ERR:51	Chứng thư số đã bị thu hồi	
Chuỗi base64Hash	- Chuỗi trả về sử dụng để ký số token	

5.3.2. Gửi hóa đơn máy tính tiền theo danh sách fkey sử dụng token (bước 2)

string **SendInvMTTFkeyByToken**(string Account, string ACpass, string xml, string username, string password, string pattern, string serial)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp hóa đơn điện tử với các hệ thống sử dụng token, sau khi thực hiện gọi hàm Lấy giá trị Hash ở bước 1.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/password:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xml:** chuỗi xml dữ liệu ký hash (theo mẫu mô tả kèm theo)___
- **pattern:** mẫu số hóa đơn
- **serial:** ký hiệu mẫu số hóa đơn

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:3	Dữ liệu đầu vào không đúng quy định	
ERR:35	Thiếu thông tin pattern và serial	
ERR:20	Thông tin pattern hoặc serial không hợp lệ	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép (500)	
ERR:11	Toàn bộ lô hóa đơn hoặc không tìm thấy hoặc đã gửi thuế	
ERR:12	Thông điệp gửi thuế quá dung lượng 1MB	
ERR:4	Dữ liệu ký không hợp lệ	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
OK:mtd	Gửi thông điệp thành công, trả về mã thông điệp	

Cấu trúc chuỗi xml đầu vào truyền lên:

```
<SendInv>
  <Base64Hash></Base64Hash> *//chuỗi Hash lấy từ bước 1
  <SignValue></SignValue> *//chuỗi ký
</SendInv>
```

5.3.3. Lấy giá trị hash hóa đơn máy tính tiền theo danh sách fkey sử dụng smartCA (bước 1)

URL

string **GetHashInvMTTFkeyBySmartCA**(string Account, string ACPass, string IstFkey, string username, string password, string pattern, string serial, string serialCert)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp hóa đơn điện tử với các hệ thống sử dụng SmartCA, thực hiện truyền dữ liệu hóa đơn và lấy giá trị hash value để ký số bằng SmartCA ở client.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/password:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **IstFkey:** chuỗi danh sách fkey của hóa đơn điện tử đã phát hành (theo mẫu mô tả kèm theo)___
- **pattern:** mẫu số hóa đơn
- **serial:** ký hiệu mẫu số hóa đơn
- **serialCert:** Serial của chứng thư số SmartCA dùng để ký gửi thuế

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:51	Chứng thư số đã bị thu hồi	
ERR:3	Dữ liệu đầu vào không đúng quy định	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép (500)	
ERR:11	Toàn bộ lô hóa đơn hoặc không tìm thấy hoặc đã gửi thuế	
ERR:35	Thiếu thông tin pattern và serial	
ERR:20	Thông tin pattern hoặc serial không hợp lệ	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
Chuỗi base64Hash	Chuỗi trả về sử dụng để ký số token	

Cấu trúc chuỗi đầu vào IstFkey của thông điệp:

IstFkey: Fkey1_Fkey2_Fkey3_Fkey4_Fkey5

5.3.4. Gửi hóa đơn máy tính tiền theo danh sách fkey sử dụng smartCA (bước 2)

URL

string SendInvMTTFkeyBySmartCA(string Account, string ACpass, string xml, string username, string password, string pattern, string serial)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp hóa đơn điện tử với các hệ thống sử dụng SmartCA, sau khi thực hiện gọi hàm Lấy giá trị Hash ở bước 1.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/password:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xml:** chuỗi xml dữ liệu ký hash (theo mẫu mô tả kèm theo)___
- **pattern:** mẫu số hóa đơn
- **serial:** ký hiệu mẫu số hóa đơn

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:35	Thiếu thông tin pattern và serial	
ERR:20	Thông tin pattern hoặc serial không hợp lệ	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép (500)	
ERR:11	Toàn bộ lô hóa đơn hoặc không tìm thấy hoặc đã gửi thuế	
ERR:12	Thông điệp gửi thuế quá dung lượng 1MB	
ERR:4	Dữ liệu ký không hợp lệ	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
OK:mtd	Gửi thông điệp thành công, trả về mã thông điệp	

Cấu trúc chuỗi xml đầu vào truyền lên:

```

<SendInv>
  <Base64Hash></Base64Hash> *//chuỗi Hash lấy từ bước 1
  <SignValue></SignValue> *//chuỗi ký
</SendInv>

```

5.3.5. Gửi hóa đơn máy tính tiền theo danh sách từ số đến số

URL:

string **SendInvMTTNoRange** (string Account, string ACpass, string username, string password, string pattern, string serial, decimal fromNo, decimal toNo, string serialCert = null)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi danh sách hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền theo từ số đến số đến Cơ quan thuế bằng hsm hoặc p12.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/password:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **pattern:** mẫu số hóa đơn
- **serial:** ký hiệu mẫu số hóa đơn
- **fromNo:** Từ số
- **toNo:** Đến số
- **serialCert:** Serial của chứng thư số dùng để ký gửi thuế

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:51	Chứng thư số đã bị thu hồi	
ERR:3	Dữ liệu đầu vào không đúng quy định	
ERR:8	Từ số/Đến số truyền vào không hợp lệ	
ERR:9	Từ số không được lớn hơn Đến số	

ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép (500)	
ERR:11	Toàn bộ lô hóa đơn hoặc không tìm thấy hoặc đã gửi thuế	
ERR:12	Thông điệp gửi thuế quá dung lượng 1MB	
ERR:4	Dữ liệu ký không hợp lệ	
ERR:35	Thiếu thông tin pattern và serial	
ERR:20	Thông tin pattern hoặc serial không hợp lệ	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
OK:mtd	Gửi thông điệp thành công, trả về mã thông điệp	

5.3.6. Lấy giá trị hash hóa đơn máy tính tiền theo danh sách từ số đến số sử dụng token (bước 1)

URL:

string **GetHashInvMTTNoRangeByToken**(string Account, string ACpass, string username, string password, string pattern, string serial, decimal fromNo, decimal toNo, string serialCert)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp hóa đơn điện tử với các hệ thống sử dụng token, thực hiện truyền dữ liệu danh sách hóa đơn theo từ số đến số và lấy giá trị hash value để ký số bằng token ở client.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/password:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **pattern:** mẫu số hóa đơn
- **serial:** ký hiệu mẫu số hóa đơn
- **fromNo:** Từ số
- **toNo:** Đến số
- **serialCert:** Serial của chứng thư số Token dùng để ký gửi thuế

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	

ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:51	Chứng thư số đã bị thu hồi	
ERR:3	Dữ liệu đầu vào không đúng quy định	
ERR:8	Từ số/Đến số truyền vào không hợp lệ	
ERR:9	Từ số không được lớn hơn Đến số	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép (500)	
ERR:11	Toàn bộ lô hóa đơn hoặc không tìm thấy hoặc đã gửi thuế	
ERR:35	Thiếu thông tin pattern và serial	
ERR:20	Thông tin pattern hoặc serial không hợp lệ	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
Chuỗi base64Hash	Chuỗi trả về sử dụng để ký số token	

5.3.7. Gửi hóa đơn máy tính tiền theo danh sách từ số đến số sử dụng token (bước 2)

URL:

string **SendInvMTTNoRangeByToken**(string Account, string ACpass, string xml, string username, string password, string pattern, string serial)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp danh sách hóa đơn điện tử theo lô từ số đến số với các hệ thống sử dụng token, sau khi thực hiện gọi hàm Lấy giá trị Hash ở bước 1.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/password:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xml:** chuỗi xml dữ liệu ký hash (theo mẫu mô tả kèm theo)___
- **pattern:** mẫu số hóa đơn
- **serial:** ký hiệu mẫu số hóa đơn

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:35	Thiếu thông tin pattern và serial	
ERR:20	Thông tin pattern hoặc serial không hợp lệ	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép (500)	
ERR:11	Toàn bộ lô hóa đơn hoặc không tìm thấy hoặc đã gửi thuế	
ERR:12	Thông điệp gửi thuế quá dung lượng 1MB	
ERR:4	Dữ liệu ký không hợp lệ	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
OK:mtd	Gửi thông điệp thành công, trả về mã thông điệp	

Cấu trúc chuỗi xml đầu vào truyền lên:

```
<SendInv>
  <Base64Hash></Base64Hash> *//chuỗi Hash lấy từ bước 1
  <SignValue></SignValue> *//chuỗi ký
</SendInv>
```

5.3.8. Lấy giá trị hash hóa đơn máy tính tiền theo danh sách từ số đến số sử dụng smartCA (bước 1)

URL:

URL

string **GetHashInvMTTNoRangeBySmartCA**(string Account, string ACPass, string username, string password, string pattern, string serial, decimal fromNo, decimal toNo, string serialCert)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp hóa đơn điện tử với các hệ thống sử dụng SmartCA, thực hiện truyền dữ liệu danh sách hóa đơn theo từ số đến số và lấy giá trị hash value để ký số bằng SmartCA ở client.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/password:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).

- **pattern:** mẫu số hóa đơn
- **serial:** ký hiệu mẫu số hóa đơn
- **fromNo:** Từ số
- **toNo:** Đến số
- **serialCert:** Serial của chứng thư số SmartCA dùng để ký gửi thuế

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:51	Chứng thư số đã bị thu hồi	
ERR:3	Dữ liệu đầu vào không đúng quy định	
ERR:8	Từ số/Đến số truyền vào không hợp lệ	
ERR:9	Từ số không được lớn hơn Đến số	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép (500)	
ERR:11	Toàn bộ lô hóa đơn hoặc không tìm thấy hoặc đã gửi thuế	
ERR:35	Thiếu thông tin pattern và serial	
ERR:20	Thông tin pattern hoặc serial không hợp lệ	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
Chuỗi base64Hash	Chuỗi trả về sử dụng để ký số token	

5.3.9. Gửi hóa đơn máy tính tiền theo danh sách từ số đến số sử dụng smartCA (bước 2)

URL:

string **SendInvMTTNoRangeBySmartCA**(string Account, string ACpass, string xml, string username, string password, string pattern, string serial)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp hóa đơn điện tử với các hệ thống sử dụng SmartCA, sau khi thực hiện gọi hàm Lấy giá trị Hash ở bước 1.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/password:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xml:** chuỗi xml dữ liệu ký hash (theo mẫu mô tả kèm theo)___
- **pattern:** mẫu số hóa đơn
- **serial:** ký hiệu mẫu số hóa đơn

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:35	Thiếu thông tin pattern và serial	
ERR:20	Thông tin pattern hoặc serial không hợp lệ	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép (500)	
ERR:11	Toàn bộ lô hóa đơn hoặc không tìm thấy hoặc đã gửi thuế	
ERR:12	Thông điệp gửi thuế quá dung lượng 1MB	
ERR:4	Dữ liệu ký không hợp lệ	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
OK:mtd	Gửi thông điệp thành công, trả về mã thông điệp	

Cấu trúc chuỗi xml đầu vào truyền lên:

```
<SendInv>
  <Base64Hash></Base64Hash> *//chuỗi Hash lấy từ bước 1
  <SignValue></SignValue> *//chuỗi ký
</SendInv>
```

5.3.10. Gửi hóa đơn máy tính tiền theo danh sách invtoken sử dụng HSM & P12

URL

string **SendInvMTTInvToken**(string Account, string ACpass, string lstInvToken, string username, string password, string serialCert = null)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi danh sách hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền theo InvToken đến Cơ quan thuế bằng hsm hoặc p12.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/password:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **lstInvToken:** chuỗi danh sách Invtoken của hóa đơn điện tử đã phát hành (theo mẫu mô tả kèm theo)___
- **serialCert:** Serial của chứng thư số dùng để ký gửi thuế

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:51	Chứng thư số đã bị thu hồi	
ERR:3	Dữ liệu đầu vào không đúng quy định	
ERR:6	Chuỗi Invtoken không đúng định dạng	
ERR:7	Chuỗi Invtoken phải của cùng 1 loại pattern	
ERR:8	Chuỗi Invtoken phải của cùng 1 loại serial	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép (500)	
ERR:11	Toàn bộ lô hóa đơn hoặc không tìm thấy hoặc đã gửi thuế	
ERR:12	Thông điệp gửi thuế quá dung lượng 1MB	
ERR:4	Dữ liệu ký không hợp lệ	
ERR:35	Thiếu thông tin pattern và serial	

ERR:20	Thông tin pattern hoặc serial không hợp lệ	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
OK:mtd	Gửi thông điệp thành công, trả về mã thông điệp	

Cấu trúc chuỗi đầu vào lstInvToken của thông điệp:

lstInvToken: invtoken1_invtoken2_invtoken3_invtoken4

VD: 1/002;C22MNN;5_1/002;C22MNN;6_1/002;C22MNN;7_1/002;C22MNN;8

5.3.11. Lấy giá trị hash hóa đơn máy tính tiền theo danh sách invtoken sử dụng token(bước 1)

URL

string **GetHashInvMTTFkeyByToken**(string Account, string ACpass, string lstInvToken, string username, string password, string serialCert)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp hóa đơn điện tử với các hệ thống sử dụng token, thực hiện truyền dữ liệu hóa đơn và lấy giá trị hash value để ký số bằng token ở client.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/password:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **lstInvToken:** chuỗi danh sách InvToken của hóa đơn điện tử đã phát hành (theo mẫu mô tả kèm theo)___
- **serialCert:** Serial của chứng thư số Token dùng để ký gửi thuế

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	

ERR:51	Chứng thư số đã bị thu hồi	
ERR:3	Dữ liệu đầu vào không đúng quy định	
ERR:6	Chuỗi Invtoken không đúng định dạng	
ERR:7	Chuỗi Invtoken phải của cùng 1 loại pattern	
ERR:8	Chuỗi Invtoken phải của cùng 1 loại serial	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép (500)	
ERR:11	Toàn bộ lô hóa đơn hoặc không tìm thấy hoặc đã gửi thuế	
ERR:35	Thiếu thông tin pattern và serial	
ERR:20	Thông tin pattern hoặc serial không hợp lệ	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
Chuỗi base64Hash	Chuỗi trả về sử dụng để ký số token	

Cấu trúc chuỗi đầu vào lstInvToken của thông điệp:

lstInvToken: invtoken1_invtoken2_invtoken3_invtoken4

VD: 1/002;C22MNN;5_1/002;C22MNN;6_1/002;C22MNN;7_1/002;C22MNN;8

5.3.12. Gửi hóa đơn máy tính tiền theo danh sách invtoken sử dụng token (bước 2)

URL:

string **SendInvMTTInvTokenByToken**(string Account, string ACPass, string xml, string username, string password, string pattern, string serial)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp hóa đơn điện tử với các hệ thống sử dụng token, sau khi thực hiện gọi hàm Lấy giá trị Hash ở bước 1.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/password:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xml:** chuỗi xml dữ liệu ký hash (theo mẫu mô tả kèm theo)___
- **pattern:** mẫu số hóa đơn
- **serial:** ký hiệu mẫu số hóa đơn

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:3	Dữ liệu đầu vào không đúng quy định	
ERR:35	Thiếu thông tin pattern và serial	
ERR:20	Thông tin pattern hoặc serial không hợp lệ	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép (500)	
ERR:11	Toàn bộ lô hóa đơn hoặc không tìm thấy hoặc đã gửi thuế	
ERR:12	Thông điệp gửi thuế quá dung lượng 1MB	
ERR:4	Dữ liệu ký không hợp lệ	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
OK:mtd	Gửi thông điệp thành công, trả về mã thông điệp	

Cấu trúc chuỗi xml đầu vào truyền lên:

```
<SendInv>
  <Base64Hash></Base64Hash> *//chuỗi Hash lấy từ bước 1
  <SignValue></SignValue> *//chuỗi ký
</SendInv>
```

5.3.13. Lấy giá trị hash hóa đơn máy tính tiền theo danh sách invtoken sử dụng smartCA (bước 1)

URL

string **GetHashInvMTTInvTokenBySmartCA**(string Account, string ACpass, string lstInvToken, string username, string password, string serialCert)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp hóa đơn điện tử với các hệ thống sử dụng SmartCA, thực hiện truyền dữ liệu hóa đơn và lấy giá trị hash value để ký số bằng SmartCA ở client.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.

- **Username/password:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **lstInvToken:** chuỗi danh sách InvToken của hóa đơn điện tử đã phát hành (theo mẫu mô tả kèm theo)___
- **serialCert:** Serial của chứng thư số SmartCA dùng để ký gửi thuế

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:22	Công ty chưa đăng ký chứng thư số	
ERR:28	Chưa có thông tin chứng thư trong hệ thống	
ERR:24	Chứng thư truyền lên không đúng với chứng thư đăng ký trong hệ thống	
ERR:27	Chứng thư chưa đến thời điểm sử dụng	
ERR:26	Chứng thư số hết hạn	
ERR:51	Chứng thư số đã bị thu hồi	
ERR:3	Dữ liệu đầu vào không đúng quy định	
ERR:6	Chuỗi Invtoken không đúng định dạng	
ERR:7	Chuỗi Invtoken phải của cùng 1 loại pattern	
ERR:8	Chuỗi Invtoken phải của cùng 1 loại serial	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép (500)	
ERR:11	Toàn bộ lô hóa đơn hoặc không tìm thấy hoặc đã gửi thuế	
ERR:35	Thiếu thông tin pattern và serial	
ERR:20	Thông tin pattern hoặc serial không hợp lệ	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
Chuỗi base64Hash	Chuỗi trả về sử dụng để ký số token	

Cấu trúc chuỗi đầu vào lstInvToken của thông điệp:

lstInvToken: invtoken1_invtoken2_invtoken3_invtoken4

VD: 1/002;C22MNN;5_1/002;C22MNN;6_1/002;C22MNN;7_1/002;C22MNN;8

5.3.14. Gửi hóa đơn máy tính tiền theo danh sách invtoken sử dụng smartCA (bước 2)

URL:

string SendInvMTTInvTokenBySmartCA(string Account, string ACPass, string xml, string username, string password, string pattern, string serial)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép gửi thông điệp hóa đơn điện tử với các hệ thống sử dụng SmartCA, sau khi thực hiện gọi hàm Lấy giá trị Hash ở bước 1.

HTTP METHOD

POST

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh gửi thông điệp.
- **Username/password:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **xml:** chuỗi xml dữ liệu ký hash (theo mẫu mô tả kèm theo)___
- **pattern:** mẫu số hóa đơn
- **serial:** ký hiệu mẫu số hóa đơn

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:21	Không tìm thấy công ty hoặc tài khoản không tồn tại	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:35	Thiếu thông tin pattern và serial	
ERR:20	Thông tin pattern hoặc serial không hợp lệ	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá số lượng tối đa cho phép (500)	
ERR:11	Toàn bộ lô hóa đơn hoặc không tìm thấy hoặc đã gửi thuế	
ERR:12	Thông điệp gửi thuế quá dung lượng 1MB	
ERR:4	Dữ liệu ký không hợp lệ	
ERR:5	Có lỗi xảy ra	Lỗi không xác định
OK:mtd	Gửi thông điệp thành công, trả về mã thông điệp	

Cấu trúc chuỗi xml đầu vào truyền lên:

```
<SendInv>
  <Base64Hash></Base64Hash> *//chuỗi Hash lấy từ bước 1
  <SignValue></SignValue> *//chuỗi ký
```

</SendInv>

5.4. Lấy kết quả mã cơ quan thuế

5.4.1. Lấy trạng thái và XMLData hóa đơn có mã, trạng thái của hóa đơn không mã gửi CQT trả về từ số - đến số

URL

string **GetMCCQThueFromNoToNo**(string invFromNo, string invToNo, string invPattern, string invSerial, bool isXMLData, string Account, string ACpass, string userName, string userPass)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép lấy trạng thái và nội dung xml hóa đơn có mã CQT trả về theo thông tin hóa đơn truyền vào (từ số - đến số) (* tối đa 100 số hóa đơn)

HTTP METHOD

Get

REQUEST BODY

- **Account/ACPass:** Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass:** Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- **invFromNo:** Từ số
- **invToNo:** Đến số
- **invPattern:** phần hóa đơn
- **invSerial:** serial hóa đơn
- **isXMLData:** 1: có lấy xml data, 0: không lấy xml data

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm mới hóa đơn	
ERR:2	Pattern và serial không được bỏ trống	
ERR:3	Từ số - đến số không hợp lệ	
ERR:7	Không tìm thấy thông tin công ty	
ERR:5	Lỗi không xác định, không lấy được dữ liệu hóa đơn cấp mã theo dữ liệu truyền vào	

DataBase64	Dữ liệu thông tin hóa đơn ở dạng XML đã base64 bao gồm: mẫu số, ký hiệu, số, trạng thái cấp mã, xml hóa đơn <pre> <DSHDon> <HDon> <KHMSHDon>Mẫu số hóa đơn</KHMSHDon> <KHHDDon>Ký hiệu hóa đơn</KHHDDon> <SHDon>Số hóa đơn</SHDon> <MCCQThue>Mã cơ quan thuế cấp (Trường hợp hóa đơn có mã)</MCCQThue> <TThai>0: Chưa gửi cơ quan thuế 1: Đã gửi cơ quan thuế 2: Đã được CQT chấp nhận 3: Đã bị CQT từ chối </TThai> <MTLoi>thông báo lỗi CQT trả về</MTLoi> <Fkey>Fkey hóa đơn</Fkey> </HDon> </DSHDon> </pre>	
------------	--	--

5.4.2. Lấy trạng thái và XMLData hóa đơn có mã, trạng thái của hóa đơn không mã gửi CQT trả về theo danh sách Fkey

URL

string GetMCCQThueByFkeys (string Account, string ACpass, string username, string password, string pattern, string fkeys)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép lấy trạng thái và nội dung xml hóa đơn có mã CQT trả về theo invToken

HTTP METHOD

Get

REQUEST BODY

- Account/ACPass: Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn

- Username/pass: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- Pattern: mẫu số hóa đơn
- fkeys: danh sách chuỗi fkey xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm mới hóa đơn	
ERR:2	Không tìm thấy hóa đơn tương ứng.	
ERR:10	Vượt quá số lượng 100 hóa đơn cần lấy	
ERR:20	Không lấy được thông tin người dùng	
ERR:5	Lỗi không xác định, không lấy được dữ liệu hóa đơn cấp mã theo dữ liệu truyền vào	
DataBase64	Dữ liệu thông tin hóa đơn ở dạng XML đã base64 bao gồm: mẫu số, ký hiệu, số, trạng thái cấp mã, xml hóa đơn <pre> <DSHDon> <HDon> <KHMSHDon>Mẫu số hóa đơn</KHMSHDon> <KHHDDon>Ký hiệu hóa đơn</KHHDDon> <SHDon>Số hóa đơn</SHDon> <MCCQThue>Mã cơ quan thuế cấp (Trường hợp hóa đơn có mã)</MCCQThue> <TThai>0: Chưa gửi cơ quan thuế 1: Đã gửi cơ quan thuế 2: Đã được CQT chấp nhận 3: Đã bị CQT từ chối </TThai> <MTLoi>thông báo lỗi CQT trả về</MTLoi> <Fkey>Fkey hóa đơn</Fkey> </HDon> </DSHDon> </pre>	

5.4.3. Lấy trạng thái hóa đơn có mã, hóa đơn không mã gửi CQT trả về theo danh sách invToken

URL

string GetMCCQThueByInvTokensNoXMLSign(string Account, string ACpass, string username, string password, string invTokens)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép lấy trạng thái và nội dung xml hóa đơn có mã CQT trả về theo invToken

HTTP METHOD

Get

REQUEST BODY

- Account/ACPass: Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- Username/pass: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- invTokens: danh sách chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm mới hóa đơn	
ERR:2	Không tìm thấy hóa đơn tương ứng.	
ERR:10	Vượt quá số lượng 100 hóa đơn cần lấy	
ERR:20	Không lấy được thông tin người dùng	
ERR:5	Lỗi không xác định, không lấy được dữ liệu hóa đơn cấp mã theo dữ liệu truyền vào	

DataBase64	Dữ liệu thông tin hóa đơn ở dạng XML đã base64 bao gồm: mẫu số, ký hiệu, số, trạng thái cấp mã, xml hóa đơn <pre> <DSHDon> <HDon> <KHMSHDon>Mẫu số hóa đơn</KHMSHDon> <KHHDDon>Ký hiệu hóa đơn</KHHDDon> <SHDon>Số hóa đơn</SHDon> <MCCQThue>Mã cơ quan thuế cấp (Trường hợp hóa đơn có mã)</MCCQThue> <TThai>0: Chưa gửi cơ quan thuế 1: Đã gửi cơ quan thuế 2: Đã được CQT chấp nhận 3: Đã bị CQT từ chối </TThai> <MTLoi>thông báo lỗi CQT trả về</MTLoi> <Fkey>Fkey hóa đơn</Fkey> </HDon> </DSHDon> </pre>	
------------	--	--

5.4.4. Lấy trạng thái hóa đơn có mã, hóa đơn không mã gửi CQT trả về theo danh sách Fkey

URL

string GetMCCQThueByFkeysNoXMLSign(string Account, string ACpass, string username, string password, string pattern, string fkeys)

DESCRIPTION

Đây là web service cho phép lấy trạng thái và nội dung xml hóa đơn có mã CQT trả về theo invToken

HTTP METHOD

Get

REQUEST BODY

- Account/ACPass: Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- Username/pass: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi đến webservice (tài khoản có quyền ServiceRole trong hệ thống).
- Pattern: mẫu số hóa đơn
- fkeys: danh sách chuỗi fkey xác định hóa đơn cần lấy

RETURNS

Kết quả	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền thêm mới hóa đơn	
ERR:2	Không tìm thấy hóa đơn tương ứng.	
ERR:10	Vượt quá số lượng 100 hóa đơn cần lấy	
ERR:20	Không lấy được thông tin người dùng	
ERR:5	Lỗi không xác định, không lấy được dữ liệu hóa đơn cấp mã theo dữ liệu truyền vào	

DataBase64	Dữ liệu thông tin hóa đơn ở dạng XML đã base64 bao gồm: mẫu số, ký hiệu, số, trạng thái cấp mã, xml hóa đơn. <pre> <DSHDon> <HDon> <KHMSHDon>Mẫu số hóa đơn</KHMSHDon> <KHHDDon>Ký hiệu hóa đơn</KHHDDon> <SHDon>Số hóa đơn</SHDon> <MCCQThue>Mã cơ quan thuế cấp (Trường hợp hóa đơn có mã)</MCCQThue> <TThai>0: Chưa gửi cơ quan thuế 1: Đã gửi cơ quan thuế 2: Đã được CQT chấp nhận 3: Đã bị CQT từ chối </TThai> <MTLoi>thông báo lỗi CQT trả về</MTLoi> <Fkey>Fkey hóa đơn</Fkey> </HDon> </DSHDon> </pre>	
------------	--	--